

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**VÕ CHÂU THẢO**

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG  
CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC  
Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**  
**NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

**HÀ NỘI - 2026**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**VÕ CHÂU THẢO**

**CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG  
CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC  
Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

**Mã số: 9310202**

**Chủ tịch Hội đồng**

**PGS, TS. Lâm Quốc Tuấn**

**Người hướng dẫn khoa học**

**PGS, TS. Nguyễn Minh Tuấn**

**HÀ NỘI - 2026**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Vũ Châu Thảo', written in a cursive style.

**Vũ Châu Thảo**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	8
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án .....	8
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến đề tài luận án.....	17
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và những vấn đề luận án tập trung giải quyết .....	29
<b>Chương 2: CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN</b> .....	37
2.1. Vùng Đông Nam Bộ , các doanh nghiệp, tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước và xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ .....	37
2.2. Công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ - Quan niệm, nội dung, đặc điểm, vai trò.....	88
<b>Chương 3: CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM</b> .....	101
3.1. Thực trạng công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ .....	101
3.2. Nguyên nhân và những kinh nghiệm .....	125
<b>Chương 4: DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI</b> .....	142
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ trong thời gian tới.....	142
4.2. Những giải pháp chủ yếu tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030 .....	152
<b>KẾT LUẬN</b> .....	173
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b> .....	175
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	176
<b>PHỤ LỤC</b> .....	191

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DN	: Doanh nghiệp
DNNKVNN	: Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân
KTTN	: Kinh tế tư nhân
KTTT	: Kinh tế thị trường
Nxb	: Nhà xuất bản
TCĐ	: Tổ chức đảng
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

*Trang*

Bảng 3.1: Tình hình thành lập TCD trong DN ngoài khu vực Nhà nước vùng Đông Nam Bộ (2015 - 2025).....	109
Biểu đồ 3.1: Tỷ lệ DNNKVNN các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ .....	110
Biểu đồ 3.2: Tỷ lệ lao động trong các DNNKVNN ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ .....	110

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Tổ chức đảng (TCD) trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (DNNKVNN) có vai trò định hướng cho các doanh nghiệp (DN) thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Đồng thời, TCD trong các DNNKVNN còn giữ vai trò hạt nhân chính trị, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, củng cố niềm tin của người lao động, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững. Vì vậy, xây dựng TCD trong các DNNKVNN có vai trò, vị trí hết sức quan trọng, là một nhân tố căn bản góp phần quyết định chất lượng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị, có ý nghĩa to lớn trong công tác xây dựng Đảng ở DN.

Vùng Đông Nam Bộ là trung tâm kinh tế năng động hàng đầu của cả nước, tập trung số lượng lớn các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (DNNKVNN), đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân (DNTN) và DN có vốn đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với lợi ích và trách nhiệm xã hội trên địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hiểu rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của TCD và công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN, những năm qua, các cấp ủy đảng ở vùng Đông Nam Bộ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc phát triển TCD và đảng viên trong các DNNKVNN, từng bước mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả hoạt động của các TCD trong khu vực kinh tế này. Nhiều DN đã thành lập được TCD, góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức chính trị của người lao động và tạo môi trường làm việc ổn định, kỷ cương. Hoạt động của các TCD trong các DNNKVNN từng bước gắn với nhiệm vụ

sản xuất, kinh doanh của DN, góp phần xây dựng văn hóa DN và phát huy trách nhiệm xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, hạn chế. Số lượng TCD và đảng viên trong DN còn chưa tương xứng với quy mô và tốc độ phát triển của DNNKVNN. Ở nhiều nơi, việc thành lập TCD gặp trở ngại do nhận thức của chủ DN chưa đầy đủ hoặc do đặc thù sản xuất kinh doanh. Mô hình TCD, đoàn thể trong DN chưa thống nhất nên có nhiều trường hợp các đoàn thể chưa đặt dưới sự lãnh đạo của TCD trong cùng DN. Nhiều TCD chưa xây dựng quy chế phối hợp giữa cấp ủy, TCD với ban lãnh đạo DN; hoạt động của một số TCD còn mang tính hình thức, nội dung sinh hoạt chưa thật sự gắn với nhiệm vụ của DN và quyền lợi của người lao động. Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên trong khu vực DN ngoài nhà nước còn nhiều khó khăn, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá toàn diện để đề xuất các giải pháp phù hợp.

Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay, khu vực DN ngoài nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm. Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, đã xác định nhiệm vụ: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, phát triển tổ chức cơ sở đảng trong khu vực ngoài nhà nước, nhất là trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập” [22]. Điều đó đặt ra yêu cầu phải tăng cường xây dựng TCD trong các DN nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với khu vực kinh tế tư nhân (KTTN), củng cố nền tảng chính trị - xã hội và phát huy vai trò tiên phong của đảng viên trong lao động, sản xuất.

Vì vậy, việc nghiên cứu **“Công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay”** là vấn đề có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích**

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ; đề xuất những giải pháp tăng cường công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030.

### **2.2. Nhiệm vụ**

- Tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án.

- Khái quát hoá vùng Đông Nam Bộ; đặc điểm của các DNNKVNN, các tổ chức đảng, đoàn thể và đội ngũ đảng viên trong các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ.

- Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn; quan niệm, tiêu chuẩn, tiêu chí về xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

- Khảo sát và đánh giá đúng thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến năm 2025.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng sự lãnh đạo của các Đảng bộ ở vùng Đông Nam Bộ đối với công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay. Bao gồm: công tác lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh, thành phố và cấp xã, phường; công tác xây dựng TCD của cơ quan tham mưu; hoạt động của công đoàn các DNNKVNN; công tác quản lý đảng viên tại nơi cư trú.

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

- *Về không gian*: Luận án khảo sát, nghiên cứu công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ (Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước).

- *Về thời gian*: Luận án khảo sát thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chủ yếu từ năm 2015 đến tháng 6/2025.

Luận án cũng đề cập đến một số nội dung có liên quan đến địa phương mới sau sáp nhập tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ phục vụ cho công tác dự báo và đề xuất phương hướng, giải pháp đến năm 2030.

## **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### ***4.1. Cơ sở lý luận***

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng nói chung, xây dựng TCD nói riêng; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vị trí, vai trò của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

### ***4.2. Cơ sở thực tiễn***

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở thực trạng xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến tháng 6/2025.

### ***4.3. Phương pháp nghiên cứu***

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu ngành và liên ngành, như: phân tích, tổng hợp, lịch sử, lôgic, tổng kết thực tiễn, phỏng vấn chuyên gia, thống kê, nghiên cứu đối chiếu...

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp*: Phương pháp này được tác giả luận án sử dụng ở tất cả các chương, mục để thực hiện mục đích và yêu cầu nhiệm vụ của đề tài. Luận án phân tích, dự báo các yếu tố tác động đến công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đến tháng 6/2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- *Phương pháp quy nạp* được luận án sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra nhận định, phân tích, đánh giá khái quát lại bằng các kết luận của từng chương và kết luận chung của đề tài.

- *Phương pháp thống kê* cũng được tác giả luận án sử dụng để tập hợp, xử lý các tài liệu, số liệu... để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài, nhất là tại Chương 3, đánh giá đúng thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Đây là số liệu quan trọng cho việc thực hiện nghiên cứu đề tài. Phương pháp thống kê được sử dụng thông qua các đại số thống kê như: Mean, Mode, trung vị, phương sai,... để đo lường mức độ tập trung và phân tích của dữ liệu liên quan đến nội dung thống kê.

- *Phương pháp nghiên cứu đối chiếu, so sánh*:

Phương pháp này được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận án để đối chiếu, đánh giá giữa các giai đoạn khác nhau, hay giữa các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ với nhau hoặc với một số vùng khác trên lãnh thổ Việt Nam, để đối chiếu với công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ. Phương pháp này dùng để so sánh đối chiếu giữa công tác kết nạp đảng trong các DNNKVNN của các tỉnh, thành phố trong vùng với nhau và so sánh, đối chiếu với các vùng kinh tế trọng điểm khác.

- *Phương pháp lịch sử - lôgic*: Phương pháp lịch sử được sử dụng trong luận án để làm rõ quá trình hình thành, phát triển lý luận về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN nói chung; nghiên cứu, xem xét sự thay đổi công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN từng năm và ở mỗi tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ nói riêng. Phương pháp lôgic cho phép sắp xếp, trình bày kết quả nghiên cứu theo trật tự hợp lý, từ cơ sở lý luận, thực tiễn đến thực trạng và phương hướng, giải pháp, bảo đảm tính chặt chẽ, mạch lạc của luận án.

- *Phương pháp chứng minh* được sử dụng để chứng minh các luận điểm về lý luận tại Chương 1, các đánh giá, bình luận về thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ và một số nội dung cần khẳng định tại Chương 3 của luận án.

*- Phương pháp tổng kết thực tiễn*

Đây là phương pháp nghiên cứu đặc trưng, góc độ tiếp cận đặc trưng của ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước. Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để hoàn thiện các quyết định lãnh đạo của Đảng là một trong những phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Luận án tổng kết thực tiễn công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chủ yếu qua khai thác các văn bản báo cáo thường niên của các đảng bộ các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ từ năm 2015 đến tháng 6/2025, kể cả báo cáo của Trung ương về hoạt động xây dựng TCD trong các DNNKVNN trong cả nước.

*- Phương pháp phỏng vấn chuyên gia:* Phương pháp này rất quan trọng trong nghiên cứu lý luận ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước vì nhiều nhà lãnh đạo đương chức hay đã nghỉ hưu có rất nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng TCD trong các DNNKVNN. Việc xin ý kiến chuyên gia có thể tiến hành theo các hình thức như phỏng vấn trực tiếp, tổ chức hội thảo...

**5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

- Khái niệm công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

- Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

- Đề xuất hệ thống giải pháp tăng cường công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian tới, trong đó có 02 giải pháp mang tính đột phá: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, TCD và đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ; *thứ hai*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên trực tiếp và nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình về xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng rõ hơn tiêu chuẩn, tiêu chí xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các cấp ủy, TCD trong đảng bộ khối các cơ quan và DN tỉnh, thành phố, các đảng bộ xã, phường trong quá trình xây dựng TCD trong loại hình DNNKVNN.

Ngoài ra, luận án có thể là tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và học tập môn Xây dựng Đảng ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, trường chính trị và các trung tâm chính trị trên địa bàn các tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 04 chương, 09 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

##### 1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước

Pham Thanh Nghi, Nguyen Ngoc Trung, Leona Little Soldier, Tran Viet Hoi and Won Joong Kim (2014), “*Leadership, resource and organisational innovation: findings from state and non-state enterprises*” (*Lãnh đạo, nguồn lực và đổi mới tổ chức: những phát hiện từ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân*) [144], thảo luận về đổi mới tổ chức trong các DN nhà nước, tư nhân, nước ngoài và cổ phần, tập trung vào lãnh đạo và nguồn lực được kỳ vọng là các yếu tố chính đối với đổi mới. Dữ liệu rút ra từ một cuộc khảo sát với hơn 600 người trả lời ở hầu hết các vùng công nghiệp hóa tại Việt Nam được phân tích. Phát hiện cho thấy trình độ học vấn cao hơn của người trả lời trong các DN nhà nước có mối quan hệ tiêu cực với mọi loại đổi mới. Các DN nhà nước hấp thụ một lượng lớn tiền từ ngân sách chính phủ nhưng vẫn cần nhiều nguồn lực tài chính hơn để tạo ra đổi mới. Tuy nhiên, các công ty tư nhân và nước ngoài không cần nhiều vốn tài chính hơn mà họ cần nguồn nhân lực là những nhà lãnh đạo sở hữu các đặc điểm chuyên đổi, động lực và khả năng xây dựng văn hóa tổ chức để tạo ra đổi mới tổ chức. Nghiên cứu hiện tại này đề xuất rằng các nhà chức trách trong các DN này được đề xuất chỉ sử dụng vốn tài chính vào thời điểm thích hợp, nếu không họ nên sử dụng các công cụ khác để thực hiện đổi mới trong tổ chức của mình.

Xiaoyong Dai & Liwei Cheng (2015), “*Public selection and research and development effort of manufacturing enterprises in China: state owned enterprises versus non-state owned enterprises*” (*Tuyển chọn công và nỗ lực*

*ngiên cứu và phát triển của các doanh nghiệp sản xuất tại Trung Quốc: doanh nghiệp nhà nước so với doanh nghiệp tư nhân*) [145] phân tích việc phân bổ trợ cấp công và mức độ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) của các DN tại Trung Quốc, tập trung so sánh giữa DN nhà nước (SOE) và DN ngoài nhà nước. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp khớp điểm xu hướng trên một mẫu lớn các công ty sản xuất của Trung Quốc. Kết quả cho thấy có bằng chứng rõ ràng về sự thiên vị trong phân bổ trợ cấp công, ưu tiên các SOE. Đồng thời, SOE cũng duy trì mức đầu tư R&D cao hơn so với các DN ngoài nhà nước có điều kiện tương đương. Mặc dù kết quả thực nghiệm phù hợp với các nghiên cứu trước đây, chỉ ra rằng các DN đầu tư mạnh vào R&D thường có khả năng nhận trợ cấp cao hơn, phát hiện của chúng tôi từ thực tiễn tại Trung Quốc cho thấy yếu tố quyết định không phải là chiến lược "chọn người chiến thắng" từ các cơ quan công quyền. Thay vào đó, trợ cấp công chủ yếu được phân bổ dựa trên mối liên hệ chính trị chặt chẽ và mức độ bất đối xứng thông tin thấp hơn của các DN thuộc sở hữu nhà nước.

Yunqi Fan Fangzhao Zhou, Yunbi An, Ligang Zhong (2017), *“Independent directors, non-controlling directors, and executive pay-for-performance sensitivity Evidence from Chinese non-state owned enterprises”* (Giám đốc độc lập, giám đốc không nắm quyền kiểm soát và sự nhạy cảm của lương thưởng theo hiệu quả công việc đối với giám đốc điều hành: Bằng chứng từ các doanh nghiệp tư nhân của Trung Quốc) [147]. Bài viết nghiên cứu vai trò của các loại thành viên hội đồng quản trị trong việc gắn kết tiền lương của lãnh đạo với hiệu suất công việc (pay-for-performance sensitivity) tại các DN ngoài quốc doanh (non-SOEs) ở Trung Quốc. Kết quả cho thấy, thành viên không kiểm soát (non-controlling directors), đại diện cho cổ đông không kiểm soát, có tác động tích cực khi giúp cải thiện mối quan hệ giữa tiền lương và hiệu suất. Hiệu quả này đặc biệt rõ rệt khi các cổ đông không kiểm soát sở hữu tỷ lệ cổ phần lớn, cho phép họ giám sát tốt hơn các hoạt động của

DN. Trong khi đó, thành viên độc lập (independent directors) không mang lại hiệu quả tương tự, thậm chí làm suy yếu mối quan hệ này do mối ràng buộc lợi ích với CEO hoặc cổ đông kiểm soát. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng vai trò giám sát của thành viên không kiểm soát được nâng cao trong các công ty không có CEO kiêm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị, qua đó đóng vai trò thay thế trong giám sát khi quyền sở hữu và quyền điều hành được phân tách. Từ đó, nghiên cứu khẳng định tầm quan trọng của thành viên không kiểm soát trong việc cải thiện quản trị DN và tăng cường hiệu suất lãnh đạo tại các DN ngoài nhà nước.

Kexin Zhang (2017), “*Proceedings of the 2017 3rd International Conference on Humanities and Social Science Research*” (Kỷ yếu Hội nghị quốc tế lần thứ 3 về nghiên cứu khoa học nhân văn và xã hội năm 2017) [142]. Bài viết nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát hộ gia đình đô thị CHIP2013 để phân tích khoảng cách tiền lương giữa các DN nhà nước và DN ngoài nhà nước tại Trung Quốc. Phương pháp thống kê mô tả và hồi quy OLS được áp dụng, với các yếu tố như đặc điểm DN (cơ cấu sở hữu, khu vực), đặc điểm cá nhân (trình độ học vấn, thâm niên, giới tính, tình trạng đảng viên, sức khỏe, và hình thức việc làm), và đặc điểm ngành nghề (ngành công nghiệp và mức độ độc quyền) được xem xét. Kết quả cho thấy: *Một là*, tiền lương trong DNNN cao hơn so với DNNNN: DNNN chi trả mức lương trung bình vượt trội hơn so với các DNNNN, đặc biệt ở các ngành độc quyền; *hai là*, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương khác nhau giữa hai loại DN: Đặc điểm cá nhân, DN, và ngành nghề có tác động không đồng nhất đến tiền lương của người lao động ở DNNN và DNNNN; *ba là*, chênh lệch tiền lương giữa ngành độc quyền và ngành cạnh tranh rất lớn: Trong các ngành độc quyền, DNNN trả lương cao hơn đáng kể so với DNNNN hoạt động trong các ngành cạnh tranh. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng cải cách hệ thống tiền lương của DNNN trong tương lai cần tập trung tăng cường quản lý và giám sát, đặc biệt trong các

ngành độc quyền, để đảm bảo sự công bằng và hiệu quả trong sử dụng nguồn lực lao động.

Janaina Macke Ivan Bozhikin, Luana Folchini da Costa (2017), “*The role of government and key non-state actors in social entrepreneurship: A systematic literature review*” (*Vai trò của chính phủ và các chủ thể phi nhà nước quan trọng trong khởi nghiệp xã hội: Tổng quan tài liệu có hệ thống*) [140]. Bài báo phân tích mối quan hệ giữa DN xã hội với chính phủ và các bên ngoài nhà nước, dựa trên tổng quan hệ thống tài liệu từ năm 2001 đến tháng 3/2018. Doanh nghiệp xã hội có thể được xem là một dạng DN ngoài nhà nước, được xem là công cụ quan trọng để giải quyết vấn đề xã hội và hỗ trợ phát triển bền vững. Nghiên cứu nhận diện 06 cấp độ can thiệp của chính phủ cùng 11 cơ chế điều tiết nhằm thúc đẩy hệ sinh thái DN xã hội.

Giles Chance (2022), *Kinh doanh tại Trung Quốc* [72]. Cuốn sách đã trao đổi về thâm nhập thị trường, quản lý hoạt động và tiếp thị trong điều kiện xã hội và văn hoá có những nét độc đáo. Nhiều vấn đề được làm rõ hơn về DN nước ngoài tương tác thường xuyên với chính phủ Trung Quốc; các lĩnh vực có thể phù hợp, chiếm lĩnh thị trường Trung Quốc như các công ty Heniken, Hermes, Holeywell, Diageo... hay các DN tiếp cận thị trường Trung Quốc về lĩnh vực phát triển Internet, kinh nghiệm đàm phán, những thông tin về chính sách thương mại, văn bản luật pháp mới về thương mại, vấn đề tham nhũng; điều được làm, không được làm trong điều kiện pháp luật của Trung Quốc. Ấn phẩm thứ năm của Doing Business in China sẽ tiếp tục là tài liệu quý cho các doanh nhân, những nhà nghiên cứu kinh tế, sinh viên chuyên ngành quản lý kinh doanh, kể cả các nhà quản lý về hoạt động của DN nước ngoài đầu tư vào đất nước Trung Quốc.

Clayton M. Christensen, Mare Benioff (2024), *Thế tiến thoái lưỡng nan của người đổi mới* [139]. Đây có thể coi là một trong những tác phẩm kinh điển rất quý trong quản trị DN. Đó là những nghịch lý lớn mang tính khách quan mà

các nhà DN thường gặp phải, thậm chí cái đã làm nên thành công có khi lại trở thành lực cản mới khi đổi mới. Christensen đưa ra khái niệm “công nghệ đột phá” (disruptive innovation) trong khi bỏ lỡ các cơ hội của cách mạng công nghệ. Nhiều ví dụ mà tác giả đưa ra nhằm gợi ý cho các nhà DN cần có tư duy chiến lược về tính độc lập trong thử nghiệm đổi mới, xác lập mục tiêu khác biệt, chấp nhận rủi ro có tính toán, mối quan hệ giữa đổi mới công nghệ với quản trị chiến lược trong tiến trình thay đổi mang tính cách mạng.

David L. Rogers (2024), *Lộ trình chuyển đổi số doanh nghiệp* [43]. Bằng cách nghiên cứu điển hình trong thế giới thực, minh họa bởi các ví dụ sinh động, điển hình, cuốn sách đã đề cập đến vấn đề thực tiễn đòi hỏi thay đổi về tổ chức của DN trong điều kiện công nghệ phát triển rất nhanh. Rogers chỉ ra cho những nhà lãnh đạo hình thành tư duy vượt lên sự thay đổi, chú trọng tái tạo tổ chức của họ để tồn tại, phát triển trong điều kiện đổi thay nhanh chóng - thời kỳ chuyển đổi số đòi hỏi không chỉ sản xuất kinh doanh mà còn thay đổi tổ chức nhằm đáp ứng với đòi hỏi, yêu cầu mới.

Trần Hy Vương (2025), “*Sự tham gia của các cổ đông ngoài nhà nước có quan trọng đối với khả năng phục hồi của doanh nghiệp nhà nước hay không?*” [135]. Tác giả bài viết đánh giá, nhận định tác động của sự tham gia của các cổ đông ngoài nhà nước đối với khả năng phục hồi các DN nhà nước (SOE) tại Trung Quốc trong đại dịch Covid-19. Tác giả đã cung cấp những thông tin, những hiểu biết quan trọng để đi sâu cải cách SOE, góp phần giảm thiểu rủi ro, vượt qua thách thức và thúc đẩy phát triển DN trong kỷ nguyên phát triển mới của Trung Quốc, phù hợp với tiến trình phát triển của thế giới.

### **1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về công tác xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước**

Lý Nguyên Triều (2014), *Công tác xây dựng Đảng ở doanh nghiệp ngoài quốc doanh* [125], là một tài liệu giá trị tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích công tác xây dựng Đảng trong các DN ngoài quốc doanh tại

Trung Quốc. Đây là tập hợp các bài phát biểu quan trọng của Tập Cận Bình - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhấn mạnh chủ trương đổi mới và đẩy mạnh vai trò của Đảng trong bối cảnh các DN ngoài quốc doanh ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Tài liệu còn bao gồm các báo cáo chuyên đề và nghiên cứu về các mô hình điển hình trong xây dựng Đảng tại các DN tiêu biểu, từ đó cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn và bài học hữu ích. Đặc biệt, nội dung chuyên sâu của tác phẩm không chỉ phản ánh các sáng kiến về đổi mới phương thức hoạt động của Đảng mà còn nhấn mạnh sự cần thiết trong việc nâng cao tính gắn kết giữa TCD và DN, thúc đẩy sự tham gia tích cực của người lao động trong các hoạt động chính trị.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2018), “*Quản trị Đảng nghiêm minh, toàn diện - Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau Đại hội XIII*” [31] đã xác định rõ vai trò hạt nhân của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Tập Cận Bình, bảo vệ hiệu quả quyền uy và sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ở Chương 6, các tác giả của cuốn sách khẳng định vai trò của tổ chức cơ sở Đảng: Quản trị ở cơ sở là điều quan trọng trong quản trị ổn định đất nước; hết sức chú trọng đến công tác xây dựng TCD cơ sở, củng cố định hướng rõ ràng trên toàn quốc là nắm chắc cơ sở, thúc đẩy quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện phát triển xuống cơ sở, thúc đẩy làm tốt công tác đặt nền móng cho cơ sở, thúc đẩy công tác xây dựng Đảng cơ sở tiến bộ toàn diện, vững chắc toàn diện, củng cố nền tảng cầm quyền của Đảng, xây dựng nền tảng tổ chức vững chắc cho kế hoạch thúc đẩy bố cục tổng thể “Ngũ vị nhất thể” và phối hợp thúc đẩy bố cục chiến lược “Bốn toàn diện” và “Nền móng không chắc, đất rung núi chuyển”, xây dựng TCD cơ sở, cố gắng khiến mỗi TCD cơ sở đều trở thành “pháo đài chiến đấu” kiên cường.

Tập Cận Bình (2019), *Về quản lý đất nước Trung Quốc* [91] gồm 79 bài nói, bài viết, trả lời phỏng vấn từ năm 2012 đến 2019 được sắp xếp thành các chuyên đề cùng với nhiều bức ảnh minh họa của Tập Cận Bình. Các tập sách với 18 chuyên đề được trình bày có hệ thống, nhất quán và sâu sắc những tư tưởng mới, những chiến lược mới và phương pháp quản lý khoa học, có tính đột phá trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Tập Cận Bình. Đó là tư tưởng kiên trì lấy nhân dân làm trung tâm, xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa, quản lý đảng nghiêm khắc, toàn diện, sự nêu gương của cán bộ lãnh đạo, trong đó có nhiều bài đề cập đến xây dựng tổ chức cơ sở đảng nói chung và trong DNNKVVN ở Trung Quốc.

Thoong-xạ-lít Măng-no-mệc (2020), *Xây dựng Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong sạch, vững mạnh* [109]. Trong bài viết tác giả nhấn mạnh: Tổ chức cơ sở Đảng - Đảng Nhân dân cách mạng Lào là Đảng cầm quyền, là nòng cốt trong hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân, lãnh đạo nhân dân các dân tộc Lào thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược và bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng có sứ mệnh lịch sử vĩ đại, toàn diện, đầy trọng trách, là yếu tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Lào. Trong bối cảnh mới hôm nay, việc bảo vệ Đảng, bảo vệ sự trong sạch của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân Lào nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Tác giả cho biết, hằng năm, từng đảng viên tự kiểm điểm theo 05 nội dung của Chỉ thị số 01-CT/BCTW, ngày 03/01/2018 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, căn cứ theo 05 nhiệm vụ và 09 điều đảng viên không được làm, được quy định trong Điều lệ Đảng.

Nhạc Vương (2020), “*Ảnh hưởng của sự tham gia của TCD vào quản lý đối ngoại đối với sự đổi mới của DN Trung Quốc*” [134]. Tác giả bài báo nghiên cứu ý nghĩa của sự tham gia của một số tổ chức, nhất là TCD vào quản trị DN, so sánh sự tham gia nội bộ của TCD và sự tham gia bên ngoài, khám

phá cơ chế truyền tải của sự quản lý bên ngoài của TCD đối với đổi mới DN. Với bằng chứng kiểm nghiệm thực nghiệm, luận án kết luận rằng: các hoạt động của TCD, nhất là hoạt động thanh tra của Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật có ý nghĩa quan trọng đối với đổi mới DN nhà nước, góp phần định hướng đúng đắn cho hoạt động của DN.

Youliang Yan và Xixiong Xu (2022), “*Vai trò của chi bộ đảng trong bảo vệ việc làm*” [146]. Tác giả bài báo cho rằng, các DN có tổ chức công đoàn, kết hợp với chi bộ đảng càng thể hiện hiệu quả rõ hơn trong việc bảo vệ lợi ích của người lao động, do có sự hỗ trợ và phối hợp giữa hai thiết chế đại diện quyền lợi chính trị và kinh tế của người lao động. Kết quả nghiên cứu góp phần củng cố luận điểm cho rằng chi bộ đảng trong các DN khu vực ngoài nhà nước không chỉ là điều kiện bảo đảm chính trị mà còn có vai trò thực chất trong điều tiết xã hội, ổn định xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho công nhân, thúc đẩy sự phát triển bền vững của của DN trong điều kiện phát triển KTTT của Trung Quốc.

Kasper Ingeman Beck, Kjeld Erik Brodsgaard (2022), “*Quản trị doanh nghiệp đặc sắc Trung Quốc: tổ chức Đảng trong doanh nghiệp nhà nước*” [141]. Bài viết phân tích vai trò của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong quản trị DN của các DN nhà nước Trung Quốc (SOE), bao gồm nghiên cứu tình huống về một tập đoàn nắm giữ SOE cấp trung ương. Với các tài liệu chính thức, tài liệu thứ cấp và phỏng vấn với các nhà quản lý DN, quan chức chính phủ và học giả, bài viết ghi lại cách Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tích cực chính thức hóa vai trò của mình trong hoạt động kinh doanh của DN bằng cách “nhúng mình” vào cấu trúc quản trị DN của các SOE. Thông qua việc áp dụng các khái niệm quản trị DN hành chính bản địa của Trung Quốc như “gia nhập song phương, bổ nhiệm chéo” và “ba chính, một lớn”, tác giả khẳng định vị thế, vai trò của TCD trong DN. Thực tế đã minh chứng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã củng cố sự thống trị của mình đối với các thủ tục ra quyết

định của DN và bổ nhiệm nhân sự và tạo ra một mô hình quản trị DN hỗn hợp do Đảng lãnh đạo. Mặc dù mô hình hỗn hợp này có thể đảm bảo sự tuân thủ của DN, giao tiếp với các cơ quan nhà nước và Đảng cấp cao hơn, cũng như lập kế hoạch phát triển dài hạn, nhưng nó không có khả năng giúp giải quyết các vấn đề về hiệu quả của SOE và thậm chí có thể làm suy yếu các SOE khác trong tiến trình cải cách.

Xiang Wanbo (2022), “*Việc thành lập tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân ở Trung Quốc*” [136]. Tác giả bài viết chỉ ra rằng, việc thành lập chi bộ đảng không chỉ giúp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các DN mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoạt động ổn định của DN. Hoạt động của chi bộ đảng trong DN còn góp phần tạo ra môi trường chính trị vững mạnh, văn hoá DN văn minh, lành mạnh trong môi trường KTTT. Các DN có điều kiện hơn để tăng cường sự kết nối với chính quyền địa phương với khu vực DNTN, thúc đẩy chính sách phát triển toàn diện của đất nước trong mỗi DN. Sự tham gia của các TCD trong DN cũng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, phản ánh bước đi lâu dài, vững chắc của việc thành lập các TCD trong DN.

Zhang L, Zhang Z, Xiong A (2024), “*The influence of non-state-owned shareholder governance on the governance level of state-owned enterprises - Based on the perspective of board resolution behavior and party organization governance*” (*Ảnh hưởng của quản trị cổ đông tư nhân đến mức độ quản trị doanh nghiệp nhà nước - Dựa trên quan điểm về hành vi nghị quyết của hội đồng quản trị và quản trị tổ chức đảng*) [143], phân tích về ảnh hưởng của quản trị cổ đông ngoài nhà nước đến mức độ quản trị của DN nhà nước dựa trên góc độ hành vi nghị quyết của hội đồng quản trị và quản trị TCD. Trong nội dung bài viết có đưa ra nội dung liên quan đến quản trị các TCD trong DN nhà nước và DN ngoài nhà nước. Cụ thể, bài viết cho rằng: Trong những năm gần đây, quản trị TCD ngày càng được chú ý và nghiên cứu sâu hơn vì vai trò quan

trọng của nó đối với quản lý DN. Quản trị TCD không chỉ thực hiện nhiệm vụ giám sát, mà còn đóng vai trò cân bằng trong các hoạt động quản trị DN.

Vũ Quỳnh Phương (2024), “*Xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Trung Quốc*” [98]. Bài viết phân tích kinh nghiệm thực tiễn của Trung Quốc trong việc thiết lập, củng cố và phát huy vai trò TCD tại các DNTN và có vốn đầu tư nước ngoài, một lĩnh vực vốn được coi là nhạy cảm và khó tiếp cận trong công tác xây dựng Đảng. Tác giả nêu rõ Trung Quốc đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhất quán từ Trung ương đến địa phương, xác định TCD trong DN là hạt nhân lãnh đạo, có vai trò định hướng chính trị, hỗ trợ quản lý và kết nối giữa Đảng - DN - người lao động. Bài viết chỉ ra các biện pháp tiêu biểu như: lồng ghép công tác Đảng vào hoạt động sản xuất - kinh doanh, gắn trách nhiệm của chủ DN với phát triển TCD, sử dụng mô hình “cán bộ lâm thời” và “đảng viên công khai” để duy trì hoạt động trong điều kiện thiếu tổ chức chính thức.

## **1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Phát triển DNNKVNN, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN là vấn đề luôn được Đảng rất quan tâm, được đề cập trong nhiều văn kiện của Đảng các thời kỳ; đồng thời, đã thu hút được khá nhiều nhà khoa học và cán bộ hoạt động thực tiễn nghiên cứu đạt kết quả quan trọng. Nhiều kết quả nghiên cứu đó đã được đăng tải trên các sách, báo, tạp chí, hội thảo:

### **1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước**

Lại Ngọc Hải, Đặng Đức Quy, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Văn Bảy (2010), *Bóc lột - cách nhìn và ứng xử* [132]. Tập thể các tác giả cuốn sách đã phân tích quan điểm Mácxít về bóc lột; lịch sử về cách nhìn và ứng xử với các quan hệ bóc lột ở Việt Nam và những vấn đề mới đặt ra cần giải quyết; qua đó các tác giả dự báo xu hướng vận động và định hướng về cách ứng xử với các

quan hệ bóc lột ở Việt Nam thời gian tới. Cuốn sách là tài liệu tham khảo bổ ích, tuy chủ đề chưa đề cập trực tiếp vào hoạt động của TCD ở các DNTN.

Ninh Thị Minh Tâm (Chủ biên, 2020), *Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN ở Việt Nam hiện nay* [103] là một công trình nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống, gồm 05 chương nội dung chính. Trong công trình này, tập thể tác giả đã tập trung trình bày một cách khái quát và toàn diện về tình hình phát triển của khu vực KTTN, cũng như các DN thuộc khu vực này trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay; lý luận cơ bản và thực trạng, thực tiễn quản lý nhà nước đối với DN thuộc khu vực KTTN. Trên cơ sở đó, công trình nghiên cứu đã đưa ra mục tiêu, phương hướng và những giải pháp tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN ở Việt Nam hiện nay.

Đỗ Phương Thảo (2024), *Sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp* [107] đã tập trung phân tích và đánh giá toàn diện về thực trạng phát triển DN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tác giả đã chỉ ra những ưu điểm nổi bật, bao gồm sự gia tăng về số lượng DN, sự cải thiện đáng kể trong năng lực cạnh tranh, cũng như sự đóng góp quan trọng của các DN vào tăng trưởng kinh tế và quá trình hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, bài viết cũng không né tránh việc nêu bật các hạn chế còn tồn tại, chẳng hạn như quy mô DN phần lớn vẫn nhỏ và vừa, năng suất lao động chưa cao, khả năng ứng dụng công nghệ còn hạn chế và nhiều DN còn phụ thuộc vào thị trường nội địa mà chưa mở rộng được ra quốc tế.

Hoàng Thị Bích Loan, Đinh Trung Sơn (2024), *Định hướng phát triển doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045* [81] đã tập trung phân tích sâu sắc và làm rõ các định hướng phát triển DN Việt Nam trên cơ sở các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, cùng với chính sách và pháp luật của Nhà nước có liên quan. Nội dung bài viết đã khái quát hóa những chiến lược quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng DN trong

bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn đổi mới, với những yêu cầu cấp thiết về tăng trưởng bền vững và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong đó, các tác giả không chỉ phân tích định hướng tổng thể đối với tất cả các loại hình DN, mà còn tập trung làm rõ mục tiêu và chiến lược dành riêng cho khu vực DN ngoài nhà nước.

Lương Văn Khôi (2024), “*Các nhân tố quyết định năng suất lao động của các doanh nghiệp Việt Nam*” [76]. Bài viết đã tập trung phân tích sâu các yếu tố tác động đến năng suất lao động (NSLĐ) của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mômen tổng quát (GMM) và dữ liệu khảo sát DN trong giai đoạn 2011 - 2021 để đưa ra những kết quả đáng chú ý về mối quan hệ giữa các nhân tố kinh tế và NSLĐ. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, nhiều yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến năng suất lao động, trong đó, sự tham gia của các DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Ngô Tuấn Anh (2024), “*Giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân*” [2]. Bài viết đi sâu đánh giá thực trạng khu vực DNTN Việt Nam thời gian qua, từ giai đoạn đại dịch Covid-19 đến nay và đưa ra các kiến nghị giải pháp phát triển khu vực DNTN thời gian tới. *Thứ nhất*, Chính phủ nên tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi bằng cách giảm bớt các rủi ro và chi phí liên quan đến việc khởi nghiệp, cải thiện hạ tầng giao thông và viễn thông, đơn giản hóa các quy trình hành chính và cần tạo điều kiện bình đẳng cho cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. *Thứ hai*, Chính phủ cần thực thi các chính sách hỗ trợ tài chính, bao gồm vay vốn với lãi suất ưu đãi và cung cấp vốn đầu tư cho các DNTN, đặc biệt là các DN ở các lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. *Thứ ba*, hỗ trợ xuất khẩu và mở rộng thị trường: Hỗ trợ các DNTN trong việc xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, cũng như tìm kiếm và mở rộng các thị trường xuất khẩu mới. *Thứ tư*, hỗ trợ các DNTT trong một số ngành trọng điểm của Việt Nam có lợi thế như trong lĩnh vực nông

nghiệp, thủy hải sản hay trong lĩnh vực công nghệ, bán dẫn làm đầu tàu dẫn dắt hệ thống DNTN của Việt Nam. *Thứ năm*, minh bạch hóa thông tin, đẩy mạnh hỗ trợ DN về nguồn lực, cơ chế và thông tin thực hiện các tiêu chuẩn phát triển bền vững.

### **1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về công tác xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước**

#### ***1.2.2.1. Các công trình nghiên cứu về công tác đảng viên***

Trần Nguyễn Tuyên (Chủ biên, 2010), *Đảng viên làm KTTN - thực trạng và giải pháp* [128]. Các tác giả đã tích KTTN là thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế hàng hóa, KTTT. Theo đó, KTTN đã tồn tại dưới nhiều chế độ. Trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa, KTTN là động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các nước đi theo con đường XHCN, KTTN được xem xét dưới nhiều góc độ và được định hướng phát triển. Tuy nhiên, các tác giả cũng đã phân tích sự nhìn nhận của xã hội về KTTN không phải lúc nào cũng thuận lợi, đặc biệt là trong vấn đề đảng viên làm KTTN. Cuốn sách đã phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn của đảng viên làm KTTN; thực trạng đảng viên làm KTTN ở Việt Nam; định hướng và các giải pháp nhằm thúc đẩy đảng viên làm KTTN theo định hướng XHCN. Tuy nhiên, tác phẩm chưa đề cập đến vấn đề TCD trong các DNTN.

Lê Thanh Hà (2014), *Phát triển đảng viên mới trong công nhân các loại hình doanh nghiệp, thực trạng và giải pháp* [73]. Đề tài là một nghiên cứu công phu nhằm giải quyết vấn đề cấp thiết trong công tác phát triển Đảng tại các loại hình DN, đặc biệt là DNNKVNN. Với phương pháp thống kê, điều tra và khảo sát thực tiễn, đề tài đã làm rõ những khó khăn nổi cộm trong công tác kết nạp đảng viên ở các DN, từ đó đưa ra các đánh giá chính xác và sát thực với tình hình thực tế. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn này là do vai trò của TCD và đảng viên trong DN chưa được phát

huy đúng mức. Nhiều công nhân không muốn vào Đảng, không chỉ vì nhận thức hạn chế mà còn do các thủ tục kết nạp, chuyển sinh hoạt Đảng phức tạp, khiến quá trình này trở nên kém hấp dẫn và không phù hợp với đặc thù công việc của họ. Bên cạnh đó, vấn đề thời gian và điều kiện tham gia sinh hoạt Đảng cũng là trở ngại lớn, khi phần lớn công nhân phải tập trung vào công việc, trong khi chủ DN không chỉ thiếu sự ủng hộ mà thậm chí còn ngăn cản việc thành lập các TCD trong DN của mình. Đặc biệt, một số khó khăn khác như việc đóng Đảng phí hay thiếu môi trường thuận lợi để hoạt động cũng được đề cập, cho thấy tính phức tạp của vấn đề này.

Nguyễn Thị Tuyền (2015), *Quản lý đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở đồng bằng sông Hồng hiện nay* [130]. Luận án tập trung nghiên cứu sâu về một khía cạnh quan trọng trong công tác đảng, đó là quản lý đảng viên. Dù bối cảnh nghiên cứu của luận án chỉ giới hạn trong khu vực đồng bằng sông Hồng, nhưng những phát hiện từ nghiên cứu này có thể mở ra những hướng đi mới cho việc so sánh các đặc điểm vùng (miền) khác nhau, từ đó tìm ra những giải pháp phù hợp với đặc thù kinh tế, văn hóa và xã hội của từng địa phương.

Nhạc Phan Linh, Lê Văn Công (2021), *“Phát triển tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng viên trong DN ngoài nhà nước: Thực trạng, thách thức và giải pháp”* [80]. Bài viết phân tích các vấn đề liên quan đến phát triển tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong các DN ngoài nhà nước. Đồng thời, bài viết đề cập đến những thực trạng hiện tại của việc xây dựng TCD trong khu vực này, chỉ rõ mặc dù số lượng tổ chức đảng và đảng viên có tăng, nhưng tỷ lệ còn thấp so với tổng số doanh nghiệp, hoạt động một số nơi còn mang tính hình thức. Bài viết cũng chỉ ra những thách thức mà các TCD phải đối mặt; nhất là nhận thức của một số chủ doanh nghiệp chưa đầy đủ, công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên khó khăn do sự biến động lớn của lao động và e ngại ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp để phát

triển đảng viên trong các DN ngoài nhà nước: Đẩy mạnh tuyên truyền, thuyết phục chủ doanh nghiệp về lợi ích của tổ chức đảng; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng theo hướng thiết thực, gắn với hoạt động doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ đảng làm công tác phát triển đảng viên có năng lực và nhiệt huyết.

Trần Văn Toàn (2021), *“Phát triển TCD, đảng viên trong các DNTN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay”* [104]. Bài viết nhấn mạnh thời gian qua, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã thực hiện đạt kết quả bước đầu nhiệm vụ quan trọng về phát triển TCD và đảng viên trong các DNTN đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, tạo tiền đề để tiếp tục phấn đấu đạt những kết quả tốt hơn trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, để củng cố, phát triển TCD và tăng cường kết nạp đảng viên trong DNTN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đạt kết quả cao, thời gian tới cần tập trung thực hiện nhiều giải pháp quan trọng.

Nguyễn Văn Phong (2022), *“Phát triển đảng viên và xây dựng TCD ở DNNKVNN trên địa bàn thành phố Hà Nội - Kết quả và bài học kinh nghiệm”* [96]. Bài viết khẳng định công tác phát triển đảng viên và xây dựng TCD ở DNNKVNN trong những năm qua là nhiệm vụ rất quan trọng và cần thiết. Với chủ trương đúng đắn và thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính toàn diện, quyết liệt, việc xây dựng TCD và phát triển đảng viên trong các DNNKVNN trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nổi trội.

Phan Thanh Nam (2022), *“Giải pháp phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”* [89]. Tác giả đã nêu được những kết quả bước đầu trong phát triển đảng viên trong các DN trên địa bàn Vĩnh Phúc nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của khu vực tập trung rất đông công nhân. Các giải pháp về phát triển đảng viên trong các DN trên địa bàn Vĩnh Phúc mà tác giả đưa ra có tính hệ thống và khả thi cao nhưng với giải

pháp đột phá là nhận thức và ý thức thực thi chủ trương của Đảng về phát triển đảng viên với phương châm “ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên”.

Phạm Hồng Kiên (2024), “*Công tác phát triển đảng viên và TCD trong các DNNKVNN ở tỉnh Bình Dương (2015 - 2020)*” [75]. Bài viết tập trung làm rõ trong giai đoạn 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đạo công tác phát triển đảng viên, TCD trong các DNNKVNN đạt nhiều kết quả quan trọng. Phân tích chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bình Dương về phát triển đảng viên và TCD trong các DNNKVNN và đưa ra một số kết quả quan trọng như: xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên trách và có chính sách hỗ trợ tài chính trong công tác phát triển đảng viên, tổ chức Đảng trong các DNNKVNN; các cấp ủy đảng có cách làm linh hoạt trong triển khai thực hiện một số khâu của công tác phát triển đảng viên trong các DNNKVNN.... Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kinh nghiệm để Đảng bộ tỉnh Bình Dương tiếp tục lãnh đạo và giành được những thành tựu mới trong thời gian tiếp theo.

#### ***1.2.2.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước***

Tường Phi Yên (2012), *Xây dựng và tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn Hà Nội* [138]. Đề tài đã góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận về xây dựng và tăng cường vai trò lãnh đạo của các TCD trong các DN ngoài nhà nước trên địa bàn Hà Nội. Đề tài đã tổng hợp các thông tin khá toàn diện, đầy đủ về tình hình tổ chức và hoạt động của TCD trong các loại hình thuộc DN ngoài nhà nước thành phố Hà Nội, đồng thời bổ sung kiến thức cho các cơ quan tham mưu của Thành phố, các cán bộ làm công tác tham mưu, xây dựng Đảng tiếp tục nghiên cứu để có các đề xuất khoa học cho Thành ủy. Đề tài đã đánh giá sát thực trạng xây dựng và vai trò lãnh đạo của các TCD trong các DN ngoài nhà nước trên địa bàn Hà Nội; phân tích đề tài đề ra các giải pháp nhằm xây dựng củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo của các TCD trong các DN ngoài

nhà nước trên địa bàn Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đề tài là cơ sở tham mưu trình Ban Thường vụ Thành ủy ban hành các quyết sách nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong các loại hình DNNKVNN trên địa bàn Hà Nội.

Huỳnh Thị Gấm (2013), *Xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn hiện nay (Qua khảo sát ở miền Đông Nam Bộ)* [71]. Cuốn sách đề cập khá toàn diện và sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của tổ chức cơ sở đảng và sự cần thiết xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong DNTN, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Những đề xuất giải pháp và sự phân tích khá sâu sắc, đầy đủ, đồng bộ các giải pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong DNTN, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vùng Đông Nam Bộ hiện nay của tác giả sẽ là những nội dung tham khảo có giá trị để tác giả luận án kế thừa, phân tích sâu hơn nhằm giải quyết nhiều vấn đề mới phát sinh trong tình hình hiện nay.

Nguyễn Văn Giang, Lâm Quốc Tuấn, Phạm Tất Thắng (Đồng chủ biên, 2015), *Tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước hiện nay* [70]. Cuốn sách chuyên khảo đã đi sâu nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về TCD trong DNNKVNN. Cuốn sách đã hệ thống hoá và khái quát những vấn đề chung nhất về chất lượng TCD trong các DNNKVNN hiện nay: Đặc điểm của DNNKVNN, quan niệm, tiêu chí đánh giá chất lượng TCD trong DNNKVNN; phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra về chất lượng TCD trong DNNKVNN. Trên cơ sở đó, đề xuất những phương hướng, giải pháp cụ thể để tiếp tục nâng cao chất lượng TCD trong DNNKVNN hiện nay, trong đó đáng chú ý có các giải pháp như: tiếp tục hoàn thiện mô hình TCD trong các DNNKVNN; kiện toàn tổ chức, nhân sự, nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng ủy DN... Tuy vậy, cuốn sách chưa đề cập sâu về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

Lê Duy Thành (2019), “*Gỡ “nút thắt” phát triển đảng trong các doanh nghiệp tư nhân*” [105]. Bài báo giới thiệu về kết quả công tác phát triển tổ

chức đảng, đảng viên trong DNTN và những vấn đề cần đặt ra nhằm nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng vững mạnh, thực sự trở thành hạt nhân nòng cốt trong DN. Từ kết quả đạt được, trước yêu cầu đặt ra tác giả đề xuất cần phải thể hiện được vai trò hạt nhân đoàn kết, động viên người lao động thi đua sản xuất, kinh doanh hiệu quả, vì sự phát triển của DN. Bởi lẽ, DN có lớn mạnh thì kinh tế đất nước mới phát triển, đời sống người lao động mới được cải thiện, an sinh xã hội có điều kiện được bảo đảm - đó cũng chính là mục tiêu cao cả của Đảng ta.

Lê Cao Thắng, Đỗ Minh Hùng (2020), “*Phát triển Đảng trong doanh nghiệp ngoài nhà nước đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay*” [108]. Bài viết đã thực hiện một phân tích sâu sắc về những yêu cầu cấp bách trong bối cảnh tình hình mới. Tác phẩm tập trung vào việc làm rõ sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế và xã hội, đặc biệt trong bối cảnh Cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ và sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Cùng với đó, các DN ngoài nhà nước đang đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt không chỉ ở thị trường trong nước mà còn ở khu vực và quốc tế, với nhiều biến động phức tạp và khó dự đoán.

Dương Huy Đức (2024), “*Những kết quả nổi bật thực hiện xây dựng tổ chức Đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước ở tỉnh Đồng Nai*” [69]; Nguyễn Thị Kim Thúy (2018), “*Chất lượng tổ chức cơ sở Đảng trong DNNKVNN ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay*” [112]; Trần Hồng Hà, Nguyễn Quang Dương (2016), *Nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đảng viên trong Đảng bộ Khối các Cơ quan Trung ương và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương* [74]... Các bài viết đã chỉ ra cơ sở lý luận về chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong DN khu vực ngoài nhà nước ở các địa phương, thực trạng, những vấn đề đặt ra và giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong DNNKVNN.

Dương Huy Đức (2021), *“Tỉnh Đồng Nai: Điểm sáng thực hiện xây dựng TCD, đoàn thể trong DNNKVNN”* [68]. Bài viết trình bày rõ điều kiện thuận lợi của tỉnh Đồng Nai trong việc xây dựng TCD, đoàn thể trong DNNKVNN. Là một trong những địa phương đi đầu thực hiện CHN, HDH, tỉnh Đồng Nai có DNNKVNN chiếm tỷ lệ lớn so với tổng số DN trên địa bàn. Từ nhiều năm nay, tỉnh Đồng Nai rất chú trọng công tác xây dựng TCD, đoàn thể tại các DN, nhất là DNNKVNN nên các TCD, đoàn thể ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng. Theo đó, tỉnh đã tập trung chỉ đạo, thành lập nhiều TCD, công đoàn, đoàn thanh niên trong DN, góp phần ổn định tình hình an ninh, chính trị và nâng cao đời sống của người lao động. Chính vì vậy, xây dựng TCD trong DNNKVNN có ý nghĩa rất quan trọng giúp nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nguyễn Thành Nhân, Nguyễn Cao Siêng (2022), *“Vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng tổ chức cơ sở đảng vào thực tiễn Việt Nam”* [93]. Bài viết trình bày quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Theo V.I.Lênin, tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị lãnh đạo hoạt động của cơ quan, đơn vị. Sự vững mạnh của các tổ chức cơ sở Đảng là điều kiện bảo đảm cho sự vững mạnh của toàn Đảng. Những quan điểm của V.I.Lênin về công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng là kinh nghiệm quý để Đảng ta vận dụng trong điều kiện Việt Nam, nhất là trong bối cảnh toàn Đảng đang thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tác giả đề xuất nhiều giải pháp như: Tăng cường vai trò giáo dục chính trị tư tưởng trong chi bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng; bảo đảm tính nêu gương của đảng viên; đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt chi bộ để phù hợp với yêu cầu mới.

Nguyễn Xuân Phương (2022), *“Phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội”* [97]. Bài viết nêu rõ thực trạng TCD, đảng viên trong DNNKVNN trên địa

bàn thành phố Hà Nội. Kể từ khi thực hiện “Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 27/02/2012 về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các DNNKVNN trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ nay đến năm 2020”. Bài viết khái quát một số ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện “Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và đề xuất một số giải pháp tăng cường phát triển TCD, đảng viên trong các DNNKVNN trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới”.

Nguyễn Thị Thanh Bình (2022), *“Xây dựng tổ chức Đảng trong các đơn vị KTTN trên địa bàn thành phố Hà Nội: Thực trạng và giải pháp”* [32]. Bài viết tập trung nghiên cứu về thực trạng, đi sâu đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân trong công tác xây dựng TCD, phát triển đảng viên tại các đơn vị KTTN trên địa bàn Hà Nội thời gian qua. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất năm giải pháp cơ bản nhằm xây dựng, củng cố và nâng cao vai trò của các TCD trong các đơn vị KTTN trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình mới.

Trương Đức Nhuận (2022) *“Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, phát triển đảng viên tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước ở tỉnh Bình Dương”* [95], kết quả nghiên cứu của tác giả đã làm rõ thực trạng xây dựng TCD, phát triển đảng viên tại các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Với vị trí nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Bình Dương có sức thu hút vốn đầu tư nước ngoài khá lớn, nên số lượng các DN ngoài nhà nước lớn, bên cạnh việc tạo môi trường tốt nhất cho sự phát triển của các DN nước ngoài, tỉnh Bình Dương cũng đặc biệt quan tâm tới phát triển đảng viên và các TCD trong các DN ngoài nhà nước đã đạt được những kết quả quan trọng.

Hồ Thị Hồng Nhung (2022), *“Bắc Ninh đẩy mạnh xây dựng tổ chức Đảng, phát triển đảng viên trong doanh nghiệp tư nhân”* [94]. Bài viết nêu rõ việc xây dựng TCD, phát triển đảng viên trong các DNTN là một nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khu

vực KTTN theo định hướng XHCN. Nhận thức rõ điều này, tỉnh Bắc Ninh đã và đang tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, đạt nhiều kết quả quan trọng, qua đó tăng cường cả về số lượng và chất lượng TCD trong các DNNKVNN đáp ứng yêu cầu phát triển KTTN của địa phương trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Dương An (2024), *Tìm giải pháp cho công tác xây dựng và phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh Đồng Nai* [1]. Tác giả tổng hợp các tham luận Hội thảo khoa học nhận xét: Đồng Nai có số lượng DN lớn, lực lượng công nhân hùng hậu, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai luôn chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, tổ chức chính trị - xã hội, phát triển đảng viên. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc thành lập TCD và phát triển đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước còn một số khó khăn. Nhiều chủ DN và người lao động trong DN tư nhân, DN có vốn đầu tư nước ngoài nhận thức chưa đầy đủ về việc thành lập các TCD, công đoàn, đoàn thanh niên trong DN. Quân chúng là người lao động trong các DN ngoài khu vực nhà nước chủ yếu làm việc theo ca; ít có thời gian dành cho các hoạt động đảng, hoạt động chính trị - xã hội, chủ yếu là ngoài giờ, từ đó tạo nên tâm lý e ngại với việc vào Đảng. Nhiều giải pháp được đề cập đến, đáng chú ý là: Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và phát triển TCD, đảng viên trong DN ngoài khu vực nhà nước; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới [1].

Nguyễn Cao Cường (2025), *“Giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ trong tình hình mới”* [42]. Tác giả đánh giá thời gian qua, các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ đã rất chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong DN nói chung, DNNKVNN nói riêng. Từ nghiên cứu thực tiễn, tác giả đề xuất những giải pháp cụ thể, khả thi nhằm nâng cao chất

lượng sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ trong tình hình mới: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chi ủy, bí thư chi bộ, cấp ủy cấp trên và đảng viên về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN; *Hai là*, tổ chức sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN theo đúng chế độ quy định, quy trình; *Ba là*, đổi mới nội dung, linh hoạt về hình thức sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN; *Bốn là*, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, chú trọng mở rộng dân chủ, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN; *Năm là*, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng công tác đảng, nhất là kỹ năng tổ chức, điều hành sinh hoạt chi bộ cho chi ủy, bí thư chi bộ trong DNNKVNN; *Sáu là*, tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN của cấp ủy cấp trên [42].

### **1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT**

#### **1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án**

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, nhất là trong những năm đổi mới và của các tác giả trong nước về phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN với sự phát triển mạnh mẽ của KTTN. Theo đó, số lượng các DNNKVNN tăng nhanh về số lượng, kéo theo số lượng công nhân, người lao động tăng lên rõ rệt, chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tập trung. Đặc biệt, với sự đổi mới tư duy, Đảng ta đã quán triệt và thực hiện tốt phương châm “ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên” để thành lập TCD, lãnh đạo DN hoạt động đúng hướng, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh toàn diện. Qua sự trình bày, phân tích, đề tài luận án có thể khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án trên một số vấn đề cơ bản sau:

*Thứ nhất*, các công trình nêu trên, các tác giả có cách tiếp cận khác nhau những vấn đề lý luận về tổ chức cơ sở đảng nói chung và tổ chức cơ sở đảng trong DNNKVNN nói riêng.

Các tác giả đã phân tích làm rõ những quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về đảng cộng sản và việc thành lập các tổ chức cơ sở đảng - nền tảng, tế bào của Đảng. Các công trình nghiên cứu của các tác giả Trung Quốc đã viết rất nhiều về vai trò của tổ chức cơ sở đảng và vai trò của các tổ chức cơ sở đảng trong DNNKVNN - nơi tuyên truyền, góp phần đảm bảo thực hiện đúng đắn, đầy đủ chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần trong giai cấp công nhân và là lực lượng nòng cốt của Đảng trong cơ sở xã hội rộng lớn và ngày càng phát triển mạnh mẽ trong nền KTTT - DNNKVNN. Với sự phân tích minh chứng qua các chặng đường lịch sử xây dựng Đảng, các tác giả bài viết đã nêu và phân tích khá đầy đủ, khoa học về tính tất yếu thành lập các tổ chức cơ sở đảng trong tất cả các loại hình tổ chức, trong đó có DNNKVNN, nhằm bảo đảm sự hiện diện và sứ mệnh lãnh đạo của đảng cộng sản trong tất cả các cơ sở kinh tế - xã hội của đất nước. Các bài viết đều khẳng định tính tất yếu và vai trò của công tác xây dựng TCD, viện dẫn những bài học lịch sử, nhấn mạnh bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện thế giới và trong nước có nhiều thay đổi; khẳng định bản chất, mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng không hề đổi thay. Để xây dựng TCD trong các DNNKVNN, nhiều công trình khoa học đã nêu lên những nội dung và phương thức, thậm chí cả những quy trình, thủ tục trong công tác xây dựng TCD mà tác giả rất trân trọng, nghiên cứu nghiêm túc và kế thừa cho đề tài nghiên cứu của mình.

Khảo cứu các công trình trên đây giúp tác giả luận án kế thừa, vận dụng nghiên cứu làm sáng rõ những vấn đề lý luận của đề tài, nhất là lý luận về TCD, xây dựng và công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

*Thứ hai*, các công trình khoa học đã nêu và phân tích khá toàn diện về thực trạng xây dựng TCD trong các DNNKVNN: từ quan điểm, chủ trương, mục tiêu, phương hướng đến việc thành lập TCD trong DNNKVNN.

Các đánh giá đều cơ bản thống nhất về sự quan tâm lãnh đạo, sự chỉ đạo kịp thời của Đảng với những quan điểm, chủ trương nhất quán, mục tiêu, phương hướng, kế hoạch cụ thể; đã thành lập trên thực tế nhiều TCD trong các DNNKVNN. Tuy nhiên, những kết quả chưa tương xứng với khả năng và chưa đạt được mục tiêu đề ra và chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới và tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nhiều công trình khẳng định và thừa nhận những khó khăn đó bắt nguồn từ nhận thức của các TCD, do chưa được sự ủng hộ của chủ DN, do chính bản thân giai cấp công nhân chưa xác định được lợi ích chính trị trong việc tham gia vào Đảng và sinh hoạt trong tổ chức cơ sở đảng. Mặc dù Đảng rất quan tâm, có nhiều giải pháp để phát triển đảng trong DNNKVNN và những cố gắng của cả hệ thống chính trị nhưng vẫn rất khó khăn, thậm chí nhiều nơi khó khăn kéo dài, chậm khắc phục của các TCD. Ngay cả những nước có hệ thống TCD tương đồng như Trung Quốc, Lào cũng trong tình trạng tương tự. Các tác giả bài viết đã nêu và phân tích khá đầy đủ, khoa học từng nguyên nhân; đồng thời, đưa ra những giải pháp để sớm khắc phục những khuyết điểm đó. Tác giả của luận án này sẽ kế thừa, tiếp thu và sẽ nghiên cứu, chọn lọc những giải pháp khắc phục nhanh và có hiệu quả bền vững tình trạng nêu trên trong các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

Thực hiện phương châm thành lập TCD trong các DNNKVNN phải gắn với củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các TCD, nhiều tổ chức cơ sở đảng đã khẳng định được vị thế của mình. Nhiều công trình khoa học đã phản ánh, minh chứng những ưu điểm trong hoạt động của các TCD trong DNNKVNN; vai trò nêu gương của đảng viên trong TCD đã tạo sự tin tưởng của chủ DN, của công nhân và người lao động; vai trò của TCD đối với DN

và xã hội được nâng lên. Tuy nhiên, không ít TCD yếu kém, hoạt động kém hiệu quả, hình ảnh mờ nhạt, mất uy tín: Duy trì nền nếp sinh hoạt đảng chưa thường xuyên, nội dung sinh hoạt đảng tẻ nhạt, thiếu sức hấp dẫn, không tham gia góp ý cho sự lãnh đạo, quản lý của DN. Đã có nhiều công trình mang tính tổng kết thực tiễn khá sâu sắc, khẳng định sự cần thiết phải phát triển, củng cố và hoàn thiện hệ thống TCD trong các DNNKVNN, đề xuất thực thi các hình thức, phương pháp hoạt động phù hợp. Tác giả của luận án này sẽ kế thừa, tiếp thu và sẽ nghiên cứu, chọn lọc những giải pháp thiết thực, phù hợp với đặc thù của các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

*Thứ ba*, các công trình nghiên cứu đã phản ánh vai trò của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong xây dựng đảng nhưng còn mờ nhạt, hiệu quả tập hợp quần chúng còn thấp.

Các tác giả đều thừa nhận và khẳng định vai trò, sự gắn bó giữa TCD với công đoàn, đoàn thanh niên trong DNNKVNN tạo nên sức sống của cả hệ thống chính trị trong DNNKVNN. Những kết quả hoạt động gắn kết các tổ chức này trong DNNKVNN đã phản ánh và minh chứng tác động ảnh hưởng tích cực của các TCD trong DNNKVNN đối với các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên. Tuy nhiên, vẫn còn đó vấn đề xây dựng TCD chưa gắn kết với hoạt động của công đoàn, chưa quy tụ được thanh niên, kể cả việc phát huy vai trò của các tổ chức này trong công tác xây dựng đảng. Nhiều bài viết phản ánh: Trong công tác đảng viên, việc phát triển đảng viên mới gặp nhiều khó khăn; ngay cả khi giai cấp công nhân khá đông đảo thì cũng có rất ít người trong số họ thiết tha phấn đấu vào Đảng; có không ít đảng viên làm việc trong DNNKVNN không dám thừa nhận mình từng là đảng viên, không chuyển sinh hoạt đảng về DN hoặc vẫn sinh hoạt ở địa phương nơi cư trú...

Các tác giả bài viết đã rất trần trụi tình trạng nêu trên, tập trung phân tích khá đầy đủ, khoa học từng nguyên nhân và cũng đưa ra những giải pháp đề sớm khắc phục những khuyết điểm đó.

Tác giả của luận án này có kế thừa, tiếp thu và sẽ nghiên cứu, chọn lọc những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên - cơ sở xã hội, lực lượng nòng cốt để bổ sung nguồn lực mới cho Đảng.

*Thứ tư*, các công trình nghiên cứu đã đề cập đến kết quả phát triển đảng viên từ chủ DN vào Đảng nhưng còn ít và chưa đồng đều

Kết quả phát triển đảng viên từ chủ DNNKVNN không chỉ phản ánh uy tín của Đảng mà còn tranh thủ vai trò của họ trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, góp phần thực hiện tốt hơn trong mối quan hệ giữa TCD với công nhân trong DNNKVNN. Tuy nhiên, với kết quả chưa cao và chưa đồng đều.

Vấn đề mà nhiều tác giả quan tâm là tìm nguyên nhân của tình trạng nêu trên với những vấn đề được bàn đến nhiều là công tác tuyên truyền chưa thực sự hiệu quả; thủ tục hành chính Đảng còn rườm rà, phức tạp, thậm chí không phù hợp, thiếu tính khả thi đối với chủ DN. Đã có những đề xuất về một số giải pháp đổi mới công tác quản lý đảng viên, cải tiến chế độ sinh hoạt đảng... với lập luận rất khoa học và có sức thuyết phục.

Tác giả của luận án này sẽ tiếp tục nghiên cứu, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những giải pháp thiết thực, phù hợp với đặc thù của các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

### **1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

*Một là*, luận án làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay.

Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay bao gồm các khái niệm công cụ, đặc điểm, vai trò trong đó tập trung làm rõ các vấn đề mới đặt ra, phân tích làm rõ những đặc điểm của công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Tác giả khảo sát và đánh giá đúng thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ từ

năm 2015 đến tháng 6/2025. Đồng thời, qua thực tiễn, kết quả công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ, luận án xác định và phân tích làm rõ nguyên nhân của những ưu, khuyết điểm đó.

*Hai là*, luận án tiếp tục đi sâu phân tích kinh nghiệm trong công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

Từ thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN nói chung, luận án phân tích sâu sắc hơn thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Đó là những bài học nhận thức về vai trò của TCD, nâng cao bản lĩnh chính trị; vận dụng và phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng gắn với tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về xây dựng hệ thống tổ chức đảng - vấn đề “gốc rễ của Đảng” theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, cơ quan lãnh đạo của địa phương, nhất là ban thường vụ cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ, vai trò của các cơ quan tham mưu của Đảng. Bài học kinh nghiệm về xây dựng TCD trong DNNKVNN phải gắn kết chặt chẽ với sự phát triển toàn diện của DN, nhất là nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giữ gìn văn hoá DN để ổn định và phát triển; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; đồng thời, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm và khâu đột phá.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn và có bước đi, lộ trình phù hợp; có thái độ cầu thị, lắng nghe và kiên trì bền bỉ; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đã đạt được. Đối với những việc mới, việc khó, vấn đề phức tạp thì tiến hành thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất để nhân rộng.

*Ba là*, luận án dự báo tình hình công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN trong bối cảnh hiện nay

Việc dự báo tình hình công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN trong bối cảnh hiện nay gắn chặt với dự báo xu hướng phát triển rất nhanh và mạnh mẽ của DNKVNN. Do đó, dự báo đúng tình hình công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN trong bối cảnh hiện nay để chủ động đề ra chủ trương, giải pháp phù hợp, thích ứng linh hoạt trong điều kiện mới.

Các giải pháp chủ yếu tăng cường công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN không chỉ làm sâu sắc hơn những chủ trương, quan điểm, giải pháp mà Đảng đã chỉ đạo qua các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết, kết luận; những giải pháp cụ thể của từng cấp uỷ ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ qua kinh nghiệm thực tiễn của địa phương, mà còn bổ sung các nội dung, giải pháp của chính tác giả để hình thành hệ thống giải pháp toàn diện, khả thi và có những giải pháp mang tính đột phá.

Những đề xuất về phương hướng và các giải pháp chủ yếu tăng cường công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030 phải đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi cao.

## Tiểu kết chương 1

Công cuộc cải cách, đổi mới vì CNXH do Đảng Cộng sản lãnh đạo, các nước XHCN như Trung Quốc, Lào, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt. Với chính sách phát triển KTTT hay KTTT định hướng XHCN, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh ra đời rất nhanh về số lượng và ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động, đóng góp to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Theo đó, giai cấp công nhân mới ra đời với tốc độ nhanh, số lượng lớn và trình độ ngày càng cao, đáp ứng được nhu cầu lao động ngày càng lớn và đa dạng về ngành nghề của các DNNKVNN.

Do sự phát triển nhanh chóng của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, giai cấp công nhân tăng, các TCD và đoàn thể xã hội cũng phát triển. Vì vậy, đã có không ít các nhà khoa học trong và ngoài nước dành tâm huyết, trí tuệ của mình để nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội phát sinh trong DNNKVNN trong điều kiện phát triển nền KTTT, cải cách, mở cửa, đổi mới.

Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đã phản ánh khá rõ nét về tình hình phát triển của DNNKVNN, công tác phát triển đảng viên, các TCD trong DNNKVNN với những kết quả tích cực. Các tác giả có cách tiếp cận khác nhau những vấn đề lý luận về tổ chức cơ sở đảng và tổ chức cơ sở đảng trong DNNKVNN; đề cập và phân tích khá toàn diện về thực trạng xây dựng TCD trong các DNNKVNN, đánh giá khá toàn diện những ưu, khuyết điểm trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng; phản ánh vai trò của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong xây dựng đảng; đề cập đến kết quả phát triển đảng viên từ chủ DN vào Đảng...

Tác giả luận án sẽ tiếp thu, kế thừa những kết quả trên và đi sâu nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ; phân tích kinh nghiệm trong công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ và dự báo tình hình công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN trong bối cảnh hiện nay.

## Chương 2

# CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

### 2.1. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, CÁC DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

#### 2.1.1. Đặc điểm vùng Đông Nam Bộ có tác động đến xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước

Quyết định số 370/QĐ-TTg, ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, chỉ rõ vùng Đông Nam Bộ gồm 01 thành phố và 05 tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước và Tây Ninh. Ngày 12/8/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Thông báo Kết luận số 417/TB-VPCP, hợp nhất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh, lấy tên là Thành phố Hồ Chí Minh; hợp nhất tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước, lấy tên là tỉnh Đồng Nai; hợp nhất tỉnh Tây Ninh với tỉnh Long An, lấy tên là tỉnh Tây Ninh. Theo đó, hiện nay vùng Đông Nam Bộ gồm 03 tỉnh, thành phố là Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Tây Ninh. Đặc điểm vùng Đông Nam Bộ có tác động đến xây dựng TCD trong DNNKVNN có thể khái quát trên một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển năng động nhất cả nước, tập trung nhiều trung tâm kinh tế lớn.

Vùng Đông Nam Bộ có diện tích 28.046,21km<sup>2</sup>, chiếm 8,46% tổng diện tích Việt Nam, dân số 21.747.578 triệu người, chiếm 21,47% tổng dân số

cả nước [102, tr.45]. Trong đó, có hơn 15 triệu người ở khu vực đô thị, tỷ lệ đô thị hóa hơn 67%, cao nhất trong các vùng kinh tế - xã hội và cao hơn nhiều tỷ lệ đô thị hóa bình quân chung của cả nước trong năm 2025 [123]. Đông Nam Bộ là vùng có dân số đông dân thứ 2 (21,75 triệu người), xếp sau Đồng bằng sông Hồng (23,73 triệu người) [122] (Xem Phụ lục 1).

Vùng Đông Nam Bộ có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Theo Quyết định số 943/QĐ-TT, ngày 20/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020”, chỉ rõ: Vùng Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước; là địa bàn có vai trò cầu nối với các khu vực đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Tây Nguyên; đi đầu trong chủ động hội nhập, mở rộng giao thương, hợp tác kinh tế có hiệu quả với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Vùng Đông Nam Bộ có vị thế địa chính trị và an ninh quốc phòng quan trọng hàng đầu ở khu vực phía Nam Việt Nam. Với vị trí đó, vùng Đông Nam Bộ có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước.

*Thứ hai*, DNNKVNN chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế vùng, bao gồm DNTN, công ty cổ phần, DN có vốn đầu tư nước ngoài và các tập đoàn KTTN quy mô lớn.

Với những tiềm năng, lợi thế vượt trội, Vùng Đông Nam Bộ luôn là vùng kinh tế năng động, sáng tạo, đi đầu trong đổi mới và phát triển, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm của cả nước. Năm 2020, quy mô tổng sản phẩm toàn vùng (GRDP) theo giá hiện hành gấp 4,9 lần so với năm 2005 và 2,6 lần so với năm 2010, vượt mục tiêu đề ra; đóng góp 32% tổng sản phẩm quốc nội (GDP),

44,7% tổng thu ngân sách nhà nước. GRDP bình quân đầu người năm 2020 cao nhất cả nước [36]. Cơ cấu kinh tế của vùng chuyển dịch theo hướng hiện đại, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh; tỉ trọng khu vực dịch vụ vượt mục tiêu đề ra; tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao nhất cả nước. Đông Nam Bộ có khu vực KTTN phát triển mạnh, năng động với số lượng DN đứng đầu cả nước; là địa bàn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất, chiếm 41,1% tổng vốn FDI. Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của vùng và cả nước. Tỉ lệ đô thị hoá của vùng đạt 67%, diện mạo đô thị ngày càng hiện đại; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 79,5%, đứng thứ hai trong các vùng của cả nước [36] (Xem Phụ lục 2).

Tính đến hết năm 2022, vùng Đông Nam Bộ đang có 18.547 dự án FDI còn hiệu lực, chiếm hơn 51% tổng số dự án của cả nước, với quy mô vốn đăng ký đạt 177,8 tỉ USD, chiếm 40,3% tổng vốn đăng ký, cao nhất cả nước. Năm 2022, vốn FDI giải ngân của vùng Đông Nam Bộ ước đạt 8,7 tỉ USD, chiếm khoảng 38,6% tổng vốn FDI giải ngân, cao nhất cả nước (Xem Phụ lục 3).

Vùng Đông Nam Bộ đóng góp rất lớn cho tổng thu ngân sách Nhà nước và có chiều hướng tăng dần. Đáng chú ý, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm hơn 55% tổng thu ngân sách của vùng Đông Nam Bộ.

*Thứ ba*, Đông Nam Bộ là vùng tập trung hệ thống khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế lớn nhất cả nước, với mạng lưới các khu sản xuất công nghiệp phát triển theo hướng tập trung và chuyên môn hóa cao.

Vùng Đông Nam Bộ có số DN đăng ký thành lập mới của Vùng luôn chiếm hơn 1/3 trong cả nước, là đầu tàu phát triển kinh tế, đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, tốc độ tăng trưởng luôn đứng ở vị trí cao nhất so với các vùng miền trên cả nước. Đóng góp vào thành tựu tăng trưởng đó là sự cộng hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có vai trò không nhỏ của khu vực DNNKVNN, với những đóng góp to lớn vào tỷ trọng GDP của Vùng, thu hút

khoảng 85% lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện đời sống người lao động.

Như vậy, với đặc điểm vị thế của vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp, dịch vụ, số lượng DNNKVNN tăng nhanh, công nhân và người lao động cũng tăng rất nhanh, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội năng động nhưng cũng tạo sức ép về môi trường, cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, vấn đề xã hội phức tạp khác mà Đảng bộ các tỉnh, thành phố trong vùng phải quan tâm giải quyết. Điều đó cũng đòi hỏi không chỉ sự bao phủ của hệ thống TCD trong các cơ sở xã hội trong đó có DNNKVNN mà còn là yêu cầu về sự trưởng thành, lớn mạnh của đội ngũ đảng viên và xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, người lao động và cả chủ doanh nghiệp có trách nhiệm. Đúng như tầm nhìn và chủ trương phát triển Đảng “theo phương châm ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên [59].

*Thứ tư*, cơ cấu lao động của vùng có quy mô lớn, trẻ và mang tính di cư cao, thu hút lực lượng lao động từ nhiều địa phương trong cả nước đến làm việc trong các DNNKVNN.

Quy mô lao động lớn nhất cả nước: Đông Nam Bộ là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất nhất cả nước. Theo đó số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2023: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 10,2 triệu người năm 2023, chiếm 19,5% cả nước; tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 47,8%, cao hơn mức bình quân cả nước 33,7%; tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 28,7%, cao nhất cả nước (bình quân cả nước 26,4%).

Vùng Đông Nam Bộ có cơ cấu lao động trẻ. Cơ cấu dân số vàng, tỷ lệ lao động trẻ cao do hai nguyên nhân. *Một là*, di cư lao động trẻ: Người trong độ tuổi 15 - 39 chiếm trên 65% tổng số lao động nhập cư vào vùng; họ chủ yếu làm việc trong các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày, điện tử, lắp ráp. *Hai là*, nhu cầu của doanh nghiệp: Các khu công nghiệp ưu tiên tuyển lao

động trẻ, khỏe, dễ đào tạo và thích nghi với cường độ lao động cao, làm ca kíp; tuổi bình quân lao động trong các khu công nghiệp ở Bình Dương, Đồng Nai chỉ khoảng 28 - 32 tuổi, thấp hơn nhiều so với các vùng nông nghiệp.

Cơ cấu lao động mang tính di cư cao, thu hút lao động cả nước là đặc trưng nổi bật nhất của vùng. Đông Nam Bộ có tỷ suất nhập cư thuần dương, liên tục nhiều năm có tỷ suất nhập cư thuần cao nhất nước; riêng giai đoạn 2019 - 2023, tỷ suất nhập cư của Bình Dương là 200,4‰, thành phố Hồ Chí Minh là 89,2‰, trong khi cả nước nhiều tỉnh có tỷ suất xuất cư âm. Mặt khác, nguồn gốc lao động đa dạng: Lao động nhập cư đến từ hầu hết các tỉnh, nhưng nhiều nhất từ Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; các tỉnh như Sóc Trăng, An Giang, Thanh Hóa, Nghệ An có tỷ lệ lao động di cư vào Đông Nam Bộ rất lớn. Đồng thời, mật độ dân số cơ học cao: Các khu nhà trọ công nhân ở Dĩ An, Thuận An (Bình Dương), Biên Hòa (Đồng Nai) có tỷ lệ dân nhập cư chiếm 70 - 80%.

*Thứ năm*, môi trường kinh tế của vùng chịu tác động mạnh của cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế, gắn với hoạt động của nhiều DN có vốn đầu tư nước ngoài và chuỗi sản xuất toàn cầu.

Đông Nam Bộ là “đầu tàu” kinh tế, nơi hội tụ đầy đủ các điều kiện để kinh tế thị trường vận hành ở mức độ cao nhất cả nước. Biểu hiện:

Đông Nam Bộ tập trung cao nhất cả nước về doanh nghiệp FDI: Tính đến cuối năm 2023, số dự án FDI còn hiệu lực khoảng 20.300 dự án, chiếm 55% tỷ trọng cả nước; vốn FDI đăng ký lũy kế khoảng 186 tỷ USD, chiếm 42% tỷ trọng cả nước; kim ngạch xuất khẩu của khối FDI chiếm khoảng 72% tổng kim ngạch xuất khẩu của vùng, cao hơn mức 70,2% của cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu là bốn địa phương luôn nằm trong top 5 thu hút FDI. Doanh nghiệp FDI mang theo luật chơi của thị trường toàn cầu: cạnh tranh, năng suất, tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ; buộc toàn bộ môi trường kinh tế xung quanh phải vận hành theo cơ chế thị trường để liên kết được với họ.

Thị trường các yếu tố sản xuất ở Đông Nam Bộ rất phát triển. Theo đó, thị trường lao động sôi động với tỷ lệ di cư cao; thị trường bất động sản công nghiệp, dịch vụ logistics, tài chính ngân hàng phát triển nhất nước. Giá đất, giá thuê nhà xưởng, lương công nhân đều hình thành từ cung cầu.

Mức độ liên kết vùng theo chuỗi ở Đông Nam Bộ vừa chặt chẽ, vừa có phạm vi rộng lớn. Doanh nghiệp trong nước làm vệ tinh cho FDI, hình thành cụm ngành. Doanh nghiệp FDI ở Bình Dương đặt hàng linh kiện từ doanh nghiệp ở Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh,... qua đó hình thành cơ chế thị trường tự điều tiết.

Mức độ mở cửa và thể chế hội nhập ở vùng Đông Nam Bộ đi đầu cả nước. Các hiệp định EVFTA, CPTPP, RCEP tác động đầu tiên và mạnh nhất ở Đông Nam Bộ vì đây là nơi có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn nhất. Doanh nghiệp phải thay đổi để đáp ứng quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn lao động, môi trường. Thành phố Hồ Chí Minh là nơi thí điểm cơ chế đặc thù, sàn giao dịch việc làm, trung tâm tài chính quốc tế; tất cả đều theo hướng thị trường hóa cao hơn. Cạnh tranh toàn cầu ngay trên sân nhà, DN trong nước tại vùng phải cạnh tranh trực tiếp với FDI về lao động, đơn hàng, công nghệ; không theo kịp cơ chế thị trường sẽ bị đào thải.

Tóm lại, Đông Nam Bộ có hàm lượng FDI và xuất khẩu cao nhất, nên môi trường kinh tế ở đây buộc phải vận hành theo tín hiệu thị trường thế giới. Giá cả, lương, công nghệ, tiêu chuẩn không còn do mệnh lệnh hành chính quyết định mà do cung cầu, cạnh tranh và quy tắc của chuỗi cung ứng toàn cầu chi phối.

## **2.1.2. Các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ - Khái niệm, phân loại, vai trò, thực trạng**

### **2.1.2.1. Khái niệm**

#### *\* Doanh nghiệp*

Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế được thành lập hoặc đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật ở mỗi quốc gia để thực hiện các hoạt động

nhằm mục đích kinh doanh và tạo ra lợi nhuận. Tại Điều 4, Khoản 10, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội, quy định: “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh” [99].

Như vậy, *DN là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên thị trường với mục tiêu tạo ra lợi nhuận và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.*

*\* Doanh nghiệp nhà nước*

Doanh nghiệp nhà nước là loại hình DN có vốn đầu tư của nhà nước. Điều 88, Khoản 1, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 của Quốc hội quy định: DN nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm: a) DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; b) DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Theo đó, có thể hiểu, *DN nhà nước là DN do Nhà nước nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần, phần vốn góp chi phối, được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất, kinh doanh gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích của Nhà nước và định hướng phát triển của nền kinh tế quốc dân.*

*\* Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước*

Trước hết, cần phân định rõ: DNNKVNN thuộc khu vực KTTN, do đó nó không phải là DN nhà nước. Ở Việt Nam, DNNKVNN là những DN được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam, do chủ sở hữu tư nhân trong và ngoài nước thành lập và sở hữu trên 50% vốn đầu tư vào DN đó. Các hình thức tồn tại của DNNKVNN bao gồm: DNTN; DN hợp danh; công ty trách nhiệm hữu hạn;

công ty cổ phần; DN 100% vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, DN liên doanh được thành lập theo Luật đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Như vậy, *DNNKVNN là DN do tổ chức hoặc cá nhân ngoài Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần, phần vốn góp chi phối, được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, nhằm thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trên thị trường, tạo lợi nhuận và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.*

*\* Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ*

Từ cách tiếp cận các khái niệm công cụ trên đây, có thể khái niệm: *DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là các DN thuộc khu vực KTTN trên địa bàn các tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ, hoạt động dưới các loại hình DN, công ty gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và DNTN, trong DN chủ sở hữu tư nhân nắm trên 50% vốn điều lệ; các DN thành lập theo Luật Hợp tác xã theo quy định pháp luật.*

#### ***2.1.2.2. Phân loại các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước***

Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước bao gồm: DNTN, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp doanh và DN thành lập theo Luật Hợp tác xã.

*\* Doanh nghiệp tư nhân*

Theo Điều 188, Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: DNTN là DN do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN; DNTN không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một DNTN; DNTN không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Như vậy, DNTN là một đơn vị kinh doanh do một người bỏ vốn ra và tự làm chủ (chủ DN cũng là chủ sở hữu); chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ trong kinh doanh của DN; đồng thời, họ là người trực tiếp quản lý

DN. Doanh nghiệp không bị ràng buộc của pháp luật quy định về vốn để thành lập DN và về nhân sự, như: số lượng thành viên và mối quan hệ, mức vốn có thể thấp hơn mức vốn pháp luật quy định, nguồn vốn của chủ DNTN là tự do, có thể là tự có, kế thừa, đi vay...

*\* Các công ty*

- Công ty trách nhiệm hữu hạn

Theo Khoản 7, Điều 4, Luật Doanh nghiệp năm 2020: Công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là DN do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (Điều 4, Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là DN có từ 02 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn đã góp vào DN (Điều 46 Luật DN năm 2020).

- Công ty cổ phần

Theo Điều 111, Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì công ty cổ phần là DN có một số đặc điểm sau: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa; Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn đã góp vào DN.

- Công ty hợp danh

Theo Điều 177, Luật Doanh nghiệp năm 2020: Công ty hợp danh là DN, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (thành viên hợp danh); ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn; thành viên

hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Tại Khoản 6, Điều 3, Luật Đầu tư năm 2005 ghi rõ: DN có vốn đầu tư nước ngoài là DN do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam hoặc là DN Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, sáp nhập, mua lại.

- Doanh nghiệp liên doanh

Liên doanh được hiểu là liên kết các DN trong kinh doanh, đây là hình thức hợp tác kinh tế giữa hai hoặc nhiều bên, trong đó các bên cùng góp vốn, cùng tham gia quản lý và cùng chia lợi nhuận. Liên doanh có thể thực hiện đồng thời giữa các DN, giữa các tổ chức, giữa các cá nhân hoặc giữa các DN với tổ chức, cá nhân.

- Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài

Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là hình thức các DN có vốn đầu tư nước ngoài, do các nhà đầu tư nước ngoài thành lập tại Việt Nam, tự quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài có đặc điểm là được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, được thành lập và hoạt động kể từ ngày được cấp giấy phép đầu tư. Vốn pháp định của DN ít nhất phải bằng 30% vốn đầu tư.

*\* Doanh nghiệp thành lập theo Luật Hợp tác xã*

Theo Khoản 7, Điều 4, Luật Hợp tác xã năm 2023: Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình (pháp nhân gọi chung là xã viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức thành lập, để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### ***2.1.2.3. Vai trò của các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước***

*Thứ nhất*, DNNKVNN đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước chiếm tỷ trọng áp đảo và là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế. Theo Tổng cục Thống kê, Sách trắng doanh nghiệp 2023: DNNKVNN đóng góp vào GDP khoảng 51,2% tỷ trọng cả nước, cao nhất trong 3 khu vực; số lượng DN đang hoạt động khoảng 870.000, chiếm tỷ trọng 97% tổng số DN; thu hút lao động khoảng 30,5 triệu người, chiếm tỷ trọng 61% tổng lao động; vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 56,1%, vượt khu vực nhà nước 27,9%. Như vậy, khi chiếm hơn 1/2 GDP và hơn 1/2 vốn đầu tư, khu vực này quyết định tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước rất linh hoạt, năng động, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường. Theo đó, DNNKVNN có khả năng ra quyết định nhanh, không bị ràng buộc bởi quy trình phê duyệt hành chính phức tạp như DN nhà nước; nhanh chóng nắm bắt cơ hội thị trường, thay đổi mặt hàng, công nghệ khi nhu cầu thay đổi. Bên cạnh đó, DNNKVNN biết chấp nhận rủi ro để đổi mới: Sẵn sàng đầu tư vào ngành mới, sản phẩm mới, thị trường ngách; các startup công nghệ, DNTN lớn như Vingroup, Thaco, Hòa Phát đều đi đầu mở ra ngành công nghiệp ô tô, thép, bất động sản quy mô lớn. Đồng thời, DNNKVNN có hiệu quả sử dụng vốn cao: Tỷ suất lợi nhuận/vốn của DNTN thường cao hơn DN nhà nước vì áp lực cạnh tranh và tối ưu chi phí. Sự năng động này giúp cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, không bị trì trệ.

Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước luôn đi đầu trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH. Các DNNKVNN là nòng cốt thu hút và lan tỏa FDI, bởi gần 100% doanh nghiệp FDI là doanh nghiệp ngoài nhà nước; FDI mang theo công nghệ, kỹ năng quản trị, tiêu chuẩn toàn cầu; các DNNKVNN phát triển kéo theo hàng trăm doanh nghiệp vệ tinh trong nước, hình thành chuỗi cung ứng ngành điện tử. Bên cạnh đó, DNNKVNN tập trung đầu tư mạnh vào công nghiệp chế biến, chế tạo - khu vực dẫn đầu về giá trị sản xuất công nghiệp; các tập đoàn tư nhân như Hòa Phát làm chủ công nghệ luyện thép, Thaco lắp ráp ô tô, FPT sản xuất phần mềm... giúp cho tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP tăng từ 22,7% (1990) lên 38,3% (2023). Các DNNKVNN còn tham gia vào thúc đẩy quá trình hiện đại hóa: DNTN đi đầu chuyển đổi số, thương mại điện tử, fintech, logistics thông minh... góp phần thay đổi toàn bộ phương thức phân phối, thanh toán. Đồng thời, DNNKVNN còn có vai trò tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động: Hút lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ; nâng cao chất lượng lao động; phát triển đội ngũ doanh nhân - nhân tố then chốt của hiện đại hóa.

Từ sự phân tích trên có thể khẳng định, nếu DN nhà nước giữ vai trò chủ đạo về hạ tầng, an ninh kinh tế, thì DNNKVNN là lực lượng chủ lực về số lượng, tăng trưởng, đổi mới và tạo việc làm. Không có khu vực này thì quá trình CNH, HĐH sẽ thiếu động lực thị trường và chậm hơn rất nhiều. Vì vậy, Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã khẳng định KTTN là “một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”. Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục xác định KTTN “là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia” [38, tr.3]. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định cần phát triển mạnh khu vực KTTN, tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển; “chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam lớn, mạnh, ngang tầm khu vực và thế giới” [60, tr.96].

*Thứ hai*, DNNKVNN giữ vai trò chủ yếu trong tạo việc làm ổn định, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực xã hội.

Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị xác định KTTN giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng. Theo Báo cáo Lao động việc làm, Tổng cục Thống kê năm 2023 cho thấy: DNNKVNN tạo ra phần lớn việc làm cho xã hội với tổng số lao động đang làm việc khoảng 30,5 triệu người, chiếm tỷ trọng 61% lực lượng lao động cả nước; lao động làm việc trong DN khoảng 14,8 triệu người, chiếm 93% tổng lao động trong DN; việc làm tạo mới hàng năm từ 1,2 - 1,5 triệu việc làm, chiếm khoảng 85% việc làm mới toàn nền kinh tế. Trong khi khu vực nhà nước đang tinh gọn biên chế, hợp tác xã quy mô nhỏ, thì DNTN và FDI là nơi hấp thụ chính lao động rời khỏi nông nghiệp và sinh viên tốt nghiệp mỗi năm.

Trước hết, DNNKVNN góp phần tạo việc làm ổn định hơn cho người lao động so với trước. Ổn định ở đây hiểu theo 2 nghĩa: *Một là*, ổn định về quan hệ lao động: Tỷ lệ lao động có hợp đồng từ 1 năm trở lên trong DN FDI và tư nhân lớn đạt 75 - 80%; người lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn. *Hai là*, ổn định về thu nhập: Mức lương bình quân trong DN FDI năm 2023 là 9,5 triệu đồng/tháng, DNTN là 8,2 triệu đồng/tháng, cao hơn khu vực hộ cá thể. Tuy vẫn còn tình trạng “nhảy việc” ở khu công nghiệp, nhưng xu hướng chung là DN ngày càng giữ chân lao động bằng phúc lợi, đào tạo, lộ trình thăng tiến để ổn định sản xuất.

Đồng thời, DNNKVNN không chỉ “dùng” mà còn “nuôi dưỡng” nguồn nhân lực. Một mặt, nó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, hút khoảng 1 triệu lao động/năm từ nông thôn, nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Lao động học được tác phong công nghiệp, kỷ luật, vận hành máy móc. Đây là cách phát triển nhân lực nhanh nhất về quy mô. Mặt khác, DNNKVNN trực

tiếp đào tạo tại chỗ và nâng tay nghề cho người lao động: 68% DN FDI và 45% DNTN lớn có chương trình đào tạo lại cho công nhân; Samsung, Canon, Toyota mở trung tâm đào tạo nội bộ, cấp chứng chỉ tay nghề; người lao động từ “không biết gì” thành công nhân bậc 3/7, kỹ thuật viên sau 2 - 3 năm.

Bên cạnh đó, DNNKVNN có vai trò quan trọng trong việc hình thành đội ngũ quản lý, kỹ sư. Theo đó, DNTN là nơi rèn luyện ra đội ngũ giám đốc, quản đốc, kỹ sư người Việt; sau thời gian làm cho FDI, nhiều người ra lập DN vệ tinh; đây là con đường phát triển nhân lực chất lượng cao mà nhà trường chưa làm được. Ngoài ra, DNNKVNN còn đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy học tập suốt đời: Chính áp lực cạnh tranh, đổi mới công nghệ buộc người lao động phải tự học kỹ năng mới để giữ việc; DN chi trả chi phí học ngoại ngữ, tin học, an toàn lao động.

Tóm lại, không có khu vực nào khác ngoài DNTN và FDI đủ sức tạo 30 triệu việc làm và biến lao động nông nghiệp thành công nhân công nghiệp. Vì thế, DNNKVNN giữ vai trò chủ yếu trong sử dụng và phát triển nguồn nhân lực xã hội hiện nay.

*Thứ ba*, DNNKVNN có vai trò tích cực trong huy động, phân bổ và khai thác hiệu quả các nguồn lực của xã hội cho phát triển sản xuất, kinh doanh.

Vai trò trên của DNNKVNN thể hiện ở 3 khâu: Huy động nguồn lực xã hội; phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường; khai thác hiệu quả nguồn lực.

Đối với việc huy động nguồn lực xã hội, DNTN và FDI là kênh huy động “vốn nhàn rỗi” trong dân hiệu quả nhất. Nếu vốn nhà nước có hạn, thì chính khu vực này khơi thông dòng vốn từ dân cư, kiều hối, FDI để đưa vào sản xuất thay vì để “chết” trong vàng, đất.

Trong việc phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường, khác với cơ chế “xin - cho”, doanh nghiệp ngoài nhà nước phân bổ nguồn lực dựa trên hiệu quả. Theo đó, vốn sẽ chảy vào ngành có lợi thế như chế biến chế tạo, công nghệ, logistics, bất động sản công nghiệp vì suất sinh lời cao; ngành nào kém

hiệu quả sẽ không thu hút được vốn, tự bị đào thải. Đồng thời, lao động dịch chuyển đến nơi có năng suất cao, chẳng hạn như: lương cao ở Bình Dương, Đồng Nai kéo lao động từ miền Tây, miền Trung lên; lương kỹ sư IT cao kéo sinh viên chọn ngành công nghệ, tức là nguồn lực tự tìm đến nơi tạo ra giá trị lớn nhất. Bên cạnh đó, đất đai được dùng đúng mục đích hơn: DN thuê đất khu công nghiệp lâu năm với giá cao thì buộc phải xây nhà máy, tạo việc làm nhanh. Cơ chế giá cả, lợi nhuận, cạnh tranh chính là “bàn tay vô hình” giúp nguồn lực xã hội không bị lãng phí.

Doanh nghiệp ngoài nhà nước có áp lực sinh tồn nên buộc phải khai thác tối đa: Hiệu suất sử dụng vốn cao; năng suất lao động tăng nhanh; tận dụng cơ hội thị trường; liên kết tạo giá trị gia tăng. Theo đó, hệ số ICOR của khu vực ngoài nhà nước khoảng 4,2, thấp hơn khu vực nhà nước 6,1; tức là bỏ ra 4,2 đồng vốn tạo ra 1 đồng GDP tăng thêm, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, năng suất lao động của DN FDI cao gấp 7 lần, DNTN cao gấp 1,8 lần so với bình quân chung, do áp dụng công nghệ, quản trị, ca kíp, KPI. Đối với việc tận dụng cơ hội thị trường, DNTN rất linh hoạt trong chuyển đổi mặt hàng, do vậy nguồn lực không bị “đóng băng”. Doanh nghiệp FDI kéo DNTN trong nước vào chuỗi cung ứng, vì vậy nguồn lực của nhiều chủ thể được cộng hưởng.

Như vậy, DNNKVNN giữ vai trò là chủ thể trực tiếp huy động tiền, đất, người từ xã hội, đặt chúng vào nơi sinh lời nhất và phát huy hiệu quả. Không có vai trò này thì nguồn lực xã hội vẫn nằm im, không chuyển hóa thành tăng trưởng. Vì vậy, KTTN nói chung, DNNKVNN nói riêng chính là “động lực quan trọng” của nền kinh tế. Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị đã đề ra mục tiêu đến năm 2045 KTTN phát triển nhanh, mạnh, bền vững và đóng góp trên 60% GDP của nền kinh tế.

*Thứ tư*, DNNKVNN giữ vai trò năng động trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế.

Có thể khẳng định, DNNKVNN là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng năng suất, nâng cấp công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo đó, DNNKVNN áp dụng kỹ thuật, công nghệ và giải pháp quản trị sáng tạo, cải tiến sản phẩm, quy trình sản xuất, phương pháp tiếp thị hoặc mô hình tổ chức đổi mới. Đồng thời, DNNKVNN đóng vai trò to lớn trong nâng cao năng lực cạnh tranh, họ tạo ra sản phẩm mới, cải tiến dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tạo ra sự khác biệt, góp phần chiếm lĩnh thị phần nhanh hơn, dễ dàng xây dựng thương hiệu uy tín. Bên cạnh đó, DNNKVNN còn giữ vai trò quan trọng trong việc mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế bằng cách tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tận dụng lợi thế dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng internet ngày càng tăng và tầng lớp trung lưu đang phát triển.

Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định: Trong nền KTTT định hướng XHCN, KTTN là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, CNH, HĐH, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, KTTN giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng [38, tr.2].

#### ***2.1.2.4. Đặc điểm doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay***

*Thứ nhất*, DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ có số lượng lớn, quy mô đa dạng và tốc độ phát triển nhanh.

Vùng Đông Nam Bộ là “đầu tàu kinh tế” của cả nước. Tính đến cuối năm 2025, vùng này có hơn 281.000 DN, chiếm 41,1% tổng số DN cả nước, tăng 32,2% so với năm 2016. Trong đó, DNNKVNN chiếm tới 96,4% tổng số DN cả nước, tăng 35,1% so với năm 2016.

Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ có quy mô đa dạng. Theo số liệu cung cấp của Tổng cục Thống kê năm 2023 cho thấy, DNNKVNN hoạt động trong nhiều lĩnh vực, bao gồm công nghiệp chế biến, chế tạo, kinh doanh bất động sản, bán buôn và bán lẻ. Quy mô nguồn vốn bình quân DN khu vực công nghiệp - xây dựng là 70,6 tỷ đồng/DN; khu vực nông, lâm, nghiệp, thủy sản là 63,2 tỷ đồng/DN; khu vực dịch vụ là 60,2 tỷ đồng/DN.

Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ có tốc độ phát triển nhanh. Vốn của DNNKVNN tăng 17,8%/năm, cao hơn tốc độ tăng của DN nhà nước (6,9%/năm) và DN FDI (16,5%/năm). Lợi nhuận trước thuế của DNNKVNN đạt 295,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 31% tổng lợi nhuận của toàn bộ DN, tăng 6,6% so với năm 2019.

*Thứ hai*, cơ cấu loại hình DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ phong phú, bao gồm DNTN, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và DN có vốn đầu tư nước ngoài.

Cơ cấu loại hình doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ rất đa dạng. *Một là*, DNNT - loại hình DN do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN. Tính đến nay, vùng Đông Nam Bộ có khoảng 281.000 DN, trong đó DNTN chiếm 96,4% tổng số DN cả nước. *Hai là*, công ty trách nhiệm hữu hạn: Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, trong đó thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào DN. *Ba là*, công ty cổ phần - loại hình DN có vốn điều lệ được chia thành cổ phần, số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn đã góp vào DN. *Bốn là*, DN có vốn đầu tư nước ngoài - loại hình DN được thành lập với vốn đầu tư từ nước ngoài, thường là liên doanh giữa DN trong nước và DN nước ngoài.

Vùng Đông Nam Bộ có số DN đăng ký thành lập mới của Vùng luôn chiếm hơn 1/3 trong cả nước, là đầu tàu phát triển kinh tế, đi đầu trong sự

nghiệp CNH, HĐH đất nước, tốc độ tăng trưởng luôn đứng ở vị trí cao nhất so với các vùng miền trên cả nước. Bình quân giai đoạn 2015 - 2025, Vùng Đông Nam Bộ có hơn 55.271 DN đăng ký thành lập mới tăng 64,1% so với bình quân giai đoạn 2011 - 2015 (33.052 DN).

Năm 2023, khu vực DN ngoài nhà nước chiếm 95,8%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 4,1% (trong khi đó DN nhà nước chiếm 0,1%). Số lao động đang làm việc trong các DN tăng, DN ngoài nhà nước thu hút 2.748,7 nghìn lao động chiếm 53,1% và DN FDI thu hút 2.221,7 nghìn lao động chiếm 43,0% trong tổng số lao động DN. Sự đa dạng này giúp tạo ra một môi trường kinh doanh năng động và cạnh tranh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

*Thứ ba*, hoạt động của DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chịu tác động mạnh của cơ chế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hoạt động của DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ có sự cạnh tranh gay gắt. Theo đó, các DN phải cạnh tranh với các DN trong và ngoài nước để tồn tại và phát triển. Thị trường của DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ khá mở rộng. Quá trình CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế giúp DN tiếp cận thị trường mới, tăng cơ hội xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Để cạnh tranh, DN phải đổi mới và sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh và quản lý; phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, môi trường và lao động. Doanh nghiệp có cơ hội hợp tác và liên kết với các DN quốc tế để nâng cao năng lực và mở rộng thị trường.

Vùng Đông Nam Bộ, với vị trí địa lý thuận lợi và chính sách mở cửa, đã trở thành một trong những khu vực thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước, thúc đẩy sự phát triển của DNNKVNN.

*Thứ tư*, DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và các trung tâm kinh tế lớn của vùng.

Hiện nay, một số khu công nghiệp, khu chế xuất nổi bật ở vùng Đông Nam Bộ như: Khu công nghiệp Sài Đồng, khu công nghiệp Tân Tạo và khu chế xuất Linh Trung (Thành phố Hồ Chí Minh); khu công nghiệp Biên Hòa 1, khu công nghiệp Biên Hòa 2 (Đồng Nai); khu công nghiệp VSIP (Bình Dương). Các khu công nghiệp, khu chế xuất này chủ yếu tập trung ở các trung tâm kinh tế lớn, kết nối các cực tăng trưởng tại địa phương và toàn vùng. Sự tập trung này giúp DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tính chất tập trung này của các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ giúp họ tận dụng được tối đa cơ sở hạ tầng, tiếp cận được nhiều thị trường, thu hút được nhiều nguồn lao động và hưởng được nhiều chính sách ưu đãi. Đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, khu chế xuất thường có cơ sở hạ tầng tốt, thuận tiện cho sản xuất và xuất khẩu. Trong việc tiếp cận thị trường, các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương có thị trường tiêu thụ lớn và dễ dàng tiếp cận với các thị trường khác. Trong việc thu hút nguồn lao động, các khu công nghiệp, khu chế xuất thường thu hút nhiều lao động, giúp DN dễ dàng tuyển dụng. Bên cạnh đó, nhờ điều kiện kinh tế - xã hội phát triển bậc nhất đất nước, các DNNKVNN trong vùng cũng được hưởng nhiều chính sách ưu đãi tốt về thuế, đất đai và các hỗ trợ khác.

Sự phân bố của các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chủ yếu trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và các trung tâm kinh tế lớn của vùng là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại có quy mô và trình độ ngang tầm các nước trong khu vực, các trung tâm du lịch và dịch vụ lớn, đầu tư xây dựng hình thành các đô thị vệ tinh của Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa (Đồng Nai), Bình Dương và đầu tư của các hộ kinh doanh vào các dịch vụ mua sắm, lưu trú, ăn uống, vận tải, kinh doanh bất động sản,... (Xem Phụ lục 4).

### **2.1.3. Tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước vùng Đông Nam Bộ - Quan niệm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò và đặc điểm**

#### **2.1.3.1. Quan niệm**

*Tổ chức đảng* là tổ chức do đại hội bầu ra hoặc do cấp ủy có thẩm quyền bầu hay quyết định thành lập theo thẩm quyền. Như vậy, “tổ chức đảng” được xác định gồm chi bộ, đảng bộ, chi ủy, đảng ủy, các ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp từ cơ sở đến Trung ương.

Theo quy định của Điều lệ Đảng khóa XI, hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính nhà nước.

Nghị quyết số 194/2025/QH15, ngày 05/5/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, ghi rõ:

“Điều 111

1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo do Quốc hội quy định.
3. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó” [101].

Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước từ ngày 01/7/2025. Như vậy, chính quyền địa phương 2 cấp: tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp xã (xã, phường, đặc khu) thuộc cấp tỉnh. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

*Tổ chức đảng trong các DNNNN* gồm các loại hình tổ chức của Đảng được thành lập, hoạt động trong các DNNKVVN: đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy bộ phận trong

các công ty cổ phần nhà nước có từ 50% vốn điều lệ trở xuống; DN có vốn đầu tư nước ngoài, 100% vốn đầu tư nước ngoài; công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần tư nhân; công ty hợp danh và DNTN thuộc mọi thành phần kinh tế.

*Tổ chức đảng trong các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ* là tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ, là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động và tuyên truyền, vận động các thành viên trong doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ công ty và các quy chế, quy định của doanh nghiệp, góp phần xây dựng và phát triển doanh nghiệp ổn định, bền vững.

Theo khái niệm trên, TCD trong các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ thuộc phạm vi khảo sát của đề tài luận án không bao gồm các TCD của các DNNKVNN đứng chân trên địa bàn mà không trực thuộc các đảng bộ tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ.

### ***2.1.3.2. Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước vùng Đông Nam Bộ***

Chức năng, nhiệm vụ của TCD trong các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ cũng tương đồng chức năng, nhiệm vụ của TCD trong các DNNKVNN theo quy định của Đảng.

#### ***\* Chức năng:***

- Đối với đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống.

Căn cứ vào Quy định số 47/QĐ-TW, ngày 20/12/2021 của Ban Bí thư ban hành về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống, thì chức năng, nhiệm vụ của TCD trong các DNNKVNN quy định như sau:

Tại Điều 1 của Quy định chỉ rõ: Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động và tuyên truyền, vận động các thành viên trong DN thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ công ty và các quy chế, quy định của DN; tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng DN phát triển bền vững, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của DN, cổ đông và người lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần phát triển nền KTTT, định hướng XHCN và xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh.

- Chức năng của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN có vốn nước ngoài:

Quy định số 171-QĐ/TW, ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN có vốn nước ngoài (áp dụng cho các DN liên doanh và DN 100% vốn nước ngoài), xác định:

“Đảng bộ, chi bộ là hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động nhà đầu tư nước ngoài, các thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do điều lệ doanh nghiệp quy định (gọi chung là người quản lý doanh nghiệp) và người lao động chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động” [7].

- Chức năng của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DNTN:

Quy định số 170-QĐ/TW, ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DNTN (áp dụng cho các DN 100% vốn tư nhân) gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và DNTN):

“Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân là hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; tuyên

truyền, vận động chủ sở hữu, các thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do điều lệ doanh nghiệp quy định (gọi chung là người quản lý doanh nghiệp) và người lao động chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động” [6].

*\* Nhiệm vụ*

Theo các quy định trên, có thể khái quát các tổ chức cơ sở đảng trong DNNKVVNN có một số nhiệm vụ chung như sau:

*Một là*, thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trách nhiệm xã hội.

Đảng uỷ, chi bộ cơ sở thông qua cán bộ, đảng viên để nắm tình hình, chủ động tham gia với hội đồng quản trị, chủ tịch công ty, tổng giám đốc trong việc xây dựng nghị quyết về chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của DN. Lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước, DN; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của DN, cổ đông và người lao động. Lãnh đạo, vận động các thành viên trong DN thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Trao đổi, thống nhất với hội đồng quản trị, chủ tịch công ty, tổng giám đốc trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

*Hai là*, công tác tư tưởng.

Lãnh đạo, tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và người lao động trong DN chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ công ty và các quy chế, quy định của DN; phát huy truyền thống yêu nước và ý thức trách nhiệm của công dân. Lãnh đạo thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và người đại diện phần vốn

nhà nước tại DN. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng trong DN rèn luyện, chấp hành kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong lao động.

*Ba là, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội.*

Lãnh đạo xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội trong DN vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi tổ chức; tăng cường hoạt động giám sát, phản biện trong DN, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân, góp phần xây dựng TCD, DN vững mạnh. Thực hiện tốt các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, hội nghị người lao động, điều lệ công ty và các quy chế, quy định của DN, thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tại DN; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Định kỳ (6 tháng, 1 năm) hoặc khi cần thiết, đảng ủy viên làm việc với các tổ chức chính trị - xã hội để nắm tình hình, chỉ đạo hoạt động và tạo điều kiện cho các tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

*Bốn là, công tác tổ chức, cán bộ*

Lãnh đạo đảng viên, người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; giới thiệu những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đưa vào quy hoạch, tham gia bộ máy lãnh đạo, quản lý của DN. Lãnh đạo, xây dựng cấp uỷ và đội ngũ cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm.

*Năm là, công tác xây dựng TCD.*

Đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của DN. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê

bình trong sinh hoạt đảng. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trái với đạo đức, tư cách của người đảng viên, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng. Thực hiện việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với TCD và nhân dân nơi cư trú, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những đảng viên có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thường xuyên quan tâm đến công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên; chú trọng phát triển đảng viên từ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, đoàn viên, hội viên của các tổ chức chính trị - xã hội. Kiểm tra, giám sát TCD và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, được đảng viên và quần chúng tin nhiệm.

### ***2.1.3.3. Vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước vùng Đông Nam Bộ***

*Một là*, TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hình thành và hoạt động trong môi trường KTTT năng động, gắn với sự phát triển mạnh của KTTN và doanh nghiệp FDI.

Vùng Đông Nam Bộ là nơi có KTTN phát triển mạnh, với nhiều DNTN và công ty cổ phần. Đồng thời, thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, với nhiều DN FDI hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Vùng Đông Nam Bộ có môi trường KTTT năng động, với nhiều cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh doanh. Kinh tế vùng Đông Nam Bộ đa dạng, với nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Trong môi trường này, TCD trong DNNKVNN cần phải thích nghi với cơ chế thị trường; gắn kết với mục tiêu kinh doanh; đảm bảo quyền lợi người lao động; hợp tác với chủ DN.

Sự phát triển của TCD trong DNNKVNN góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, thúc đẩy phát triển kinh doanh và đảm bảo an sinh xã hội.

*Hai là*, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ có tính linh hoạt, thích ứng với đặc thù sản xuất, kinh doanh và mô hình quản trị DN.

Ở vùng Đông Nam Bộ, mô hình DN khá đa dạng; theo đó, DNNKVNN có nhiều mô hình khác nhau, như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, DNTN, đòi hỏi TCD phải linh hoạt trong xây dựng và hoạt động. Mặt khác, ở đây có đặc thù trong sản xuất, kinh doanh, mỗi DN có đặc thù sản xuất, kinh doanh riêng, yêu cầu TCD phải hiểu và thích ứng với điều kiện cụ thể. Cùng với đó, vùng Đông Nam Bộ có mô hình quản trị DN hiện đại, nhiều DN áp dụng mô hình quản trị hiện đại, yêu cầu TCD phải đổi mới cách thức hoạt động, tăng cường phối hợp với quản lý DN. Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển bền vững của DN đòi hỏi TCD phải góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực.

Cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ có tính linh hoạt, thích ứng với đặc thù sản xuất, kinh doanh và mô hình quản trị DN thể hiện qua nhiều phương diện. Bao gồm: Xây dựng mô hình TCD phù hợp với từng loại hình DN; lựa chọn phương thức hoạt động của TCD bảo đảm thích hợp; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng; phối hợp chặt chẽ với quản lý DN trong giải quyết vấn đề lao động, sản xuất kinh doanh. Sự linh hoạt này giúp TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ phát huy tốt vai trò, góp phần vào sự phát triển của DN và ổn định xã hội.

*Ba là*, quan hệ lãnh đạo của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ mang tính mềm dẻo, chủ yếu thông qua tuyên truyền, vận động và phối hợp với chủ DN trong tổ chức hoạt động.

Khẳng định vai trò trên xuất phát từ đặc thù của DNNKVNN, nơi mà quyền tự chủ và tự quyết của chủ DN được tôn trọng.

Tổ chức đảng trong DNNKVNN không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh, mà tập trung vào công tác tuyên truyền, vận động đảng viên và người lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, TCD cũng phối hợp chặt chẽ với chủ DN để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, góp phần tạo sự ổn định và phát triển bền vững cho DN.

Quan hệ lãnh đạo mềm dẻo này đòi hỏi TCD phải có năng lực thích ứng cao, biết cách kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa yêu cầu phát triển kinh doanh và đảm bảo an sinh xã hội. Thông qua đó, tổ chức đảng trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng và đất nước.

Tóm lại, quan hệ lãnh đạo mềm dẻo của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ là một mô hình phù hợp với điều kiện KTTT, góp phần thúc đẩy phát triển kinh doanh và ổn định xã hội.

*Bốn là*, đội ngũ đảng viên trong các TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ có cơ cấu đa dạng về nghề nghiệp, trình độ và vị trí việc làm, phần lớn là người lao động trong DN.

Đội ngũ đảng viên trong các TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ có cơ cấu đa dạng về nghề nghiệp, trình độ và vị trí việc làm. Phần lớn đảng viên là người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm công nhân, kỹ sư, cán bộ quản lý và chuyên viên. Sự đa dạng này phản ánh tính chất đa ngành, đa lĩnh vực của KTTN và DN FDI tại vùng Đông Nam Bộ. Đội ngũ đảng viên này có trình độ học vấn và chuyên môn khác nhau, từ trung cấp đến đại học và sau đại học, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của DN.

Đảng viên trong DNNKVNN không chỉ tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn tích cực tham gia công tác đảng, đóng vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng và xây dựng TCD vững mạnh. Họ là cầu nối quan trọng gắn kết giữa Đảng và người lao động, góp phần đảm

bảo quyền lợi chính đáng của người lao động và thúc đẩy phát triển bền vững của DN. Như vậy, đội ngũ đảng viên đa dạng và năng động trong các TCD tại DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

*Năm là*, hoạt động của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ gắn với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của DN, góp phần xây dựng quan hệ lao động ổn định và phát triển bền vững.

Hoạt động của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ gắn chặt với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của DN. Tổ chức đảng tập trung vào công tác tuyên truyền, vận động đảng viên và người lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông qua hoạt động của mình, TCD góp phần xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa giữa chủ DN và người lao động. Tổ chức đảng cũng tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, gắn bó với DN.

Sự gắn kết giữa hoạt động của TCD và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của DN góp phần thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN trên thị trường. Đồng thời, TCD cũng là cầu nối quan trọng giữa Đảng và người lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và ổn định chính trị. Chính vì vậy, hoạt động của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

#### ***2.1.3.4. Đặc điểm của tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ***

*Một là*, TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hình thành và hoạt động trong môi trường KTTT năng động, gắn với sự phát triển mạnh của KTTN và doanh nghiệp FDI.

Đây là đặc điểm bao trùm, chi phối quá trình hình thành, phương thức hoạt động, phương pháp lãnh đạo của TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

Các TCD được hình thành và phát triển trong môi trường lấy hiệu quả kinh tế - lợi nhuận làm thước đo chủ yếu. Khác với DN nhà nước được thành lập gắn với nhiệm vụ chính trị, TCD trong DNTN và FDI ở Đông Nam Bộ hình thành sau khi DN đã vận hành, với mục tiêu tối thượng là lợi nhuận và mở rộng thị phần. Do đó, sự ra đời và tồn tại của TCD không mang tính “mặc định”, mà phải chứng minh được tính hữu ích đối với sản xuất kinh doanh. Chủ DN chỉ đồng thuận thành lập khi thấy TCD góp phần ổn định lao động, nâng cao kỷ luật, hạn chế rủi ro pháp lý, gia tăng uy tín với đối tác. Đặc điểm này buộc TCD phải từ bỏ tư duy bao cấp, mệnh lệnh, chuyển sang phương thức đồng hành, phục vụ, lấy hiệu quả sản xuất và lợi ích hài hòa làm cơ sở tồn tại.

Hoạt động của TCD trong không gian đa thành phần sở hữu, đa dạng văn hóa quản trị. Vùng Đông Nam Bộ tập trung cao DNTN trong nước với quy mô linh hoạt và DN FDI đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, EU, Hoa Kỳ. Mỗi loại hình có triết lý quản trị, văn hóa DN và quan niệm về chính trị khác nhau. Doanh nghiệp FDI thường tuân thủ nghiêm pháp luật sở tại nhưng nhạy cảm với yếu tố “chính trị hóa” nơi làm việc; DNTN trong nước lại coi trọng quan hệ cá nhân, hiệu quả trực tiếp. Do đó, TCD không thể áp dụng một mô hình chung, mà phải linh hoạt: Với FDI thì sinh hoạt theo chuyên đề, thời gian ngắn, nội dung gắn với trách nhiệm xã hội, tiêu chuẩn ESG; với DNTN thì phát huy vai trò đảng viên là quản lý, chủ DN để nêu gương, vận động.

Tổ chức đảng trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ chịu sự chi phối mạnh của các quy luật KTTT và cạnh tranh quốc tế. Áp lực cạnh tranh buộc DN tổ chức sản xuất 3 ca, 4 kíp liên tục, sử dụng lao động thời vụ, hợp đồng ngắn hạn để tối ưu chi phí. Cơ cấu lao động biến động thường xuyên khiến công tác quản lý đảng viên, tổ chức sinh hoạt chi bộ rất khó khăn. Đồng thời, yêu cầu tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu buộc doanh nghiệp tuân thủ các bộ quy tắc ứng xử như BSCI, SA8000, WRAP. Đặc điểm này vừa là thách thức, vừa là thời cơ: Nếu TCD biết lồng ghép nội dung lãnh đạo với thực hiện các

tiêu chuẩn lao động quốc tế, tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ thì sẽ được chủ DN ủng hộ; ngược lại nếu sinh hoạt hình thức, xa rời sản xuất thì lập tức bị đào thải.

Tổ chức đảng trong các DNNKVNN gắn chặt với đặc điểm lực lượng lao động đa dạng, trẻ, di biến động cao. Đông Nam Bộ là nơi hội tụ lao động từ khắp cả nước, đa số là thanh niên, trình độ học vấn và tay nghề không đồng đều, nhận thức chính trị còn hạn chế, chịu tác động mạnh của mạng xã hội. Họ quan tâm trước hết đến việc làm, thu nhập, nhà ở, ít quan tâm đến chính trị. Đồng thời, tỷ lệ biến động lao động hằng năm tại các khu công nghiệp từ 15-25%. Đặc điểm này đòi hỏi công tác phát triển đảng phải đi từ “dưới lên”, kiên trì bồi dưỡng, giáo dục thông qua hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên; phương thức sinh hoạt chi bộ phải ngắn gọn, thiết thực, ứng dụng công nghệ để phù hợp với lao động trẻ.

Tổ chức đảng trong các DNNKVNN hoạt động trong môi trường hội nhập sâu, chịu tác động trực tiếp của yếu tố nước ngoài. Doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ, kéo theo sự hiện diện của chuyên gia, nhà quản lý nước ngoài và hệ giá trị đa văn hóa. Các tiêu chuẩn quốc tế về lao động, “công đoàn độc lập”, “trách nhiệm giải trình” theo CPTPP, EVFTA tác động hằng ngày đến nhận thức của chủ DN và người lao động. Trong môi trường đó, TCD vừa phải giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, vừa phải mềm dẻo về phương pháp, tránh tạo cơ để các thế lực thù địch xuyên tạc “vi phạm cam kết quốc tế”. Đồng thời, phải chủ động tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, thương lượng tập thể, qua đó khẳng định vai trò thay vì để “khoảng trống” cho các tổ chức khác lấp vào.

*Hai là, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ có tính linh hoạt, thích ứng với đặc thù sản xuất, kinh doanh và mô hình quản trị DN.*

Về cơ cấu tổ chức, TCD trong DNNKVNN ở Đông Nam Bộ không rập khuôn theo mô hình cứng từ khu vực nhà nước mà được thiết kế đa dạng, phù hợp quy mô và loại hình DN. Với DN có từ 03 đảng viên trở lên, thành lập chi bộ độc lập trực thuộc đảng ủy cấp trên cơ sở hoặc đảng ủy khu công nghiệp. Với DN chưa đủ 03 đảng viên, tổ chức dưới hình thức chi bộ ghép theo cụm DN, theo ngành nghề, hoặc cử đảng viên sinh hoạt tại chi bộ địa bàn, chi bộ khu công nghiệp. Với tập đoàn tư nhân lớn, hình thành mô hình đảng bộ bộ phận theo chuỗi nhà máy. Với DN FDI 100% vốn nước ngoài, linh hoạt thành lập chi bộ sinh hoạt theo chuyên đề, không gắn cứng với địa giới hành chính.

Về cơ cấu cấp ủy, chi ủy gọn nhẹ, ưu tiên kiêm nhiệm để giảm ảnh hưởng đến sản xuất. Nhiều nơi thực hiện chủ trương bí thư chi bộ đồng thời là giám đốc nhân sự, chủ tịch công đoàn, trưởng phòng hoặc tổ trưởng sản xuất có uy tín. Cách bố trí này vừa bảo đảm vai trò hạt nhân chính trị, vừa thuận lợi trong phối hợp với chủ DN, hạn chế tăng biên chế, chi phí. Tỷ lệ cấp ủy là người trực tiếp sản xuất, quản lý cấp trung chiếm đa số, khắc phục tình trạng “thuần túy hành chính”.

Về phương thức hoạt động, nổi bật là tính linh hoạt về thời gian, địa điểm, nội dung sinh hoạt để thích ứng với ca kíp và nhịp độ sản xuất. Chi bộ không sinh hoạt cố định vào giờ hành chính mà tổ chức lệch ca, ngoài giờ, hoặc chia nhỏ theo tổ, đội với thời lượng 30 - 45 phút. Địa điểm linh hoạt tại phòng họp, nhà ăn, khu giải lao của DN. Với DN FDI, tài liệu sinh hoạt được biên dịch song ngữ, mời phiên dịch để bảo đảm thông suốt.

Nội dung và hình thức lãnh đạo chuyển từ “quản lý hành chính” sang “đồng hành, phục vụ sản xuất kinh doanh”. Chi bộ tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị thông qua các nghị quyết chuyên đề ngắn gọn: Nâng cao năng suất, thực hành tiết kiệm, xây dựng văn hóa an toàn, phòng chống cháy nổ, cải tiến kỹ thuật. Giám họp hành chính, tăng đối thoại, tọa đàm tháo

gỡ vướng mắc. Lòng ghép nội dung sinh hoạt đảng với tuyên truyền pháp luật lao động, phổ biến bộ quy tắc ứng xử của khách hàng quốc tế, qua đó đảng viên thấy thiết thực, chủ doanh nghiệp ủng hộ.

Phương thức tập hợp đảng viên và vận động quần chúng thích ứng với cơ cấu lao động biến động. Chi bộ ứng dụng nhóm Zalo, trang nội bộ để thông tin hai chiều, sinh hoạt trực tuyến khi cần thiết. Công tác phát triển đảng chú trọng công nhân lành nghề, kỹ sư, quản lý cấp trung đang làm việc ổn định. Với lao động thời vụ, chi bộ phối hợp công đoàn bồi dưỡng dài hạn, theo dõi khi họ chuyển sang hợp đồng chính thức mới xem xét kết nạp, bảo đảm chất lượng.

Cơ chế phối hợp với chủ DN mang tính thỏa thuận, mềm dẻo trên nguyên tắc không can thiệp vào quản trị. Cấp ủy, chi bộ định kỳ làm việc với ban giám đốc để thống nhất chương trình công tác năm, quý; thông qua quy chế phối hợp về thời gian sinh hoạt, cung cấp thông tin, giải quyết quan hệ lao động. Mọi hoạt động của TCD đều đặt trong khuôn khổ pháp luật, tôn trọng quyền quản lý của DN, lấy hiệu quả sản xuất và hài hòa lợi ích làm tiêu chí đánh giá.

Tính linh hoạt, thích ứng đó là yêu cầu khách quan từ môi trường kinh tế thị trường năng động của vùng Đông Nam Bộ. Nếu duy trì mô hình cứng nhắc, phương thức hành chính hóa thì TCD không thể tồn tại; ngược lại, khi biết vận dụng sáng tạo nguyên tắc của Đảng phù hợp đặc thù DN thì TCD vừa giữ vững vai trò lãnh đạo, vừa trở thành nhân tố góp phần vào sự phát triển bền vững của DN.

*Ba là*, quan hệ lãnh đạo của TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ mang tính mềm dẻo, chủ yếu thông qua tuyên truyền, vận động và phối hợp với chủ DN trong tổ chức hoạt động.

Đây là đặc điểm nổi bật, xuất phát từ địa vị pháp lý của chủ DN và tính chất của khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Khác với DN nhà nước nơi Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện thông qua TCD và người đại diện phần vốn nhà

nước, trong DNTN và FDI ở Đông Nam Bộ, TCD không có quyền sở hữu, không có quyền điều hành sản xuất kinh doanh. Do đó, quan hệ lãnh đạo được biểu hiện cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, không sử dụng phương thức mệnh lệnh hành chính, mà lấy thuyết phục, nêu gương làm chủ đạo. Tổ chức đảng không ban hành nghị quyết mang tính áp đặt buộc DN phải thực hiện. Thay vào đó, chi bộ, đảng bộ nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, rồi thông qua tuyên truyền, giải thích để chủ DN thấy rõ lợi ích khi thực hiện, từ đó tự nguyện chấp hành. Vai trò lãnh đạo thể hiện ở việc định hướng chính trị, tư tưởng, cảnh báo rủi ro pháp lý, chứ không can thiệp vào kế hoạch sản xuất, tài chính, nhân sự của DN. Sức mạnh lãnh đạo dựa trên uy tín của TCD và sự gương mẫu của đảng viên, nhất là đảng viên giữ vị trí quản lý, kỹ thuật.

*Thứ hai*, quan hệ lãnh đạo được thực hiện thông qua cơ chế phối hợp, thỏa thuận với chủ DN. Để triển khai chủ trương, chi bộ chủ động làm việc với ban giám đốc, chủ DN để thống nhất chương trình phối hợp hằng năm. Các nội dung như chăm lo đời sống người lao động, xây dựng văn hóa DN, thực hiện trách nhiệm xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường được đưa vào quy chế phối hợp, ký kết giữa chi bộ và DN. Khi có vấn đề phức tạp về quan hệ lao động, chi bộ đề xuất, chủ DN quyết định trên cơ sở đối thoại. Cơ chế này vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa tôn trọng quyền quản trị của chủ DN theo Luật Doanh nghiệp.

*Thứ ba*, lãnh đạo thông qua đảng viên hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội và bộ máy quản lý DN. Do không trực tiếp điều hành, TCD lãnh đạo gián tiếp thông qua đảng viên là chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên, trưởng phòng, quản đốc phân xưởng. Những đảng viên này đưa chủ trương của chi bộ vào chương trình công tác của tổ chức mình, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện. Khi đảng viên là quản lý cấp trung gương mẫu chấp hành kỷ luật, sáng tạo trong sản xuất, chăm lo cấp dưới thì tự thân họ đã thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng bằng uy tín và hiệu quả công việc.

*Thứ tư*, phương thức lãnh đạo gắn chặt với lợi ích và đòi hỏi đồng thuận. Mọi chủ trương của chi bộ chỉ trở thành hiện thực khi được chủ DN đồng thuận và người lao động hưởng ứng. Vì vậy, trước khi ra nghị quyết, chi ủy phải khảo sát, lắng nghe ý kiến từ hai phía, cân đối hài hòa lợi ích giữa tăng năng suất, lợi nhuận của DN với thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động. Nếu chủ trương chỉ có lợi cho một bên sẽ không khả thi. Đặc điểm này buộc TCD phải rất nhạy bén, thực tiễn, tránh duy ý chí, giáo điều.

*Thứ năm*, tính mềm dẻo thể hiện ở sự linh hoạt điều chỉnh hình thức, thời điểm tổ chức hoạt động. Quan hệ lãnh đạo không cố định mà biến đổi theo chu kỳ sản xuất, đơn hàng của DN. Vào thời điểm cao điểm, chi bộ chủ động điều chỉnh lịch sinh hoạt, rút ngắn thời gian, lồng ghép nội dung để không ảnh hưởng tiến độ. Khi DN gặp khó khăn, chi bộ tập trung lãnh đạo đảng viên cùng chia sẻ, tiết kiệm chi phí, cải tiến kỹ thuật. Khi thuận lợi, chi bộ đề xuất chăm lo tốt hơn cho người lao động. Sự mềm dẻo đó giúp TCD tồn tại được trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Đặc điểm quan hệ lãnh đạo mang tính mềm dẻo, dựa trên tuyên truyền, vận động, phối hợp là tất yếu khách quan trong DNNKVNN. Nó đòi hỏi TCD phải đổi mới tư duy, từ bỏ thói quen “cai quản” để chuyển sang “phụng sự, đồng hành”. Chỉ khi làm cho chủ DN thấy “có Đảng thì DN phát triển bền vững hơn” và người lao động thấy “có Đảng thì quyền lợi được bảo vệ tốt hơn”, vai trò lãnh đạo của Đảng mới được khẳng định thực chất tại khu vực kinh tế năng động này của vùng Đông Nam Bộ.

*Bốn là*, đội ngũ đảng viên trong các TCD ở DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ có cơ cấu đa dạng về nghề nghiệp, trình độ và vị trí việc làm, phần lớn là người lao động trong DN.

Về thành phần nghề nghiệp, đội ngũ đảng viên trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ phản ánh khá đầy đủ cơ cấu lao động của nền KTTT. Bên cạnh đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất trong các ngành dệt may, da

giày, điện tử, cơ khí, chế biến thực phẩm, còn có đảng viên là kỹ sư, kỹ thuật viên, nhân viên thiết kế, IT, nhân viên kinh doanh, xuất nhập khẩu. Ở các tập đoàn tư nhân lớn và DN FDI, đã xuất hiện đảng viên là quản lý cấp trung như tổ trưởng, chuyên trưởng, trưởng phòng, giám đốc nhà máy. Một bộ phận đảng viên là chuyên gia, lao động kỹ thuật cao người Việt Nam làm việc trong DN có vốn đầu tư nước ngoài. Sự đa dạng nghề nghiệp này vừa là ưu thế giúp chi bộ bám sát các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, vừa đặt ra yêu cầu phải đổi mới nội dung sinh hoạt để phù hợp với nhiều nhóm đối tượng.

Về trình độ học vấn, chuyên môn, đội ngũ đảng viên có sự phân tầng rõ rệt. Nhóm đảng viên là quản lý, kỹ sư, nhân viên văn phòng thường có trình độ đại học, cao đẳng, sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học, có khả năng tiếp cận nhanh với tri thức quản trị hiện đại. Nhóm đảng viên là công nhân trực tiếp chiếm tỷ lệ lớn nhất, trình độ phổ biến từ trung học phổ thông trở xuống, một số đã qua đào tạo nghề nhưng nhìn chung kỹ năng lý luận, ngoại ngữ còn hạn chế. Sự chênh lệch trình độ này tác động đến nhận thức chính trị, năng lực tham gia xây dựng nghị quyết và đòi hỏi chi bộ phải đa dạng hóa hình thức giáo dục, bồi dưỡng, tránh sinh hoạt “bình quân chủ nghĩa”.

Về vị trí việc làm, phần lớn đảng viên là người lao động làm công hưởng lương trong DN, chịu sự quản lý trực tiếp của chủ DN về kỷ luật lao động, thời gian, tiền lương. Chỉ một tỷ lệ nhỏ là chủ DNTN, thành viên hội đồng quản trị tự nguyện vào Đảng. Do đó, hoạt động của đảng viên gắn chặt với quy trình sản xuất, chịu áp lực hoàn thành định mức, doanh số. Đây là khác biệt căn bản so với đảng viên trong cơ quan nhà nước. Đặc điểm này quy định đảng viên phải “vừa hồng vừa chuyên”, gương mẫu trong lao động, đi đầu cải tiến kỹ thuật thì mới có uy tín để lãnh đạo, vận động quần chúng.

Về đặc điểm xã hội, đảng viên trong DN ngoài nhà nước chủ yếu là lao động nhập cư từ các tỉnh khác đến Đông Nam Bộ làm việc, tuổi đời còn trẻ, dưới 40 tuổi chiếm đa số. Họ thường ở trọ, ít gắn bó lâu dài với một DN, biến

động công việc cao. Tâm lý, nguyện vọng tập trung vào việc làm, thu nhập, nhà ở, ít điều kiện tham gia hoạt động chính trị - xã hội. Điều này ảnh hưởng đến tính ổn định của chi bộ, đòi hỏi công tác quản lý đảng viên phải linh hoạt, tăng cường giáo dục lý tưởng gắn với chăm lo lợi ích thiết thân.

Tính đa dạng về nghề nghiệp, trình độ, vị trí việc làm và đặc điểm phần lớn là người lao động làm thuê vừa tạo thế mạnh về tính đại diện, gần gũi cơ sở, vừa đặt ra thách thức lớn về công tác tư tưởng, tổ chức, kiểm tra đảng. Để phát huy mặt mạnh, TCD phải đổi mới nội dung sinh hoạt theo hướng thiết thực, phân nhóm đối tượng; chú trọng bồi dưỡng đảng viên trẻ là công nhân lành nghề, kỹ thuật viên; đồng thời xây dựng cơ chế bảo vệ đảng viên trước áp lực thị trường, giúp họ yên tâm vừa lao động giỏi, vừa phấn đấu vì lý tưởng của Đảng.

*Năm là*, hoạt động của TCD trong các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ gắn với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của DN, góp phần xây dựng quan hệ lao động ổn định và phát triển bền vững.

Nội dung lãnh đạo và hình thức hoạt động của TCD không tách rời mà gắn trực tiếp với mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN. Nghị quyết chi bộ, chương trình công tác năm thường xác định các chuyên đề cụ thể như: Vận động đảng viên, người lao động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; thực hành tiết kiệm nguyên vật liệu, điện, nước; đi đầu trong cải tiến kỹ thuật, sáng kiến hợp lý hóa sản xuất; chấp hành nghiêm nội quy, kỷ luật lao động, an toàn vệ sinh lao động. Thông qua đó, tổ chức đảng thể hiện vai trò là hạt nhân chính trị thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ trung tâm của DN, tránh tình trạng sinh hoạt hình thức, xa rời thực tiễn.

Phương thức tổ chức sinh hoạt chi bộ được thiết kế linh hoạt để không làm gián đoạn dây chuyền sản xuất. Chi bộ lựa chọn thời gian sinh hoạt vào giờ giải lao, sau ca, hoặc chia nhỏ theo tổ, đội với thời lượng ngắn gọn 30 - 45 phút. Nội dung sinh hoạt lồng ghép với giao ban sản xuất, đánh giá tình hình

đơn hàng, chất lượng, tiến độ, từ đó đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn. Cách làm này giúp chủ DN thấy rõ TCD đồng hành, không cản trở mà còn hỗ trợ quản trị, nên tạo được đồng thuận trong bố trí thời gian, địa điểm.

Hoạt động của TCD hướng mạnh vào xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định. Chi bộ phối hợp với công đoàn nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động về tiền lương, thưởng, thời giờ làm việc, bữa ăn ca; kịp thời phản ánh, tham mưu với ban giám đốc giải quyết ngay từ cơ sở. Khi có nguy cơ tranh chấp lao động, đình công tự phát, chi bộ phát huy vai trò đảng viên là tổ trưởng, quản lý cấp trung để đối thoại, tuyên truyền chính sách pháp luật, đề xuất giải pháp bảo đảm hài hòa lợi ích. Nhờ đó, nhiều DN có TCD hoạt động tốt ở Bình Dương, Đồng Nai đã duy trì nhiều năm không xảy ra đình công.

Tổ chức đảng tham gia xây dựng văn hóa DN và thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần phát triển bền vững. Thông qua các phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, chi bộ vận động đảng viên, người lao động thực hiện tác phong công nghiệp, văn minh nơi làm việc. Đồng thời, TCD đề xuất và trực tiếp tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ công nhân khó khăn, hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường, qua đó nâng cao uy tín DN với khách hàng quốc tế, đáp ứng tiêu chuẩn chuỗi cung ứng toàn cầu như SA8000, BSCI, ESG.

Hiệu quả hoạt động của TCD được đánh giá gắn với kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ ổn định lao động. Một chi bộ được coi là mạnh khi tỷ lệ đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn cao, DN tăng trưởng ổn định, không để xảy ra mâu thuẫn lao động kéo dài. Chính sự gắn kết hữu cơ này buộc TCD phải đổi mới, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo, khắc phục bệnh hình thức, hành chính hóa.

Như vậy, đặc điểm gắn với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và xây dựng quan hệ lao động ổn định là điều kiện tồn tại và là phương thức khẳng định vai trò của TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Khi hoạt động của

Đảng thiết thực, vì sự phát triển của DN và lợi ích chính đáng của người lao động thì chủ DN ủng hộ, người lao động tin theo, vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố bền vững.

#### **2.1.4. Xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ - Quan niệm, nội dung, phương thức, vai trò**

##### ***2.1.4.1. Quan niệm xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước vùng Đông Nam Bộ***

Theo Từ điển tiếng Việt: Xây dựng là “Làm cho cái gì đó hình thành, thành lập, phát triển; thực hiện việc tạo dựng, hoàn thiện về vật chất hoặc tinh thần” [133, tr.1105].

Từ khái niệm về xây dựng nêu trên cho thấy, *xây dựng TCD là tổng hợp các yếu tố cấu thành giá trị, tạo nên TCD vững mạnh hơn góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển đất nước.*

Các yếu tố xây dựng TCD trong các DNNKVNN có thể khái quát thành ba yếu tố cơ bản: chính trị, tư tưởng và tổ chức của TCD. Thực tế cho thấy, sự hợp lý của cơ cấu tổ chức, sự vững vàng của đội ngũ cán bộ, đảng viên; sinh hoạt đảng sôi nổi, đúng nguyên tắc, có tính lãnh đạo, chiến đấu và giáo dục cao; sự lãnh đạo đúng đắn, có hiệu quả chứng tỏ TCD có chất lượng tốt.

Từ nội dung phân tích nêu trên có thể khái quát: *Xây dựng TCD ở các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ là tổng thể các hoạt động củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng TCD của các chủ thể, nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong DN, góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của DN và giữ vững định hướng chính trị trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước ở vùng.*

*Mục đích* xây dựng các TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là nhằm củng cố, kiện toàn các đảng bộ, chi bộ cơ sở về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đảm bảo cho TCD thực sự là nền tảng của

Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, trung tâm đoàn kết, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đại diện chăm lo lợi ích, phát huy quyền làm chủ của công nhân, người lao động, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và xây dựng DN vững mạnh theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương và DN.

*Chủ thể* xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là các cấp ủy, TCD, chính quyền, cơ quan, ban ngành, tổ chức có liên quan ở địa phương từ tỉnh, thành phố xuống xã, phường và các DN; đội ngũ cán bộ, đảng viên, chủ DN...

*Đối tượng* xây dựng là các đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, các đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở trong các DNNKVNN không chỉ là đối tượng tiếp nhận sự tác động của chủ thể mà còn là chủ thể tích cực, chủ động, trong tự xây dựng bản thân mình trong sạch, vững mạnh.

*Lực lượng* tham gia xây dựng là toàn bộ cán bộ, đảng viên, công nhân viên, người lao động và các tổ chức quần chúng trong DN, các tổ chức, ban ngành địa phương.

*Nội dung xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ*

Xây dựng TCD trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là năm lĩnh vực trọng yếu trong công tác xây dựng Đảng, có mối quan hệ gắn bó biện chứng với nhau. Sự trong sạch, vững mạnh của TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ được phản ánh chủ yếu thông qua các lĩnh vực này.

*Xây dựng TCD vững mạnh về chính trị:* Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong điều kiện KTTT, hội nhập quốc tế; TCD trong DN phải quán triệt đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, thu hút FDI, để vận dụng sáng tạo, không dao động trước các luận điệu “phi chính trị hóa” DN. Nâng cao năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết;

chi bộ, đảng bộ trong DN phải biết “chuyển hóa” các nghị quyết của cấp trên thành chương trình hành động phù hợp đặc thù sản xuất kinh doanh, gắn với nhiệm vụ ổn định lao động, nâng cao năng suất, xây dựng văn hóa DN; bảo đảm TCD thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo, được chủ DN tôn trọng, người lao động tin tưởng. Chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; TCD phải kịp thời định hướng nhận thức cho đảng viên, người lao động trước các luận điệu xuyên tạc về vai trò của Đảng, kích động “công đoàn độc lập”, chia rẽ quan hệ lao động; kiên quyết bảo vệ nguyên tắc Đảng lãnh đạo trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

*Xây dựng TCD vững mạnh về tư tưởng:* Đổi mới công tác giáo dục chính trị, lý luận phù hợp với đặc điểm người lao động; giảm hình thức học nghị quyết dàn trải, tăng cường sinh hoạt chuyên đề ngắn gọn, dễ hiểu, gắn với tình huống thực tiễn: quyền và nghĩa vụ người lao động, kỷ luật công nghiệp, tác hại của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; sử dụng infographic, video clip, nền tảng số để phù hợp với công nhân trẻ. Thường xuyên nắm bắt, dự báo và định hướng diễn biến tư tưởng của đảng viên, người lao động; chi bộ phải thông qua đảng viên, công đoàn, tổ trưởng để kịp thời phát hiện tâm tư, bức xúc, hoài nghi, từ đó có biện pháp giáo dục, tháo gỡ, tránh để bị động khi phát sinh điểm nóng. Bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, khát vọng cống hiến cho đảng viên là người lao động, làm cho đảng viên thấy rõ vào Đảng không chỉ vì lợi ích kinh tế trước mắt mà còn để phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, DN phát triển bền vững; gắn giáo dục lý tưởng với nêu gương người tốt việc tốt, mô hình đảng viên là công nhân giỏi, quản lý giỏi.

*Xây dựng TCD vững mạnh về đạo đức:* Thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, về những điều đảng viên không được làm, gắn với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; đảng viên trong DN phải gương mẫu chấp hành nội quy, đi đầu về năng suất, chất lượng, tiết kiệm, chống lãng phí, nói không với tiêu cực; đảng viên là quản lý phải công tâm, không lợi dụng vị trí để trục lợi,

chèn ép người lao động. Xây dựng văn hóa DN lành mạnh, lấy giá trị đạo đức làm nền tảng; chi bộ chủ động đề xuất và tham gia xây dựng bộ quy tắc ứng xử, văn hóa an toàn, văn hóa không thuốc lá, không tệ nạn, thông qua đó giáo dục đảng viên, người lao động về tinh thần trách nhiệm, trung thực, hợp tác, khắc phục lối sống thực dụng, vô cảm do mặt trái cơ chế thị trường tác động. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, biểu hiện “DN hóa” tư tưởng đảng viên; kịp thời phát hiện, uốn nắn đảng viên có biểu hiện chỉ lo vun vén lợi ích cá nhân, xa rời quần chúng, móc nối với chủ DN làm trái pháp luật; xử lý nghiêm minh các trường hợp suy thoái để giữ nghiêm kỷ luật Đảng.

*Xây dựng TCD vững mạnh về tổ chức:* củng cố, kiện toàn mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp quy mô DN; bảo đảm nơi nào có đủ 03 đảng viên chính thức thì thành lập chi bộ, nơi chưa đủ thì có chi bộ ghép hoặc đảng viên sinh hoạt ghép; khắc phục tình trạng “trắng” TCD ở DN lớn, đông lao động. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo hướng thiết thực, hiệu quả; duy trì nền nếp sinh hoạt định kỳ nhưng linh hoạt về thời gian, địa điểm để phù hợp ca kíp; đổi mới nội dung theo hướng trọng tâm, trọng điểm, gắn với nhiệm vụ sản xuất và giải quyết vấn đề bức xúc của người lao động; tăng cường sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt trực tuyến khi cần thiết. Làm tốt công tác phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng đi đôi với chất lượng; chú trọng nguồn từ công nhân lành nghề, kỹ sư, quản lý cấp trung có uy tín; thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy trình, không chạy theo thành tích, đồng thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách.

*Xây dựng TCD vững mạnh về cán bộ:* Lựa chọn, bố trí bí thư chi bộ, cấp ủy viên có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; ưu tiên cán bộ hiểu sản xuất kinh doanh, biết pháp luật lao động, có kỹ năng vận động, được chủ doanh nghiệp và người lao động tin nhiệm; thực hiện chủ trương “nhất thể hóa” ở nơi có điều kiện để nâng vị thế chi bộ. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng theo hướng “cầm tay chỉ việc”; tập trung vào kỹ năng vận động thành

lập tổ chức đảng trong FDI, kỹ năng đối thoại với chủ DN, kỹ năng tổ chức sinh hoạt chi bộ trong ca kíp, kỹ năng xử lý tình huống mâu thuẫn lao động. Thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ làm công tác đảng; có phụ cấp kiêm nhiệm thỏa đáng, tạo điều kiện thời gian, khen thưởng kịp thời đối với bí thư chi bộ, chi ủy viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Xây dựng TCD vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là các mặt thống nhất, quan hệ biện chứng với nhau. Trong các DNNKVVN ở Đông Nam Bộ, năm nội dung này phải được tiến hành đồng bộ, nhưng lấy xây dựng về chính trị làm cốt lõi, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh và ổn định quan hệ lao động làm thước đo, mới bảo đảm TCD thực sự vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

#### ***2.1.4.2. Nội dung xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ***

Nội dung xây dựng TCD trong các DNNKVVN ở vùng Đông Nam Bộ căn cứ vào từng điều kiện cụ thể của DN, bao gồm: DN đã có TCD; DN chưa có TCD và DN chưa có đảng viên.

*Đối với các DN đã có TCD:* Các cấp uỷ, TCD tiến hành rà soát, nắm chắc số lượng, đánh giá kỹ thực trạng tổ chức và hoạt động của TCD, đề ra giải pháp cụ thể để củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động.

*Đối với DN chưa có TCD,* cấp uỷ cấp trên cơ sở và tương đương chỉ đạo các cấp uỷ, TCD trực thuộc rà soát, nắm chắc số đảng viên đang làm việc ổn định trong các DN, nhưng vẫn sinh hoạt đảng ở nơi khác, nếu có đủ 3 đảng viên chính thức trở lên và DN sản xuất, kinh doanh ổn định thì thành lập chi bộ. Nếu chưa đủ số lượng đảng viên để thành lập chi bộ thì chuyển số đảng viên này về sinh hoạt với một TCD phù hợp và tích cực chuẩn bị các điều kiện để thành lập chi bộ.

*Đối với những DN chưa có đảng viên,* nhưng có tổ chức công đoàn, cấp uỷ cơ sở nơi DN đóng trụ sở chính phân công cấp uỷ viên và đảng viên có

kinh nghiệm phối hợp với các đoàn thể trong DN phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên.

Theo đó, xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ bao gồm những nội dung cụ thể sau đây:

*Một là, phát triển số lượng đảng viên.*

Đảng ta từng khẳng định: Đảng cần có một số lượng thích đáng đảng viên thì mới thành tổ chức, mới có đủ lực lượng chiến đấu, mới bảo đảm mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng đông đảo, thực hiện được vai trò lãnh đạo của Đảng ở khắp các ngành, địa phương, đơn vị. Với ý nghĩa ấy, số lượng có quan hệ chặt chẽ với chất lượng. Chính từ yêu cầu cần phải phát triển số lượng đảng viên mà trong lịch sử phát triển, Đảng luôn yêu cầu các TCD phải coi trọng công tác phát triển đảng viên bảo đảm cả về số lượng, đủ tiêu chuẩn đã được quy định trong Điều lệ Đảng. Các TCD trong các DNNKVNN luôn ý thức được số lượng đảng viên là yếu tố cấu thành chất lượng TCD, vì vậy phải không ngừng kết nạp nhiều công nhân, người lao động vào đội ngũ đảng viên để có được đội ngũ đảng viên đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, phấn đấu vì mục tiêu chính trị của Đảng trong các DN.

*Về chất lượng đảng viên*, được quy định bởi tổng hợp các yếu tố như: đạo đức, phẩm chất, tư tưởng chính trị, năng lực, trình độ ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ hoàn thành trước nhiệm vụ được giao. Chất lượng của người đảng viên thể hiện trước hết ở thái độ chính trị có trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước hay không. Người đảng viên được coi là có phẩm chất chính trị phải là người nói đi đôi với làm, luôn thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phải luôn đầu tàu gương mẫu trong công tác, học tập và sinh hoạt ở đơn vị và nơi cư trú.

*Về cơ cấu đội ngũ đảng viên*, là yếu tố cấu thành nên chất lượng của đội ngũ đảng viên. Cơ cấu đội ngũ đảng viên thể hiện ở cơ cấu hợp lý về giới

tính, độ tuổi, thành phần, nghề nghiệp, dân tộc, tôn giáo để bảo đảm cho các TCD ở các DN trở thành hạt nhân có chất lượng, nâng cao vị trí, vai trò của TCD trong DN. Chỉ có TCD nào xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có chất lượng, vừa có năng lực, trí tuệ, trình độ, vừa có đạo đức, phẩm chất và có uy tín với quần chúng mới tạo cho TCD vững mạnh, có năng lực lãnh đạo, làm tròn nhiệm vụ của TCD.

*Hai là, phát triển số lượng tổ chức cơ sở đảng.*

Công tác phát triển số lượng và cơ cấu tổ chức đảng có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Với sự phát triển nhanh của các loại hình DNNKVNN đòi hỏi các TCD trong các loại hình DN này cần hoạt động theo mô hình mới, việc kiện toàn, sắp xếp TCD phù hợp, hợp lý là vấn đề rất quan trọng để TCD mau chóng triển khai nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của mình theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định. TCD sau khi thành lập phải phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo đảng viên, các tổ chức đoàn thể; tuyên truyền người quản lý DN, người lao động chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; chủ động trao đổi với quản lý DN để thống nhất đề nghị cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN; tham gia xây dựng và thực hiện điều lệ, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các quy chế, nội quy lao động trong DN; vận động công nhân lao động tham gia tích cực các hoạt động nhân đạo, từ thiện, xóa đói, giảm nghèo...

Để làm tốt công tác xây dựng và phát triển TCD, đoàn thể trong các DNNKVNN, trước hết cần chú trọng việc tuyên truyền, tạo sự thống nhất nhận thức cho các cấp ủy về vai trò, sự cần thiết thành lập TCD trong các DN khu vực này. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể phải quan tâm chỉ đạo, trực tiếp gặp gỡ chủ DN để vận động, thuyết phục, tạo sự đồng thuận; đồng thời phân công cụ thể các cấp, các ngành thực hiện.

Các cấp ủy phải thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn, nâng cao chất

lượng hoạt động của ban chỉ đạo, cán bộ chuyên trách. Các TCD, đoàn thể trong các DN phải bám sát hoạt động của đơn vị, chủ động đề ra nội dung, phương thức hoạt động thiết thực gắn với lợi ích của DN. Thường xuyên hướng dẫn nội dung, trau dồi kỹ năng, phương pháp hoạt động, chăm lo cán bộ làm công tác đảng trong các DN. Để tạo điều kiện cho các chi bộ trong DN ngoài nhà nước hoạt động tốt, các cấp ủy đảng, chính quyền cần hỗ trợ kinh phí sinh hoạt đến chi bộ, kể cả hỗ trợ kinh phí đi lại, ăn ở cho công tác xác minh lý lịch, làm thủ tục kết nạp đảng viên.

*Ba là*, lãnh đạo phát triển về tổ chức và phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong DNNKVNN.

Lãnh đạo xây dựng tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam trong DN vững mạnh. Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đoàn thể; các tổ chức đoàn thể góp phần phát triển DN, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị ở cơ sở.

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi đoàn thể, tạo điều kiện để người lao động tham gia các đoàn thể quần chúng. Lãnh đạo ban chấp hành công đoàn phối hợp với hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật; thực hiện tốt các điều lệ và các quy chế, quy định của DN, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

*Bốn là*, tham gia góp ý kiến cho sự phát triển của DN.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều thành phần, trong đó DNNKVNN càng lớn thì vai trò dự báo của DN càng quan trọng. Để ổn định và phát triển, Nhà nước cũng đã xác định tầm quan trọng của loại DN này, đồng thời đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích để phát huy cao nhất

hiệu quả của nó trong khai thác cơ hội của hội nhập quốc tế. Mọi kế hoạch phát triển DN đều dựa trên dự báo. Nếu dự báo thiếu chính xác, DN có thể đi đến phá sản hoặc gặp thảm họa về tài chính. Đây cũng là điểm thuận lợi của DN ngoài quốc doanh vì qui mô của loại DN này không lớn.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng phát triển của DN rất cần nhiều ý kiến đóng góp từ phía nhà nước Việt Nam, như: chính sách phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập và phát triển; quảng bá hình ảnh cho đất nước để sản phẩm của Việt Nam trên thị trường thế giới; cổ phần hóa DN nhà nước để đạt mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh trong hội nhập quốc tế.

*Năm là, lãnh đạo xây dựng nội bộ TCD trong sạch, vững mạnh.*

Các cấp ủy đảng nhận thức lãnh đạo sản xuất kinh doanh đúng hướng và có hiệu quả là nhiệm vụ cốt tử của TCD trong mỗi DN. Do đó, các TCD phải không ngừng nâng cao chất lượng tham gia xây dựng chiến lược phát triển DN theo hướng CNH, HĐH; những chủ trương và biện pháp lớn về sản xuất kinh doanh cần được cấp ủy và các chi bộ, đảng bộ thảo luận và quyết định như: kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, hàng năm, quý; những mục tiêu chính về sản xuất kinh doanh; những vấn đề liên quan đến đội ngũ cán bộ và tình hình công nhân viên, người lao động của DN; việc thực hiện nghĩa vụ của DN đối với Nhà nước; ổn định việc làm cho người lao động; phân chia lợi ích, thu nhập và chăm lo đời sống người lao động, lãnh đạo phong trào thi đua yêu nước... cấp ủy, TCD lãnh đạo cụ thể hóa những chủ trương, biện pháp đã được xác định và lãnh đạo quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, cấp ủy tiến hành kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của cấp ủy, TCD.

#### ***2.1.4.3. Phương thức xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ***

*Một là, thông qua quy chế hoạt động để hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Trung ương.*

Các TCD ở các DN cần xây dựng, rà soát, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy. Quy chế phải được xây dựng khoa học, chặt chẽ quy định mối quan hệ, lề lối làm việc với giám đốc, hội đồng quản trị, chủ DN tạo sự đồng thuận trong DN. Hội đồng quản trị, giám đốc có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện quy chế. Cấp ủy chủ động phối hợp với hội đồng quản trị, giám đốc xây dựng và lãnh đạo thực hiện các quy định, quy chế phối hợp, trong đó xác định rõ mối quan hệ công tác, bảo đảm vai trò lãnh đạo chính trị của TCD, chức năng tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng của các đoàn thể quần chúng, chức năng quản lý của hội đồng quản trị và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh của giám đốc.

Việc rà soát, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy cần phải được tiến hành thường xuyên, khoa học. Muốn vậy, cấp ủy dự thảo quy chế và những phần dự kiến sửa đổi, bổ sung gửi cho các thành viên nghiên cứu trước, sau đó tổ chức hội thảo, mời đại diện cấp ủy cấp trên, hội đồng quản trị, giám đốc, chủ DN thảo luận kỹ đi đến thống nhất, ban hành chính thức. Tuy nhiên, do trình độ và khả năng của cán bộ ở từng DN có sự khác nhau nên phần chuẩn bị dự thảo quy chế chất lượng cũng khác nhau. Để chất lượng quy chế làm việc đạt yêu cầu, phù hợp với từng loại DN cần có sự hướng dẫn, giúp đỡ của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

*Hai là*, thông qua công tác tuyên truyền, vận động các chủ thể tích cực tham gia.

Đây là phương thức phát triển về mặt tư tưởng, nâng cao nhận thức để thống nhất trong hành động của tất cả các chủ thể liên quan. Thực tiễn đã chứng minh, muốn hành động đúng thì phải có nhận thức đúng. Do đó, để thực hiện tốt phương thức này, cần nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng của các cấp ủy, TCD, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên, người lao động trong DN và rộng hơn là toàn xã hội.

Xây dựng TCD, cấp ủy đảng các DN đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh. Thực hiện đúng nguyên tắc tập

trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt, lãnh đạo việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất nội bộ, đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trái với đạo đức, tư cách của người đảng viên, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng.

*Ba là*, thông qua công tác tổ chức, cán bộ.

Tiến hành đồng bộ giữa việc củng cố các TCD đã có và phát triển các TCD ở các DN chưa có. Thành lập các TCD mới là rất quan trọng. Tuy nhiên, phải luôn duy trì và phát triển tốt các TCD đã có để chúng ta làm cơ sở, nòng cốt; từ đó nhân rộng mô hình xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

Những DN chưa có đảng viên, cấp ủy cấp trên nơi DN đóng, có kế hoạch cụ thể để phân công cấp ủy viên, đảng viên có kinh nghiệm, phối hợp với các đoàn thể trong DN phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên.

Cấp ủy, ban chấp hành các đoàn thể cấp trên phải quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể trong các DN, chú trọng kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn thanh niên. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cấp ủy, lãnh đạo các đoàn thể trong DN. Tăng cường biên chế cán bộ làm công tác đảng, các đoàn thể nhân dân cho các cấp ủy đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng đảng, các đoàn thể nhân dân ở trong các DNNKVNN ở các tỉnh, thành phố.

Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ; được đảng viên và quần chúng tin nhiệm. Bí thư cấp ủy nên là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc. Chất lượng đảng ủy, chi ủy phụ thuộc vào chất lượng của những cấp ủy viên, vào cơ cấu hợp lý, vào nhiệm vụ của từng DN.

Cùng với việc lựa chọn tập thể đảng ủy, chi ủy, vấn đề quan trọng là lựa chọn được bí thư cấp ủy, chi bộ. Bí thư cấp ủy ngoài những tiêu chuẩn

như những cấp ủy viên khác, phải là người tiêu biểu nhất của đảng bộ, chi bộ, có kiến thức tương đối toàn diện, am hiểu TCD và DN. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng trong các DN, có chế độ thỏa đáng cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảng kiêm nhiệm ở các DN ngoài Nhà nước.

*Bốn là*, thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

Xây dựng TCD đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát. Kiểm tra, giám sát là một chức năng lãnh đạo của Đảng, khâu quan trọng không thể thiếu trong quy trình lãnh đạo của Đảng. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra” [84, tr.637].

Đối với các DN đã có TCD cần phải duy trì tốt hoạt động, giữ vững kỷ luật Đảng, xây dựng TCD trong sạch, vững mạnh; thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động theo định kỳ. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và phê bình, kỷ luật những TCD, những chi bộ, đảng bộ hoạt động yếu kém, vi phạm nguyên tắc xây dựng Đảng. Thông qua kiểm tra, giám sát, báo cáo, sơ kết, tổng kết về phát triển TCD trong các DNNKVVNN theo tháng, quý, năm về: số lượng, hoạt động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật các TCD, đảng viên; đánh giá hiệu quả thực hiện các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền đề ra. Từ đó, kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc, sai sót, kém hiệu quả trong quá trình thực hiện để nhanh chóng tháo gỡ, giải đáp, đưa ra phương hướng, biện pháp khắc phục, xử lý nghiêm các vi phạm. Tổ chức biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình DN đã có TCD hoạt động một cách năng nổ, hiệu quả cao.

*Năm là*, thông qua phối hợp các nguồn lực trong xã hội.

Đây là phương thức tập hợp được sức mạnh tập thể, sức mạnh của sự đoàn kết, đóng góp, chung tay của các chủ thể, lực lượng. Mỗi chủ thể với vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn riêng, song đều cùng có những đóng góp tích cực bằng nhiều cách thức khác nhau vào công tác này.

Các nguồn lực để thực hiện xây dựng TCD trong các DNNKVNN bao gồm:

*Thứ nhất*, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các chi, đảng bộ. Hàng quý hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các chi bộ, đảng bộ tại các DNNKVNN. Ngoài ra, trợ cấp kinh phí hàng tháng cho cấp ủy các đơn vị. Bên cạnh đó, còn chi kinh phí hoạt động cho các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên tại các DN.

*Thứ hai*, hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đảng viên, các bộ tổ chức đoàn thể trong các DN. Hàng năm, chỉ đạo ban tổ chức cấp ủy cấp huyện phối hợp cùng phòng nội vụ, trung tâm bồi dưỡng chính trị và liên đoàn lao động cấp huyện tổ chức các lớp đào tạo dành riêng cho khối công nhân lao động: lớp sơ cấp chính trị, trung cấp chính trị, lớp nâng cao nghiệp vụ. Ngoài ra, dành một số suất học bổng cho công nhân vượt khó học tập hoàn thành nhiệm vụ sản xuất.

*Thứ ba*, cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho DN và hỗ trợ pháp lý, tư vấn pháp luật công nhân. Chỉ đạo ban cải cách hành chính của quận cùng các phòng, ban thuộc quận tiến hành đơn giản hóa các thủ tục hành chính để DN dễ đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô DN. Chỉ đạo liên đoàn lao động, đoàn thanh niên cấp huyện hàng năm tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật: hội thi tìm hiểu luật lao động; tọa đàm, đối thoại giữa DN và công nhân; giải đáp thắc mắc, tư vấn pháp luật miễn phí cho công nhân, người lao động.

Có thể nói, phương thức xây dựng TCD trong các DNNKVNN là toàn bộ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, TCD và toàn thể đảng viên đối với hệ thống chính trị tập trung vào việc phát hiện, tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng và kết nạp quần chúng ưu tú là những công nhân, người lao động, cán bộ, chủ DN đang công tác và làm việc ở các DNNKVNN; tự nguyện, tự giác rèn luyện, phấn đấu để đứng vào hàng ngũ của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và cấp ủy cấp trên.

#### ***2.1.4.4. Vai trò xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ***

*Thứ nhất*, TCD trong các DNNKVNN là nơi thực hiện nhiệm vụ phát triển đảng viên, thực hiện phương châm “ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên”.

Công tác phát triển đảng viên là hoạt động của cấp ủy, mà chủ thể là các cấp ủy, TCD và toàn thể đảng viên, được tổ chức chặt chẽ theo quy định, quy trình tác động trực tiếp vào quần chúng, người lao động, giác ngộ, giáo dục để họ tự nguyện viết đơn phấn đấu trở thành đảng viên, nhằm thực hiện mục tiêu công tác phát triển đảng viên của mỗi TCD, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Đảng trong từng giai đoạn. Như vậy, công tác phát triển đảng viên là nhiệm vụ chung của toàn Đảng mà trước hết là một nhiệm vụ chủ yếu và trực tiếp của cấp ủy cơ sở, chi ủy chi bộ và đảng viên.

*Thứ hai*, xây dựng TCD trong các DNNKVNN nhằm đảm bảo sự lãnh đạo thực thi đúng đắn đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước tại DNNKVNN.

Bằng công tác tuyên truyền trong các DN về đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển nền KTTT định hướng XHCN, về vai trò của các TCD trong các DNNKVNN để chủ DN, công nhân viên chức tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, ổn định tư tưởng, gắn bó lâu dài cùng DN, có động cơ đúng đắn phấn đấu vào Đảng. Giáo dục, động viên người lao động phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, chấp hành tốt pháp luật và nội quy, quy chế của DN, tích cực tham gia xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân và phấn đấu để trở thành đảng viên, đoàn viên, hội viên.

*Thứ ba*, xây dựng TCD trong các DNNKVNN nhằm lãnh đạo có hiệu quả đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong DNNKVNN.

Các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc tập hợp đoàn viên, hội viên, bảo vệ lợi ích chính đảng của họ. Các tổ chức chính trị -

xã hội luôn cần sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của TCD trong DNNKVNN. Sự lãnh đạo về chính trị, tư tưởng góp phần bảo đảm, động viên đoàn viên, hội viên thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích thiết thực cho các bên: người lao động và người sử dụng lao động.

*Thứ tư*, xây dựng TCD trong các DNNKVNN nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo dựng hình ảnh tốt đẹp của Đảng.

Đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố TCD trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện mới. Nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, của cấp trên vào điều kiện cụ thể ở cơ sở để đề ra chủ trương, giải pháp và tổ chức thực hiện có kết quả chủ trương, giải pháp đó. Thực hiện tốt công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác kiểm tra, lãnh đạo đoàn thể quần chúng nhằm tạo nên một sức mạnh tổng hợp, thể hiện tính chiến đấu cao để xử lý tốt các mâu thuẫn, vượt qua mọi khó khăn để thúc đẩy và hoàn thành có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị, làm tốt vai trò, chức năng là nền tảng của Đảng và là hạt nhân chính trị tại cơ sở.

## **2.2. CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - QUAN NIỆM, NỘI DUNG, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ**

### **2.2.1. Quan niệm về công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn hiện nay**

#### ***2.2.1.1. Quan niệm về công tác***

Có nhiều cách hiểu khác nhau về phạm vi nghĩa của từ công tác. Khái niệm “công tác” có thể được hiểu theo 2 nghĩa như sau: *Thứ nhất*, công tác được hiểu là công việc mà một tổ chức hoặc một người phải thực hiện. Nghĩa này thường được sử dụng như: đơn vị công tác, công tác cán bộ, công tác

kiểm tra, giám sát, công tác tổ chức, công tác cán bộ. *Thứ hai*, công tác được hiểu công tác là làm việc tại một nơi khác, xa nơi làm việc hằng ngày trong một thời gian nhất định. Nghĩa này thường được sử dụng trong các trường hợp như đi công tác, chuyển công tác,...

Từ “công tác” trong xây dựng Đảng thường được hiểu là một khái niệm tổng hợp chỉ toàn bộ những hoạt động có mục đích, có tổ chức, được tiến hành theo quy định, nhằm thực hiện một lĩnh vực hay nhiệm vụ cụ thể của TCD. Về bản chất, “công tác” là quá trình thực hiện kết hợp nội dung và phương pháp để triển khai một nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ nhất định. Trong công tác xây dựng Đảng thường bao gồm: công tác tổ chức; công tác chính trị; công tác kiểm tra, giám sát; công tác cán bộ; công tác dân vận; công tác xây dựng Đảng về đạo đức...

### ***2.2.1.2. Quan niệm về công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước***

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin từ lâu đã khẳng định vị trí, vai trò của công tác tổ chức trong sự phát triển của xã hội và con người. Qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng Nga, V.I.Lênin đã rút ra kết luận: “Trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là tổ chức” [78, tr.481] và khi đã giành được chính quyền, toàn bộ nhiệm vụ của đảng cầm quyền là “... tổ chức, tổ chức và tổ chức” [78, tr.297].

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có lĩnh vực xây dựng tổ chức phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Trong thời kỳ kháng chiến - kiến quốc, xây dựng và phát triển đất nước, ngoài việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ cách mạng đúng đắn, Người và Đảng ta đã dành nhiều công sức cho công tác xây dựng Đảng, thực hiện sự đoàn kết rộng rãi các tổ chức đoàn thể và nhân dân xung quanh Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng và hệ thống các tổ chức DN, sự nghiệp từ trên xuống dưới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng

đã khẳng định: “Tổ chức là một khâu quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng” [92].

*Công tác tổ chức* là những việc làm để tập hợp nhiều người lại với nhau, xây dựng cơ cấu bộ máy làm việc, định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng người, từng bộ phận trong tổ chức, đưa ra khỏi tổ chức những người không phù hợp, bổ sung thêm người mới hay còn thiếu, đề ra chương trình, kế hoạch và cách thức hành động của các thành viên, để tổ chức hoạt động được nhịp nhàng, ăn khớp với nhau và đạt hiệu quả...

*Công tác xây dựng TCD* là tập hợp các hoạt động có mục đích rõ ràng và kế hoạch cụ thể được tiến hành theo nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhằm: Thành lập, củng cố, kiện toàn bộ máy TCD ở tất cả các cấp; phát triển, bồi dưỡng, quản lý và nâng cao chất lượng đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và hiệu lực tổ chức của các cấp ủy đảng theo đúng tinh thần Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Trung ương và các văn bản hành chính của Đảng.

Qua sự phân tích trên, tác giả luận án đưa ra khái niệm: Công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là tổng thể các hoạt động của các cấp ủy, TCD và các chủ thể có liên quan nhằm củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng TCD, đội ngũ đảng viên trong các DNNKVNN, qua đó phát huy vai trò hạt nhân chính trị của TCD, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong DN và góp phần thúc đẩy DN phát triển ổn định, bền vững.

*Mục đích:* Xây dựng kế hoạch, quy trình các bước và quyết định thành lập TCD trong DNNKVNN; đẩy mạnh phát triển đảng viên trong DNNKVNN và duy trì sinh hoạt chi bộ đảng trong các DNNKVNN, xây dựng TCD trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

*Chủ thể:* cấp ủy đảng các cấp, trực tiếp là cấp ủy, đứng đầu là bí thư cấp ủy của các TCD trong DNNKVNN dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy

cấp trên, thường xuyên, trực tiếp là BTV; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ các cấp.

*Đối tượng:* TCD, đảng viên trong các DNNKVNN; nhà quản lý trong DNNKVNN; đoàn viên công đoàn; đoàn, hội thanh niên trong các DNNVNN, khu phố, ấp.

*Lực lượng tham gia:* các tổ chức trong toàn hệ thống chính trị cấp tỉnh (thành phố), cấp cơ sở; các tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên và công nhân, người lao động, nhất là sự ủng hộ của nhà quản lý DNNKVNN.

### **2.2.2. Nội dung công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ**

Công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là tổng hợp những hoạt động của các cấp uỷ, TCD toàn đảng bộ tỉnh (thành phố) nhằm chuẩn bị đầy đủ những điều kiện về thể chế, con người, không chỉ thành lập được các TCD trong các DNNKVNN mà còn phải thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các TCD ở các DNNKVNN. Do đó, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là tổng thể các hoạt động với nhiều nội dung, cụ thể như sau:

*Một là,* quán triệt các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nghị quyết về xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

Tỉnh uỷ, thành uỷ ở vùng Đông Nam Bộ có trách nhiệm ban hành các văn bản để triển khai các quy định của Đảng về xây dựng TCD trong các DNNKVNN: Kết luận số 80-KL/TW, ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân và DN có vốn đầu tư nước ngoài”; Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về “Tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân”;

Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.

Các tổ chức đảng trực thuộc, cơ quan tham mưu và các cơ quan chức năng của cả hệ thống chính trị có trách nhiệm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích các chủ DN, thành viên hội đồng quản trị, ban giám đốc... nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của việc xây dựng TCD, phát triển đảng viên đối với sự phát triển bền vững của DN. Củng cố, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hoạt động của TCD, tổ chức chính trị - xã hội hiện có; lấy tổ chức hoạt động hiệu quả làm nòng cốt để nhân rộng ra ở các DN khác, coi trọng thành lập TCD trong các DN khi đủ điều kiện. Xây dựng đề án hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DNNKVNN trên địa bàn; nghiên cứu thành lập một số mô hình TCD trong các khu, cụm công nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương... Việc chú trọng công tác xây dựng TCD và phát triển đảng viên trong các DNNKVNN của các đảng bộ, chi bộ vừa góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, vừa thúc đẩy kinh tế phát triển, bảo đảm cho các DN hoạt động theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; được cộng đồng DN đánh giá cao và ngày càng thu hút các DN đến đầu tư sản xuất, kinh doanh.

*Hai là, tuyên truyền, vận động thành lập các TCD trong các DNNKVNN*

Các cấp ủy đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng xây dựng TCD trong DNNKVNN. Giúp chủ DN, các cấp quản lý, người lao động nhận thức rõ TCD có vai trò quan trọng trong tuyên truyền, phổ biến đến các bên liên quan về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, thành phố và quy định của DN, cầu nối giải quyết hài hoà lợi ích giữa “nhà DN - Nhà nước - người lao động”, góp phần phát triển DN, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự,

an toàn xã hội, quyền lợi của DN và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, giúp DN nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững trên tinh thần đồng cam cộng khổ, lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ.

Cần tuyên truyền trên các tài liệu thông tin, hoạt động đối ngoại để các chủ DNTN hiểu rõ quan điểm của Đảng, chủ trương của Nhà nước, của tỉnh, thành phố về phát triển TCD, đoàn thể trong DNTN. Từ đó giúp họ hiểu và ủng hộ, tạo điều kiện để phát triển TCD, đoàn thể trong DNTN trên địa bàn.

*Ba là*, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

Tập trung chủ yếu nhất là Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư, Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ địa phương, về đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên trong giai đoạn mới. Cần tuyên truyền trên các tài liệu thông tin, hoạt động đối ngoại để các chủ DNTN hiểu rõ quan điểm của Đảng, chủ trương của Nhà nước, của tỉnh, thành phố về phát triển TCD, đoàn thể trong DNTN. Từ đó, giúp họ hiểu và ủng hộ, tạo điều kiện để phát triển TCD, đoàn thể trong DNTN trên địa bàn.

*Bốn là*, xây dựng tổ chức, bố trí cán bộ, các nguồn lực để thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

Các cấp ủy, ban chấp hành các đoàn thể cấp trên tăng cường xây dựng, kiện toàn, nâng cao chất lượng cơ quan lãnh đạo của các TCD, đoàn thể trong DN. Thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ cốt cán vào đúng vị trí công tác. Mỗi cán bộ phải thật sự gương mẫu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm về hoạt động thực tiễn.

*Năm là*, phối hợp giữa các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền về xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

Phát huy vai trò của chủ DNTN thông qua việc đẩy mạnh tuyên truyền, vận động với tinh thần quyết liệt, song cũng mềm dẻo linh hoạt, thường

xuyên, kiên trì với các chủ DNTN để từng bước nâng cao nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng và vai trò của TCD trong DN. Qua đó, thúc đẩy các chủ DN có sự gắn kết với các cấp chính quyền, đoàn thể và cấp ủy Đảng DNTN của địa phương nhằm tạo nguồn quy hoạch phát triển đảng viên và từng bước thành lập TCD trong DN.

*Sáu là, củng cố, nâng cao chất lượng các TCD trong các DNNKVNN.*

Linh hoạt, chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị đối với quần chúng ưu tú của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể thường xuyên quan tâm cùng với chủ DN chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, qua đó để người lao động có thêm động lực và động cơ tự nguyện phấn đấu rèn luyện vào Đảng. Tiếp tục đẩy mạnh việc thí điểm phát hiện, bồi dưỡng, giáo dục, kết nạp chủ DNTN đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Đảng vào Đảng.

*Bảy là, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN.*

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối các cấp ủy đảng và đảng viên được giao nhiệm vụ, phân công thực hiện công tác phát triển TCD, đoàn thể trong các đơn vị KTTN. Từ đó, có sự phối hợp giữa các cơ quan tham mưu với đoàn thể (như công đoàn, đoàn thanh niên...) với các sở, ban, ngành có liên quan ở địa phương (như: Sở công thương, sở kế hoạch và đầu tư, cục thuế, ban quản lý các khu công nghiệp...) với các cấp ủy đảng phụ trách với DNTN ở cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động thành lập TCD, đoàn thể chính trị - xã hội và kết nạp đảng viên trong các đơn vị KTTN.

### **2.2.3. Đặc điểm công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ**

*Thứ nhất,* công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chủ yếu gắn với nhiệm vụ phát triển, thành lập mới TCD trong điều kiện số lượng DN lớn, phân bố rộng và phát triển nhanh.

Điều kiện thuận lợi ban đầu là nhiều TCD trong DNNKVNN được kế thừa về tổ chức đảng viên do chuyển đổi từ DNNN sang. Nhiều TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ, trước đây phần lớn là TCD trong các DN nhà nước, sau một thời gian cổ phần hóa không còn là DN nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, Nhà nước tham gia vốn điều lệ dưới 50%; TCD trước đây lãnh đạo toàn diện, nay chuyển sang DN có nhiều chủ sở hữu, có các cơ quan lãnh đạo khác nhau quản lý, vị thế lãnh đạo của TCD cũng khác nhau theo các quy định của Đảng.

Sau khi cổ phần hóa các DN, chuyển đổi hình thức và nội dung sở hữu về tư liệu sản xuất của các DN, phải có sự lãnh đạo để gắn kết chặt chẽ các mặt cơ bản của quan hệ sản xuất mới tạo ra được động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển của DN. Đây chính là đặc điểm lớn nhất liên quan trực tiếp và chi phối mạnh mẽ đến việc xây dựng và củng cố TCD.

Hơn nữa, hầu hết các DNNKVNN đều mới thành lập nên để thành lập mới TCD đối với các DNNKVNN được thành lập mới luôn gặp khó khăn về nguồn và điều kiện thành lập TCD. Đó là việc tuyên truyền phát triển đảng viên mới, tuyên truyền vận động chủ doanh nghiệp, công tác tổ chức cán bộ và cả mối liên hệ giữa tổ chức đảng với các tổ chức chính trị - xã hội vì thậm chí, nhiều tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và trước khi có TCD.

*Thứ hai*, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ được triển khai trong môi trường DN đa dạng về quy mô, loại hình sở hữu và lĩnh vực hoạt động.

Những TCD này trong các loại hình DN rất đa dạng về tổ chức hoạt động như: Công ty cổ phần có vốn nhà nước, công ty cổ phần không có vốn nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn dưới 50% vốn nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân, công ty hợp danh và các loại DNTN khác. Các DN thường đăng ký đa lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh để tăng cơ hội tìm kiếm việc làm hoặc để chủ động trong các khâu sản xuất kinh doanh của công ty

mẹ. Chính từ sự đa dạng, đa mô hình nêu trên cũng chi phối việc lãnh đạo của các TCD cấp trên.

*Thứ ba*, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ gắn với đội ngũ đảng viên và người lao động có cơ cấu đa dạng, trình độ học vấn, chuyên môn và lý luận chính trị không đồng đều.

Đối với các DN nhà nước đã cổ phần hóa, phần lớn đội ngũ cán bộ đã được sàng lọc, được kiểm nghiệm trong thực tế nên chất lượng đã được nâng lên rõ rệt. Phần đông cán bộ này đều là những đảng viên giữ vai trò chủ chốt trong DN, chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc hoặc phó giám đốc; đồng thời cũng giữ vai trò là lãnh đạo trong các TCD, bí thư hoặc phó bí thư, cấp ủy viên chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở. Đa số đội ngũ quản lý trong các DN có TCD đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có nhiều kinh nghiệm trong quản lý; có thái độ tốt và trách nhiệm với TCD, đoàn thể trong DN, tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức chính trị, chính trị xã hội hoạt động.

Đối với các DNTN, công ty trách nhiệm hữu hạn đã có TCD, phần lớn đây là những DN phát đạt, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, qua thực tiễn các chủ DN nhận thức được vai trò của TCD, đoàn thể nên ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động.

Đối với các DN thuộc các công ty cổ phần từ DN nhà nước đã cổ phần hóa, phần lớn đảng viên hoạt động ở văn phòng, các bộ phận chức năng của DN và trong hội đồng quản trị, ban giám đốc DN. Đảng viên ở bộ phận này đa số có trình độ chuyên môn cao, chủ yếu là trình độ đại học và trên đại học. Đảng viên ở các bộ phận sản xuất chiếm tỷ lệ rất thấp, đa số có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, văn hóa còn thấp, rất ít đảng viên trực tiếp sản xuất có trình độ đại học.

Đối với các DNTN, công ty trách nhiệm hữu hạn, đảng viên chủ yếu ở khu vực sản xuất. Họ đến từ nhiều nguồn: sinh viên mới ra trường, bộ đội mới hoàn thành nghĩa vụ quân sự, chi bộ nông thôn, nơi cư trú. Vì thế, trình độ

học vấn cũng như chuyên môn, nghiệp vụ rất khác nhau và cơ bản còn nhiều hạn chế trong môi trường công tác mới.

*Thứ tư*, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chịu sự tác động mạnh của cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế và đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN.

Cơ chế thị trường đòi hỏi TCD ở các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ phải thích ứng với nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cạnh tranh bình đẳng. Do đó, TCD không can thiệp hành chính vào quản trị mà vận hành theo hướng đồng hành, tạo sự đồng thuận để phát huy vai trò hạt nhân chính trị.

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đặt ra yêu cầu TCD ở các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ phải nắm bắt chuẩn mực quản trị hiện đại, tuân thủ luật pháp quốc tế, các tiêu chuẩn về lao động, về môi trường và trách nhiệm xã hội. Điều này buộc công tác xây dựng đảng phải rất linh hoạt về phương thức, chú trọng hiệu quả thực chất thay vì hình thức.

Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là sự đa dạng về ngành nghề, quy mô, loại hình sở hữu và cơ cấu lao động phân tán theo ca kíp, dây chuyền tác động trực tiếp đến mô hình tổ chức, nội dung và thời gian sinh hoạt đảng. Vì vậy, TCD phải thiết kế cơ cấu phù hợp từng loại hình DN, ưu tiên các hình thức sinh hoạt linh hoạt, gắn với nhiệm vụ chuyên môn.

Như vậy, ba nhân tố trên chi phối đồng thời nội dung, phương thức và hiệu quả xây dựng TCD, đòi hỏi phải đổi mới tư duy, tăng tính mềm dẻo, gắn chặt công tác đảng với mục tiêu phát triển bền vững của DN và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa chủ DN, người lao động và Nhà nước.

#### **2.2.4. Vai trò công tác xây dựng tổ chức đảng ở vùng Đông Nam Bộ**

*Thứ nhất*, công tác xây dựng TCD góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các DNNKVNN.

Trong mỗi giai đoạn phát triển của cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng phải được tăng cường thì mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới,

mang tính khách quan và cũng là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng. Hiện nay, Đảng ta chủ trương phát triển nền KTTT định hướng XHCN. Theo đó, KTTT là nền kinh tế khách quan do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quy định, trong đó toàn bộ quá trình sản xuất đến phân phối, trao đổi và tiêu dùng đều được thực hiện thông qua thị trường.

Kinh tế thị trường, cơ chế thị trường chứa đựng cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực, với quy luật giá trị, qua luật cạnh tranh, cơ chế thị trường tạo động lực rất quan trọng để mỗi người, mỗi DN, mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh phải nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất. Chính điều này đã tạo động lực to lớn cho các DN phát triển; bởi KTTT giải phóng và thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất, gắn với nền sản xuất trong mỗi quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế. Nó tạo nhu cầu, tạo sự hướng dẫn, điều tiết sản xuất, kiểm nghiệm tính phù hợp của sản xuất đối với tiêu dùng, thúc đẩy quá trình phân công lao động xã hội, làm cho nền kinh tế của mỗi nước vừa phát triển theo hướng đa dạng hóa vừa theo hướng chuyên môn hóa, phát huy lợi thế để nâng cao hiệu quả.

*Thứ hai*, công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN góp phần làm cho DN phát triển ổn định mọi mặt.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng trong các loại hình DNNKVNN là làm cho TCD không ngừng lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng hoạt động; không chỉ tạo nền móng vững chắc cho Đảng, mà còn có ý nghĩa tác động trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của các DN trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong nền KTTT hiện nay. Thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của cấp ủy đảng, sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với từng loại hình và quy mô của từng loại DN, làm cho mọi TCD có đủ khả năng phát động, tổ chức và lãnh đạo người lao động thấu suốt và thực hiện sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị mà tôi luyện cán bộ, đảng viên, phát hiện ưu khuyết của TCD, rút kinh

nghiệm xem xét cán bộ, đảng viên, chỉnh đốn lực lượng và thu hút thêm lực lượng mới vào Đảng.

*Thứ ba*, tăng cường công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và vị thế vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong DN.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCD sẽ là điều kiện quan trọng để lãnh đạo đoàn thể trong các DNNKVNN và vai trò, vị trí của các đoàn thể; vì sự phát triển bền vững của DN; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ DN, người lao động, thực hiện tốt chính sách xã hội. Chú trọng xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các TCD, đoàn thể hiện có; đồng thời, đẩy mạnh việc thành lập mới các TCD, đoàn thể ở những DN có đủ điều kiện. Tập trung làm tốt công tác xây TCD, các đoàn thể trong các khu, cụm công nghiệp tập trung; trong những DN có vị trí, tính chất quan trọng; các DN hoạt động ổn định và có đông lao động.

*Thứ tư*, công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN góp phần xây dựng nền tảng của Đảng.

Chi bộ luôn được xác định là “nền móng”, “nền tảng” của Đảng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Đảng mạnh là do chi bộ mạnh. Chi bộ tốt là do đảng viên đều tốt” [87]. Đảng bộ, chi bộ trong các DNNKVNN trong sạch, vững mạnh là nhân tố quan trọng hàng đầu góp phần phát triển DN bền vững.

Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện đúng nền nếp sinh hoạt đảng. Đảng viên đăng ký chương trình công tác, học tập với chi bộ, chi ủy hướng dẫn kiểm tra và tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện chương trình đã đăng ký. Cấp ủy, chi bộ quản lý và phân công nhiệm vụ cho đảng viên, phát triển đảng viên mới.

## Tiểu kết chương 2

Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước. Trong quá trình đó, DNNKVNN đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế của nước; trong nền KTTT định hướng XHCN, KTTN là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.

Trên cơ sở làm rõ các loại hình DNNKVNN theo quy định của pháp luật, phân tích tình hình, vị thế của các DNNKVNN, TCD vùng Đông Nam Bộ và khái niệm, nội dung, vai trò của xây dựng TCD, tác giả luận án đi sâu phân tích những vấn đề lý luận về công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Theo đó, luận án đã xây dựng khái niệm và phân tích luận giải các nội dung công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ; nêu và phân tích các đặc điểm của công tác xây dựng TCD ở vùng Đông Nam Bộ để vận dụng sáng tạo, phù hợp với địa phương, DN mình.

Luận án đã nêu và phân tích vai trò của công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ để nâng cao nhận thức và ý thức của các TCD, đảng viên, công nhân, người lao động và chủ DN trong công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở địa phương như: công tác xây dựng TCD góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các DNNKVNN; góp phần làm cho DN phát triển ổn định mọi mặt; tăng cường công tác xây dựng Đảng trong DNNKVNN góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và vị thế vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong DN và góp phần xây dựng nền tảng của Đảng, cầu nối giữa Đảng với công nhân người lao động và chủ DN.

Những nội dung công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là căn cứ lý luận quan trọng cho đánh giá thực trạng công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian qua.

### Chương 3

## CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM

### 3.1. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

#### 3.1.1. Ưu điểm

*3.1.1.1. Việc quán triệt các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng nghị quyết về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và từng bước đi vào nền nếp*

Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng Đông Nam Bộ đã kịp thời quán triệt, cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn của Trung ương và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả rõ rệt:

Đã tổ chức học tập, quán triệt nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp và triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 80-KL/TW, ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và của các tỉnh ủy, thành ủy... Nhờ đó, các cấp ủy, TCD có ý thức cao hơn trong xây dựng và thực hiện nghị quyết, của từng cấp ủy, TCD.

Đại hội Đảng bộ các tỉnh, thành phố đều đặt nhiệm vụ xây dựng TCD trong DNNKVNN. Đại hội Đảng bộ Tỉnh Bình Dương lần thứ X (2015) đề ra yêu cầu: đẩy mạnh phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Sau Đại hội lần thứ X của Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Chương trình số 16-CTr/TU, ngày 9/6/2016 về xây dựng phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong

các DNNKVNN giai đoạn 2016 - 2020, trong đó xác định: xây dựng, phát triển TCD trong DNNKVNN có tầm quan trọng đặc biệt, có tính chiến lược đối với công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

Tất cả các tỉnh, thành uỷ và các cấp uỷ trực thuộc đều ban hành chương trình hành động, chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc nâng cao chất lượng phát triển đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; về tiếp tục tăng cường xây dựng TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các đơn vị KTTN, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn thành phố theo Chỉ thị 33-CT/TW của Ban Bí thư. Một số tỉnh uỷ, thành uỷ ở vùng Đông Nam Bộ, điển hình là Tỉnh uỷ Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã xây dựng, ban hành nhiều văn bản về phát triển phát triển TCD trong các DNNKVNN trên địa bàn tỉnh như: Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường xây dựng TCD, đoàn thể chính trị - xã hội trong các DNNKVNN; Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 10/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, xác định các mục tiêu cụ thể và phân công trách nhiệm cho các cấp, ngành trong việc phát triển tổ chức đảng trong DNNKVNN; Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 20/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN theo tinh thần Chỉ thị 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng TCD trong các đơn vị KTTN. Đó là những văn bản lãnh đạo, chỉ đạo quan trọng để các cấp uỷ đảng cụ thể hóa chương trình, kế hoạch xây dựng TCD trong các DNNKVNN của tỉnh uỷ, thành uỷ thành các chương trình, kế hoạch phát triển TCD trong các DNNKVNN phù hợp, khả thi.

Các tỉnh, thành uỷ và các cấp uỷ trực thuộc đều ban hành các quyết định thành lập, bổ sung thành viên ban chỉ đạo, tổ công tác xây dựng đảng, xây dựng các đoàn thể nhân dân trong các DNNKVNN và đơn vị sự nghiệp ngoài công lập nhằm phù hợp với yêu cầu hoạt động. Đồng thời, ban hành

quy chế làm việc của ban chỉ đạo xây dựng đảng và các đoàn thể nhân dân trong các DNNKVNN. Các đảng bộ trực thuộc đã ban hành các chương trình, kế hoạch đẩy mạnh phát triển đảng viên trong các DNNKVNN (Xem Phụ lục 2).

Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển TCD trong DNNKVNN; lãnh đạo, chỉ đạo đảng ủy UBND tỉnh, đảng ủy xã, phường cụ thể hóa. Theo số liệu khảo sát của tác giả, có 160/283 ý kiến, chiếm 56,54% số người được hỏi cho rằng đã được thực hiện thường xuyên; 120/283 ý kiến, chiếm 42,40% số người được hỏi cho rằng đã được thực hiện.

Qua triển khai, quán triệt các cấp ủy, đảng viên trong DNNKVNN, đoàn viên, hội viên, công nhân, người lao động đã nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng TCD, tổ chức chính trị - xã hội ở các đơn vị DNNKVNN; tạo sự đồng bộ thống nhất trong các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở, gắn kết với sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương nơi DN đang hoạt động; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong TCD.

***3.1.1.2. Công tác tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và triển khai tương đối tích cực***

Công tác tuyên truyền, vận động thành lập TCD trong các DNNKVNN hướng đến các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đến công nhân, người lao động và chủ DN.

Các tỉnh ủy, thành ủy đều xác định việc tăng cường xây dựng TCD trong các đơn vị KTTN là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng, rèn luyện đội ngũ giai cấp công nhân trong một khu vực kinh tế có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hướng tới mục tiêu là tạo điều kiện cho các DN phát triển sản xuất kinh doanh đúng định hướng của Đảng, pháp luật của

Nhà nước; giải quyết hài hòa các lợi ích, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Đảng bộ các quận, huyện, thị, thành ủy đã chỉ đạo ủy ban nhân dân cùng cấp lồng ghép các nội dung tuyên truyền về xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội cho chủ DN trong các buổi gặp gỡ, đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo chính quyền địa phương với chủ DN trên địa bàn, bảo đảm kinh phí, các điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ, kịp thời cho công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tại các DN, đã quan tâm bố trí địa điểm, hỗ trợ kinh phí, phương tiện sinh hoạt ở các khu dân cư, khu nhà trọ thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

Trong thực hiện đã bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ tỉnh, thành phố đến cơ sở, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong từng thời điểm; tổ chức tập huấn, tuyên truyền việc chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, tư vấn pháp luật, giám sát an toàn vệ sinh lao động. Tuyên truyền, giáo dục chính trị được thực hiện một cách thường xuyên, đã chú trọng việc đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục có sự lồng ghép với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị. Đài phát thanh - truyền hình, báo địa phương và báo của cơ quan Trung ương đã có nhiều tin bài, chuyên mục về công tác tuyên truyền thành lập TCD và TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ với tinh thần “khó mấy cũng phải làm được”.

Các tỉnh ủy, thành ủy đã ban hành các đề án đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị nhằm xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DN trên địa bàn tỉnh, thành phố; tiến hành tiếp cận, tuyên truyền, vận động theo hướng đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tiếp cận, tăng cường đối thoại, phân công cấp ủy viên theo dõi, giúp đỡ TCD. Các cấp ủy xây dựng tiêu chí để đánh giá chất lượng công tác tuyên truyền: (1) Quán triệt và triển khai tuyên truyền; (2) Chỉ đạo ban tuyên giáo các cấp; (3) Triển khai đầy đủ, kịp thời ở cấp ủy trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và DN; (4) Đánh

giá sự phối hợp giữa các TCD - công đoàn - đoàn thanh niên; (5) Chủ DN đối với công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN; (6) Mức độ nhận thức của người lao động đối với công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN.

*Đối với công nhân, người lao động*, nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, thành phố liên quan đến việc làm, đời sống, sinh hoạt, quyền và nghĩa vụ công dân của người lao động; về ý nghĩa, lợi ích của người lao động khi tham gia TCD và các tổ chức chính trị - xã hội. Đối với DNNKVNN đã có TCD, tổ chức chính trị, tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác phát triển đảng viên, tổ chức chính trị - xã hội trong DN, nâng cao ý thức kỷ luật, kỷ cương, tinh thần trách nhiệm trong lao động đối với người lao động là đảng viên, đoàn viên, hội viên.

*Đối với chủ DN* (hội đồng quản trị - chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp), trọng tâm phổ biến các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của chủ DN đối với thành lập tổ chức chính trị - xã hội tại DN, về mục đích, ý nghĩa, lợi ích thiết thực của việc thành lập TCD, các tổ chức chính trị - xã hội trong DN và những chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với DN có TCD, tổ chức chính trị - xã hội để họ ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng TCD và tổ chức chính trị - xã hội trong DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện biên soạn tờ rơi tuyên truyền bằng song ngữ để tuyên truyền cho chủ DN, nhà quản lý DN là người nước ngoài.

Tỉnh uỷ Đồng Nai (cũ) có nhiều cách làm sáng tạo, như chỉ đạo biên soạn bản tin sinh hoạt chi bộ định kỳ hàng tháng, phát hành đĩa DVD nghe thời sự hoặc truyền hình trực tiếp các nội dung có liên quan đến công nhân; tổ chức tọa đàm về “*Công tác phát triển đảng viên, xây dựng TCD, đoàn thể trong DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài ở Đồng Nai*” [26]; biên soạn tài liệu tuyên truyền và dịch thành nhiều thứ tiếng; dựng 01 bộ phim tuyên truyền về thành lập TCD, đoàn thể trong DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài bằng

tiếng Anh để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động. Đài phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai đã tuyên truyền hàng năm trung bình trên 400 bản tin, bài viết, phóng sự và nhiều tin vắn khai thác tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, về công tác xây dựng, thành lập các TCD trong các DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài [26].

***3.1.1.3. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được triển khai tương đối chủ động và từng bước đồng bộ***

Đảng bộ các quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy khối thuộc DN, đảng đoàn liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, ban thường vụ tỉnh, thành đoàn thành lập ban chỉ đạo, xây dựng lực lượng, xác định phương thức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, của cấp ủy về thành lập TCD trong DNNKVNN, được chủ DN, đại diện thường trực tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên, bí thư, cấp ủy viên, các TCD trong DNNKVNN đánh giá cao.

Đảng bộ các quận, huyện, thị, thành ủy, đảng ủy khối cơ quan và DN, đảng đoàn liên đoàn lao động tỉnh, ban thường vụ tỉnh đoàn đã nhanh chóng thành lập ban chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai đề án; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị cho người lao động và chủ DNNKVNN về công tác phát triển đảng viên, tổ chức chính trị - xã hội trong các DN thuộc phạm vi địa bàn quản lý. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác tuyên truyền xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DN.

Một số tỉnh đã đạt được kết quả khá tốt trong thành lập TCD trong DNNKVNN. Năm 2023, tỉnh Tây Ninh (cũ) đã thành lập 08 TCD trong DNNKVNN, kết nạp 63/100 đảng viên, đạt 63% chỉ tiêu kế hoạch; lũy kế có 55 TCD trong DNNKVNN, với 589 đảng viên [117, tr.3]. Tại tỉnh Đồng Nai (cũ): Năm 2024 toàn tỉnh đã thành lập được 13 TCD trong DNNKVNN, đạt 100% chỉ tiêu Tỉnh ủy đề ra; hiện nay, Đảng bộ tỉnh có 296 TCD trong DNNKVNN, gồm

127 tổ chức cơ sở đảng (17 đảng bộ cơ sở và 109 chi bộ cơ sở) và 169 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở [116]. Tại tỉnh Bình Phước (cũ): Trong năm 2024 đã thành lập được 12 TCD trong các đơn vị KTTN, trong đó có 04 TCD trong khu công nghiệp (03 TCD trong DN FDI) [28]; đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 54 TCD trong đơn vị KTTN, DN FDI, tăng 22 TCD so với năm 2020 [28].

Với quyết tâm cao “*khó mấy cũng làm được*”, đến năm 2023, các tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ đã thành lập được 3.418 TCD, với 38.161 đảng viên trong DNNKVNN, chiếm tỉ lệ 6,90% trên tổng số đảng viên của toàn đảng bộ trong vùng (xem Phụ lục 6).

***3.1.1.4. Việc xây dựng tổ chức, bố trí cán bộ, các nguồn lực để thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và từng bước được củng cố***

Việc xây dựng tổ chức, bố trí cán bộ và các nguồn lực để thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là bước quan trọng để đảm bảo hiệu quả trên thực tế. Công tác tổ chức, cán bộ được các cấp ủy, TCD thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Đảng và hướng dẫn của cấp trên. Các cấp ủy, TCD cấp trên luôn bám sát tình hình tổ chức của các TCD trong DNNKVNN; làm tốt công tác sắp xếp mô hình cho phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể; thành lập, giải thể các tổ chức theo đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, giám sát, hỗ trợ nghiệp vụ, nhất là đối với công tác thẩm tra, xác minh tiêu chuẩn chính trị, công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng.

Căn cứ vào chỉ đạo, hướng dẫn của các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng Đông Nam Bộ, đa số các cấp ủy cơ sở trong DNNKVNN trên địa bàn đã đề ra chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ, đảm bảo tiêu chuẩn, quy trình và thẩm quyền được phân cấp của DN trong việc sắp xếp bộ máy quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhiều TCD trong DNNKVNN đã ban hành các văn bản về công tác cán bộ như quy

chế quản lý, bổ nhiệm cán bộ, quy định về công tác đào tạo và quy hoạch cán bộ, thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm theo thẩm quyền quy định. Nhìn chung, khi đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ đều có ý kiến tham gia của lãnh đạo DN, từ đó lãnh đạo đơn vị quyết định theo thẩm quyền.

Đối với các DNNKVNN, thông qua đảng viên là lãnh đạo DN để thực hiện nghị quyết của cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ. Theo đó, TCD tham gia với lãnh đạo DN ban hành các quy chế quản lý cán bộ. Đồng thời, cấp ủy chủ động tham gia ý kiến với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) hoặc tổng giám đốc DN về công tác tổ chức, cán bộ của DN, giới thiệu đảng viên có trình độ, năng lực, uy tín vào quy hoạch, giữ vị trí chủ chốt của DN.

Một trong những yếu tố quan trọng trong xây dựng TCD, nhất là thành lập TCD mới ở những nơi chưa có TCD, đó là tạo nguồn phát triển Đảng. Các ban chỉ đạo chú trọng đặc biệt đến tạo nguồn phát triển Đảng, tuyên truyền chủ DN vận động công nhân, người lao động tiêu biểu.

Tại tỉnh Bình Phước (cũ), công tác phát triển đảng viên, TCD, đoàn thể trong các DNNKVNN được tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đảng ủy UBND tỉnh, đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất, đảng ủy xã, phường; đồng thời, hướng dẫn Đảng ủy cơ sở Ban Quản lý khu kinh tế phát triển đảng viên thành lập TCD trong các DN; chỉ đạo Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh hướng dẫn tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ trong DN và đã đạt được một số kết quả tích cực. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Tỉnh ủy Bình Phước đã triển khai các định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy việc thành lập TCD trong các DNNKVNN chưa có TCD. Ngày 18/7/2023, Tỉnh ủy ban hành Đề án 09-ĐA/TU về việc đẩy mạnh kết nạp đảng viên, phát triển TCD, đoàn thể trong các DN tại khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2030. Đề án 09-ĐA/TU đặt ra mục tiêu đến cuối năm 2025 sẽ kết nạp mới 30 đảng viên trở lên và thành lập từ 10 đến 15 chi bộ trong các DN tại khu công nghiệp, khu kinh tế [114, tr.5].

**3.1.1.5. Công tác củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và đạt được những kết quả bước đầu**

Quán triệt phương châm “phát triển đi đôi với củng cố tổ chức đảng”, các cấp ủy, TCD trong đảng bộ đặc biệt quan tâm đến công tác củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, TCD trong các DNNKVNN; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của các TCD với hình thức, thời gian và nội dung phù hợp; tăng cường đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng; kịp thời kiện toàn đội ngũ cấp ủy, bí thư...; phân công cấp ủy viên cấp trên, đảng viên tham gia cấp ủy, cùng sinh hoạt tại các chi bộ gặp khó khăn về cán bộ, thiếu đảng viên chính thức.

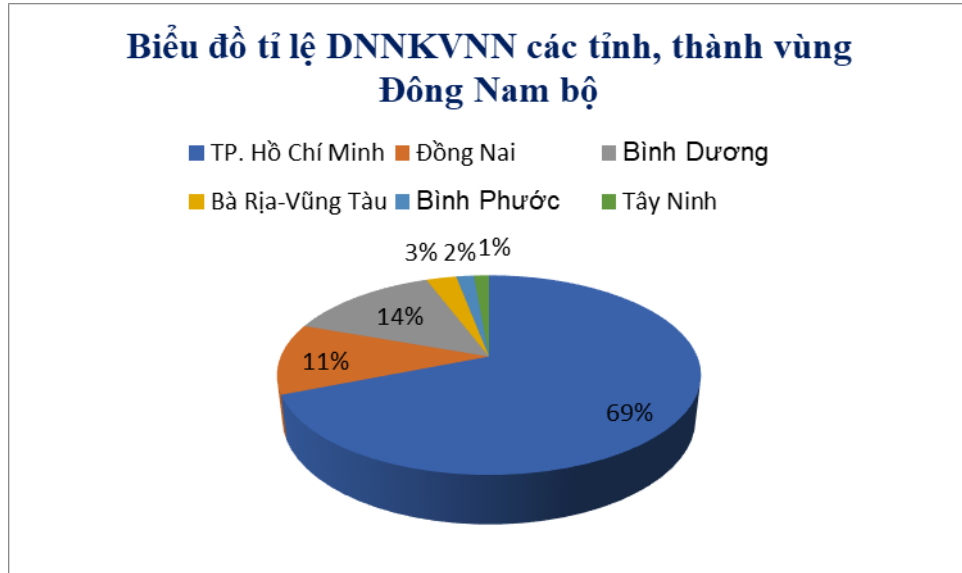
Với sự quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, TCD cấp trên, TCD trong các DNNKVNN tăng nhanh về số lượng:

**Bảng 3.1: Tình hình thành lập TCD trong DN ngoài khu vực Nhà nước vùng Đông Nam Bộ (2015 - 2025)**

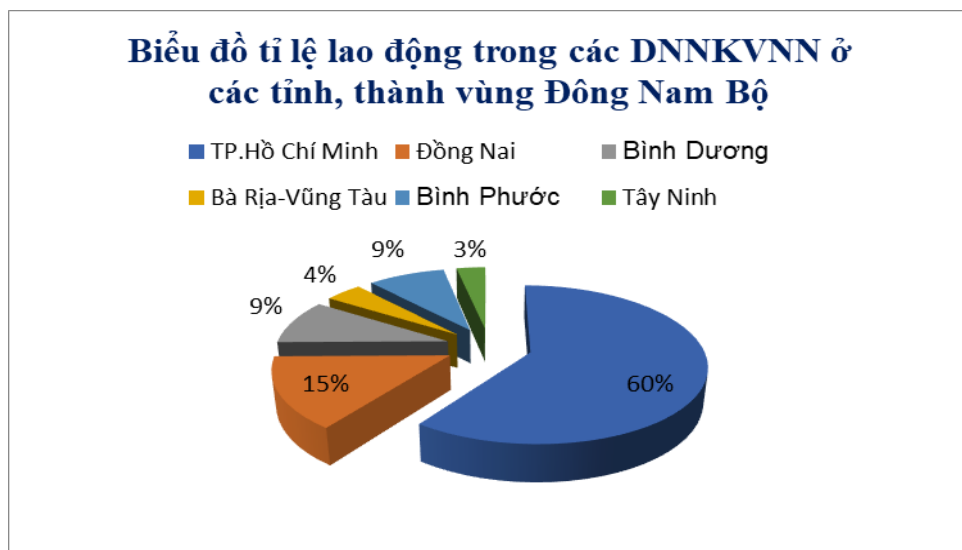
Các tỉnh vùng Đông Nam Bộ	Giai đoạn 2015 - 6/2025					
	Tổng số TCD	TCD trong DNNKVNN	Tỉ lệ	Trong đó		
				Tổng số đảng viên	Đảng viên trong DNNKVNN	Tỉ lệ %
Bà Rịa - Vũng Tàu	613	182	29,69	47.176	2130	4,52
Bình Dương	2.138	244	11,41	5.496	3015	54,86
Bình Phước	840	80	9,52	39.049	400	1,02
Đồng Nai	943	439	46,55	90.015	4085	4,54
Tây Ninh	1.769	53	3,00	39.461	707	1,79
TP. Hồ Chí Minh	52.323	2.420	4,63	255.576	27824	10,89
<b>Tổng</b>	<b>58.626</b>	<b>3.418</b>	<b>5,83</b>	<b>476.773</b>	<b>38161</b>	<b>8,00</b>

*Nguồn: Tài liệu nội bộ 6 tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ*

Tính đến tháng 31/5/2025, Đảng bộ các khu công nghiệp, khu chế xuất trong các tỉnh, thành phố có 3.418 TCD, trong tổng số 674.357.233 DN, đạt tỷ lệ 64,51% trong tổng số DN trong vùng Đông Nam Bộ.



**Biểu đồ 3.1: Tỷ lệ DNNKVNN các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ**



**Biểu đồ 3.2: Tỷ lệ lao động trong các DNNKVNN ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ**

Trong giai đoạn 2015 - 2023, đảng ủy các các khu công nghiệp, khu chế xuất quan tâm công tác phát triển đảng viên, số lượng đảng viên hàng năm tăng đáng kể. Tính đến hết năm 2018, số lượng đảng viên trong khu vực KTTN ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ là 36.589 đảng viên, đến hết

năm 2020 số lượng đảng viên tăng lên 38.280 đảng viên và đến năm 2023 có 40.820 đảng viên [124]. Nhiều tỉnh có kết quả vượt trội như thành phố Hồ Chí Minh tăng gần gấp đôi và tỉnh Bình Phước đã tăng gần 05 lần [124].

Cùng với việc tăng nhanh về số lượng TCD, đảng viên, chất lượng TCD trong các DNNKVNN cũng có nhiều chuyển biến tích cực.

Cấp ủy các cấp vùng Đông Nam Bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo để TCD trong DNNKVNN hoạt động và sinh hoạt phù hợp với đặc thù sản xuất, kinh doanh của DN. Nhìn chung, các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã làm tốt việc xây dựng, tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của TCD, quy chế làm việc của cấp ủy... Đồng thời, thường xuyên quan tâm sửa đổi, bổ sung các quy chế cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Các quy chế được xây dựng đã bám sát chức năng, nhiệm vụ theo quy định và điều kiện của đảng bộ, chi bộ cơ sở, do vậy có tác dụng nâng cao chất lượng hoạt động của cấp ủy, TCD. Nhiều TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã xây dựng quy chế, quy định về mối quan hệ phối hợp công tác giữa cấp ủy với lãnh đạo DN.

Đa số các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã làm tốt công tác xây dựng các nghị quyết, chương trình hành động, đề án, kế hoạch toàn khóa, hằng năm để thực hiện nghị quyết của Trung ương và cấp ủy cấp trên. Đồng thời, quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, phát huy dân chủ, ý thức tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên. Nhiều nơi đã tổ chức sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề như: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác phát triển đảng viên; giải pháp nâng cao chất lượng TCD, đội ngũ đảng viên; công tác quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên... Hiện nay, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trong vùng đang giao ban tổ chức cấp ủy nghiên cứu xây dựng hướng dẫn việc thí điểm sinh hoạt chi bộ DNNKVNN dưới hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp, phù hợp với đặc điểm tình hình, nhằm tháo gỡ khó khăn trong sinh hoạt, nhưng vẫn bảo đảm những vấn đề thuộc về nguyên tắc theo quy định. Triển khai thực hiện có hiệu quả ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử”.

Các cấp ủy đảng thường xuyên nắm bắt tình hình đội ngũ đảng viên về chính trị, tư tưởng, công tác, quan hệ xã hội và sinh hoạt đảng. Bên cạnh đó, cấp ủy cấp trên quan tâm, bố trí cấp ủy viên, đảng viên chính thức tham gia cấp ủy, một số trường hợp giữ chức vụ bí thư các chi bộ gặp khó khăn trong hoạt động, song song đó là bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại chỗ chuẩn bị cho việc kiện toàn khi đủ điều kiện.

Các cấp ủy, TCD đảm bảo các mối quan hệ theo quy định của Đảng, theo quy chế làm việc của cấp trên và quy chế làm việc của cấp mình và quy chế phối hợp đã ký kết. Một số đơn vị xây dựng và duy trì tốt mối quan hệ với lãnh đạo, quản lý và chủ DN. Đặc biệt, một số chủ DN đã tin tưởng, chọn các đồng chí bí thư, đảng viên bố trí vào các vị trí lãnh đạo trong DN, hoặc tham khảo ý kiến bí thư chi bộ đối với nhân sự dự kiến bố trí các vị trí quản lý.

***3.1.1.6. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được chú trọng triển khai và từng bước được thực hiện tương đối nền nếp***

Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là rất quan trọng để đảm bảo các TCD hoạt động hiệu quả và thực hiện đúng các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Theo đó, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật tại các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã được tiến hành thường xuyên và có trọng tâm, trọng điểm, không có “vùng cấm”. Việc thi hành kỷ luật đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm được tiến hành chặt chẽ, thận trọng, đúng nguyên tắc, quy trình, thể hiện rõ tính chiến đấu, giáo dục, răn đe.

Căn cứ chỉ đạo của cấp ủy cấp trên, của ủy ban kiểm tra cấp ủy trong việc thực hiện Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát. Với sự hướng dẫn, hỗ trợ của ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên, hầu hết các TCD trong DN đã xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, kiểm tra giám sát nhiệm kỳ và hàng năm chặt chẽ, phù hợp.

Các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã làm tốt công tác quản lý, giám sát đảng viên về tư tưởng chính trị, trình độ năng lực công tác, sinh hoạt và quan hệ xã hội, thực hiện những điều đảng viên không được làm theo Quy định số 115-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Quy định số 37-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Chi bộ nơi đảng viên lao động đã quan tâm giao nhiệm vụ cho đảng viên, gắn với công tác chuyên môn của đảng viên, để thực hiện tốt nghị quyết chi bộ, rèn luyện của đảng viên.

Đa số các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thực hiện việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mỗi DN và đội ngũ đảng viên, công nhân viên luôn quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo, đề cao tính nguyên tắc theo quy định của Điều lệ Đảng, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, tự phê bình và phê bình như “rửa mặt hằng ngày”. Phê bình, góp ý chân thành, trên tinh thần đồng chí, giúp đỡ lẫn nhau tiến bộ; hầu hết các đồng chí lãnh đạo DN đã gương mẫu thực hiện tự phê bình và phê bình theo quy định.

Có nhiều điểm sáng tạo đáng ghi nhận trong công tác xây dựng đảng ở vùng Đông Nam Bộ trong những năm qua, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương (cũ). Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành “Quy định số 1374-QĐ/TU, ngày 01/12/2017 về quy trình giải quyết thông tin phản ánh liên quan các tập thể, cá nhân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tại tỉnh Bình Dương (cũ), trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, đã kiểm tra 58 TCD và 55 đảng viên; giám sát 34 TCD và 34 đảng viên là người đứng đầu cấp ủy trong các DNNKVNN. Ủy Ban Kiểm tra Đảng ủy Khối kiểm tra 219 TCD thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; 135 TCD về trích nộp và sử dụng đảng phí; giám sát 15 tổ chức đảng và 15 đảng viên. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cơ sở kiểm tra 1.338 TCD, giám sát 231 TCD về quản lý sử dụng tài chính đảng, thu nộp đảng phí [63, tr.6].

Tại tỉnh Tây Ninh (cũ), đã ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm với các nội dung cụ thể, tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ và duy trì chế độ sinh hoạt. Trong giai đoạn 2020 - 2024, đã tổ chức 18 lượt kiểm tra và 10 lượt giám sát chuyên đề tại các chi bộ mới thành lập trong các DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), đặc biệt ở các khu công nghiệp Trảng Bàng, Phước Đông và Chà Là [67, tr.4].

Tại tỉnh Đồng Nai (cũ), công tác phát triển TCD trong DN được sơ kết, tổng kết một cách thường xuyên và có hệ thống. Từ các đợt sơ kết, tổng kết, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành các hướng dẫn, kế hoạch và điều chỉnh chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế của các DN.

Từ công tác xây dựng đảng trong các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ cho thấy, các TCD đã phát huy được nhân tố tích cực, từng bước xiết lại kỷ luật, kỷ cương, cảnh báo, răn đe, cảnh tỉnh và góp phần ngăn chặn các hành vi tiêu cực trong cán bộ, đảng viên. Đa số đảng viên trong các DN có nhiều chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm và hành động; mối quan hệ mật thiết với nhân dân tiếp tục được củng cố, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

***3.1.1.7. Công tác phối hợp giữa các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và từng bước đi vào nền nếp***

Các cấp ủy đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị đã sử dụng, phát huy hiệu quả đội ngũ cán bộ theo đề án hỗ trợ nguồn lực trong công tác tiếp cận, tuyên truyền vận động công nhân lao động, chủ DN, không ngừng đổi mới phương pháp và cách thức tiếp cận, phát huy thế mạnh hiện có của công nghệ, đa dạng hóa trên các kênh tuyên truyền như cổng thông tin điện tử của TCD, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên, sử dụng các nhóm zalo kết nối quan hệ với người lao động, chủ DN, TCD, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh, sử dụng facebook, sử dụng hệ thống truyền thanh cơ sở,

tổ chức nhiều hoạt động gắn với tuyên truyền phát triển đảng viên, phát triển tổ chức chính trị - xã hội, được đại diện thường trực các tổ chức chính trị - xã hội và chủ DNNKVNN đánh giá rất tốt, đã tạo ra nhiều kênh thông tin để người lao động biết chủ trương phát triển đảng viên trong DNNKVNN.

Chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh, thành phố đã tăng cường đối thoại, trao đổi để chủ DNNKVNN ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia TCD, tổ chức chính trị - xã hội và làm cho người lao động hiểu về quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng để tự nguyện tham gia TCD, tổ chức chính trị - xã hội tại DN. Đối với những DN 100% vốn đầu tư nước ngoài, cấp ủy, chính quyền cấp trên trực tiếp cử cán bộ, đảng viên tổ chức phối hợp liên ngành để tiếp xúc, làm việc với chủ DN nước ngoài; tuyên truyền, phổ biến để có nhận thức rõ về sự cần thiết và ý nghĩa, mục đích của việc phát triển đảng viên, thành lập tổ chức chính trị - xã hội tại DN, dần có chuyển biến về nhận thức, đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

Thường xuyên tổ chức các buổi tiếp xúc, đối thoại với đảng viên, đoàn viên công nhân lao động và lãnh đạo, quản lý DN để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, tiếp nhận, giải đáp kiến nghị, đề xuất chính đáng, hình thành kênh trao đổi thông tin tin cậy, thường xuyên, kịp thời giữa cấp ủy, chính quyền với đảng viên, TCD, người lao động trong DNNKVNN, tiến hành lồng ghép nội dung tuyên truyền về xây dựng TCD cho chủ DNNKVNN trong các buổi gặp gỡ, đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với chủ DN, hiệp hội DN, hội doanh nhân.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới được đảng bộ cơ sở chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt; bước đầu đã xây dựng các nguồn lực để tuyên truyền thông tin tích cực, đấu tranh phê phán thông tin xấu độc trên không gian mạng đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đã tạo sự thống nhất trong nhận thức của các chủ DN và từng bước đồng thuận trong hành động về thành lập TCD trong các DNNKVNN.

Tại tỉnh Bình Dương (cũ), bám sát tinh thần Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của đảng ủy UBND tỉnh, đảng ủy khu công nghiệp, khu chế xuất, đảng ủy xã, phường, công tác phối hợp hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong DN (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, hội Phụ nữ...) và sự tham gia tích cực của quần chúng lao động, nhất là sự chủ động, tích cực của chủ DN trong tham gia phát triển TCD trong thời gian qua đã đạt được những hiệu quả tích cực. Tính đến hết năm 2023, đã có trên 85% DN có TCD đồng thời thành lập được tổ chức Công đoàn; trong đó, nhiều tổ chức Công đoàn đã chủ động phát hiện, giới thiệu quần chúng ưu tú cho TCD xem xét bồi dưỡng kết nạp. Nhờ sự phối hợp đồng bộ này, từ năm 2020 - 2023, toàn tỉnh đã phát triển được 112 tổ chức cơ sở đảng mới trong DNNKVNN, trong đó trên 60% tổ chức được thành lập thông qua sự kết nối, giới thiệu của tổ chức Công đoàn [63, tr.5]. Tỉnh Đoàn Bình Dương phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy Khối và các ban ngành liên quan trong việc phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú. Từ năm 2021 - 2024, hơn 1.250 đoàn viên ưu tú trong DNNKVNN được giới thiệu học lớp nhận thức về Đảng, trong đó gần 500 người đã được kết nạp [63, tr.6].

### **3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm**

***3.1.2.1. Việc quán triệt các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng nghị quyết về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở một số cấp ủy còn chưa thật sự sâu sắc và thiếu tính cụ thể***

Công tác tuyên truyền, vận động chủ DNNKVNN, người lao động ở vùng Đông Nam Bộ trong việc thành lập TCD, đoàn thể ở một số nơi chưa đạt kết quả cao như: chưa đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương pháp, chủ yếu là hình thức thông báo, phổ biến, nhiều đồng chí bí thư, phó bí thư cấp ủy cơ sở khả năng truyền đạt còn yếu. Còn một số TCD chưa nắm chắc diễn biến tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công nhân viên và người lao động để có biện pháp kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc ở DN. Kết quả thực

hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở một số TCD trong DNNKVNN có hạn chế, chưa có sức lôi cuốn, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, rộng khắp trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và người lao động.

Hoạt động của một số TCD trong DNNKVNN còn lúng túng, sinh hoạt chưa đều đặn. Có nơi, việc đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên chưa tốt.

Đa số đảng viên trong các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ cho rằng, việc học chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở chi bộ, đảng bộ cơ sở thời gian qua chỉ giúp đảng viên hiểu sâu sắc hơn so với tự đọc, tự nghiên cứu về chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tỉnh ủy, thành ủy; chưa làm cho đảng viên, chi bộ, đảng bộ ý thức việc đề ra chương trình hành động thiết thực, có tính khả thi hay để đảng viên trung thực dám nói thẳng, nói thật, không mang tính đối phó trong khâu liên hệ kiểm điểm, viết thu hoạch.

Nội bộ các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ có không ít cán bộ, đảng viên, cấp uỷ đảng và thành viên hội đồng quản trị, giám đốc DN chưa nhận thức rõ về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc xây dựng, phát triển TCD trong DN; chưa nhận thức đúng về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của TCD trong DNNKVNN.

***3.1.2.2. Công tác tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở một số nơi còn chưa thật sự thường xuyên và hiệu quả chưa cao***

Một số TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ chưa lựa chọn được hình thức thích hợp tuyên truyền, vận động để các chủ DN, các thành viên hội đồng quản trị DN nắm được quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là các chủ trương của Đảng về phát triển TCD và đoàn thể trong DNNKVNN, giúp họ hiểu đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ của TCD trong DN; thấy được mục đích, lợi ích của việc thành lập TCD, các đoàn thể trong DN.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về Cương lĩnh, tôn chỉ, mục đích, lý tưởng của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước cho công nhân, người lao động còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Vì vậy, nhận thức của công nhân, người lao động về Đảng, về Nhà nước rất hạn chế. Có 32,66% ý kiến được hỏi cho biết không hứng thú khi tham gia các buổi nghe tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết của Đảng vì cách truyền đạt khô khan, thiếu hấp dẫn. Để tự đánh giá hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, nghị quyết của Đảng, các công nhân qua khảo sát cho biết có tới gần 78% số người được hỏi tự nhận nhận thức về nội dung này ở mức trung bình và kém.

Đảng viên được kết nạp là chủ DN còn ít. Tỉnh Đồng Nai (cũ) có nhiều DNTN nhưng đến hết năm 2024, toàn tỉnh đã phát triển 33 TCD, kết nạp được 1.044 đảng viên trong DNNKVNN, nâng tổng số TCD trong các DNNKVNN lên 185, với 4.158 đảng viên, nhưng cũng chỉ chiếm 4,7% so với tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh và chỉ có 28 đảng viên là chủ DNTN, trong đó có 19 bí thư cấp ủy đồng thời là chủ DNTN [65, tr.3].

Hàng năm, rất ít các TCD trong DNNKVNN ở Vùng Đông Nam Bộ tổ chức gặp mặt, động viên biểu dương các DN làm tốt công tác xây dựng đảng, xây dựng các đoàn thể. Việc biểu dương, khen thưởng các TCD hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các đoàn thể vững mạnh, xuất sắc chưa được chú trọng.

***3.1.2.3. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở một số cấp ủy còn thiếu chủ động và chưa thật sự đồng bộ***

Bên cạnh việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng TCD trong các DNNKVNN, vẫn còn một số cấp ủy cấp trên chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng TCD, đoàn thể chính trị - xã hội trong các đơn vị KTTN, còn giao khoán cho ban chỉ đạo

và tổ chuyên trách, tổ công tác. Ban chỉ đạo của một số cấp ủy hoạt động chưa hiệu quả, chưa có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn với trách nhiệm cá nhân của từng thành viên ban chỉ đạo; công tác phối hợp của ban chỉ đạo với một số cơ quan, ban, ngành liên quan thiếu đồng bộ, nhất là sự phối hợp giữa ban chỉ đạo và các cơ quan, đơn vị cấp huyện, quận với cấp ủy xã, phường, thị trấn.

Ở tỉnh Bình Phước (cũ), năm 2023, trên địa bàn tỉnh có khoảng 2.000 DNNKVNN, nhưng chỉ khoảng 40 tổ chức cơ sở đảng được thành lập, chiếm tỷ lệ 2%. Đây một con số khá khiêm tốn so với tiềm năng và quy mô DN [64, tr.3].

Tỉnh Đồng Nai (cũ), từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay, toàn tỉnh đã phát triển 33 TCD, kết nạp được 1.044 đảng viên trong DNNKVNN, nâng tổng số TCD trong DNNKVNN lên gần 200 tổ chức, với hơn 4.000 đảng viên, chiếm 4,7% so với tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh [129].

Tỉnh Bình Dương (cũ), tính đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có khoảng 6.500 DNNKVNN đang hoạt động nhưng chỉ có khoảng 400 tổ chức cơ sở đảng được thành lập trong khu vực này (tỷ lệ chưa đến 1%) [62].

Tỉnh Tây Ninh (cũ), có khoảng 1.087 dự án đầu tư đang hoạt động, trong đó có 708 dự án trong nước và 384 dự án đầu tư nước ngoài [67, tr.5] nhưng hiện có 83 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó chỉ có 14 tổ chức đảng trong DN nhà nước và 08 TCD trong DN cổ phần có vốn nhà nước trên 50% [67, tr.2].

***3.1.2.4. Việc xây dựng tổ chức, bố trí cán bộ và bảo đảm các nguồn lực để thực hiện kế hoạch, đề án, chương trình công tác của cấp ủy về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở một số nơi còn chưa thật sự đầy đủ và thiếu ổn định***

Hiện nay, một số TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ, đôi lúc công tác quy hoạch đội ngũ cấp ủy chưa thực hiện tốt, thường gần đến các kỳ đại hội mới xây dựng đề án nhân sự, nên thực tế đội ngũ cấp ủy mới bổ sung thiếu sự đào tạo, bồi dưỡng, chất lượng chưa đáp ứng ngay được yêu cầu nhiệm vụ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ ở một số TCD trong DNNKVNN trong vùng, các cấp ủy chưa quan tâm đúng mức. Đa phần các cấp ủy viên cơ

sở đều kiêm nhiệm các nhiệm vụ sản xuất của DNNKVNN, do vậy phần lớn thời gian chỉ tập trung cho nhiệm vụ chuyên môn, ít dành thời gian nghiên cứu nghiệp vụ công tác cấp ủy, công tác xây dựng đảng.

Ở một số TCD trong DNNKVNN, chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ chưa cao, ý thức đấu tranh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt còn thấp, tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu chưa cao. Việc sinh hoạt đảng bộ định kỳ 02 lần/năm nhiều nơi chưa triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Một số cấp ủy, chi bộ, chất lượng nghị quyết chưa cao, chưa đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình trong DN trước công nhân, đảng viên và người lao động.

Tỉnh Đồng Nai (cũ), đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển TCD còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều việc, thiếu kỹ năng vận động DN. Trong năm 2023, toàn tỉnh có khoảng 2.000 DNNKVNN đang hoạt động, nhưng chỉ có khoảng 35 cán bộ cấp huyện và xã được phân công theo dõi công tác phát triển TCD, trong đó chỉ có 4 cán bộ chuyên trách ở cấp tỉnh, còn lại đều kiêm nhiệm [116, tr.2].

Tại tỉnh Bình Dương (cũ), trong năm 2022 chỉ có khoảng 65% cán bộ được tập huấn bài bản, trong khi nhiều cán bộ vẫn phải tự học hỏi, tích lũy kinh nghiệm qua thực tiễn [113, tr.3]. Việc thiếu cán bộ chuyên trách đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác vận động, hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức đảng và phát triển đảng viên mới. Trong năm 2023, toàn tỉnh chỉ có khoảng 04 cán bộ chuyên trách và trên 30 cán bộ bán chuyên trách theo dõi, tham mưu công tác phát triển TCD trong DNNKVNN trên phạm vi toàn tỉnh với hơn 6.500 DNNKVNN [113, tr.2].

Một số DN chưa có tổ chức đoàn thanh niên, chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn chưa là đảng viên. Vì vậy, việc bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng có phần hạn chế.

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), việc thực hiện phối hợp chưa thật sự chặt chẽ, còn mang tính lỏng ghép, thiếu cơ chế điều phối đồng bộ và hiệu quả chưa cao, nhất là ở các khu vực có mật độ DN phân bố phân tán hoặc các

DN có quy mô nhỏ. Tính đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có khoảng 7.200 DNNKVNN, song mới chỉ có hơn 120 tổ chức cơ sở đảng được thành lập trong khu vực này, chiếm tỷ lệ khoảng 1,7% [61, tr.21].

***3.1.2.5. Công tác củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước có lúc, có nơi còn chưa được quan tâm chỉ đạo kịp thời, kết quả có mặt còn hạn chế***

Nhiều cấp ủy đảng trong các DN chưa phát huy vai trò lãnh đạo, chưa thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, còn lúng túng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Tất cả vấn đề trong DN do chủ DN quyết định, những nơi đồng chí cấp ủy viên không có vị trí quản lý trong DN càng yếu trong công tác lãnh đạo của chi bộ đối với đảng viên.

Trước yêu cầu mới, vấn đề phát triển TCD, đoàn thể trong các DN đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức như: số lượng các TCD, đoàn thể còn ít so với tổng số DN trên địa bàn, phân bố không đều giữa các khu vực.

Mô hình tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động, nhất là vai trò lãnh đạo của các TCD giải quyết mối quan hệ giữa chủ DN và người lao động còn bất cập. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các TCD trong DNNKVNN chưa thực sự quyết liệt, chủ động, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác xây dựng, đoàn thể trong DN. Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, nhiều chủ DN chưa nhận thức đúng mức vị trí, vai trò của TCD, đoàn thể.

Cùng với sự phát triển của DN, đội ngũ công nhân lao động không ngừng trưởng thành, không chỉ quan tâm tới vấn đề lợi ích vật chất thuần túy, mà là sự xuất hiện các nhu cầu mới như được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được bảo vệ quyền lợi, vui chơi giải trí... Đồng thời, trước những tác động của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, mặt trái của cơ chế thị trường, việc cạnh tranh giữa các DN để tồn tại ngày càng quyết liệt làm cho việc thực hiện chức năng bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động ngày càng phức tạp hơn. Thậm chí có giới chủ, người sử dụng lao động

và đại diện của họ có những quan điểm, việc làm không đúng, không muốn thành lập hoặc làm giảm uy tín của TCD, đoàn thể.

Trước những thực tiễn trên, đòi hỏi công tác phát triển các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đang là một đòi hỏi bức thiết và phải có một hệ thống giải pháp toàn diện cả về việc ban hành cơ chế chính sách. Đồng thời đề cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của các cấp chính quyền, các ngành, trách nhiệm của các đoàn thể, DN và người lao động.

***3.1.2.6. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở một số nơi còn chưa chặt chẽ, kịp thời***

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ với các TCD trong DNNKVNN, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định.

Công tác kiểm tra, giám sát ở nhiều TCD chưa thực hiện tốt, chưa kịp thời phát hiện, xử lý đảng viên sai phạm. Nhiều chi bộ cơ sở DNNKVNN chưa thực hiện tốt công tác quản lý đảng viên, việc phối hợp với cấp ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú để quản lý đảng viên còn hạn chế, chỉ làm khi thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ, xây dựng quy hoạch cấp ủy hoặc xếp loại đảng viên cuối năm.

Công tác đánh giá, phân loại TCD, đảng viên trong DNNKVNN ở Vùng còn hình thức, chạy theo thành tích; tỷ lệ TCD hoàn thành nhiệm vụ trong DNNKVNN hàng năm cao hơn so với quy định, có nơi việc đánh giá, xếp loại chậm so với kế hoạch.

Các TCD trong DNNKVNN chưa thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện các kết luận kiểm tra, thông báo kết quả giám sát của Ban Thường vụ Thành ủy đối với các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Đảng, Đoàn thể,...

Việc triển khai thực hiện dân chủ trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng tại một số TCD trong DNNKVNN vẫn còn tồn tại, hạn chế; các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng tuy đã được tổ chức học tập, quán triệt, nhưng có lúc, có nơi chưa sâu, kỹ, còn chậm; một số TCD thực hiện kế hoạch, phương pháp, quy trình công tác kiểm tra còn thiếu sót, có biểu hiện làm lướt, thiếu chặt chẽ, không coi trọng phát huy dân chủ; chưa nắm vững và thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; chưa phát huy đúng mức tính tự giác của TCD và đảng viên. Mặt khác, vẫn còn một số đảng viên có sai phạm thiếu thành khẩn, né tránh khuyết điểm, việc đấu tranh xây dựng nội bộ tự phê bình và phê bình còn yếu.

Trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, một số TCD trong DNNKVNN vẫn còn khoán trắng cho uỷ ban kiểm tra thực hiện; chưa phát huy được vai trò tham mưu của các ban tham mưu, giúp cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Các ban của cấp uỷ mới chỉ thực hiện chức năng tham mưu cho cấp uỷ, còn ít thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.

Tại tỉnh Bình Phước (cũ), giai đoạn 2020 - 2024, trong số 112 tổ chức cơ sở đảng trong các DNNKVNN do Đảng uỷ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh quản lý, chỉ có 43 TCD (đạt 38,4%) thực hiện sơ kết hằng năm công tác phát triển TCD và phát triển đảng viên, trong khi chỉ có 18 TCD (tương đương 16%) tổ chức hội nghị tổng kết có đánh giá nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất giải pháp cụ thể [114, tr.6]. Trong năm 2024, trong số 92 tổ chức cơ sở đảng trong DNNKVNN, chỉ có khoảng 21 tổ chức cơ sở đảng (22,8%) thực hiện tổng kết gắn với đánh giá hiệu quả mô hình hoạt động thực tiễn, trong khi hơn 60% các báo cáo không đề cập đến phương án phát triển TCD phù hợp với ngành nghề, đặc thù DN [114, tr.8].

Một số TCD trong DNNKVNN thực hiện các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định chưa thật hiệu quả; việc thực hiện giám sát thường xuyên còn hình thức, thực hiện giám sát chuyên đề còn hạn chế; việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đạt kết quả chưa cao. Còn một số nơi chưa tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Việc phát hiện, nhân rộng những cách làm mới, sáng tạo, mô hình hay qua công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

***3.1.2.7. Công tác phối hợp giữa các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đối với xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ và chưa thật sự kịp thời***

Bên cạnh những kết quả đạt được trong việc phối hợp các cơ quan có thẩm quyền về xây dựng TCD trong DNNKVNN, cũng có một số hạn chế nhất định. Mô hình hệ thống Đảng, đoàn thể các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa hoàn chỉnh. Cấp khu không có công đoàn khu, mà chỉ là văn phòng đại diện công đoàn khu, không có con dấu riêng nên một số nội dung quan hệ phối hợp cụ thể giữa đảng bộ cơ sở với công đoàn các khu chưa kịp thời, có lúc có nơi chưa đồng bộ. Việc ký kết phối hợp giữa Đảng, đoàn thể cấp trên quản lý TCD trong các DN đầu tư hạ tầng nhằm tăng cường công tác phối hợp trong thực hiện xây dựng lực lượng chính trị tại khu chưa được thực hiện.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của các cấp ủy và tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa sâu sát, chưa phát huy hết vai trò của người đứng đầu. Công tác tuyên truyền, vận động và tiếp cận một số DNNKVNN còn khó khăn. Các chi bộ rất cố gắng nhưng một số chủ DN do tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, bị thu hẹp, giảm lao động, thay đổi ngành nghề sản xuất nên chưa thật sự quan tâm, tạo điều kiện để thành lập TCD, đoàn thể trong DN. Người lao động từ chối vào Đảng, chủ DN từ chối thành lập TCD, đoàn thể trong DN mình. Do vậy, công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, thành lập TCD trong DN đạt tỉ lệ thấp so yêu cầu đề ra.

Chất lượng hoạt động của một số cấp ủy, TCD, đoàn thể trong DN chưa thể hiện rõ nét về vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo,

phối hợp, nhất là trong thực hiện mối quan hệ giữa cấp ủy với ban lãnh đạo công ty; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ ở một số nơi còn mang tính hình thức.

Kết quả thành lập TCD trong các DN khu vực KTTN hiện nay là chưa tương xứng với quy mô và tốc độ phát triển DN trên địa bàn Đông Nam Bộ. Chất lượng hoạt động của một số TCD, tổ chức chính trị - xã hội, vai trò lãnh đạo của TCD đối với các tổ chức chính trị - xã hội và người lao động các DN còn mờ nhạt nên chưa thu hút được người lao động, hội viên góp phần xây dựng đảng, phát triển đảng. Nền nếp và nội dung sinh hoạt chi bộ một số TCD chưa đảm bảo. Một số cấp ủy mới thành lập chưa nắm chắc chức năng, nhiệm vụ của loại hình chi bộ mình nên còn lúng túng trong việc chuẩn bị nội dung sinh hoạt. Một số TCD, nhất là những TCD không có cấp ủy trong hội đồng quản trị còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy vai trò là hạt nhân chính trị trong lãnh đạo đảng viên và đoàn thể. Mối quan hệ, phối hợp giữa cấp ủy với hội đồng quản trị, chủ DN chưa chặt chẽ, còn lệ thuộc rất lớn.

Tỉnh Đồng Nai (cũ), việc chỉ đạo phối hợp giữa các tổ chức như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ với các cấp ủy đảng xã, phường chưa rõ ràng, thiếu quy chế phối hợp thống nhất. Nhiều địa phương chưa xây dựng được cơ chế phối hợp cụ thể về việc chia sẻ thông tin DN, phân công nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, theo dõi và hỗ trợ sau khi thành lập TCD. Việc phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động thành lập TCD vẫn chủ yếu lồng ghép trong các phong trào thi đua, ngày lễ lớn, chưa thường xuyên, thiếu chiến lược tiếp cận riêng cho từng loại hình DN. Điều này dẫn đến hiệu quả thành lập và hoạt động của một số TCD thấp. Trong năm 2023, tỉnh thành lập mới 13 TCD nhưng có tới 10 tổ chức bị giải thể [65, tr.2].

### **3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM**

#### **3.2.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

Những kết quả bước đầu trong xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

### ***3.2.1.1. Nguyên nhân chủ quan***

*Thứ nhất*, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Trung ương và các cấp ủy địa phương. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết chuyên đề như Nghị quyết 21-NQ/TW khóa X, Nghị quyết 28-NQ/TW khóa XI, Quy định 171-QĐ/TW tạo hành lang chính trị, pháp lý thống nhất. Trên cơ sở đó, các tỉnh ủy, thành ủy vùng Đông Nam Bộ như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu... đã cụ thể hóa bằng đề án, nghị quyết riêng, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, đưa vào chỉ tiêu đánh giá tổ chức đảng và người đứng đầu, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động.

*Thứ hai*, các cấp ủy đã có bước đổi mới về tư duy và phương thức lãnh đạo đối với DN. Từ chỗ áp đặt, hành chính hóa đã chuyển sang phương châm “vận động, thuyết phục, đồng hành cùng DN”. Nội dung tuyên truyền gắn với lợi ích thiết thực: ổn định quan hệ lao động, xây dựng văn hóa DN, thực hiện trách nhiệm xã hội, đáp ứng tiêu chuẩn chuỗi cung ứng toàn cầu. Phương thức linh hoạt, tôn trọng đặc thù sản xuất kinh doanh nên tạo được đồng thuận của chủ DN và người lao động.

*Thứ ba*, vai trò tham mưu tích cực, chủ động của hệ thống cơ quan tổ chức, dân vận, liên đoàn lao động các cấp. Ban tổ chức tỉnh ủy, huyện ủy đã hướng dẫn cụ thể về mô hình chi bộ, quy trình kết nạp đảng viên trong điều kiện ca kíp. Liên đoàn lao động phát huy tốt vai trò cầu nối, phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú cho Đảng. Ban quản lý các khu công nghiệp tích cực phối hợp cung cấp thông tin, bố trí địa điểm sinh hoạt. Sự vào cuộc đồng bộ này khắc phục tình trạng “khoán trắng” cho một cơ quan.

*Thứ tư*, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình tốt, cách làm sáng tạo có sức lan tỏa. Điển hình như mô hình “chi bộ trong DN FDI” tại Bình Dương sinh hoạt theo chuyên đề gắn với cải tiến kỹ thuật; mô hình “đảng viên là quản lý giỏi” ở Đồng Nai; mô hình “bí thư chi bộ kiêm chủ tịch công đoàn” ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hiệu quả thực tiễn của các mô hình đã trở thành

luận cứ thuyết phục nhất để vận động các doanh nghiệp khác, tạo hiệu ứng tích cực trong toàn vùng.

*Thứ năm*, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng ở khu vực này từng bước được nâng lên. Nhiều cán bộ được đào tạo cơ bản, am hiểu pháp luật lao động, kỹ năng vận động, có tác phong sâu sát cơ sở. Đội ngũ đảng viên tại chỗ là quản lý, công nhân lành nghề phát huy tốt vai trò hạt nhân, “cầu nối” giữa Đảng với doanh nghiệp và người lao động.

### **3.2.1.2. Nguyên nhân khách quan**

*Thứ nhất*, sự phát triển nhanh, ổn định của khu vực kinh tế ngoài nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ tạo nền tảng vật chất và xã hội thuận lợi. Khi DN làm ăn hiệu quả, chăm lo tốt đời sống người lao động thì điều kiện để xây dựng TCD, phát triển đảng viên thuận lợi hơn. Nhiều chủ DN nhận thức rõ: có TCD, công đoàn vững mạnh sẽ góp phần ổn định lao động, hạn chế rủi ro, nâng uy tín với đối tác.

*Thứ hai*, yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và các tiêu chuẩn lao động trong CPTPP, EVFTA, EVIPA thúc đẩy DN hướng tới quản trị tốt, trách nhiệm xã hội. Để đáp ứng bộ quy tắc ứng xử của khách hàng quốc tế, nhiều DN FDI và DN xuất khẩu chủ động đề nghị thành lập TCD, công đoàn, coi đây là “giấy thông hành” vào chuỗi cung ứng toàn cầu, từ đó công tác vận động gặp thuận lợi.

*Thứ ba*, đội ngũ công nhân, người lao động ở vùng Đông Nam Bộ có mặt bằng dân trí, trình độ tay nghề ngày càng cao, nhất là trong các ngành công nghệ, điện tử, cơ khí chính xác. Đây là nguồn dồi dào để phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp những quần chúng ưu tú, có lý tưởng, khát vọng cống hiến vào Đảng, góp phần trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

*Thứ tư*, sự quan tâm của toàn xã hội và dư luận tích cực đối với vai trò của TCD trong ổn định quan hệ lao động. Sau các vụ đình công, lãn công tự phát trước đây, cả chủ DN và người lao động đều thấy rõ vai trò của tổ chức

đảng, công đoàn trong đối thoại, thương lượng, bảo đảm hài hòa lợi ích. Nhận thức chung này tạo môi trường thuận lợi hơn cho công tác xây dựng Đảng.

Tổng hợp các nguyên nhân chủ quan và khách quan trên đã tạo hợp lực, thúc đẩy công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đạt kết quả bước đầu. Tuy nhiên, kết quả này chưa đồng đều, chưa bền vững, đòi hỏi tiếp tục phát huy nguyên nhân thành công, đồng thời khắc phục hạn chế để đáp ứng yêu cầu mới.

### **3.2.2. Nguyên nhân của khuyết điểm**

*Thứ nhất*, nhận thức và trách nhiệm của một số cấp ủy, TCD và cán bộ lãnh đạo về vị trí, vai trò của TCD trong DNNKVNN chưa thật sự đầy đủ, dẫn đến sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo còn chưa thật sự tương xứng.

Một bộ phận cấp ủy, TCD chưa nhận thức đầy đủ rằng TCD trong DNNKVNN là hạt nhân chính trị, có chức năng lãnh đạo đảng viên và người lao động chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, góp phần đảm bảo hài hòa lợi ích giữa chủ DN và người lao động. Từ nhận thức chưa toàn diện dẫn đến thiếu nhất quán trong quan điểm chỉ đạo, coi công tác xây dựng đảng trong DNNKVNN là thứ yếu so với nhiệm vụ phát triển kinh tế. Hệ quả trực tiếp là trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, cán bộ lãnh đạo chưa thật sự tương xứng với yêu cầu thực tiễn. Biểu hiện cụ thể ở việc thiếu chủ động trong định hướng nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với cơ chế thị trường; chưa dành thời gian, nguồn lực thỏa đáng để củng cố tổ chức, phát triển đảng viên và kiểm tra, giám sát hoạt động của TCD tại DN.

Bên cạnh đó, một số cán bộ lãnh đạo DN còn tâm lý e ngại TCD can thiệp vào quản trị, trong khi một số cán bộ chưa am hiểu sâu về đặc thù sản xuất kinh doanh, dẫn đến thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả. Sự chưa thống nhất về nhận thức và chưa cao về trách nhiệm này làm giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, hạn chế khả năng tập hợp quần chúng và ảnh hưởng đến tính bền vững trong xây dựng quan hệ lao động.

Do đó, khắc phục khuyết điểm cần bắt đầu từ đổi mới nhận thức, nâng cao trách nhiệm chính trị của cấp ủy, TCD và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, xem xây dựng TCD trong DNNKVNN là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của công tác xây dựng Đảng trong điều kiện KTTT định hướng XHCN.

*Thứ hai*, năng lực cụ thể hóa chủ trương của Đảng vào điều kiện hoạt động của DNNKVNN ở một số cấp ủy còn hạn chế, nên việc định hướng và tổ chức thực hiện công tác xây dựng TCD chưa thật sự hiệu quả.

Năng lực cụ thể hoá chủ trương của Đảng vào điều kiện hoạt động của DNNKVNN ở một số cấp ủy vùng Đông Nam Bộ còn bộc lộ những hạn chế nhất định, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả định hướng và tổ chức thực hiện công tác xây dựng TCD. Một số cấp ủy chưa quán triệt sâu sắc đặc trưng của KTTN và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, do đó còn lúng túng trong việc chuyển hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với cơ chế quản trị, văn hóa DN và tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Việc xác định nội dung, phương thức lãnh đạo nhiều nơi còn mang tính hình thức, chung chung, thiếu các giải pháp gắn trực tiếp với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và bảo đảm lợi ích hài hòa giữa chủ DN, người lao động. Về mặt thực tiễn, năng lực tổ chức thực hiện của một bộ phận cấp ủy chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc đưa chủ trương vào thực tiễn DN còn chậm, thiếu tiêu chí đánh giá định lượng; kỹ năng vận động, thuyết phục chủ DN và người lao động tham gia xây dựng TCD chưa linh hoạt, dẫn đến khó khăn trong phát triển đảng viên và thành lập TCD tại các DN FDI, DN tư nhân quy mô vừa và nhỏ.

Nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ cán bộ cấp ủy thiếu kiến thức chuyên sâu về quản trị DN, pháp luật lao động và thông lệ quốc tế; đồng thời chưa được bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp lãnh đạo trong môi trường ngoài khu vực nhà nước. Hệ quả là công tác xây dựng TCD nhiều nơi còn thụ động, hiệu quả tập hợp quần chúng thấp, vai trò hạt nhân chính trị của TCD

chưa được phát huy tương xứng với tiềm năng phát triển của DN. Do đó, nâng cao năng lực cụ thể hoá chủ trương của Đảng cần gắn với đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng bộ công cụ hướng dẫn mang tính tình huống và tăng cường cơ chế phối hợp giữa cấp ủy địa phương với chủ DN, tạo điều kiện để TCD thực sự trở thành động lực cho phát triển bền vững của DN.

*Thứ ba*, công tác tham mưu, hướng dẫn của một số cơ quan chuyên trách về xây dựng Đảng đối với việc phát triển và nâng cao chất lượng TCD trong DNNKVNN có lúc còn chưa thật sự kịp thời và sát với thực tiễn.

Về mặt nội dung, các văn bản tham mưu, hướng dẫn còn nặng về yêu cầu nguyên tắc, định hướng chung, nhưng thiếu cụ thể hóa thành quy trình, giải pháp phù hợp với tính đa dạng về loại hình, quy mô, mô hình quản trị, văn hóa của DNTN và DN FDI. Việc nhận diện đặc thù sản xuất kinh doanh theo ca kíp, dây chuyền, tỷ lệ lao động biến động cao chưa được thể hiện đầy đủ, dẫn đến khó khăn khi cấp ủy cơ sở vận dụng.

Về mặt tiến độ, công tác tham mưu ở một số cơ quan chuyên trách còn chậm so với tốc độ phát triển nhanh của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từ quá trình hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, tái cấu trúc DN chưa được cập nhật, dự báo và hướng dẫn kịp thời, khiến cơ sở lúng túng trong xử lý tình huống, nhất là về phát triển đảng viên, mô hình TCD và phương thức sinh hoạt linh hoạt.

Về phương pháp, việc khảo sát, tổng kết thực tiễn chưa thường xuyên, cơ chế tiếp nhận phản hồi từ cơ sở và từ chủ DN còn hạn chế. Do đó, một số hướng dẫn chưa bám sát vướng mắc thực tế về cơ chế phối hợp, bảo đảm điều kiện hoạt động, chế độ chính sách cho cán bộ đảng viên kiêm nhiệm trong DN.

Hệ quả là hiệu lực tham mưu, hướng dẫn chưa cao, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thành lập mới; củng cố TCD, tỷ lệ DNNKVNN có TCD và đảng viên còn thấp so với tiềm năng. Để khắc phục, cần nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo của cơ quan tham mưu; đổi mới quy trình ban hành hướng dẫn

theo hướng tăng tính tình huống, có bộ công cụ kèm theo; thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ với DN và cấp ủy cơ sở, bảo đảm tính kịp thời, khả thi, hiệu quả.

*Thứ tư*, đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng trong DNNKVNN ở một số nơi còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn và chưa thật sự am hiểu đặc thù hoạt động của DN.

Về năng lực thực tiễn, một bộ phận cán bộ được điều động, luân chuyển từ khu vực nhà nước hoặc kiêm nhiệm nên thiếu trải nghiệm trực tiếp trong môi trường sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường. Do đó, khả năng phân tích đặc điểm quản trị, cơ cấu lao động, quy trình công nghệ và văn hóa DN còn hạn chế, dẫn đến lúng túng khi vận dụng chủ trương, nghị quyết của Đảng vào điều kiện cụ thể của từng loại hình DNTN và DN FDI.

Về kiến thức chuyên môn, nhiều cán bộ chưa được bồi dưỡng hệ thống về pháp luật lao động, Luật Doanh nghiệp, thông lệ quốc tế, kỹ năng đối thoại, thương lượng... Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả tham mưu cấp ủy xây dựng chương trình hành động, tổ chức sinh hoạt đảng linh hoạt theo ca kíp, phối hợp với chủ DN trong giải quyết quan hệ lao động, bảo đảm hài hòa lợi ích các bên.

Về phương pháp công tác, một số cán bộ còn áp dụng máy móc phương thức lãnh đạo của khu vực nhà nước, thiếu sáng tạo trong lựa chọn hình thức tập hợp quần chúng, phát triển đảng viên từ công nhân trực tiếp sản xuất. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng TCD và đảng viên chưa gắn chặt với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của DN.

Hệ quả là vai trò hạt nhân chính trị của TCD tại một số DN chưa được phát huy đầy đủ; tiến độ thành lập TCD, phát triển đảng viên mới còn chậm; sức hấp dẫn của TCD đối với người lao động và chủ DN chưa cao. Do vậy, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, tăng cường luân chuyển gắn với thực tế DN, xây dựng bộ tiêu chuẩn năng lực và cơ chế chính sách phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong điều kiện KTTT định hướng XHCN.

*Thứ năm*, cơ chế phối hợp và sự gắn kết giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng liên quan trong lãnh đạo, hướng dẫn và hỗ trợ xây dựng TCD trong DNNKVNN chưa thật sự chặt chẽ và thống nhất.

Về chủ thể, việc xây dựng TCD trong DNNKVNN liên quan đến nhiều cơ quan: Cấp ủy địa phương, ban tổ chức, ban dân vận, tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, cơ quan quản lý nhà nước về lao động, hiệp hội DN và bản thân chủ DN. Tuy nhiên, chức năng, nhiệm vụ giữa các chủ thể này ở một số nơi còn chòng chéo hoặc bỏ trống, thiếu quy chế phối hợp liên ngành cụ thể, dẫn đến tình trạng “mạnh ai nấy làm” hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

Về nội dung phối hợp, công tác tuyên truyền, vận động thành lập TCD, phát triển đảng viên, hỗ trợ điều kiện hoạt động chưa được phân công rõ ràng, thiếu cơ chế chia sẻ thông tin về tình hình DN, biến động lao động và nhu cầu của chủ DN. Một số địa phương chưa thiết lập kênh trao đổi định kỳ giữa cấp ủy với ban quản lý khu công nghiệp, liên đoàn lao động và hiệp hội DN, làm giảm tính kịp thời và đồng bộ trong chỉ đạo.

Về phương thức, sự gắn kết giữa yêu cầu chính trị của Đảng với lợi ích kinh tế của DN chưa được cụ thể hóa thành cơ chế đồng thuận. Vai trò của công đoàn, đoàn thanh niên là cầu nối trong tập hợp quần chúng chưa phát huy đầy đủ do thiếu sự chỉ đạo thống nhất từ cấp ủy và hướng dẫn nghiệp vụ từ cơ quan chuyên trách.

Hệ quả là hiệu lực lãnh đạo, hướng dẫn chưa cao; tiến độ phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong DNNKVNN còn chậm so với tốc độ phát triển DN; chất lượng sinh hoạt và sức chiến đấu của một số TCD chưa đáp ứng yêu cầu. Do đó, cần hoàn thiện quy chế phối hợp liên ngành, xác định rõ trách nhiệm từng chủ thể, xây dựng cơ chế thông tin dùng chung và tiêu chí đánh giá thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của cấp ủy gắn với phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và sự đồng thuận của chủ DN trong xây dựng TCD vững mạnh.

### 3.2.3. Một số kinh nghiệm

Thực tiễn công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian qua có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

*Một là*, thường xuyên nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, TCD về vị trí, vai trò của TCD trong DNNKVNN, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

Trước hết, cần thống nhất nhận thức rằng TCD trong DNNKVNN là hạt nhân chính trị, thực hiện chức năng lãnh đạo đảng viên, người lao động chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời là cầu nối bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ DN và người lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động ổn định, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển bền vững. Việc xem nhẹ hoặc tuyệt đối hóa một trong các chức năng đều dẫn đến hạn chế trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện.

Trách nhiệm của cấp ủy các cấp phải được thể hiện bằng hành động cụ thể: Đưa nội dung xây dựng TCD trong DNNKVNN vào nghị quyết, chương trình công tác hằng năm; phân công cấp ủy viên phụ trách địa bàn, lĩnh vực; bố trí nguồn lực và cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên. Trách nhiệm này không chỉ thuộc về ban tổ chức, ban dân vận mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, trong đó cấp ủy giữ vai trò lãnh đạo tập trung, thống nhất.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm phải gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp cơ chế thị trường. Cấp ủy cần chủ động nghiên cứu đặc thù quản trị, văn hóa DN và tâm lý của chủ DNNT, DN FDI để xác định nội dung, hình thức lãnh đạo mềm dẻo, không can thiệp hành chính nhưng bảo đảm định hướng chính trị. Chỉ khi nhận thức đúng và trách nhiệm cao thì mới khắc phục được tình trạng chỉ đạo chung chung, hình thức, thiếu giải pháp cụ thể.

Phải coi xây dựng TCD trong DNNKVNN là một bộ phận hữu cơ của chiến lược xây dựng Đảng về tổ chức trong thời kỳ mới. Điều này đòi hỏi cấp ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh chủ trương,

giải pháp; đồng thời đưa tiêu chí phát triển TCD, đảng viên trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước thành một chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cấp ủy, TCD.

Thực tiễn vùng Đông Nam Bộ cho thấy, nơi nào cấp ủy nhận thức đúng, trách nhiệm cao, chủ động và sáng tạo thì nơi đó TCD được thành lập thuận lợi, hoạt động hiệu quả, thực sự trở thành nhân tố chính trị - tinh thần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, nơi nào xem đây là nhiệm vụ thứ yếu thì công tác xây dựng đảng còn hình thức, vai trò hạt nhân chính trị mờ nhạt.

Do đó, bài học kinh nghiệm có tính nguyên tắc là phải thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức lý luận và thực tiễn cho đội ngũ cấp ủy, cán bộ lãnh đạo; đồng thời xác lập cơ chế ràng buộc trách nhiệm, gắn kết quả xây dựng TCD trong DNNKVNN với đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCD và bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong khu vực kinh tế ngày càng chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế quốc dân.

*Hai là*, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm hoạt động của DNNKVNN, nhằm tạo sự đồng thuận của chủ DN và người lao động.

Về nội dung tuyên truyền, cần chuyển từ cách tiếp cận nặng tính nguyên tắc, giáo điều sang gắn trực tiếp với lợi ích thiết thực của DN và người lao động. Nội dung tuyên truyền phải làm rõ vai trò của TCD trong việc bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh ổn định, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật lao động, thúc đẩy năng suất, xây dựng văn hóa DN và trách nhiệm xã hội. Đồng thời, cần nhấn mạnh TCD không can thiệp vào quyền quản trị, mà đồng hành tháo gỡ khó khăn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cả chủ DN và người lao động.

Về hình thức tuyên truyền, vận động, phải đa dạng hóa và linh hoạt để phù hợp với đặc thù sản xuất theo ca kíp, dây chuyền, cường độ lao động cao

và cơ cấu lao động biến động của DNNKVNN. Thay cho hội nghị tập trung kéo dài, cần ưu tiên các hình thức ngắn gọn, lồng ghép trong giờ giải lao, sinh hoạt tổ, đội; ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội nội bộ, bản tin điện tử để chuyển tải thông tin nhanh, trực quan. Đối với chủ DN, hình thức vận động cần mang tính đối thoại, tham vấn chính sách, chia sẻ thông tin thị trường và pháp luật, tránh áp đặt hành chính.

Chủ thể tuyên truyền, vận động phải được mở rộng. Ngoài cán bộ đảng chuyên trách, cần phát huy vai trò của đảng viên là quản lý, kỹ sư, công nhân nòng cốt, thủ lĩnh công đoàn, đoàn thanh niên làm lực lượng tuyên truyền viên tại chỗ, “gần gũi, cùng ngôn ngữ” với người lao động. Lực lượng này am hiểu quy trình sản xuất, tâm lý lao động nên có khả năng chuyển hóa chủ trương thành hành động cụ thể, tạo sức thuyết phục cao.

Phương pháp vận động phải dựa trên nguyên tắc “đồng thuận - tự nguyện - cùng có lợi”. Mọi hoạt động xây dựng TCD cần chứng minh bằng hiệu quả thực tiễn: hỗ trợ DN ổn định lao động, hạn chế đình công, nâng cao kỷ luật lao động; bảo vệ người lao động trước các hành vi vi phạm pháp luật. Khi chủ DN thấy được lợi ích và người lao động thấy được chỗ dựa, sự đồng thuận sẽ hình thành bền vững.

Thực tiễn vùng Đông Nam Bộ cho thấy, những địa phương đổi mới kịp thời nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động thì tỷ lệ thành lập TCD, phát triển đảng viên mới tăng nhanh, quan hệ lao động hài hòa, ổn định. Ngược lại, nơi nào còn duy trì hình thức cũ, nội dung xa rời thực tiễn DN thì gặp nhiều lực cản, hiệu quả tập hợp quần chúng thấp.

Do đó, đổi mới thường xuyên nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, linh hoạt, phù hợp đặc điểm DNNKVNN là điều kiện tiên quyết để tạo đồng thuận, qua đó xây dựng TCD vững mạnh, thực sự trở thành nhân tố chính trị tích cực thúc đẩy DN phát triển bền vững trong điều kiện KTTT định hướng XHCN.

*Ba là*, phát huy vai trò của cấp ủy cấp trên trực tiếp đối với công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN, bảo đảm sự thống nhất và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp giữ vai trò định hướng chiến lược, thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống. Do TCD trong DNNKVNN hoạt động trong môi trường đa dạng về loại hình sở hữu, quy mô và cơ chế quản trị, nếu thiếu sự chỉ đạo tập trung từ cấp ủy cấp trên thì dễ dẫn đến tình trạng phân tán, mỗi nơi thực hiện một cách, hiệu quả không đồng đều. Vì vậy, cấp ủy cấp trên phải ban hành các nghị quyết chuyên đề, đề án, kế hoạch tổng thể, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, lộ trình và nguồn lực cho công tác phát triển TCD, đảng viên ở khu vực này.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp có trách nhiệm tháo gỡ những “điểm nghẽn” về cơ chế, chính sách mà cấp ủy cơ sở không đủ thẩm quyền giải quyết. Thực tiễn cho thấy, nhiều vướng mắc liên quan đến mô hình TCD phù hợp DN FDI, chế độ cho đảng viên kiêm nhiệm, điều kiện sinh hoạt đảng theo ca kíp chỉ được giải quyết khi có sự can thiệp, hướng dẫn kịp thời của cấp ủy cấp trên. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát và đối thoại định kỳ, cấp ủy cấp trên nắm bắt khó khăn, ban hành hướng dẫn mang tính tình huống, bảo đảm tính khả thi khi triển khai.

Vai trò của cấp ủy cấp trên thể hiện ở việc điều phối, kết nối các lực lượng tham gia xây dựng TCD. Cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo thiết lập cơ chế phối hợp giữa ban tổ chức, ban dân vận, liên đoàn lao động, đoàn thanh niên, ban quản lý khu công nghiệp và hiệp hội DN; phân công trách nhiệm cụ thể, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót. Sự điều phối này tạo sức mạnh tổng hợp, giúp cấp ủy cơ sở có thêm nguồn lực và sự hậu thuẫn khi vận động chủ DN, tập hợp người lao động.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp là chủ thể đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình hiệu quả. Thông qua sơ kết, tổng kết theo chuyên đề, cấp ủy cấp trên kịp

thời phát hiện cách làm hay trong tuyên truyền, vận động, tổ chức sinh hoạt đảng linh hoạt, phát triển đảng viên từ công nhân trực tiếp sản xuất để phổ biến, tránh tình trạng mạnh ai nấy làm. Đồng thời, kết quả xây dựng TCD trong DNNKVNN được đưa thành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy cấp dưới, tạo động lực và ràng buộc trách nhiệm.

Thực tiễn vùng Đông Nam Bộ khẳng định, ở những địa phương mà tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy cấp huyện trực tiếp vào cuộc, thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và tháo gỡ khó khăn thì tốc độ thành lập TCD, chất lượng hoạt động và sức chiến đấu của TCD được nâng lên rõ rệt. Ngược lại, nơi nào cấp ủy cấp trên “khoán trắng” cho cơ sở thì công tác xây dựng đảng còn lúng túng, hình thức. Do đó, phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy cấp trên trực tiếp là điều kiện tiên quyết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả của công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN, góp phần tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong khu vực kinh tế năng động của vùng Đông Nam Bộ.

*Bốn là*, thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng trong DNNKVNN có bản lĩnh chính trị, năng lực thực tiễn và am hiểu đặc thù hoạt động của DNNKVNN.

Bản lĩnh chính trị vững vàng là yêu cầu tiên quyết. Cán bộ làm công tác xây dựng Đảng trong DNNKVNN thường xuyên chịu tác động đa chiều từ cơ chế thị trường, áp lực lợi nhuận và sự chi phối của các chuẩn mực quản trị quốc tế. Do đó, đội ngũ này phải kiên định mục tiêu, nguyên tắc của Đảng, có khả năng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đồng thời linh hoạt trong phương pháp, tránh “tả khuynh” hoặc “hữu khuynh” khi xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu chính trị với đòi hỏi phát triển sản xuất kinh doanh.

Năng lực thực tiễn là thước đo hiệu quả công tác. Thực tiễn vùng Đông Nam Bộ cho thấy, cán bộ chỉ giỏi lý luận nhưng thiếu trải nghiệm thực tế trong môi trường DNTN, DN FDI thì khó cụ thể hóa chủ trương của Đảng thành giải

pháp khả thi. Vì vậy, cần chú trọng lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ có kinh nghiệm quản lý, hiểu biết về quy trình công nghệ, cơ cấu lao động theo ca kíp, kỷ luật lao động công nghiệp để có thể tham mưu cấp ủy nội dung sinh hoạt, phát triển đảng viên và phối hợp giải quyết quan hệ lao động một cách sát thực.

Am hiểu đặc thù hoạt động của DNNKVNN là điều kiện để đổi mới phương thức lãnh đạo. Đặc thù này thể hiện ở tính tự chủ, cạnh tranh, sự chi phối của luật pháp quốc tế, văn hóa DN đa dạng và tâm lý e ngại sự can thiệp hành chính của chủ DN. Cán bộ làm công tác đảng phải nắm vững Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, từ đó lựa chọn hình thức tuyên truyền, vận động mềm dẻo, thiết kế mô hình TCD và nội dung sinh hoạt phù hợp, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng đội ngũ cán bộ phải được tiến hành đồng bộ: Từ khâu quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí, sử dụng và chính sách đãi ngộ. Cần ưu tiên luân chuyển cán bộ trẻ có triển vọng về cơ sở, khu công nghiệp để rèn luyện; tổ chức các lớp bồi dưỡng theo tình huống, tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; đồng thời có cơ chế bảo vệ, hỗ trợ cán bộ đảng kiêm nhiệm trong DN để họ yên tâm công tác.

Thực tiễn ở vùng Đông Nam Bộ cho thấy, địa phương nào quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng ba yêu cầu nêu trên thì công tác phát triển TCD, đảng viên mới thuận lợi, chất lượng sinh hoạt và sức chiến đấu của TCD được nâng cao, góp phần tạo môi trường lao động hài hòa, ổn định. Ngược lại, nơi nào xem nhẹ công tác cán bộ thì hoạt động của TCD còn hình thức, thiếu sức thuyết phục.

Do đó, thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng trong DNNKVNN có đủ phẩm chất, năng lực và am hiểu đặc thù DN là giải pháp có tính then chốt, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCD trong điều kiện KTTT định hướng XHCN.

*Năm là*, thường xuyên bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng liên quan, đồng thời chú trọng kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng TCD trong DNNKVNN.

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể là yêu cầu khách quan. Công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN liên quan trực tiếp đến cấp ủy địa phương, ban tổ chức, ban dân vận, liên đoàn lao động, đoàn thanh niên, ban quản lý khu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về lao động và hiệp hội DN. Nếu thiếu quy chế phối hợp liên ngành, phân định trách nhiệm không rõ thì dễ xảy ra tình trạng chòng chẹo, bỏ sót hoặc đùn đẩy. Do đó, cấp ủy cấp trên phải ban hành cơ chế phối hợp, xác định rõ vai trò chủ trì, phối hợp; thiết lập kênh chia sẻ thông tin về tình hình DN, biến động lao động, nhu cầu của chủ DN để thống nhất chỉ đạo.

Phối hợp phải hướng đến mục tiêu chung là tạo điều kiện thuận lợi cho thành lập, củng cố TCD và phát huy vai trò hạt nhân chính trị của đảng viên trong DN. Theo đó, tổ chức công đoàn làm tốt vai trò tập hợp, phát hiện nhân tố tích cực để giới thiệu cho Đảng; cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dữ liệu pháp lý; hiệp hội DN là cầu nối vận động chủ DN đồng thuận. Sự gắn kết này giúp chuyên hóa chủ trương của Đảng thành giải pháp đồng bộ, khả thi, phù hợp cơ chế thị trường.

Song song với phối hợp, phải chú trọng kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực tiễn. Do đặc điểm DNNKVNN rất đa dạng về loại hình, quy mô, cơ cấu sở hữu và chịu tác động nhanh của hội nhập quốc tế, các mô hình TCD, phương thức sinh hoạt cần được kiểm nghiệm liên tục. Công tác kiểm tra định kỳ giúp phát hiện kịp thời vướng mắc về mô hình chi bộ, đảng bộ trong DN FDI, chế độ đảng viên kiêm nhiệm, nội dung sinh hoạt theo ca kíp để điều chỉnh chủ trương cho sát thực tiễn.

Sơ kết, tổng kết không chỉ dừng ở đánh giá số lượng TCD, đảng viên được thành lập, mà phải lượng hóa chất lượng hoạt động: mức độ ảnh hưởng

của TCD đến ổn định quan hệ lao động, năng suất, kỷ luật lao động và thực hiện trách nhiệm xã hội của DN. Từ tổng kết, kịp thời rút ra mô hình tốt, cách làm sáng tạo như sinh hoạt chi bộ linh hoạt, phát triển đảng viên từ công nhân trực tiếp sản xuất, cơ chế đảng viên là quản lý cấp trung để nhân rộng, đồng thời chỉ rõ hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Thực tiễn vùng Đông Nam Bộ cho thấy, địa phương nào duy trì cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ, định kỳ kiểm tra, sơ kết, tổng kết thì tốc độ phát triển TCD nhanh, chất lượng sinh hoạt được nâng lên, vai trò lãnh đạo của Đảng trong DN được khẳng định. Ngược lại, nơi nào phối hợp lỏng lẻo, kiểm tra hình thức thì hiệu quả thấp, TCD chậm củng cố.

Do đó, thường xuyên bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan gắn với kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực tiễn là giải pháp có tính nguyên tắc, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCD trong DNNKVNN, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong điều kiện KTTT định hướng XHCN.

### Tiểu kết chương 3

Thực tiễn công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã thực hiện tốt việc quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động thành lập TCD; xây dựng kế hoạch, và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Bên cạnh đó, bố trí cán bộ cấp ủy địa phương vào sinh hoạt trong các TCD trong DN, cán bộ, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, chủ DN là đảng viên giữ chức vụ trong Đảng, vừa giữ vai trò chủ chốt, có tầm ảnh hưởng trong công ty, DN. Phối hợp giữa các cơ quan có chức năng liên quan về nhiệm vụ, thẩm quyền kết nối thực hiện tốt công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN.

Công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã tăng cường sự hiện diện của các TCD, đảng viên ở các DNNKVNN, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển của DN, nâng cao đời sống của công nhân, người lao động trong DN, xây dựng mối quan hệ giữa công nhân, người lao động với chủ DN và chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng đảng trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ cũng có nhiều khó khăn, hạn chế nhất định. Tỷ lệ đảng viên, TCD trong DNNKVNN trên địa bàn còn mỏng; một số nơi số lượng đảng viên còn sinh hoạt đảng nơi sinh sống hoặc ngoài khu làm việc (mặc dù nơi công tác có TCD); một số nơi chủ DN chưa tạo điều kiện để thành lập TCD; các thủ tục thực hiện còn rườm rà; các cấp ủy, ủy viên ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội còn hạn chế về năng lực công tác.

Từ đánh giá thực trạng, tác giả luận án đã xác định và đi sâu làm rõ nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế, khuyết điểm. Trên cơ sở đó, luận án rút ra một số kinh nghiệm bước đầu đối với công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ. Đây là cơ sở để tác giả luận án đề xuất các phương hướng, giải pháp thực hiện khả thi trong thời gian tới.

## Chương 4

# DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

## 4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

### 4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trong thời gian tới

*Một là*, tình hình thế giới và khu vực tác động trực tiếp đến công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay.

Hiện nay, “Cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng, phân mảnh và phân tuyến mạnh. Hoà bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều thách thức mới” [60, tr.77]. Trong điều kiện đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và điện toán đám mây tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực, mọi quốc gia cũng như mọi cá nhân. Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, dự báo tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, song cũng là khu vực trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhất là các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Quốc. Khối ASEAN tiếp tục tăng cường hợp tác, liên kết và xây dựng cộng đồng, nhưng cũng đang đối mặt với nhiều thách thức mới cả bên trong và bên ngoài.

Tình hình trên đã và đang tác động mạnh mẽ, toàn diện, sâu sắc, đa chiều đến công tác xây dựng TCD ở trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ, tạo ra cả thời cơ thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức đan xen.

*Về thời cơ, thuận lợi:*

*Thứ nhất*, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng tạo môi trường pháp lý và nhận thức thuận lợi. Việc Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP với các cam kết về lao động, công đoàn và trách nhiệm xã hội DN đã thúc đẩy chuẩn hóa môi trường sản xuất, kinh doanh. Các tiêu chuẩn quốc tế về SA8000, ESG, lao động có trách nhiệm buộc DN, kể cả DN FDI, phải minh bạch hơn trong quan hệ lao động. Điều này làm gia tăng nhu cầu về một thiết chế chính trị - xã hội trong DNNKVNN ở Việt Nam nói chung, vùng Đông Nam Bộ nói riêng để tăng cường đối thoại, giám sát và bảo đảm hài hòa lợi ích. Chủ DN có xu hướng cởi mở hơn với việc thành lập TCD, công đoàn khi nhận thấy vai trò của các tổ chức này trong ổn định lao động, hạn chế đình công và nâng cao uy tín với đối tác quốc tế.

*Thứ hai*, dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu về khu vực ASEAN và Việt Nam. Tình hình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xu hướng “Trung Quốc + 1” và tái cấu trúc chuỗi cung ứng đã đưa vùng Đông Nam Bộ trở thành điểm đến của nhiều tập đoàn đa quốc gia. Các doanh nghiệp FDI thế hệ mới thường có văn hóa tuân thủ pháp luật cao, tôn trọng thể chế nước sở tại. Khi cấp ủy và chính quyền địa phương chủ động tuyên truyền, vận động đúng cách, nhiều chủ doanh nghiệp FDI không phản đối, thậm chí ủng hộ việc thành lập TCD để tạo kênh đối thoại chính thống, giảm rủi ro pháp lý và xung đột lao động.

*Thứ ba*, kinh nghiệm quốc tế về mô hình “đối tác xã hội” được lan tỏa. Tại nhiều quốc gia phát triển, mô hình đối tác ba bên giữa Nhà nước - người sử dụng lao động - người lao động được thể chế hóa chặt chẽ. Xu thế này đang tác động đến nhận thức của giới chủ DN tại Việt Nam nói chung và vùng Đông Nam Bộ nói riêng, nơi có số lượng DNNKVNN lớn. Họ dần xem TCD, công đoàn không phải là lực lượng đối kháng mà là đối tác trong xây

dụng quan hệ lao động tiến bộ, góp phần nâng cao năng suất và giữ chân lao động có kỹ năng. Đây là điều kiện thuận lợi để công tác tuyên truyền, vận động xây dựng TCD giảm lực cản.

*Về khó khăn, thách thức:*

*Thứ nhất*, tác động từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng. Căng thẳng thương mại, xu hướng phân tách chuỗi cung ứng và chính sách “friend-shoring”, “near-shoring” khiến nhiều tập đoàn đa quốc gia tái cấu trúc, dịch chuyển sản xuất liên tục. Sự bất định về đơn hàng, thị trường làm cho chủ DN FDI ưu tiên mục tiêu lợi nhuận, cắt giảm chi phí, trong đó có chi phí liên quan đến hoạt động đoàn thể. Tâm lý e ngại sự can thiệp hành chính, sợ lộ bí mật kinh doanh hoặc gia tăng trách nhiệm xã hội khiến một bộ phận chủ DN chưa thực sự đồng thuận, thậm chí tìm cách né tránh việc thành lập TCD.

*Thứ hai*, áp lực cạnh tranh gay gắt của KTTT toàn cầu. Trong bối cảnh lạm phát, suy giảm tổng cầu và yêu cầu ngày càng cao về tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường, lao động từ các thị trường EU, Mỹ, DNNKVNN phải tập trung tối đa nguồn lực cho sản xuất kinh doanh. Hoạt động của TCD nếu không chứng minh được giá trị gia tăng trực tiếp, không gắn với nâng cao năng suất, kỷ luật lao động thì dễ bị xem là “gánh nặng”, làm gián đoạn dây chuyền. Đặc biệt, cơ chế làm việc theo ca kíp 24/7, lao động thời vụ, hợp đồng ngắn hạn khiến việc bố trí thời gian sinh hoạt đảng, phát triển đảng viên gặp nhiều trở ngại.

*Thứ ba*, ảnh hưởng của văn hóa DN và hệ giá trị phương Tây. Các DN FDI tại vùng Đông Nam Bộ mang theo mô hình quản trị, văn hóa tổ chức từ công ty mẹ, đề cao tính cá nhân, hiệu quả và lợi ích kinh tế, xem nhẹ yếu tố chính trị. Một bộ phận chủ DN, quản lý cấp trung chịu ảnh hưởng của quan niệm “phi chính trị hóa” khu vực KTTN, tạo rào cản về nhận thức, khiến công tác tuyên truyền, vận động xây dựng TCD đòi hỏi phương pháp tiếp cận mới, tránh áp đặt, nhưng hiện nay năng lực của một bộ phận cán bộ đảng chưa đáp ứng kịp.

*Thứ tư*, tác động của không gian mạng và các luồng tư tưởng đa chiều. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự bùng nổ của mạng xã hội tạo ra môi trường thông tin mở, đa chiều, phức tạp. Lực lượng lao động trẻ trong DNNKVNN tiếp xúc thường xuyên với các quan điểm, hệ giá trị khác nhau, trong đó có những luận điệu phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, đòi “phi chính trị hóa” DN. Nếu công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nội dung sinh hoạt đảng không đổi mới, thiếu sức thuyết phục thì khó tập hợp, thu hút quần chúng ưu tú phấn đấu vào Đảng, nhất là đội ngũ trí thức, kỹ sư, chuyên gia.

*Thứ năm*, biến động địa chính trị khu vực và dịch chuyển lao động xuyên quốc gia. Tình hình bất ổn tại một số khu vực, xu thế dịch chuyển lao động quốc tế và sự gia tăng của lao động nước ngoài tại các khu công nghiệp Đông Nam Bộ làm cho cơ cấu lao động biến động nhanh, tỷ lệ lao động không ổn định tăng. Đặc điểm này gây khó khăn cho việc theo dõi, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng ưu tú; công tác quản lý đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng cũng phức tạp hơn. Đồng thời, nguy cơ về “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ sẽ gia tăng nếu TCD hoạt động hình thức, thiếu sức chiến đấu.

*Thứ sáu*, yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế có thể bị diễn giải bất lợi. Các cam kết về lao động trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhấn mạnh quyền tự do liên kết, không phân biệt đối xử. Một số đối tác, tổ chức phi chính phủ có thể lợi dụng để gây sức ép, diễn giải sai lệch rằng việc thành lập TCD là “can thiệp chính trị vào DN”, tạo cơ để đưa ra rào cản kỹ thuật. Điều này đòi hỏi cấp ủy phải rất khéo léo trong tuyên truyền, vận động, khẳng định TCD hoạt động theo pháp luật Việt Nam, vì lợi ích chung.

Những khó khăn, thách thức nêu trên mang tính khách quan, đan xen và sẽ còn diễn biến phức tạp. Điều đó đòi hỏi các cấp ủy ở vùng Đông Nam Bộ phải nâng cao năng lực dự báo, đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo, coi xây dựng TCD trong DNNKVNN là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, cần cách làm sáng tạo, kiên trì, phù hợp thông lệ quốc tế nhưng vẫn giữ vững nguyên tắc của Đảng.

*Hai là*, những biến đổi toàn diện, sâu sắc của tình hình đất nước tác động trực tiếp đến công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

Sau 40 năm đổi mới, đất nước ta đã có những biến đổi toàn diện, sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra những tác động đan xen cả thuận lợi và khó khăn đối với công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN trên cả nước nói chung, ở vùng Đông Nam Bộ nói riêng.

*Những tác động thuận lợi*

*Thứ nhất*, thể chế và nhận thức chính trị. Sự nghiệp đổi mới đã xác lập và ngày càng khẳng định vị trí của KTTN là “một động lực quan trọng” của nền kinh tế, được hiến định trong Cương lĩnh, Hiến pháp và cụ thể hóa tại Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội XIII, XIV của Đảng. Sự chuyển biến căn bản về tư duy này xóa bỏ định kiến “phân biệt đối xử”, tạo cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc để triển khai công tác xây dựng Đảng trong khu vực ngoài nhà nước. Các cấp ủy vùng Đông Nam Bộ đã chuyển từ trạng thái “e ngại” sang “chủ động” ban hành đề án, bố trí nguồn lực, đưa chỉ tiêu phát triển tổ chức đảng vào nghị quyết hằng năm.

*Thứ hai*, về kinh tế - xã hội. Sau 40 năm đổi mới đưa Đông Nam Bộ trở thành đầu tàu công nghiệp, với mật độ khu công nghiệp, khu chế xuất cao nhất cả nước, thu hút mạnh FDI và hình thành đội ngũ doanh nhân tư nhân lớn mạnh. Sự phát triển ổn định của DN tạo nền tảng vật chất, đồng thời yêu cầu hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu buộc DN phải tuân thủ các chuẩn mực về trách nhiệm xã hội, đối thoại lao động. Đây là “địa” thuận lợi để vận động thành lập TCD, công đoàn, bởi chủ DN nhận thấy có tổ chức chính trị - xã hội sẽ ổn định lao động, tăng uy tín với đối tác.

*Thứ ba*, về đội ngũ lao động. Thành tựu đổi mới đất nước đã làm hình thành giai cấp công nhân hiện đại với trình độ học vấn, tay nghề, tác phong công nghiệp ngày càng cao. Ở Đông Nam Bộ, tỷ lệ lao động kỹ thuật, kỹ sư, quản lý cấp trung trong DN ngoài nhà nước tăng nhanh, tạo nguồn dồi dào để

bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới có chất lượng. Mặt bằng dân trí cao giúp việc tuyên truyền, giáo dục chính trị thuận lợi hơn so với 20 năm trước.

*Thứ tư*, về năng lực lãnh đạo của Đảng. Qua 40 năm đổi mới, Đảng ta đã tích lũy kinh nghiệm về đổi mới phương thức lãnh đạo, kết hợp nhuần nhuyễn nguyên tắc tập trung dân chủ với tôn trọng quy luật thị trường. Các quy định như 171-QĐ/TW, 170-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ của TCD trong DNTN, DN có vốn nước ngoài là hành lang quan trọng để cấp ủy cơ sở vận dụng linh hoạt, không máy móc.

*Những tác động khó khăn, thách thức*

*Thứ nhất*, mặt trái của kinh tế thị trường sau 40 năm bộc lộ sâu sắc. Sự phân hóa giàu nghèo, lối sống thực dụng, đề cao giá trị vật chất làm suy giảm lý tưởng trong một bộ phận thanh niên công nhân. Tâm lý “vào Đảng để làm gì” khi thu nhập, thăng tiến không phụ thuộc thế đảng trở thành lực cản lớn cho công tác phát triển đảng viên. Nhiều chủ DN vẫn coi tổ chức đảng là yếu tố “làm chậm quyết định”, “tăng chi phí” nên tìm cách né tránh.

*Thứ hai*, cơ cấu kinh tế - lao động biến đổi nhanh theo hướng kinh tế số, tự động hóa làm gia tăng lao động phi chính thức, lao động thời vụ, lao động qua nền tảng công nghệ. Lao động di biến động cao, làm việc phân tán khiến việc tập hợp, quản lý đảng viên, duy trì sinh hoạt chi bộ nền nếp gặp rất nhiều khó khăn. Mô hình “chi bộ truyền thống” khó thích ứng nếu không chuyển đổi số.

*Thứ ba*, hội nhập quốc tế toàn diện làm gia tăng áp lực từ các cam kết lao động trong CPTPP, EVFTA, EVIPA. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng vấn đề “công đoàn độc lập”, “quyền tự do lập hội” để phủ nhận vai trò tổ chức đảng, kích động thành lập tổ chức đối lập trong DN. Vùng Đông Nam Bộ với tỷ lệ FDI cao là địa bàn trọng điểm bị tấn công, đòi hỏi công tác bảo vệ chính trị nội bộ phải thường xuyên, sắc bén hơn.

*Thứ tư*, yêu cầu mới về chất lượng TCD và đảng viên ngày càng cao theo tinh thần Nghị quyết 21-NQ/TW khóa XIII. Tổ chức đảng trong DNNKVNN không thể tồn tại hình thức mà phải thực sự là hạt nhân chính trị, có năng lực tham gia giải quyết quan hệ lao động, đề xuất sáng kiến sản xuất. Yêu cầu này tạo áp lực lớn trong bối cảnh đội ngũ cấp ủy kiêm nhiệm, năng lực có mặt còn hạn chế.

*Thứ năm*, sức ép về nhập cư. Vùng Đông Nam Bộ, do số là người nhập cư đông nên sức ép về yêu cầu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội là rất lớn. Hàng năm, số lượng dân nhập cư vào vùng Đông Nam Bộ luôn cao nhất trong cả nước, vì vậy đa số người lao động trong DNNKVNN ở Vùng phần lớn là lao động ngoại tỉnh. Lao động nhập cư ở vùng Đông Nam Bộ còn có tình trạng “nhảy việc” do đi theo cộng đồng đồng hương của mình. Đây là những yếu tố gây ảnh hưởng bất lợi đến công tác thành lập TCD trong DNNKVNN, nhưng rất khó khắc phục do xuất phát từ đặc thù môi trường lao động ở khu vực này.

*Thứ sáu*, Đông Nam Bộ cũng là vùng trọng điểm để các thế lực thù địch móc nối, kích động chia rẽ, phân biệt vùng miền, thậm chí lợi dụng cả vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá, gây ra những vụ đình công, biểu tình. Trong khi đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã và đang sẽ diễn biến phức tạp trong thời gian tới làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Nếu không được quan tâm ngăn ngừa, khắc phục sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng.

*Ba là*, yêu cầu nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng có bước phát triển mới thường xuyên chi phối và tác động trực tiếp đến công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay.

Việc công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay có bước phát triển mới về tư duy, nội dung và phương thức đang tạo ra những tác động hai chiều, vừa là thời cơ, vừa đặt ra yêu cầu cao hơn đối với xây dựng TCD trong các DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ, cụ thể:

*Những tác động tích cực, tạo thời cơ và động lực mới:*

*Thứ nhất*, Đại hội XIV của Đảng xác định xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ có bước phát triển mới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng cường xây dựng TCD và phát triển đảng viên trong DNNKVNN. Chủ trương này tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc, nâng tầm nhiệm vụ từ “khuyến khích” thành “yêu cầu bắt buộc” đối với các cấp ủy, giúp khắc phục tâm lý xem nhẹ, “khoán trắng” trước đây. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương được ban hành đồng bộ hơn đã tạo hành lang thống nhất để cấp ủy vùng Đông Nam Bộ triển khai quyết liệt.

*Thứ hai*, yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng khoa học, dân chủ, gần dân, sát cơ sở tác động trực tiếp đến cách làm trong DN. Thay cho phương thức mệnh lệnh hành chính, các cấp ủy buộc phải chuyển sang phương thức vận động, thuyết phục, nêu gương, dựa trên hiệu quả thực tiễn. Điều này phù hợp với đặc điểm DN ngoài nhà nước, nơi chủ DN và người lao động coi trọng lợi ích thiết thực, qua đó giúp công tác vận động thành lập TCD giảm lực cản, tăng tính khả thi.

*Thứ ba*, chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và đề cao trách nhiệm người đứng đầu tạo áp lực tích cực. Khi kết quả xây dựng TCD trong DN ngoài nhà nước trở thành tiêu chí đánh giá cấp ủy và người đứng đầu, các địa phương vùng Đông Nam Bộ đã chủ động hơn trong ban hành đề án, bố trí cán bộ, kiểm tra đôn đốc, không còn tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”.

*Những tác động đặt ra yêu cầu, thách thức mới cao hơn:*

*Thứ nhất*, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên theo tinh thần Nghị quyết 21-NQ/TW khóa XIII và Đại hội XIV của Đảng đòi hỏi TCD trong DNNKVNN không thể tồn tại hình thức. Chi bộ phải thực sự là hạt nhân chính trị, tham gia giải quyết quan hệ lao động, bảo vệ quyền lợi người lao động, đề xuất sáng kiến sản xuất. Yêu cầu này buộc cấp ủy phải đổi mới mô hình sinh hoạt, nội

dung lãnh đạo, đồng thời sàng lọc, không chạy theo số lượng, tạo áp lực rất lớn trong bối cảnh DN hoạt động theo ca kíp, biến động lao động cao.

*Thứ hai*, chủ trương đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với kiểm soát quyền lực tác động đến công tác cán bộ. Bí thư chi bộ, đảng viên trong DNNKVNN phải thực sự gương mẫu, có bản lĩnh, tránh bị “DN hóa”, bị lợi ích chi phối. Yêu cầu này đòi hỏi công tác tạo nguồn, giáo dục, quản lý đảng viên phải chặt chẽ hơn, trong khi môi trường DN ngoài nhà nước có nhiều yếu tố tác động đa chiều từ cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

*Thứ ba*, yêu cầu chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng buộc các TCD trong DNNKVNN phải ứng dụng công nghệ vào quản lý đảng viên, sinh hoạt chi bộ, báo cáo trực tuyến. Đây là cơ hội để khắc phục khó khăn về thời gian, không gian, nhưng cũng là thách thức với địa bàn vùng Đông Nam Bộ nơi nhiều chi bộ còn yếu về kỹ năng số, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, đảng viên là công nhân trực tiếp ít điều kiện tiếp cận.

Như vậy, bước phát triển mới của công tác xây dựng Đảng vừa mở ra thời cơ chính trị, pháp lý và phương thức để đẩy mạnh xây dựng TCD trong DNNKVNN vùng Đông Nam Bộ, vừa đặt ra yêu cầu rất cao về chất lượng, hiệu quả và tính thực chất. Nếu cấp ủy các cấp nắm bắt kịp thời, đổi mới tư duy và cách làm thì đây là động lực để tạo chuyển biến căn bản; ngược lại, nếu vẫn duy trì cách làm cũ thì khoảng cách giữa yêu cầu của Trung ương với thực tiễn cơ sở sẽ ngày càng lớn.

#### **4.1.2. Phương hướng công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030**

*Thứ nhất*, tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, quy định, kết luận của Đảng về xây dựng TCD trong các DNNKVNN. Trọng tâm là Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng TCD trong các đơn vị KTTN Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh,

thành phố vùng Đông Nam Bộ, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đặc biệt, cần quán triệt sâu sắc chủ trương, quan điểm, định hướng phát triển DNNKVNN đến tất cả các TCD, đảng viên, công nhân và người lao động, kể cả chủ DN theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển KTTN và Nghị quyết số 198/2025/QH15, ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển KTTN.

*Thứ hai*, tăng cường tạo nguồn kết nạp đảng viên, xây dựng TCD ở các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và sự phát triển bền vững của các DNNKVNN.

*Thứ ba*, tạo sự thống nhất về mô hình TCD, từng bước phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp. Việc xây dựng mô hình TCD trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp theo quy định Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình thực tế, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các TCD các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và DN.

*Thứ tư*, chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các TCD, phát huy vai trò, nâng cao vị thế của TCD trong DN. Xây dựng, phát triển, củng cố các TCD, làm tốt công tác phát triển đảng viên và các đoàn thể nhân dân. Nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng bộ, chi bộ trong DNNKVNN theo tinh thần Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về và Hướng dẫn số 42-HD/TCTW ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.

*Thứ năm*, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của TCD trong DN, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong DN; hướng vào việc nâng cao chất lượng sản xuất kinh doanh của DN, nâng cao lợi nhuận cho chủ DN và đảm bảo lợi ích hài hoà với công nhân, người lao động, xây dựng văn hoá DN, phát triển bền vững.

*Thứ sáu*, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo các quy định của Đảng, nhất là Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm pháp luật, kỷ luật lao động, đảm bảo và phát huy dân chủ, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

*Thứ bảy*, các cấp ủy, TCD, chính quyền, ban chỉ đạo các cấp, các sở, ban, ngành phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền sâu sát, quyết liệt, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, sự vào cuộc tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở là nhân tố quyết định để xây dựng TCD trong các DNNKVNN đạt hiệu quả.

*Thứ tám*, tăng cường công tác quản lý nhà nước về DN; tập trung nghiên cứu bổ sung, cụ thể hoá các cơ chế, chính sách vào điều kiện đặc thù của tỉnh, khuyến khích các DN thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn phát triển nhanh, bền vững.

## **4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2030**

### **4.2.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ**

Đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay và trong thời gian tới. Về phương diện khoa học tổ chức, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chủ thể lãnh đạo là quy luật có tính phổ biến; chỉ khi cấp ủy, TCD và đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của TCD thì mới có quyết tâm chính trị, chủ động đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả. Nhận thức là cơ sở của hành

động; trách nhiệm là sự bảo đảm để chủ trương biến thành hiện thực, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Tu tưởng đúng thì hành động mới khỏi sai lạc và mới làm tròn nhiệm vụ cách mạng được” [76, tr.360]. Thực tiễn cho thấy, nơi nào cấp ủy các cấp nhận thức đầy đủ, coi xây dựng TCD trong DNNKVNN là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thì nơi đó công tác phát triển TCD, đảng viên thuận lợi, chất lượng sinh hoạt được nâng lên. Ngược lại, ở những nơi còn xem nhẹ, coi đây là nhiệm vụ của riêng ban tổ chức hay đoàn thể thì kết quả hạn chế, vai trò hạt nhân chính trị của TCD mờ nhạt. Vì vậy, để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể, lực lượng đối với xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian tới, cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức lý luận và thực tiễn về vị trí, vai trò của TCD trong DNNKVNN.

Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn đảng bộ các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ nhằm thống nhất nhận thức: TCD trong DNNKVNN là một bộ phận hữu cơ của hệ thống tổ chức Đảng, thực hiện chức năng hạt nhân chính trị, lãnh đạo đảng viên và tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cần làm rõ luận điểm: xây dựng TCD không phải là “can thiệp hành chính” vào hoạt động DN, mà nhằm bảo đảm định hướng chính trị, tạo môi trường ổn định cho sản xuất kinh doanh phát triển.

Biên soạn tài liệu chuyên đề, cập nhật chủ trương mới của Đảng về KTTN, về DN FDI và các cam kết quốc tế về lao động trong CPTPP, EVFTA, RCEP. Tài liệu phải luận giải mối quan hệ biện chứng giữa phát triển KTTT với tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giúp cấp ủy, cán bộ thấy rõ: ở đâu kinh tế ngoài nhà nước phát triển mạnh thì ở đó càng phải chú trọng xây dựng TCD để giữ vững định hướng XHCN.

Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, xây dựng hệ thống luận cứ từ

thực tế vùng Đông Nam Bộ. Lựa chọn các mô hình điển hình tại các địa phương nơi TCD hoạt động hiệu quả, góp phần ổn định quan hệ lao động, nâng cao năng suất để khái quát thành bài học kinh nghiệm, tạo sức thuyết phục về mặt thực tiễn.

*Hai là*, xác lập rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Đưa nội dung xây dựng TCD trong DNNKVNN vào nghị quyết đại hội, chương trình công tác toàn khóa và hằng năm của cấp ủy các cấp. Xác định chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ DN có TCD, tỷ lệ phát triển đảng viên mới từ công nhân trực tiếp sản xuất. Gắn kết quả thực hiện chỉ tiêu này với đánh giá, xếp loại TCD và người đứng đầu cấp ủy.

Phân công trách nhiệm cụ thể trong ban thường vụ, ban chấp hành. Mỗi đồng chí cấp ủy viên phụ trách địa bàn khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng xây dựng TCD tại địa bàn được phân công. Ban tổ chức, ban dân vận cấp ủy làm tốt chức năng tham mưu cơ chế phối hợp, hướng dẫn nghiệp vụ, nhưng không làm thay trách nhiệm lãnh đạo chung của cấp ủy.

Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên của cấp ủy cấp trên đối với cấp dưới. Định kỳ 6 tháng, 1 năm, cấp ủy cấp tỉnh (thành phố), cấp xã (phường) nghe báo cáo chuyên đề, trực tiếp làm việc với cấp ủy cơ sở và chủ doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn. Kịp thời biểu dương nơi làm tốt, phê bình, kiểm điểm nơi buông lỏng, thiếu trách nhiệm.

*Ba là*, nâng cao trách nhiệm và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng trong DN.

Làm tốt công tác quy hoạch, luân chuyển, bố trí cán bộ có bản lĩnh chính trị, am hiểu KTTT, pháp luật lao động và kỹ năng vận động quần chúng về làm công tác đảng tại các địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp lớn. Ưu tiên cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, có trải nghiệm thực tiễn trong DN.

Tổ chức bồi dưỡng định kỳ theo chuyên đề: Kỹ năng đối thoại với chủ DN FDI, phương pháp tuyên truyền trong môi trường đa văn hóa, mô hình sinh hoạt chi bộ linh hoạt theo ca kíp, nghiệp vụ phát triển đảng viên từ công nhân nòng cốt. Nội dung bồi dưỡng phải gắn với tình huống thực tiễn vùng Đông Nam Bộ, tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

Có cơ chế và chính sách bảo vệ, hỗ trợ cán bộ, đảng viên kiêm nhiệm trong DNNKVVN. Quy định rõ chế độ phụ cấp trách nhiệm, thời gian sinh hoạt, khen thưởng đối với bí thư chi bộ, đảng viên là quản lý, công nhân trực tiếp sản xuất. Bảo đảm để đội ngũ này yên tâm công tác, không bị phân biệt đối xử trong DN.

*Bốn là*, đổi mới phương thức giáo dục, tạo chuyển biến từ nhận thức đến hành động.

Đổi mới hình thức quán triệt nghị quyết, chỉ thị về công tác xây dựng Đảng trong DN. Kết hợp hội nghị tập trung với tọa đàm, diễn đàn trực tuyến; mời chủ DN tiêu biểu, đảng viên là giám đốc, quản lý nói chuyện về lợi ích của TCD để tăng tính thuyết phục.

Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bản tin nội bộ khu công nghiệp, mạng xã hội về vai trò của TCD trong ổn định lao động, xây dựng văn hóa DN, thực hiện trách nhiệm xã hội. Xây dựng chuyên mục “Đảng với DN” nêu gương điển hình, cách làm sáng tạo.

Gắn giáo dục nhận thức với giao việc, kiểm tra việc thực hiện. Sau mỗi đợt học tập, quán triệt, mỗi cấp ủy, cán bộ, đảng viên phải xây dựng kế hoạch hành động cá nhân, xác định việc cụ thể để triển khai tại địa bàn, DN phụ trách. Lấy kết quả hoàn thành kế hoạch làm tiêu chí đánh giá cuối năm.

*Năm là*, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Các đồng chí bí thư, phó bí thư, trưởng ban tổ chức, trưởng ban dân vận cấp tỉnh (thành phố), cấp xã (phường) phải trực tiếp dự sinh hoạt, đối thoại tại một số DN ngoài khu vực nhà nước trọng điểm. Sự hiện diện của lãnh đạo cấp ủy thể hiện quyết tâm chính trị, tạo niềm tin cho cơ sở và chủ DN.

Đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong DNNKVNN phải gương mẫu chấp hành pháp luật, đi đầu trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, chủ động tham mưu thành lập TCD khi có đủ điều kiện. Cấp ủy nơi đảng viên công tác phải theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm này.

Xử lý nghiêm các biểu hiện đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong lãnh đạo công tác xây dựng Đảng ở khu vực ngoài nhà nước. Đồng thời, kịp thời khen thưởng, nhân rộng điển hình cấp ủy, bí thư chi bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, tạo động lực thi đua trong toàn hệ thống.

Thực hiện đồng bộ các nội dung trên sẽ tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và trách nhiệm, khắc phục tình trạng xem nhẹ hoặc “khoán trắng” công tác xây dựng Đảng trong DNNKVNN, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCD, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của vùng Đông Nam Bộ trong thời kỳ mới.

#### **4.2.2. Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động thành lập và phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ**

Đây là giải pháp quan trọng trong nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay.

Về lý luận, giải pháp này xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác tư tưởng, vận động quần chúng và nguyên tắc công tác xây dựng Đảng của Đảng ta. Bởi lẽ, không có phong trào cách mạng nếu không có lý luận cách mạng, và lý luận chỉ trở thành sức mạnh vật chất khi thâm nhập vào quần chúng. Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Tuyên truyền phải xuất phát từ thực tiễn, nói đúng đối tượng, đúng lúc, đúng cách. Trong điều kiện KTTT, Đảng ta yêu cầu đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức vận động quần chúng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng. Do đó, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động là yêu cầu có tính nguyên tắc để tập hợp lực lượng, xây dựng TCD trong DNNKVNN.

Về mặt thực tiễn, vùng Đông Nam Bộ có đặc điểm nổi bật là tập trung mật độ cao các khu công nghiệp, khu chế xuất với cơ cấu lao động đa dạng, làm việc theo ca kíp, cường độ cao và biến động thường xuyên. Chủ DNTN, DN FDI quan tâm hàng đầu đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, e ngại sự can thiệp hành chính. Phương thức tuyên truyền truyền thống mang tính hành chính, nội dung nặng lý luận, hình thức hội họp kéo dài không còn phù hợp, dẫn đến hiệu quả vận động thấp. Thực tiễn những địa phương như Bình Dương, Đồng Nai cho thấy, khi chuyển sang nội dung gắn với lợi ích thiết thực của DN và người lao động, hình thức linh hoạt, lồng ghép trong giờ giải lao, ứng dụng công nghệ số, phát huy đảng viên nòng cốt tại chỗ thì tỷ lệ thành lập TCD, phát triển đảng viên mới tăng rõ rệt. Đồng thời, yêu cầu hội nhập quốc tế và các tiêu chuẩn lao động trong CPTPP, EVFTA đòi hỏi phải có phương thức vận động mềm dẻo, thuyết phục bằng hiệu quả thực tiễn, tránh áp đặt. Vì vậy, đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động là đòi hỏi khách quan từ thực tiễn vùng Đông Nam Bộ, nhằm khắc phục lực cản, tạo đồng thuận để xây dựng TCD vững mạnh trong DNNKVNN.

Để thực hiện giải pháp trên, cần tập trung vào một số nội dung, biện pháp cụ thể sau:

*Một là*, đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, gắn với lợi ích của DN và người lao động.

Chuyển trọng tâm nội dung từ tuyên truyền lý luận chung sang luận giải vai trò, lợi ích cụ thể của TCD đối với sự phát triển bền vững của DN. Cần làm rõ: TCD là hạt nhân chính trị lãnh đạo DN chấp hành đúng pháp luật lao động, thuế, môi trường, hạn chế rủi ro pháp lý; là cầu nối đối thoại, thương lượng, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, giảm thiểu đình công, lãn công; tham gia xây dựng văn hóa DN, nâng cao kỷ luật lao động và trách nhiệm xã hội, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín với đối tác quốc tế.

Xây dựng hệ thống luận cứ phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đối với chủ DN, tập trung vào nội dung: TCD không can thiệp quản trị, không làm

tăng chi phí, mà đồng hành tháo gỡ khó khăn về chính sách, ổn định lao động, hỗ trợ thực hiện tiêu chuẩn ESG, SA8000 theo yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối với người lao động, nhấn mạnh vai trò của TCD trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng; bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng ưu tú phấn đấu vào Đảng để khẳng định bản thân và phát triển nghề nghiệp.

Lồng ghép nội dung tuyên truyền về TCD với phổ biến pháp luật, chính sách mới liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp: Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, các hiệp định CPTPP, EVFTA, chính sách thuế, bảo hiểm... Cách tiếp cận này giúp chủ DN và người lao động thấy được tính hữu ích, tránh cảm giác bị “tuyên truyền chính trị” đơn thuần.

*Hai là*, đa dạng hóa phương thức tuyên truyền, vận động phù hợp đặc thù hoạt động của doanh nghiệp.

Thay đổi hình thức tổ chức từ hội nghị tập trung, thời gian dài sang các hình thức linh hoạt, ngắn gọn, phù hợp ca kíp sản xuất. Tăng cường tuyên truyền lồng ghép trong sinh hoạt tổ, đội sản xuất 15 - 20 phút đầu ca; sinh hoạt chuyên đề tại nhà ăn, khu giải lao; đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy với chủ doanh nghiệp theo lịch hẹn. Với DN FDI, ưu tiên hình thức làm việc song phương, có phiên dịch, tài liệu song ngữ, tôn trọng văn hóa DN.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và truyền thông đa phương tiện. Xây dựng bản tin điện tử, video clip ngắn, infographic về mô hình TCD hiệu quả để đăng tải trên nhóm Zalo, trang fanpage nội bộ khu công nghiệp, bảng tin điện tử tại nhà máy. Phát triển ứng dụng di động hoặc chuyên mục trên cổng thông tin của ban quản lý khu công nghiệp để cung cấp thông tin hai chiều, tiếp nhận phản ánh và giải đáp kịp thời.

Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm thực tiễn với chủ đề thiết thực, như: “Tổ chức đảng đồng hành cùng DN phát triển”, “Đảng viên là quản lý giỏi, công nhân tiêu biểu”. Mời chủ DN đã có TCD hoạt động hiệu quả chia sẻ kinh nghiệm, để “người thật, việc thật”, tăng sự thuyết phục. Giảm hình thức báo cáo một chiều, tăng đối thoại, giải đáp trực tiếp bản khoản của DN.

*Ba là*, đổi mới chủ thể và lực lượng làm công tác tuyên truyền, vận động.

Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên chuyên sâu về DNNKVVNN. Lựa chọn cán bộ am hiểu pháp luật lao động, KTTT, kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ để làm nòng cốt. Định kỳ bồi dưỡng kỹ năng “bán hàng chính sách”: Trình bày ngắn gọn, nêu bật lợi ích, xử lý phản biện của chủ DN.

Phát huy vai trò của đảng viên tại chỗ trong DN làm “hạt nhân” tuyên truyền. Đó là đảng viên giữ chức vụ quản lý cấp trung, tổ trưởng sản xuất, kỹ sư, công nhân lành nghề có uy tín. Họ cùng làm, cùng ăn, cùng ở với người lao động nên có khả năng phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú và vận động chủ DN bằng ngôn ngữ của sản xuất kinh doanh, sức thuyết phục cao.

Tranh thủ sự tham gia của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hiệp hội DN trong tuyên truyền, vận động. Công đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng; đoàn thanh niên tổ chức diễn đàn “Khi tôi 18”, “Đảng trong tôi”... để khơi dậy động cơ phấn đấu. Hiệp hội DN là kênh vận động chủ DN thông qua cam kết trách nhiệm xã hội, xây dựng thương hiệu.

*Bốn là*, đổi mới quy trình, cách thức vận động thành lập tổ chức đảng, phát triển đảng viên.

Thực hiện tốt phương châm “Vận động từ trên xuống, xây dựng từ dưới lên”. Cấp ủy cấp trên trực tiếp gặp gỡ, đối thoại tạo đồng thuận với chủ DN trước; đồng thời chỉ đạo cấp ủy đảng nơi gần nhất khảo sát, phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú trong DN. Khi có đủ điều kiện về số lượng đảng viên và sự đồng thuận của chủ DN thì tiến hành thành lập TCD, tránh áp đặt nóng vội.

Linh hoạt về mô hình TCD cho phù hợp quy mô, loại hình DN. Với DN có từ 03 đảng viên trở lên, thành lập chi bộ; chưa đủ thì sinh hoạt ghép hoặc cử đảng viên về sinh hoạt tại chi bộ địa bàn, chi bộ khu công nghiệp. Với tập đoàn, tổng công ty tư nhân, nghiên cứu mô hình đảng bộ bộ phận theo cụm nhà máy. Với DN FDI với 100% vốn nước ngoài, có thể thí điểm mô hình chi bộ sinh hoạt theo chuyên đề, không làm ảnh hưởng sản xuất.

Cải tiến thủ tục phát triển đảng viên, bảo đảm chặt chẽ về nguyên tắc nhưng giảm khâu trung gian không cần thiết. Ứng dụng hồ sơ điện tử; rút ngắn thời gian xác minh lý lịch đối với công nhân có thời gian làm việc ổn định, được tập thể tín nhiệm. Chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng; ưu tiên phát triển đảng viên từ công nhân trực tiếp, kỹ sư, quản lý cấp trung để tăng tính đại diện.

*Năm là, gắn tuyên truyền, vận động với việc chứng minh hiệu quả bằng thực tiễn.*

Lựa chọn một số DN làm điểm để tập trung chỉ đạo xây dựng TCD kiểu mẫu: Sinh hoạt nền nếp, đảng viên gương mẫu, tham gia giải quyết kịp thời mâu thuẫn lao động, đề xuất sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Từ hiệu quả của mô hình điểm để tuyên truyền, nhân rộng, tạo hiệu ứng lan tỏa.

Định kỳ tổ chức cho chủ DN chưa có TCD đi tham quan, trao đổi với DN đã có TCD hoạt động tốt. Để chủ DN trực tiếp nghe, thấy lợi ích thực tế, từ đó tự nguyện đề nghị thành lập. Đây là phương thức “Vận động bằng hiệu quả” có sức thuyết phục cao hơn mọi lý luận.

Đưa nội dung đóng góp của TCD vào báo cáo phát triển bền vững, báo cáo trách nhiệm xã hội của DN. Khi TCD được ghi nhận là một nhân tố trong hệ sinh thái quản trị tốt, chủ DN sẽ chủ động đề xuất thành lập để nâng hạng tín nhiệm với đối tác, khách hàng quốc tế.

Thực hiện đồng bộ các nội dung trên sẽ khắc phục tình trạng tuyên truyền chung chung, vận động hình thức, tạo bước đột phá về nhận thức và hành động, góp phần đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thành lập, phát triển TCD, đảng viên trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay.

**4.2.3. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên trực tiếp và nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình về xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay**

Đây là giải pháp quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện

nay. Trước hết, xuất phát từ nguyên tắc tập trung dân chủ và vai trò lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với khu vực KTTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài, coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng Đảng về tổ chức. Nghị quyết số 21-NQ/TW khóa X cũng chỉ rõ: cấp ủy cấp trên trực tiếp chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để lãnh đạo công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN. Như vậy, tăng cường vai trò cấp ủy cấp trên và nâng cao chất lượng nghị quyết, kế hoạch là đòi hỏi mang tính nguyên tắc, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống.

Về mặt thực tiễn, Đông Nam Bộ là địa bàn có số lượng DNNKVNN lớn nhất cả nước, đa dạng về loại hình, quy mô và chịu tác động mạnh của hội nhập quốc tế. Thực tiễn cho thấy, ở những địa phương mà tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp ban hành nghị quyết chuyên đề, đề án cụ thể, phân công rõ trách nhiệm và thường xuyên kiểm tra đôn đốc thì tốc độ thành lập TCD, chất lượng hoạt động chuyển biến rõ rệt. Ngược lại, nơi nào cấp ủy cấp trên buông lỏng, chỉ giao cho ban tổ chức hoặc “khoán trắng” cho cơ sở thì công tác xây dựng Đảng lúng túng, thiếu định hướng, mỗi nơi làm một cách, hiệu quả thấp. Mặt khác, nhiều vướng mắc về mô hình TCD trong DN FDI, cơ chế đảng viên kiêm nhiệm, sinh hoạt đảng theo ca kíp vượt thẩm quyền của cấp ủy cơ sở, chỉ được tháo gỡ khi có nghị quyết, hướng dẫn cụ thể từ cấp ủy cấp trên.

Do đó, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên trực tiếp gắn với nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết, kế hoạch là cơ sở quan trọng để khắc phục tình trạng phân tán, bị động, bảo đảm tính thống nhất, hiệu lực và hiệu quả của công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay.

#### ***4.2.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên trực tiếp***

*Một là*, xác lập rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy cấp trên trong định hướng chiến lược.

Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các địa phương vùng Đông Nam Bộ phải trực tiếp ban hành nghị quyết chuyên đề hoặc đề án tổng thể về xây dựng

TCĐ, phát triển đảng viên trong DNNKVNN theo nhiệm kỳ và hằng năm. Nghị quyết phải xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu định lượng: tỷ lệ DN có từ 50 lao động trở lên có TCĐ, số lượng đảng viên mới kết nạp từ công nhân trực tiếp, tỷ lệ bí thư chi bộ là quản lý DN.

Cấp ủy cấp trên cơ sở tại các địa bàn trọng điểm như khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp phải cụ thể hóa nghị quyết cấp tỉnh bằng kế hoạch hành động, gắn với đặc điểm từng loại hình DN: DNTN, công ty cổ phần, DN FDI 100% vốn nước ngoài. Phân công từng đồng chí cấp ủy viên phụ trách địa bàn, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao.

Duy trì chế độ giao ban chuyên đề định kỳ giữa thường trực cấp ủy với ban quản lý khu công nghiệp, liên đoàn lao động, hiệp hội DN để nắm tình hình, thống nhất chủ trương và tháo gỡ vướng mắc. Bảo đảm mọi chủ trương về xây dựng TCĐ được triển khai thống nhất, không để cơ sở tự xoay trở.

*Hai là, tăng cường vai trò điều phối, tháo gỡ “điểm nghẽn” về cơ chế, chính sách.*

Cấp ủy cấp trên trực tiếp chủ trì xây dựng quy chế phối hợp liên ngành giữa ban tổ chức, ban dân vận, liên đoàn lao động, sở lao động - thương binh và xã hội, ban quản lý khu công nghiệp trong công tác phát triển TCĐ. Quy chế quy định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, quy trình trao đổi thông tin về DN đủ điều kiện thành lập TCĐ, cơ chế hỗ trợ khi có vướng mắc với chủ DN.

Kịp thời ban hành các hướng dẫn nghiệp vụ mang tính tình huống mà cấp ủy cơ sở không đủ thẩm quyền quyết định: Mô hình chi bộ trong DN FDI theo ca kíp, chế độ sinh hoạt cho đảng viên là chuyên gia nước ngoài, cơ chế đảng viên sinh hoạt ghép, quy trình kết nạp đảng viên từ lao động thời vụ nhưng có đóng góp nổi bật. Hướng dẫn phải ngắn gọn, dễ thực hiện, tránh viện dẫn chung chung.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp làm việc với chủ DN lớn, tập đoàn đa quốc gia để tuyên truyền, vận động và cam kết tạo điều kiện. Sự vào cuộc của đồng

chí bí thư, phó bí thư cấp ủy thể hiện quyết tâm chính trị, tạo thuận lợi hơn nhiều so với việc đề cấp ủy cơ sở tự vận động.

*Ba là*, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc của cấp ủy cấp trên.

Đưa nội dung xây dựng TCD trong DNNKVNN vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Tập trung kiểm tra việc ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, trách nhiệm của người đứng đầu, kết quả phát triển TCD, đảng viên so với chỉ tiêu đề ra.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất. Cấp ủy cơ sở báo cáo cấp trên trực tiếp hằng quý về tình hình DN, khó khăn cụ thể; cấp xã, phường báo cáo cấp tỉnh, thành phố 6 tháng một lần. Trên cơ sở đó, cấp ủy cấp trên tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra thực tế, đối thoại tại DN để chỉ đạo tháo gỡ ngay.

Gắn kết quả kiểm tra, giám sát với công tác cán bộ. Lấy mức độ hoàn thành chỉ tiêu xây dựng TCD trong DNNKVNN làm một tiêu chí đánh giá, xếp loại TCD và cán bộ lãnh đạo, quản lý. Kiên quyết thay thế, điều chuyển cán bộ lãnh đạo thiếu trách nhiệm, đùn đẩy trong thực hiện nhiệm vụ này.

#### ***4.2.3.2. Nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện nghị quyết, kế hoạch, chương trình***

*Một là*, nâng cao chất lượng xây dựng nghị quyết, kế hoạch.

Quy trình xây dựng nghị quyết, đề án phải bắt đầu từ khảo sát, đánh giá đúng thực trạng. Thành lập tổ công tác liên ngành đi khảo sát tại các khu công nghiệp trọng điểm, gặp gỡ trực tiếp chủ DN, người lao động để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, rào cản thực tế. Tránh tình trạng xây dựng nghị quyết thiếu tính thực tế hoặc sao chép từ địa phương khác. Nội dung nghị quyết, kế hoạch phải cụ thể, định lượng, có tính khả thi cao. Kèm theo nghị quyết phải có phụ lục phân công nhiệm vụ, lộ trình, nguồn lực thực hiện.

Lấy ý kiến phản biện của đối tượng chịu tác động trước khi ban hành. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến hiệp hội DN, chủ DN tiêu biểu, đảng viên là quản lý trong DN về dự thảo nghị quyết. Bảo đảm văn bản khi ban hành sát thực tiễn, được đồng thuận, tránh bị phản ứng vì không phù hợp.

*Hai là, đổi mới phương thức tổ chức thực hiện nghị quyết, kế hoạch.*

Quán triệt nghị quyết không dàn trải, mà tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ chốt, người trực tiếp tổ chức thực hiện. Sử dụng hình thức giao ban, tập huấn chuyên sâu theo tình huống; xây dựng video clip, sổ tay hướng dẫn ngắn gọn để cấp ủy cơ sở dễ nắm bắt và thực hiện.

Triển khai theo phương châm “chọn điểm, làm mẫu, rồi nhân rộng”. Mỗi xã, phường lựa chọn 2 - 3 DN có điều kiện thuận lợi để tập trung chỉ đạo thành lập TCD kiểu mẫu, từ đó rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình rồi phổ biến ra diện rộng. Tránh triển khai đồng loạt khi chưa có cách làm hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, đôn đốc. Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu về DN, lao động, đảng viên trên địa bàn khu công nghiệp; cập nhật tiến độ thành lập TCD theo thời gian thực. Lãnh đạo cấp ủy có thể nắm bắt, chỉ đạo kịp thời qua hệ thống, giảm báo cáo giấy tờ.

*Ba là, thường xuyên sơ kết, tổng kết, điều chỉnh để nâng cao hiệu quả.*

Định kỳ 6 tháng sơ kết, 1 năm tổng kết chuyên đề về thực hiện nghị quyết xây dựng TCD trong DN ngoài nhà nước. Đánh giá không chỉ số lượng mà đi sâu vào chất lượng: TCD có sinh hoạt nền nếp không, có tham gia giải quyết quan hệ lao động không, uy tín với chủ DN thế nào... Qua sơ kết, tổng kết phải chỉ rõ mô hình hay, cách làm sáng tạo để nhân rộng, đồng thời thẳng thắn chỉ ra hạn chế, nguyên nhân chủ quan, khách quan. Trên cơ sở đó, kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu, bổ sung giải pháp, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi cơ chế, chính sách không còn phù hợp. Gắn tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận; từ thực tiễn phong phú của vùng Đông Nam Bộ, các ban đảng cấp tỉnh, thành phố chủ trì tổng hợp, đề xuất với Trung ương về cơ chế đặc thù cho xây dựng TCD trong DN FDI, DN công nghệ cao, góp phần hoàn thiện chủ trương chung của Đảng.

Thực hiện đồng bộ các nội dung, biện pháp trên sẽ khắc phục tình trạng nghị quyết chung chung, tổ chức thực hiện hình thức, nâng cao hiệu lực lãnh đạo

của cấp ủy cấp trên, bảo đảm công tác xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đi vào thực chất, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả bền vững.

**4.2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, đồng thời bảo đảm các điều kiện và nguồn lực cho hoạt động của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước**

**4.2.4.1. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng đảng**

*Một là*, đổi mới công tác quy hoạch, tuyển chọn, bố trí cán bộ.

Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng trong DN ngoài nhà nước theo hướng “động” và “mở”. Căn cứ quy mô khu công nghiệp, số lượng DN, tính chất lao động để xác định cơ cấu, số lượng cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách ở đảng bộ khu công nghiệp, chi bộ cơ sở. Ưu tiên đưa vào quy hoạch những cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản về công tác xây dựng đảng, có kiến thức quản lý kinh tế, pháp luật lao động, ngoại ngữ và từng làm việc trong DN.

Đa dạng hóa nguồn tuyển chọn. Ngoài cán bộ từ cơ quan đảng, đoàn thể luân chuyển về, cần chú trọng phát hiện, sử dụng đảng viên là quản lý cấp trung, kỹ sư, công nhân lành nghề có uy tín trong DN để đào tạo, bồi dưỡng trở thành bí thư, phó bí thư chi bộ. Với DN FDI, khuyến khích tuyển chọn đảng viên biết ngoại ngữ, am hiểu văn hóa DN nước ngoài làm nòng cốt.

Thực hiện chủ trương “nhất thể hóa” một số chức danh ở nơi có điều kiện: Bí thư chi bộ đồng thời là chủ tịch công đoàn hoặc phó giám đốc phụ trách nhân sự. Cách làm này vừa tinh gọn bộ máy, vừa nâng vị thế của tổ chức đảng, tạo thuận lợi trong phối hợp với chủ DN, nhưng phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện.

*Hai là*, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng sát thực tiễn.

Đổi mới nội dung chương trình bồi dưỡng. Giảm tỷ lệ lý luận chung, tăng thời lượng các chuyên đề tình huống: Kỹ năng đối thoại với chủ DN FDI,

phương pháp vận động thành lập chi bộ trong DN 100% vốn nước ngoài, nghiệp vụ tổ chức sinh hoạt đảng theo ca kíp, xử lý tình huống mâu thuẫn lao động, đình công. Mời chuyên gia từ hiệp hội DN, ban quản lý khu công nghiệp, bí thư chi bộ giỏi trực tiếp truyền đạt kinh nghiệm.

Đa dạng hình thức bồi dưỡng. Kết hợp tập trung ngắn hạn với đào tạo trực tuyến, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm liên tỉnh vùng Đông Nam Bộ. Tổ chức cho cán bộ đi thực tế tại các mô hình chi bộ tiêu biểu ở trong Vùng để học tập kinh nghiệm địa phương, cơ sở khác. Khuyến khích hình thức “cầm tay chỉ việc”: Cán bộ ban tổ chức cấp xã, phường trực tiếp xuống dự, hướng dẫn sinh hoạt chi bộ tại DN.

Gắn đào tạo với sử dụng và đãi ngộ. Cán bộ sau bồi dưỡng phải được bố trí đúng vị trí quy hoạch, giao việc cụ thể và đánh giá kết quả. Có chính sách hỗ trợ kinh phí học tập, ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ ở địa bàn khó khăn, DN phức tạp.

*Ba là*, thực hiện tốt các khâu quản lý, đánh giá, chính sách đối với cán bộ

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ làm công tác đảng trong DN ngoài nhà nước, gồm: Số lượng TCD, đảng viên phát triển mới; chất lượng sinh hoạt chi bộ; mức độ tin nhiệm của đảng viên, chủ DN và người lao động; khả năng tham mưu giải quyết quan hệ lao động. Đánh giá định kỳ 6 tháng, 1 năm lấy ý kiến liên ngành làm cơ sở khen thưởng, kỷ luật.

Thực hiện luân chuyển định kỳ để rèn luyện, tránh tình trạng “cắm chốt” quá lâu dẫn đến xơ cứng, ngại va chạm. Cán bộ ban đảng cấp xã, phường luân chuyển xuống làm phó bí thư đảng ủy khu công nghiệp; bí thư chi bộ giỏi ở DN được điều động về cơ quan tham mưu để nhân rộng kinh nghiệm.

Có cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn thử thách, dám hành động vì lợi ích chung. Trường hợp cán bộ mạnh dạn đề xuất mô hình thí điểm, cách làm mới phù hợp thực tiễn DN nhưng chưa có tiền lệ, nếu không vi phạm

nguyên tắc của Đảng thì được xem xét, không quy trách nhiệm khi kết quả chưa đạt như mong muốn.

#### ***4.2.4.2. Bảo đảm các điều kiện và nguồn lực cho hoạt động của tổ chức đảng***

*Một là*, bảo đảm điều kiện về tổ chức, cơ chế hoạt động.

Cấp ủy cấp trên chỉ đạo rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức đảng linh hoạt, phù hợp đặc điểm DN. Với khu công nghiệp tập trung, thành lập đảng bộ cơ sở khu công nghiệp, có cơ quan chuyên trách giúp việc. Với DN phân tán, thành lập chi bộ độc lập nếu đủ 03 đảng viên, hoặc chi bộ ghép theo cụm, ngành nghề. Với DN FDI, cho phép sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề, thời gian linh hoạt không ảnh hưởng sản xuất.

Ban hành quy chế làm việc giữa chi bộ, đảng bộ trong DN với ban giám đốc, chủ DN. Quy chế xác định rõ: Nội dung chi bộ được tham gia; cơ chế cung cấp thông tin; thời gian, địa điểm sinh hoạt; trách nhiệm của DN trong tạo điều kiện. Quy chế do cấp ủy cấp trên chủ trì ký kết với hiệp hội DN hoặc ban quản lý khu công nghiệp để nâng tính pháp lý.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác đảng. Ứng dụng phần mềm quản lý đảng viên, chuyên sinh hoạt đảng, đánh giá chất lượng trực tuyến. Giảm họp hành chính, tăng sinh hoạt chuyên đề gắn với nhiệm vụ sản xuất, chăm lo đời sống người lao động để đảng viên thấy thiết thực.

*Hai là*, bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian, kinh phí.

Tham mưu chính quyền và vận động chủ DN bố trí địa điểm sinh hoạt cho chi bộ. Với DN lớn, đề nghị bố trí phòng sinh hoạt riêng; DN nhỏ có thể sử dụng phòng họp, nhà ăn ngoài giờ. Khuyến khích lồng ghép “Không gian văn hóa Hồ Chí Minh”, tủ sách chi bộ tại DN để kết hợp sinh hoạt đảng với bồi dưỡng văn hóa.

Có quy định cụ thể về thời gian sinh hoạt đảng. Thỏa thuận với chủ DN để đảng viên được sử dụng thời gian hợp lý trong giờ làm việc hoặc bố trí bù

giờ, không trừ lương, thưởng. Với DN làm ca kíp, tổ chức sinh hoạt lệch ca, sinh hoạt trực tuyến để bảo đảm tỷ lệ đảng viên tham gia.

Bảo đảm kinh phí hoạt động theo hướng đa dạng nguồn. Ngân sách đảng cấp theo định mức cho chi bộ khu công nghiệp, chi bộ cơ sở; đồng thời hướng dẫn chi bộ sử dụng đảng phí đúng quy định. Vận động DN hỗ trợ kinh phí trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, không gây áp lực, gấn với hoạt động chăm lo người lao động, trách nhiệm xã hội để chủ DN đồng thuận.

*Ba là, bảo đảm điều kiện về chính trị, pháp lý và môi trường hoạt động.*

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong DN. Cấp ủy cấp trên phối hợp công an, cơ quan chức năng nắm tình hình, kịp thời đấu tranh phản bác luận điệu “phi chính trị hóa” DN, chia rẽ Đảng với doanh nhân. Giáo dục đảng viên cảnh giác, không để bị lôi kéo, lợi dụng.

Hoàn thiện hành lang pháp lý để TCD hoạt động thuận lợi. Kiến nghị cấp có thẩm quyền bổ sung quy định trong Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động về quyền, trách nhiệm của TCD trong DN ngoài nhà nước. Ở cấp địa phương, ban hành quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, khen thưởng đối với bí thư chi bộ, chi ủy viên là người lao động trực tiếp.

Xây dựng môi trường thuận lợi về dư luận xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền trên báo, đài địa phương về những đóng góp của TCD đối với ổn định lao động, phát triển DN. Kịp thời biểu dương doanh nghiệp tiêu biểu tạo điều kiện cho TCD hoạt động, tạo hiệu ứng lan tỏa, để chủ DN thấy việc có TCD là “điểm cộng” về thương hiệu, trách nhiệm xã hội.

Thực hiện đồng bộ các nội dung, biện pháp về xây dựng đội ngũ cán bộ và bảo đảm điều kiện, nguồn lực sẽ khắc phục tình trạng “có tổ chức nhưng yếu hoạt động”, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

**4.2.5. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng liên quan và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ**

***4.2.5.1. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng liên quan***

*Thứ nhất*, xác lập cơ chế phối hợp trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ sót.

Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, thành phố và cấp xã, phường ban hành quy chế phối hợp liên ngành một cách cụ thể. Theo đó, cấp ủy là chủ thể lãnh đạo toàn diện; ban tổ chức chủ trì tham mưu về tổ chức bộ máy, cán bộ; ban dân vận chủ trì công tác tuyên truyền, vận động; liên đoàn lao động làm nòng cốt phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú; ban quản lý khu công nghiệp, sở lao động - thương binh và xã hội cung cấp dữ liệu DN, lao động; hiệp hội DN làm cầu nối với chủ DN.

Quy chế cần quy định cụ thể cơ chế hợp tác liên tịch định kỳ, đột xuất; quy trình trao đổi thông tin; chế độ báo cáo và trách nhiệm của người đứng đầu mỗi cơ quan.

*Thứ hai*, xây dựng cơ chế phối hợp theo hướng “một đầu mỗi chủ trì, nhiều đầu mỗi phối hợp”.

Đối với từng DN trọng điểm, phân công một cơ quan chủ trì vận động, các cơ quan khác cung cấp thông tin, hỗ trợ nghiệp vụ. Tránh tình trạng nhiều cơ quan cùng tiếp cận chủ doanh nghiệp một lúc gây phiền hà, hoặc ngược lại không cơ quan nào chịu trách nhiệm chính. Với DN FDI, thống nhất để ban quản lý khu công nghiệp làm đầu mối mời, cấp ủy và liên đoàn lao động cùng tham gia tuyên truyền, bảo đảm tính chính danh và hiệu quả.

*Thứ ba*, thiết lập nền tảng chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan.

Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về DN ngoài nhà nước trên địa bàn, tích hợp thông tin về quy mô, loại hình, số lao động, tình hình TCD, công đoàn.

Các cơ quan liên quan được phân quyền truy cập, cập nhật, bảo đảm thông tin thống nhất, kịp thời phục vụ công tác tham mưu, chỉ đạo. Cơ chế này khắc phục tình trạng “mạnh ai nấy làm”, số liệu không trùng khớp.

*Thứ tư*, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong giải quyết tình huống phát sinh.

Khi xuất hiện vướng mắc như chủ DN chưa đồng thuận, mâu thuẫn lao động phức tạp, đảng viên vi phạm kỷ luật, quy chế phải quy định rõ quy trình phối hợp xử lý: Cơ quan nào chủ trì xác minh, cơ quan nào tham gia, thời hạn giải quyết và chế độ thông tin phản hồi. Bảo đảm mọi vấn đề được giải quyết nhanh, đúng nguyên tắc, không đùn đẩy.

*Thứ năm*, phát huy tốt vai trò của các cơ quan, tổ chức có chức năng liên quan đối với xây dựng TCD trong DNNKVN:

*Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố* cần tăng cường đẩy mạnh hoạt động tổ chức công đoàn trong các DN, chú trọng thành lập mới tổ chức công đoàn tại các DN có đủ điều kiện theo quy định. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức công đoàn đồng bộ, thống nhất với TCD để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của TCD đối với các tổ chức chính trị - xã hội trong các DN.

*Các tổ chức đoàn thanh niên* phối hợp thông qua hoạt động của mình để phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng, giáo dục quần chúng ưu tú, đoàn viên, hội viên giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp, làm tốt hơn nữa vai trò tạo nguồn phát triển đảng, bằng các phong trào thi đua lao động, sản xuất, công tác với những nội dung cụ thể, thiết thực, tạo môi trường để đoàn viên, công nhân, người lao động phấn đấu rèn luyện, phát huy năng lực, sở trường công tác...

*Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh, thành phố* cần phát huy vai trò xung kích, đẩy mạnh các hoạt động tuổi trẻ, lấy đoàn viên làm nòng cốt để tập hợp, xây dựng tổ chức Đoàn, Hội trong DN.

*Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố* cần tăng cường các hoạt động của phụ nữ để từ đó tổ chức xây dựng, thành lập tổ chức Hội trong các DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài.

*Các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học, các trường, trung tâm dạy nghề quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng viên mới.*

*Ý kiến từ phỏng vấn sâu cho thấy:*

**Để nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước**

Công đoàn, chi đoàn thanh niên các doanh nghiệp là cầu nối, chủ động phối hợp với chủ doanh nghiệp trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên tham gia vào các hoạt động để tạo nguồn phát triển đảng viên ... Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, vận động đoàn viên thanh niên là công nhân tại công ty nâng cao tinh thần cảnh giác và trách nhiệm phát triển Đảng, tích cực góp phần trong công tác xây dựng Đảng tại công ty ngày càng trong sạch vững mạnh (*Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương*)

Công tác xây dựng tổ chức Đảng, phát triển đảng viên trong công nhân là việc làm có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước (*Đảng ủy khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Bình Dương*)

Cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho công nhân về lý tưởng cách mạng, từ đó giúp cho công nhân xác định động cơ đúng đắn để phấn đấu, rèn luyện đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản (*Ban Tổ chức Thành ủy Tân Uyên, Bình Dương*)

*Nguồn: Phỏng vấn sâu của tác giả (xem BẢNG 3. Phụ lục 10)*

**4.2.5.2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam Bộ**

*Thứ nhất*, đưa nội dung xây dựng TCD trong DNNKVNN thành nội dung trọng tâm trong chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp.

Nội dung kiểm tra tập trung vào: Việc quán triệt, cụ thể hóa nghị quyết cấp trên; kết quả phát triển TCD, đảng viên; chất lượng sinh hoạt chi bộ; việc thực hiện quy chế phối hợp; trách nhiệm của người đứng đầu.

Phương thức kiểm tra kết hợp giữa nghe báo cáo, nghiên cứu hồ sơ với kiểm tra thực tế tại DN, đối thoại trực tiếp với bí thư chi bộ, chủ DN.

*Thứ hai*, thực hiện giám sát thường xuyên thông qua chế độ báo cáo định kỳ và nắm tình hình qua nhiều kênh.

Ngoài báo cáo hành chính, cấp ủy cấp trên giám sát qua phản ánh của liên đoàn lao động, ban quản lý khu công nghiệp, qua dư luận người lao động và kết quả giải quyết quan hệ lao động tại doanh nghiệp.

Kịp thời phát hiện nơi có dấu hiệu buông lỏng, hình thức, hoặc nơi có cách làm hay để chỉ đạo uốn nắn, nhân rộng.

*Thứ ba*, định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá thực chất và điều chỉnh chủ trương.

Cấp xã, phường sơ kết 6 tháng, cấp tỉnh/thành phố sơ kết 1 năm, tổng kết 5 năm theo nhiệm kỳ đại hội. Nội dung sơ kết, tổng kết phải đi sâu vào chất lượng: tổ chức đảng có thực sự là hạt nhân chính trị không; có tham gia ổn định lao động, nâng cao năng suất không; uy tín với chủ DN thế nào. Trên cơ sở đó rút ra mô hình tốt như chi bộ sinh hoạt linh hoạt, phát triển đảng viên từ công nhân nòng cốt, cơ chế bí thư chi bộ là quản lý doanh nghiệp để nhân rộng; đồng thời chỉ rõ nguyên nhân hạn chế, nhất là nguyên nhân chủ quan.

*Thứ tư*, gắn kết quả kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết với công tác thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm.

Khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng TCD ở DN ngoài nhà nước. Phê bình, kiểm điểm, điều chuyển cán bộ lãnh đạo thiếu trách nhiệm, để địa bàn “trắng” TCD kéo dài. Kết quả tổng kết phải trở thành luận cứ để bổ sung, hoàn thiện nghị quyết, quy chế phối hợp cho giai đoạn tiếp theo.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ gắn với kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thường xuyên là điều kiện bảo đảm cho các chủ trương về xây dựng TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ được triển khai đồng bộ, thống nhất, khắc phục bệnh hình thức, đối phó, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCD trong điều kiện KTTT định hướng XHCN.

## KẾT LUẬN

Tổ chức đảng trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ là hạt nhân chính trị, nền tảng của Đảng, là nơi trực tiếp quán triệt và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của DN và địa phương; nơi trực tiếp đề xuất, chủ trương, biện pháp và tiến hành công tác xây dựng Đảng, quản lý, giáo dục rèn luyện đảng viên, phát triển đảng viên mới và chăm lo đời sống của cán bộ, đảng viên, công nhân, người lao động trong các DNNKVNN. Tổ chức đảng trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ có chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tổ chức và hoạt động phù hợp với các loại hình DN cụ thể và mang đặc thù trong tổ chức kinh tế ngoài nhà nước của địa bàn trọng điểm phía Nam.

Thời gian qua công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ đã có những chuyển biến tích cực, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo DN hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, tiếp tục phát triển các DNNKVNN theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, việc xây dựng các TCD trong DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian qua còn bộc lộ một số hạn chế, khuyết điểm, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Thực trạng đó bắt nguồn từ những nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ quan, nội tại có ý nghĩa quyết định. Tổng kết thực tiễn xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ vừa qua đã để lại một số kinh nghiệm có giá trị chỉ đạo thực tiễn cần được vận dụng vào tăng cường xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian tới.

Xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ hiện nay chịu sự tác động cả thuận lợi và khó khăn, thách thức của nhiều yếu tố như tình hình thế giới, khu vực và trong nước, yêu cầu nhiệm vụ tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới các DN ngoài khu vực nhà nước thời kỳ mới và yêu cầu công tác xây dựng Đảng. Thực tiễn đó vừa tạo điều kiện thuận lợi vừa đặt ra những

thách thức mới cho công tác xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ thời gian tới.

Để tạo được chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các tổ chức, các lực lượng đối với công tác xây dựng TCD trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo, quản lý các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ cần quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu xây dựng TCD phù hợp với thực tiễn ở từng DN, tiến hành đồng bộ và vận dụng linh hoạt các giải pháp cơ bản về xây dựng TCD trong các DNNKVNN cho sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng DN và từng địa phương. Trong điều kiện hiện nay, cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp: (1) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, TCD và đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ; (2) Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động thành lập và phát triển TCD, đảng viên trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ; (3) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên trực tiếp và nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình về xây dựng TCD trong các DNNKVNN; (4) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, đồng thời bảo đảm các điều kiện và nguồn lực cho hoạt động của TCD trong các DNNKVNN; (5) Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có chức năng liên quan và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc xây dựng TCD trong các DNNKVNN ở vùng Đông Nam Bộ.

Kết quả nghiên cứu của luận án mới chỉ là bước đầu tập trung vào những nội dung cơ bản nhất, chưa thể đi sâu nghiên cứu, luận giải thấu đáo mọi vấn đề cụ thể trong từng DNNKVNN ở từng tỉnh, thành phố và trên toàn vùng Đông Nam Bộ. Vì vậy, tác giả luận án mong được sự quan tâm góp ý của các nhà khoa học, các cơ quan lãnh đạo để tiếp tục nghiên cứu sâu sắc, toàn diện hơn vấn đề nghiên cứu của luận án.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Võ Châu Thảo (2023), “Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, ISSN: 1859-1485.
2. Võ Châu Thảo (2025), “Tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở vùng Đông Nam bộ hiện nay”, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, ISSN: 1859-1485.
3. Võ Châu Thảo (2024), *Công tác phát triển đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân tại các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ*, Sách chuyên khảo.
4. Võ Châu Thảo (2024), *Phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Sách tham khảo.
5. Võ Châu Thảo (2025), *Chất lượng công tác phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp tỉnh.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### \* Tài liệu tiếng Việt

1. Dương An (2024), *Tìm giải pháp cho công tác xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước*, <https://dongnai.gov.vn/vi/news/Xay-dung-Dang/tim-giai-phap-cho-cong-tac-xay-dung-va-phat-trien-to-chuc-dang-dang-vien-trong-doanh-nghiep-ngoai-khu-vuc-nha-nuoc-44522.html>, [truy cập ngày 13/1/2025].
2. Ngô Tuấn Anh (2024), “Giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân”, *Tạp chí Ngân hàng*, (818+819), tr.52 - 56.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2004), *Quy định số 100-QĐ/TW*, ngày 04/6/2004 về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân, Hà Nội.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2010), *Kết luận số 80-KL/TW*, ngày 29/7/2010 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới, Hà Nội.
5. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2012), *Quy định số 99-QĐ/TW*, ngày 30/05/2012 về chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, Hà Nội.
6. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2013), *Quy định số 170-QĐ/TW*, ngày 07/3/2013 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp tư nhân, Hà Nội.
7. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2013), *Quy định số 171-QĐ/TW*, ngày 07/3/2013 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp có vốn nước ngoài, Hà Nội.
8. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2019), *Chỉ thị số 28-CT/TW*, ngày 21/01/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, Hà Nội.

9. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2019), *Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân*, Hà Nội.
10. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2021), *Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 21/12/2021 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 50% vốn Điều lệ trở xuống*, Hà Nội.
11. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2025), *Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội (2012), *Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 27/02/2012 của Thành ủy Hà Nội về “Tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ nay đến năm 2020”, giai đoạn 2020 - 2025*, Hà Nội.
13. Ban Chấp hành Trung ương (2000), *Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú*, Hà Nội.
14. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2006), *Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 28/8/2006 về đảng viên làm KTTN*, Hà Nội.
15. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008, Hội nghị Trung ương 6 khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Hà Nội.
16. Ban Chấp hành Trung ương (2011), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Hà Nội.

17. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 3/6/2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
18. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”*, Hà Nội.
19. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội.
20. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.
21. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm*, Hà Nội.
22. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
23. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội (2022), *Đề án số 20/ĐA-TU ngày 24/10/2022 về “Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên ở Đảng bộ thành phố Hà Nội trong giai đoạn mới”*, Hà Nội.
24. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương (2022), *Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 12/01/2022 về hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác xây dựng, phát triển tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2022 - 2025*, Bình Dương.

25. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương (2024), *Báo cáo về công tác xây dựng tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay*, Bình Dương.
26. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai (2023), *Báo cáo của Ban chỉ đạo 07 Tỉnh ủy Đồng Nai về tình hình công tác xây dựng TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, ngày 15/12/2023, Đồng Nai.
27. *Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu (2022), Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ năm 2022*, Vũng Tàu.
28. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước (2023), *Hội thảo giải pháp đẩy mạnh kết nạp đảng viên, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các đơn vị KTTN trên địa bàn tỉnh*, ngày 18/11/2023, Bình Phước.
29. Ban Tổ chức Trung ương (2021), *Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW, ngày 27/9/2021 về việc kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng*, Hà Nội.
30. Ban Tổ chức Trung ương (2025), *Báo cáo về công tác xây dựng tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp ngoài nhà nước từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay*, 23/6/2025, Hà Nội.
31. Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2018), *Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện (Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng từ sau Đại hội XVIII)*, Nxb Xây dựng Đảng, Trung Quốc.
32. Nguyễn Thị Thanh Bình (2022), *“Xây dựng TCD trong các đơn vị KTTN trên địa bàn thành phố Hà Nội: Thực trạng và giải pháp”*, Hà Nội.
33. Bộ Chính trị (1996), *Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 23/11/1996 về tăng cường công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là doanh nghiệp tư nhân) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*, Hà Nội.

34. Bộ Chính trị (2018), *Kết luận số 29-KL/TW, ngày 31/01/2018 về tổng kết 10 năm thực hiện Quy định số 15-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đảng viên làm kinh tế tư nhân*, Hà Nội.
35. Bộ Chính trị (2020), *Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú*, Hà Nội.
36. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 07/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
37. Bộ Chính trị (2023), *Quy định 124-QĐ/TW, ngày 04/10/2023 về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị*, Hà Nội.
38. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*, Hà Nội.
39. Bộ Kế hoạch đầu tư (2024), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050*, Hà Nội.
40. Hồng Chiêu (2021), “500 nghìn công nhân bị ảnh hưởng việc làm do dịch bệnh”, *Báo và phát thanh truyền hình Bắc Ninh*, ngày 14/7/2021.
41. Christensen, Clayton M (1997), *Thế tiến thoái lưỡng nan của nhà đổi mới: Khi công nghệ mới khiến các công ty lớn thất bại*, Boston, MA: Nxb Trường Kinh doanh Harvard, Hoa Kỳ.
42. Nguyễn Cao Cường (2025), *Giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ trong tình hình mới*, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/giai-phap-nang-cao-chat-luong-sinh-hoat-chi-bo-trong-doanh-nghiep-ngoai-khu-vuc-nha-nuoc-o-cac-tinh-thanh-pho-vung-dong-nam-bo-trong-tinh-hinh-moi-p29210.html>, [truy cập ngày 10/7/2025].
43. David L. Rogers (2024), *Lộ trình chuyển đổi số doanh nghiệp*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

44. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.
45. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Thành phố Hồ Chí Minh.
46. Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Vũng Tàu.
47. Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Vũng Tàu
48. Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh Bình Dương lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Bình Dương.
49. Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Bình Dương.
50. Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Bình Phước.
51. Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Bình Phước.
52. *Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (2015), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Đồng Nai.
53. *Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (2020), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đồng Nai.
54. Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Tây Ninh.
55. Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Tây Ninh.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
61. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2024), *Báo cáo Số 457-BC/ĐUK ngày 09/05/2024 về kết quả công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước 6 tháng đầu năm 2024*, Vũng Tàu.
62. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương (2023), *Báo cáo số 139-BC/ĐUK, ngày 15/12/2023 về kết quả thực hiện công tác phát triển đảng viên năm 2023*, Bình Dương.
63. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương (2024), *Báo cáo số 61-BC/ĐUK ngày 30/6/2024, Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Bình Dương.
64. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bình Phước (2024), *Báo cáo số 355-BC/ĐUK ngày 4/12/2024, Báo cáo kết quả công tác xây dựng đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước năm 2024*, Bình Phước.
65. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai (2023), *Báo cáo số 221-BC/ĐUK, ngày 25/12/2023 về kết quả thực hiện công tác phát triển đảng viên năm 2023*, Đồng Nai.
66. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai (2024), *Báo cáo số 139-BC/ĐUK, ngày 15/12/2024 về kết quả thực hiện công tác phát triển đảng viên năm 2024*, Đồng Nai.

67. Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh (2024), *Báo cáo số 435-BC/ĐUK, ngày 07/06/2024 về công tác xây dựng tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay*, Tây Ninh.
68. Dương Huy Đức (2021), “Tỉnh Đồng Nai: Điểm sáng thực hiện xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 12 (980).
69. Dương Huy Đức (2024), “Những kết quả nổi bật thực hiện xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước ở tỉnh Đồng Nai”, *Tạp chí Cộng sản* (1036), tr.89 - 95.
70. Nguyễn Văn Giang, Lâm Quốc Tuấn, Phạm Tất Thắng (2015), *Tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
71. Huỳnh Thị Gấm (2013), *Xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn hiện nay (Qua khảo sát ở miền Đông Nam Bộ)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
72. Giles Chance (2022), *Kinh doanh tại Trung Quốc*, Nxb Routledge Chapman & Hall, Công ty hợp nhất.
73. Lê Thanh Hà (Chủ biên), Vũ Quang Thọ, Nguyễn Mạnh Thắng (2014), *Phát triển Đảng viên mới trong công nhân các doanh nghiệp*, Nxb Lao động, Hà Nội.
74. Trần Hồng Hà, Nguyễn Quang Dương (2016), *Nâng cao chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên trong đảng bộ khối các cơ quan trung ương và đảng bộ khối doanh nghiệp trung ương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Phạm Hồng Kiên (2024), “Công tác phát triển đảng viên và tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh Bình Dương (2015 - 2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số tháng 7/2024.
76. Lương Văn Khôi (2024), “Các nhân tố quyết định năng suất lao động của các doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (01), tr.68 - 72.

77. V.I.Lênin (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. V.I.Lênin (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. V.I.Lênin (2011), *Toàn tập*, tập 27, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
80. Nhạc Phan Linh, Lê Văn Công (2021), “Phát triển tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ngoài nhà nước: thực trạng, thách thức và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu khoa học công đoàn*, (93).
81. Hoàng Thị Bích Loan, Đinh Trung Sơn (2024), “Định hướng phát triển doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045”, *Tạp chí Kinh tế và quản lý*, (50), tr.9 - 15.
82. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. C.Mác và Ph.Ăngghen (2011), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2010), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Huyền My (2024), *Dự báo tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2024 tăng 2%*, tại trang website [https://doanhnghieptiepthi.vn/du-bao-tong-so-doanh-nghiep-dang-ky-thanh-lap-moi-nam-2024-tang-2-161240108090148554.htm?utm\\_source=chatgpt.com](https://doanhnghieptiepthi.vn/du-bao-tong-so-doanh-nghiep-dang-ky-thanh-lap-moi-nam-2024-tang-2-161240108090148554.htm?utm_source=chatgpt.com), [truy cập ngày 15/2/2025].
89. Phan Thanh Nam (2022), *Giải pháp phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh*, truy cập ngày, tại trang web <https://vinhphuc.dcs.vn/ContentDetail/NewsDetailView?NewsId=34c236e0-ea21-4719-97e3-82618f2a0a94>, [truy cập ngày 15/6/2025].
90. Ngân hàng thế giới (2006), *Chống tham nhũng ở Đông Á, giải pháp từ khu vực KTTN*, (Trần Thị Thái và nhiều dịch giả khác dịch, Vũ Cường hiệu đính), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

91. Nhà xuất bản Ngoại văn Trung Quốc (2015), *Tập Cận Bình về quản lý đất nước Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật (2010), *101 câu hỏi và trả lời về công tác tổ chức, kiểm tra của Đảng*, Hà Nội.
93. Nguyễn Thành Nhân, Nguyễn Cao Siêng (2022), “Vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về xây dựng tổ chức cơ sở đảng vào thực tiễn Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (988).
94. Hồ Thị Hồng Nhung (2022), “Bắc Ninh đẩy mạnh xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên trong doanh nghiệp tư nhân”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (3).
95. Trương Đức Nhuận (2022), *Xây dựng tổ chức cơ sở đảng, phát triển đảng viên tại các DN ngoài nhà nước ở tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
96. Nguyễn Văn Phong (2022), “Phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội - Kết quả và bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Cộng sản*, (5).
97. Nguyễn Xuân Phương (2022), “Phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (7).
98. Vũ Quỳnh Phương (2024), “Xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, (01).
99. Quốc hội (2020), *Luật Doanh nghiệp, số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020*, Hà Nội.
100. Quốc hội (2023), *Nghị quyết số 81/2023/QH15, ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
101. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 194/2025/QH15, ngày 05/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
102. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.

103. Ninh Thị Minh Tâm (2020), *Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
104. Trần Văn Toàn (2021), “Phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (9).
105. Lê Duy Thành (2019), “Gỡ ‘nút thắt’ phát triển Đảng trong các doanh nghiệp tư nhân”, *Báo Quân đội nhân dân*.
106. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Báo cáo về tình hình công tác xây dựng tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.
107. Đỗ Phương Thảo (2024), “Sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số (03), tr.75 - 78.
108. Lê Cao Thắng, Đỗ Minh Hùng (2020), “Phát triển Đảng trong Doanh nghiệp ngoài nhà nước đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, số (946), tr.68 - 73.
109. Thoong-xạ-lít Mãng-no-mặc (2020), Xây dựng Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong sạch, vững mạnh, tại trang web [https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/816351/view\\_content](https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/816351/view_content), [truy cập ngày 15/2/2025].
110. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 370/QĐ-TTg, ngày 04/5/2024, Phê duyệt Quy hoạch Vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
111. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1325/QĐ-TTg, ngày 04/11/2024, Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.

112. Nguyễn Thị Kim Thúy (2018), *Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay*, Đề tài khoa học, Thành phố Hồ Chí Minh.
113. Tỉnh ủy Bình Dương (2024), *Báo cáo số 410-BC/TU, ngày 22/4/2024 về tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Bình Dương.
114. Tỉnh ủy Bình Phước (2023), *Đề án 09-ĐA/TU, ngày 18/7/2023 về việc đẩy mạnh kết nạp đảng viên, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp tại khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2030*, Bình Phước.
115. Tỉnh ủy Bình Phước (2023), *Báo cáo số 121-BC/TU, ngày 20/12/2023, Tổng kết Đề án “Hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác xây dựng, phát triển tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn (2018 - 2020)”*, Bình Phước.
116. Tỉnh ủy Đồng Nai (2024), *Báo cáo số 456-BC/TU, ngày 14/08/2024 về công tác xây dựng tổ chức đảng, đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước từ đầu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến nay*, Đồng Nai.
117. Tỉnh ủy Tây Ninh (2023), *Báo cáo Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU ngày 19/02/2023 về tập hợp, đoàn kết công nhân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025*, Tây Ninh.
118. Tổng cục Thống kê (2019), *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2018*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
119. Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám thống kê 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
120. Tổng cục thống kê (2022), *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2021*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
121. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê 2023*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
122. Tổng cục Thống kê (2024), *Kết quả chủ yếu Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 0 giờ 01/4/2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

123. Tổng cục Thống kê (2025), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024: Thông cáo báo chí*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
124. Nguyễn Thị Trâm (2024), *Công tác phát triển đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân tại các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ*, Nxb Lý luận chính trị.
125. Lý Nguyên Triều (2014), *Công tác xây dựng Đảng ở doanh nghiệp ngoài quốc doanh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Nguyễn Phú Trọng (2024), “Phát biểu tại lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Báo Quân đội Nhân dân Online*.
127. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên, 2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
128. Trần Nguyễn Tuyên (Chủ biên, 2010), *Đảng viên làm kinh tế tư nhân - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
129. Sỹ Tuyên (2024), “Đồng Nai: Đẩy mạnh phát triển đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước”, *Tạp chí Vietnamplus điện tử*, số tháng 6/2024.
130. Nguyễn Thị Tuyên (2015), *Quản lý đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
131. *Từ điển Triết học* (1976), Nxb Sự thật, Hà Nội.
132. Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn quân sự (2010), *Bóc lột - Cách nhìn và ứng xử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
133. Viện Ngôn ngữ học (2020), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
134. Nhạc Vương (2020), “Ảnh hưởng của sự tham gia của tổ chức đảng vào quản lý đối ngoại đối với sự đổi mới của doanh nghiệp Trung Quốc”, *Tạp chí khoa học chính trị mở*, (10).
135. Trần Hy Vương (2025), “Sự tham gia của các cổ đông ngoài nhà nước có quan trọng đối với khả năng phục hồi của doanh nghiệp nhà nước hay không?”, *Tạp chí Kinh tế và Tài chính quốc tế*, (98).

136. Xiang Wanbo (2023), “Việc thành lập tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân ở Trung Quốc”, *Tạp chí Chinascope*, Trung Quốc.
137. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
138. Tưởng Phi Yên (2012), *Xây dựng và tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn Hà Nội*, Đề tài khoa học cấp bộ, Mã số: 01X-11/06-2011-2, Hà Nội.

**\* Tài liệu nước ngoài**

139. Clayton M. Christensen, Mare Benioff (2024), *Thế tiến thoái lưỡng nan của người đổi mới*, Nxb HighBridge
140. Janaina Macke Ivan Bozhikin, Luana Folchini da Costa b, (2019), “The role of government and key non-state actors in social entrepreneurship: A systematic literature review”, *Journal of Cleaner Production*, No. 226, pp.730 - 747 (“Vai trò của chính phủ và các tác nhân phi nhà nước chủ chốt trong khởi nghiệp xã hội: Tổng quan tài liệu có hệ thống”, *Tạp chí Sản xuất Sạch hơn*, số 226, tr.730 - 747).
141. Kasper Ingeman Beck, Kjeld Erik Brodsgaard (2022), “Quản trị doanh nghiệp đặc sắc Trung Quốc: Tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước”, *Tạp chí Cambridge University*.
142. Kexin Zhang (2017), “Proceedings of the 2017 3rd International Conference on Humanities and Social Science Research (ICHSSR 2017)”, *Atlantis Press*. (“Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế lần thứ 3 về Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn năm 2017 (ICHSSR 2017)”, Nhà xuất bản Atlantis).
143. Lishu Zhang, Zhibin Zhang, Aihua Xiong (2024), “The influence of non-state-owned shareholder governance on the governance level of state-owned enterprises Based on the perspective of board resolution behavior and party organization governance”, *PLoS ONE*. 19(5) (Ảnh hưởng của quản trị cổ đông không thuộc sở hữu nhà nước đối với mức độ quản trị của doanh nghiệp nhà nước dựa trên quan điểm về hành vi nghị quyết của hội đồng quản trị và quản trị tổ chức đảng”).

144. Pham Thanh Nghi, Nguyen Ngoc Trung, Leona Little Soldier, Tran Viet Hoi, and Won Joong Kim, (2014), “Leadership, resource and organisational innovation: findings from state and non-state enterprises”, *International Journal of Innovation Management*, No.18 (“Lãnh đạo, nguồn lực và đổi mới tổ chức: những phát hiện từ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân”, *Tạp chí quốc tế về quản lý đổi mới*, số 18).
145. Xiaoyong Dai & Liwei Cheng (2015), “Public selection and research and development effort of manufacturing enterprises in China: state owned enterprises versus non-state owned enterprises”, *Organization & Management*, 17(2), pp.182 - 195 (“Lựa chọn công khai và nỗ lực nghiên cứu và phát triển của các doanh nghiệp sản xuất tại Trung Quốc: doanh nghiệp nhà nước so với doanh nghiệp tư nhân”), *Tổ chức & Quản lý*, số 17(2), tr.182 - 195).
146. Youliang Yan và Xixiong Xu (2022), “The role of Party branches in protecting jobs”, *Asia - Pacific - Journal of Accounting & Economics*, (“Vai trò của chi bộ đảng trong bảo vệ việc làm”, *Tạp chí Tạp chí Kế toán & Kinh tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương*).
147. Yunqi Fan Fangzhao Zhou, Yunbi An, Ligang Zhong, (2017), “Independent directors, non-controlling directors, and executive pay-for-performance sensitivity: Evidence from Chinese non-state owned enterprises”, *Pacific-Basin Finance Journal*. 43, pp.55 - 71 (“Giám đốc độc lập, giám đốc không nắm quyền kiểm soát và độ nhạy cảm của lương thưởng theo hiệu quả hoạt động của giám đốc điều hành: Bằng chứng từ các doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc”, *Tạp chí Tài chính lưu vực Thái Bình Dương*, số 43, tr.55 - 71).

## PHỤ LỤC

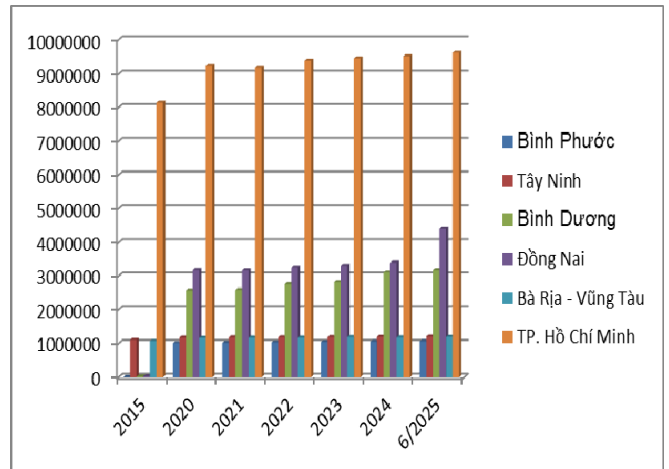
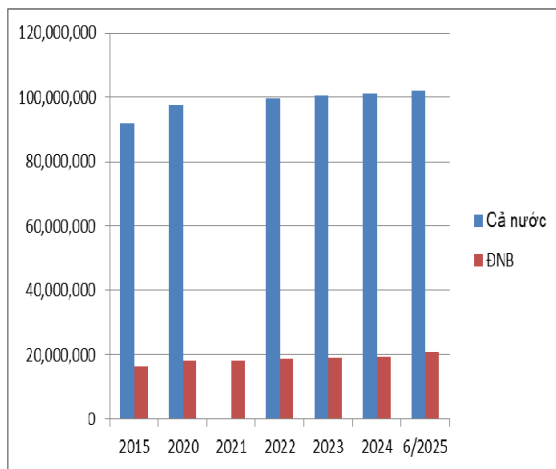
### Phụ lục 1

### DÂN SỐ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN 2015-2025

Đơn vị: Nghìn người

Vùng/địa phương	2015	2020	2021	2022	2023	2024	6/2025
<b>Tổng cả nước</b>	<b>91.713.300</b>	<b>97.582.690</b>	<b>98.506,19</b>	<b>99.461.710</b>	<b>100.400.000</b>	<b>101.300.000</b>	<b>102.000.000</b>
<b>Vùng Đông Nam Bộ</b>	<b>16.127.800</b>	<b>18.342.890</b>	<b>18.315.000</b>	<b>18.810.770</b>	<b>19.020.000</b>	<b>19.475.165</b>	<b>20683868</b>
Bình Phước	944.400	1.011.080	1.024.290	1.034.670	1.050.000	1.062.000	1.069.300
Tây Ninh	1.111.500	1.178.330	1.181.910	1.188.760	1.190.000	1.202.000	1.210.000
Bình Dương	1.947.200	2.580.550	2.596.790	2.763.120	2.820.000	3.105.479	3.170.000
Đồng Nai	2.905.800	3.177.400	3.169.100	3.255.810	3.310.000	3.400.000	4.410.000
Bà Rịa - Vũng Tàu	1.072.600	1.167.940	1.176.080	1.178.700	1.190.000	1.183.800	1.200.300
TP. Hồ Chí Minh	8.146.300	9.227.600	9.166.840	9.389.720	9.460.000	9.521.886	9.624.268

Nguồn: Tổng cục Thống kê



**Phụ lục 2****KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC XÂY DỰNG TCD TRONG  
DNNKVNN Ở CÁC TỈNH VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (GIAI ĐOẠN 2015-2025)**

<b>STT</b>	<b>Tỉnh/thành</b>	<b>Văn bản đã triển khai</b>
01	Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 05 tháng 01 năm 2011 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo xây dựng Đảng và các đoàn thể nhân dân trong các DNNKVNN
		Công văn số 1800-CV/TU ngày 22/9/2020 về tiếp tục tăng cường xây dựng TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các đơn vị KTTN, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn thành phố” theo “Chỉ thị 33-CT/TW của Ban Bí thư
		Chương trình hành động số 31-CTrHĐ/TU ngày 11/01/2023 chỉ đạo các cấp ủy các cấp nâng cao chất lượng phát triển đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.
		Quyết định số 304-QĐ/TU thành lập Ban chỉ đạo xây dựng TCD, đoàn thể trong DNTN, DN có vốn nước ngoài
02	Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Quyết định số 304-QĐ/TU thành lập Ban chỉ đạo xây dựng TCD, đoàn thể trong DNTN, DN có vốn nước ngoài
03	Tỉnh Đồng Nai	Chỉ thị số 22-CT/TU, ngày 06/6/2017 về tăng cường công tác xây dựng Đảng và đoàn thể nhân dân trong DNTN, DN có vốn nước ngoài
		Chỉ thị số 48-CT/TU, ngày 13/9/2019 về tăng cường xây dựng TCD trong đơn vị KTTN
04	Tỉnh Bình Dương	Chương trình số 13-CTr/TU TU ngày 27/5/2011, về xây dựng, phát triển TCD, đoàn thể chính trị trong các DNNKVNN giai đoạn 2011-2015
		Chương trình số 16-CTr/TU ngày 09/6/2016, về xây dựng phát triển TCD, tổ chức chính trị- xã hội trong các DNNKVNN giai đoạn 2016-2020

		Chương trình số 25-CTr/TU ngày 07/7/2021, về phát triển đảng viên trong công nhân lao động giai đoạn 2021-2025
		Chương trình 100- CT/TU ngày 16/01/2023, thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.
		Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 15/12/2017 về đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị nhằm xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DN trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2018 - 2020 và những năm tiếp theo.
		Quyết định số 733-QĐ/TU, ngày 20/6/2018 hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DNNKVNN trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2018 - 2020.
		Kế hoạch số 22-KH/BCĐ, ngày 7/8/2018 thực hiện Đề án “Hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DNNKVNN trên địa bàn tỉnh Bình Dương, gian đoạn 2016 - 2020.
		Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 19/11/2018 về thực hiện Đề án đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị nhằm xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2017 - 2020.
		Chi thị số 22/2016/CT-UBND, ngày 13/10/2016, thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong các loại hình DN.
		Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 11/01/2016 của Ban Thường vụ Thị ủy Dĩ An về công tác phát triển đảng viên nhiệm kỳ 2015 - 2020”; “Kế hoạch số 10-KH/TU, ngày 11/01/2016 của Ban Thường vụ Thị ủy Dĩ An về phân bổ chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới nhiệm kỳ 2015 - 2020.

	Kế hoạch số 30-KH/TU, ngày 27/5/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy công tác phát triển đảng viên nhiệm kỳ 2020 - 2025.
	Kế hoạch số 30-KH/TU, ngày 27/5/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy công tác phát triển đảng viên nhiệm kỳ 2020 - 2025.
	Kế hoạch số 42-KH/TU, ngày 25/10/2021 về công tác phát triển đảng viên trong công nhân lao động giai đoạn 2021 - 2025.
	Kế hoạch số 43-KH/HU, ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Tân Uyên về việc phát triển đảng viên trong công nhân lao động giai đoạn 2021 - 2025.
	Kế hoạch số 75-KH/HU, ngày 15/4/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc tổ chức Hội nghị gặp gỡ giữa lãnh đạo Huyện với chủ DN, cán bộ công đoàn, công nhân lao động và đảng viên trong DNNKVNN.
	Quyết định số 762-QĐ/HU, ngày 16/01/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc giao chỉ tiêu phát triển Đảng viên năm 2023.
	Kế hoạch số 04-KH/BCĐ, ngày 15/4/2022 của Ban Chỉ đạo 280 về công tác Ban chỉ đạo xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DNNKVNN giai đoạn 2022 - 2025.
	Chương trình số 16-CT/TU, ngày 04/3/2021 của Ban Thường vụ Thị ủy Bến Cát thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XII về phát TCD và đảng viên, nhiệm kỳ 2020 - 2025.
	Kế hoạch số 43- KH/TU, ngày 11/11/2021 về phát triển đảng viên trong công nhân lao động giai đoạn 2021 - 2025.
	Chương trình số 22-CT/TU, ngày 03/9/2021 của Ban Chấp hành Thành ủy Thuận An thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XII về xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DNNKVNN giai đoạn 2020 - 2025.

		<p>Kế hoạch số 43-KH/TU, ngày 16/6/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Thuận An, thực hiện Đề án hỗ trợ nguồn lực thực hiện công tác xây dựng, phát triển TCD, tổ chức chính trị - xã hội trong các DNNKVNN trên địa bàn Thành phố Thuận An, giai đoạn 2020 - 2025.</p>
		<p>Kế hoạch số 46/KH-LĐLĐ, ngày 12/9/2018, thực hiện đề án hỗ trợ nguồn lực phát triển tổ chức công đoàn trong các DN Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2018 - 2020.</p>
		<p>Kế hoạch số 40/KH-LĐLĐ, ngày 25/5/2022 về công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên là CNLĐ trong các DNNKVNN giai đoạn 2021 - 2025.</p>
		<p>Chương trình hành động số 58/CTr-TU, ngày 11/01/2022 về thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW về đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới.</p>
		<p>Nghị quyết số 03-NQ/TWĐTN-BTC, ngày 05/3/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết để cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.</p>
05	Tỉnh Bình Phước	<p>Quyết định số 1348-QĐ/TU, ngày 10/4/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện xây dựng TCD, đoàn thể trong các đơn vị KTTN.</p>
		<p>Công văn số 2992-CV/TU, ngày 21/6/2019 về thực hiện chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư, giao chỉ tiêu phát triển đảng viên, thành lập TCD trong các đơn vị KTTN cho các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, giao trách nhiệm cho các cấp ủy, các ngành tổ chức thực hiện.</p>
		<p>Đề án 09-ĐA/TU về việc đẩy mạnh kết nạp đảng viên, phát triển TCD, đoàn thể trong các DN tại khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2030</p>

06	Tỉnh Tây Ninh	<p>Kế hoạch số 13-KH/TU, ngày 21/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện (tương đương), bí thư chi bộ trong các DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài, DN cổ phần có vốn nhà nước dưới 50%, quỹ tín dụng nhân dân trực thuộc các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy khối DN tỉnh hoặc trực thuộc đảng ủy các xã, phường, thị trấn.</p>
	<p>Công văn số 193-CV/TU, ngày 06/9/2016 về việc tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, TCD trong việc thành lập công đoàn cơ sở tại DN.</p>	
	<p>Kế hoạch số 3188/KH-UBND, ngày 28/11/2017 về việc thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP, ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại DN thuộc mọi thành phần kinh tế.</p>	
	<p>Công văn số 349-CV/TU, ngày 22/5/2017 triển khai Thông báo kết luận số 22, ngày 11/4/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW.</p>	
	<p>Công văn số 770-CV/TU, ngày 25/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quán triệt và triển khai thực hiện chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.</p>	

**Phụ lục 3**  
**ĐÓNG GÓP CỦA 06 VÙNG VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**  
**CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2010 - 2024**

	Cả nước	Vùng Đồng bằng sông Hồng	Trung du và miền núi phía Bắc	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
<b>Tốc độ tăng trưởng GRDP (%/năm)</b>							
2011 - 2015	7,18	7,66	7,90	7,53	6,50	6,87	6,46
2016 - 2020	6,61	8,22	8,30	6,54	6,15	5,31	5,82
2011 - 2020	6,89	7,94	8,10	7,03	6,33	6,09	6,14
2021 - 2022	5,81	8,09	9,91	7,11	7,97	2,61	4,38
2011 - 2022	6,71	7,97	8,40	7,05	6,60	5,50	5,84
<b>Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế cả nước theo điểm %</b>							
2011 - 2015	7,18	2,08	0,55	0,99	0,23	2,54	0,79
2016 - 2020	6,61	2,34	0,61	0,87	0,21	1,90	0,69
2011 - 2020	6,89	2,24	0,59	0,92	0,22	2,18	0,73
2021 - 2022	5,81	2,43	0,78	0,95	0,27	0,89	0,50
2023 - 2024	6,71	2,31	0,64	0,94	0,23	1,91	0,69
<b>Tỷ trọng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế cả nước (%)</b>							
2011 - 2015	100,0	28,97	7,65	13,79	3,17	35,44	10,98
2016 - 2020	100,0	35,36	9,21	13,12	3,18	28,75	10,38
2011 - 2020	100,0	32,57	8,53	13,41	3,17	31,68	10,64
2021 - 2022	100,0	41,77	13,35	16,29	4,67	15,28	8,64
2013 - 2024	100,0	34,38	9,48	13,98	3,47	28,44	10,25

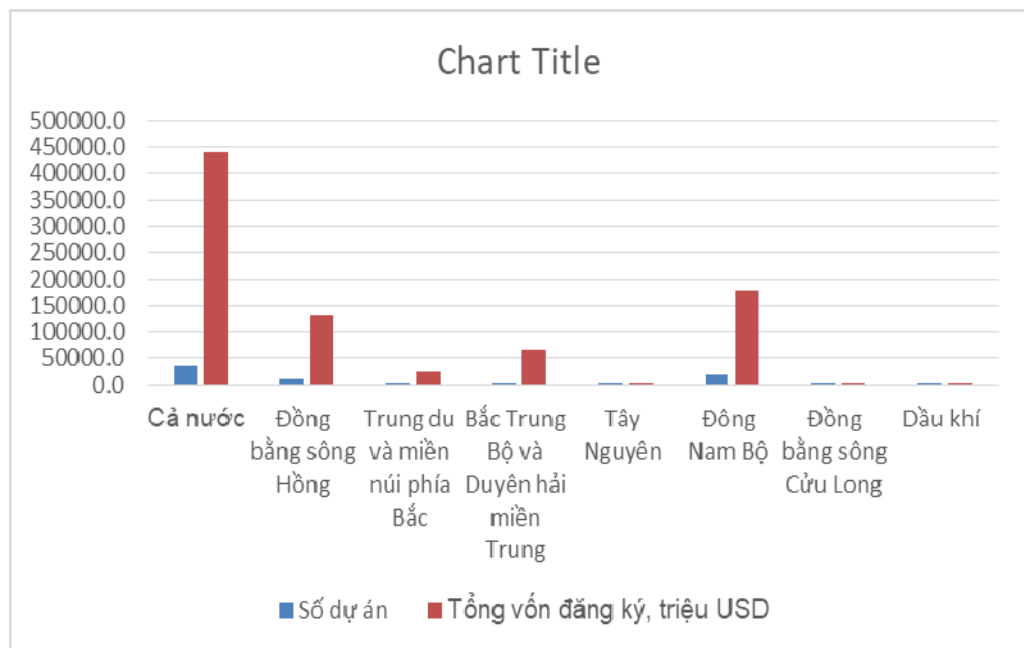
*Nguồn: Báo cáo Tổng hợp quy hoạch vùng Đông Nam Bộ của Bộ Kế hoạch và đầu tư năm 2024.*

## Phụ lục 4

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP  
PHÂN THEO VÙNG (LŨY KẾ CÁC DỰ ÁN CÒN HIỆU LỰC  
ĐẾN NGÀY 31/12/2024)**

Vùng	Số dự án	Tổng vốn đăng ký, triệu USD
<b>Cả nước</b>	<b>36.345</b>	<b>440.535</b>
Đồng bằng sông Hồng	12.217	132.841,5
Trung du và miền núi phía Bắc	1.223	25.408,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	2.266	65.149,2
Tây Nguyên	166	1.811,2
<b>Đông Nam Bộ</b>	<b>18.547</b>	<b>177.752,9</b>
Đồng bằng sông Cửu Long	1.876	34.803,2
Dầu khí	50	2.768,7

*Nguồn: Niên giám thống kê cả nước năm 2024*

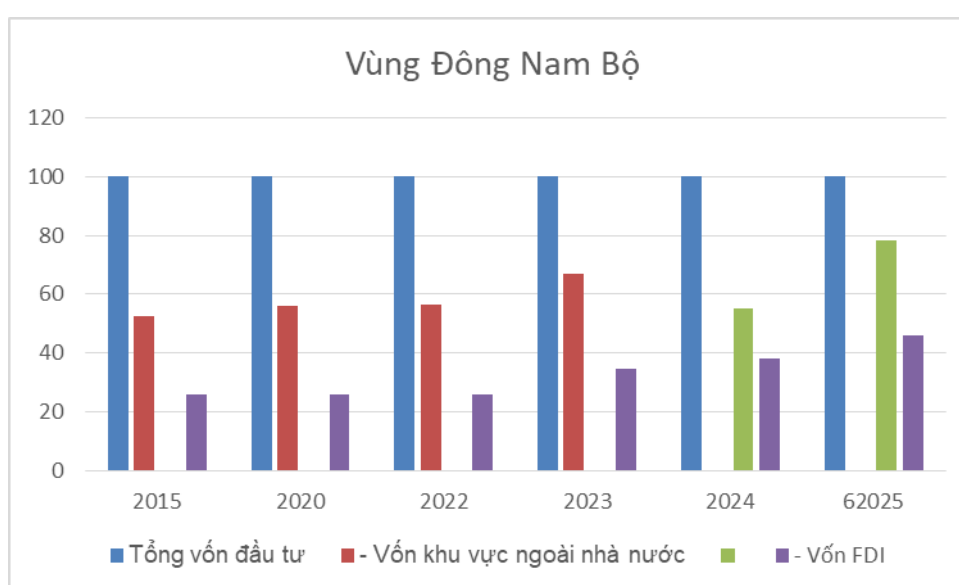


**Phụ lục 5**  
**CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TOÀN XÃ HỘI**  
**(GIÁ HIỆN HÀNH) PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ**

Đơn vị: %

Khu vực kinh tế	2015	2020	2022	2023	2024	6/2025
<b>Vùng Đông Nam Bộ</b>						
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
- Vốn khu vực ngoài nhà nước	52,4	56,2	56,5	66,8	55,1	78,48
- Vốn FDI	25,9	26,1	25,9	34,8	38,32	45,89
<b>Cả nước</b>						
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
- Vốn khu vực ngoài nhà nước	50,2	57,3	58,2	56,1	55,9	54,0
- Vốn FDI	18,1	16,5	16,2	17,46	26,86	18

*Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê các tỉnh và niên giám thống kê cả nước*

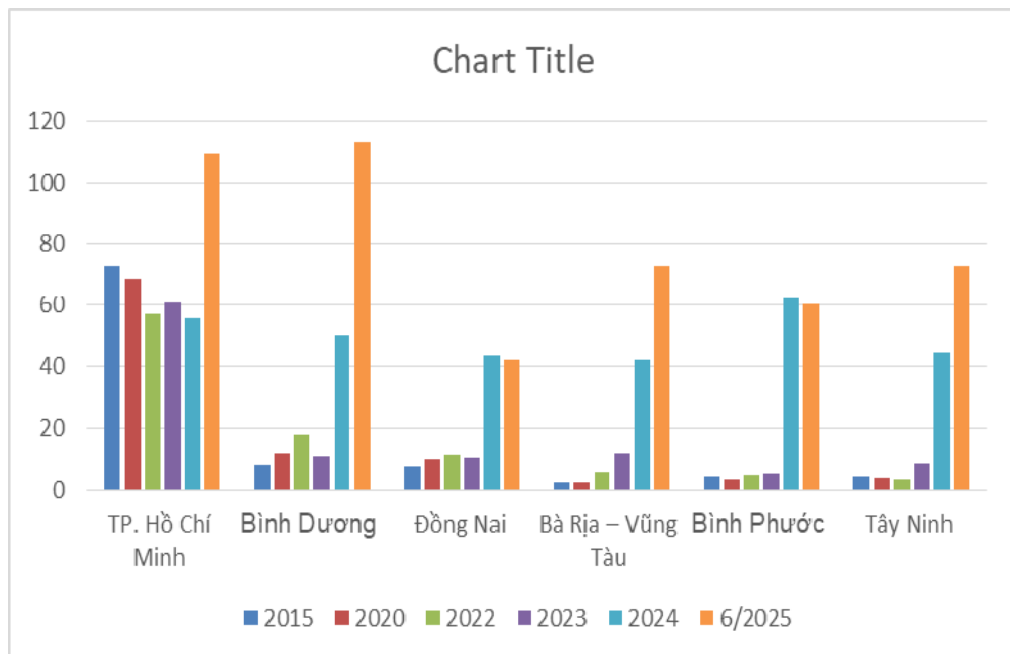


**Phụ lục 6**  
**VỐN ĐẦU TƯ KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA**  
**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ THEO ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị: %

TT	Địa phương	2015	2020	2022	2023	2024	6/2025
		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1	TP. Hồ Chí Minh	73,0	68,7	56,9	61,0	55,9	109,4
2	Bình Dương	8,2	11,9	17,9	11	50,0	113,0
3	Đồng Nai	7,4	9,8	11,3	10,17	43,5	42,2
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	2,5	2,3	5,7	12,0	41,97	73,0
5	Bình Phước	4,5	3,3	4,7	5,3	62,0	60,3
6	Tây Ninh	4,4	4,0	3,6	8,5	44,3	73,0

*Nguồn: Tổng hợp dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê*

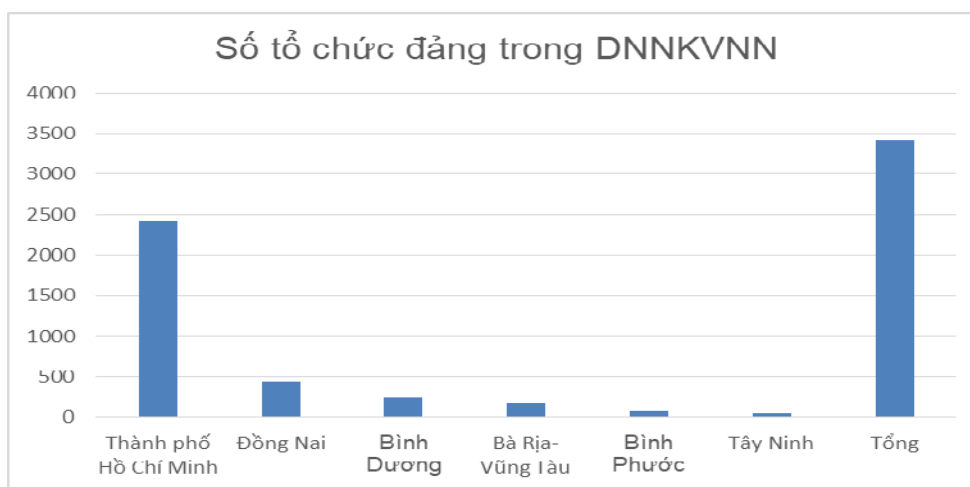
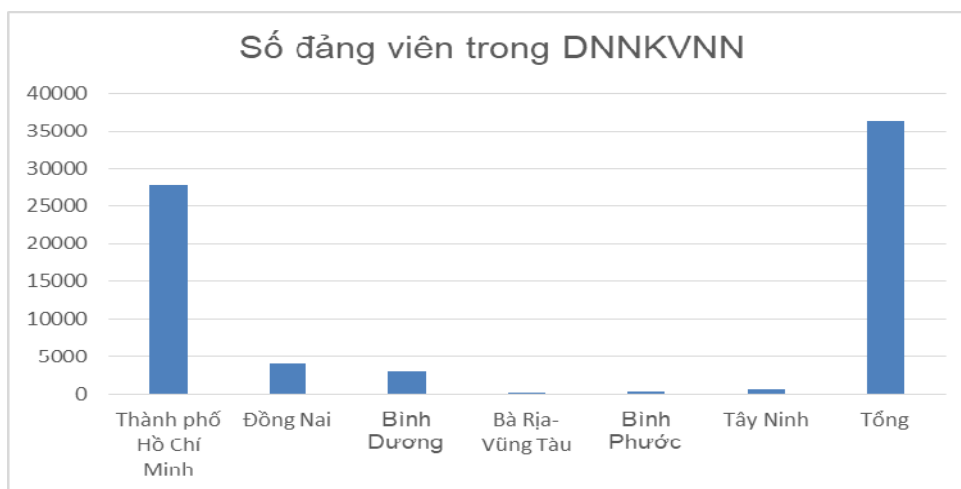


## Phụ lục 7

**TỔNG HỢP TCD VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG DNNKVNN  
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (TÍNH ĐẾN 31/5/2025)**

TT	Đảng bộ tỉnh	Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ	Số tổ chức đảng trong DNNKVNN	Số đảng viên trong DNNKVNN	Tỷ lệ %
1	Thành phố Hồ Chí Minh	255576	2420	27824	10.88
2	Đồng Nai	90015	439	4085	4.53
3	Bình Dương	54960	244	3015	5.71
4	Bà Rịa- Vũng Tàu	46018	182	213	4.63
5	Bình Phước	39049	80	400	1.19
6	Tây Ninh	39461	53	707	1.79
	<b>Tổng</b>	525079	3418	36244	28.73

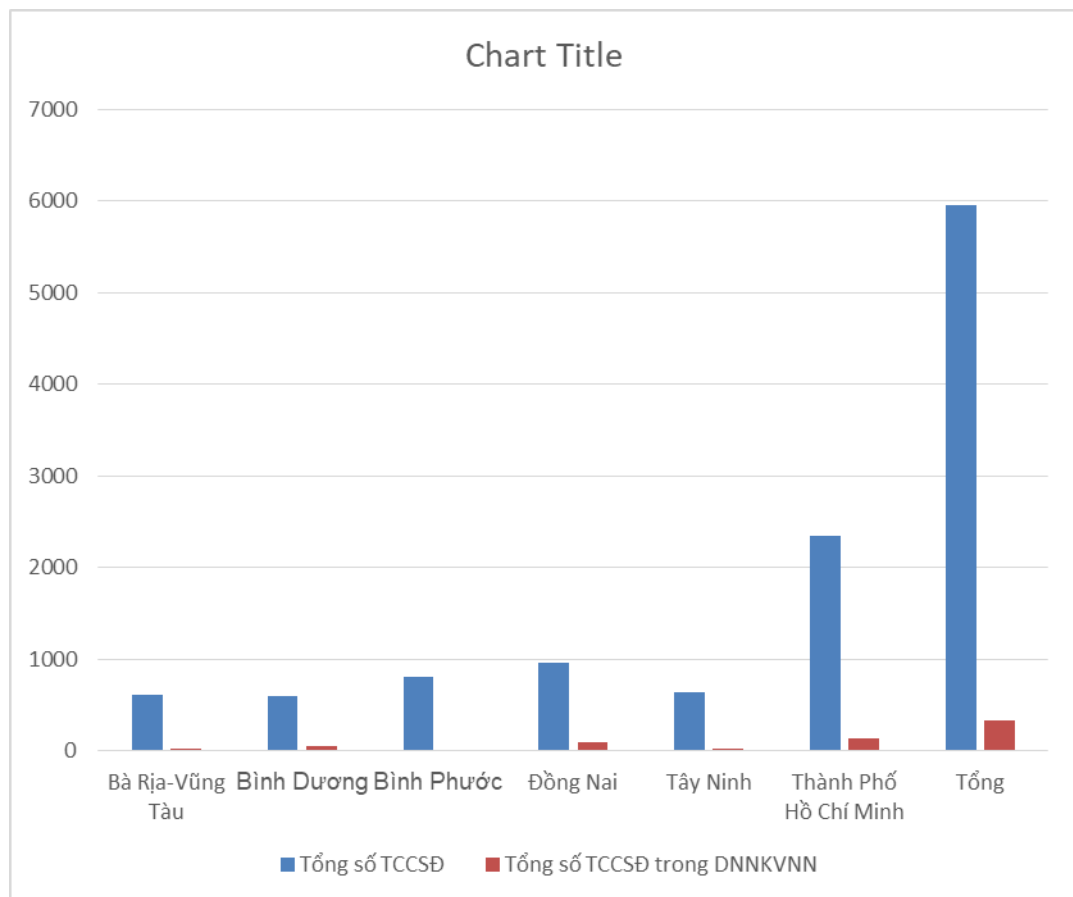
*So sánh số tổ chức đảng và đảng viên trong DNNKVNN của các Đảng bộ trong DNNKVNN ở Vùng Đông Nam Bộ*



**Phụ lục 8**  
**SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN**  
**TRONG DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC NĂM 2015**

SỐ TT	ĐẢNG BỘ	SỐ LƯỢNG TCCSĐ		SỐ LƯỢNG ĐẢNG VIÊN	
		Tổng số TCCSĐ	Tổng số TCCSĐ trong DNNKVNN	Tổng số đảng viên	Tổng số đảng viên trong DNNKVNN
01	Bà Rịa-Vũng Tàu	608	25	34714	502
02	Bình Dương	594	49	38928	575
03	Bình Phước	803	10	30297	60
04	Đồng Nai	969	94	67898	2139
05	Tây Ninh	635	23	31624	285
06	Thành Phố Hồ Chí Minh	2351	134	207294	8341
	<b>Tổng</b>	<b>5960</b>	<b>335</b>	<b>410755</b>	<b>11902</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của các Tỉnh ủy, Thành ủy vùng Đông Nam Bộ*

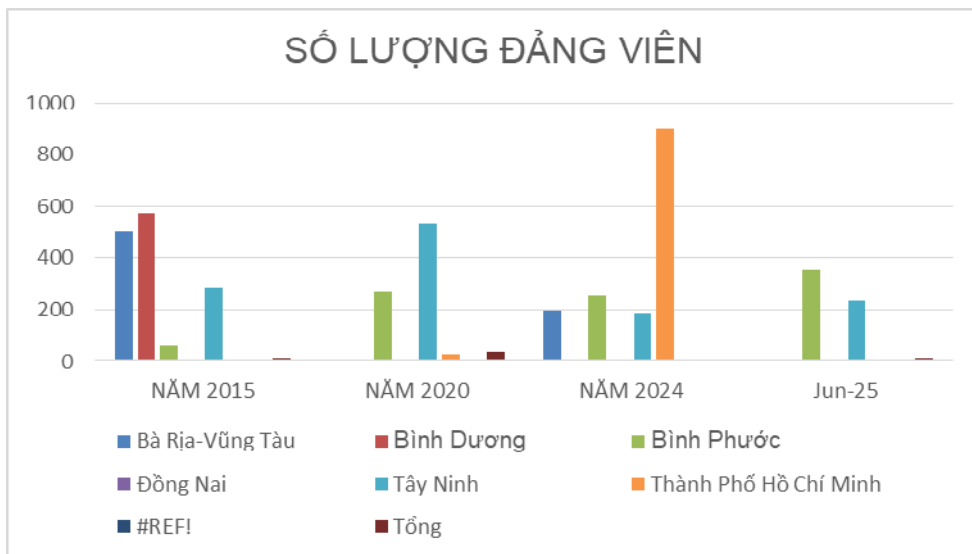
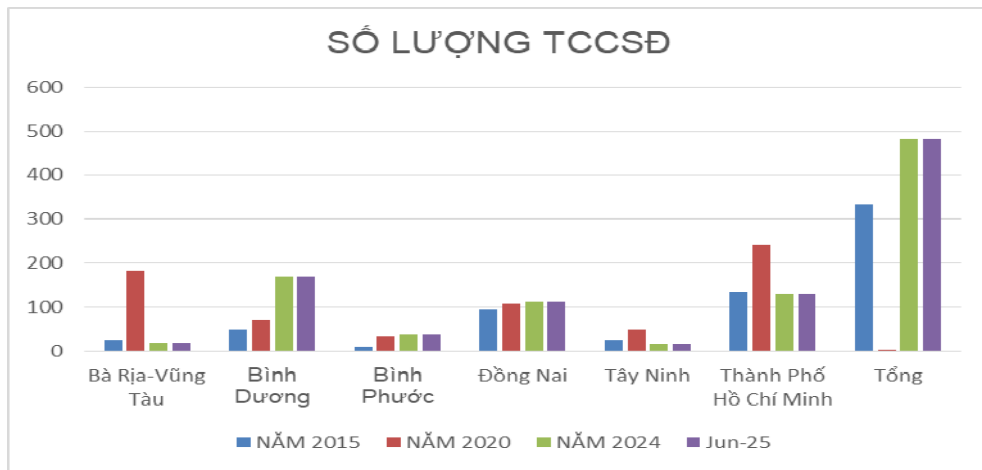


Phụ lục 9

**BẢNG TỔNG HỢP  
SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG  
DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC NĂM 2015 - 6/2025**

SỐ TT	ĐẢNG BỘ	SỐ LƯỢNG TCCSD				SỐ LƯỢNG ĐẢNG VIÊN			
		NĂM 2015	NĂM 2020	NĂM 2024	NĂM 6/2025	NĂM 2015	NĂM 2020	NĂM 2024	NĂM 6/2025
01	Bà Rịa-Vũng Tàu	25	182	19	19	502	2.130	198	1.601
02	Bình Dương	49	71	169	169	575	4.233	3.143	3.281
03	Bình Phước	10	33	37	37	60	268	256	351
04	Đồng Nai	94	108	112	112	2.139	3.481	3.128	3.128
05	Tây Ninh	23	50	17	17	285	532	188	233
06	Thành Phố Hồ Chí Minh	134	2.420	128	128	8.341	27.824	901	6.947
	<b>Tổng</b>	335	2.864	482	482	11.902	36.551	7.814	15.541

*Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của các Tỉnh ủy, Thành ủy vùng Đông Nam Bộ*



**Phụ lục 10**

**PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU**  
**VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG**  
**DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC CÁC TỈNH, THÀNH**  
**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ HIỆN NAY**

*(Dành cho lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, huyện ủy, lãnh đạo phòng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; đảng ủy khối doanh nghiệp; cấp ủy tổ chức đảng trong doanh nghiệp)*

**PHẦN I. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG PHỎNG VẤN**

**Câu 1:** Giới tính:  1. Nam  2. Nữ

**Câu 2:** Chức vụ công tác:.....

**Câu 3:** Đơn vị công tác:.....

**PHẦN II: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC**

**Câu 4:** Anh/chị đánh giá như thế nào về chủ trương của Đảng, của Tỉnh/Thành ủy đối với công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước?

1. Rất quan trọng

2. Quan trọng

3. Ít quan trọng

4. Không quan trọng

**Câu 5:** Nâng cao chất lượng xây dựng tổ chức Đảng ngoài khu vực nhà nước có mối quan hệ như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh/ thành hiện nay?

1. Nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội

2. Ít tác động đến hiệu quả kinh tế - xã hội

3. Không liên quan gì đến hiệu quả kinh tế - xã hội

**Câu 6:** Các cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm như thế nào đối với việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh/ thành hiện nay?

1. Rất tích cực

2. Tích cực

3. Ít tích cực

4. Không tích cực

**Câu 7:** Các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có vai trò gì đối với việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp?

1. Rất tích cực     2. Tích cực     3. Ít tích cực     4. Không tích cực

**Câu 8:** Trong những nội dung nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, nội dung nào có ý nghĩa quyết định?

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền đối với công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước?  
 2. Chỉ đạo các lực lượng tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về xây dựng tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.  
 3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, chủ doanh nghiệp đối với công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.  
 4. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chính trị cho công nhân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

**Câu 9:** Anh, chị đánh giá như thế nào về kết quả thực hiện các nội dung nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh/ thành hiện nay?

1. Rất tốt     2. Tốt     3. Khá tốt     4. Không tốt

**Câu 10:** Khó khăn, rào cản đối với việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh/ thành hiện nay? .....

**Câu 11:** Theo Anh Chị, các yếu tố nào tác động đến nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh/ thành hiện nay? .....

**Câu 12:** Theo Anh Chị, cần có giải pháp đột phá nào để nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh/ thành hiện nay? .....

**Câu 13:** Anh Chị có kiến nghị, đề xuất gì để nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh/ thành hiện nay?.....

*Cảm ơn Anh/ Chị đã dành thời gian và cung cấp thông tin quý báu cho cuộc nghiên cứu này!*

**BẢNG 1. TỔNG HỢP PHÒNG VẤN SÂU  
VỀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG  
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC**

TT	PHẦN I			Phần II					
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CÂU 4	CÂU 5	CÂU 6	CÂU 7	CÂU 8	CÂU 9
1	nữ	Trưởng Phòng	Ban Đảng	1	1	1	1	4	1
2	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức Huyện uỷ	2	2	2	2	2	3
3	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức Huyện uỷ	2	2	2	3	2	3
4	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức	2	2	2	3	3	3
5	Nữ	Phó ban	Ban tổ chức Huyện uỷ Bàu Bàng	1	2	2	2	3	2
6	Nữ	Bí thư	Đoàn thanh niên	1	3	3	1	3	4
7	Nữ	Phó trưởng ban	Ban tổ chức Huyện uỷ	1	2	3	2	3	1
8	Nam	Phó Đài	Đài truyền thanh thành phố Dĩ An	2	3	3	2	4	2
9	Nam	Chuyên viên	Ban tổ chức Huyện uỷ Bàu Bàng	2	2	4	2	4	2
10	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức Huyện uỷ Bàu Bàng	2	2	4	3	2	2

TT	PHẦN I			Phần II					
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CÂU 4	CÂU 5	CÂU 6	CÂU 7	CÂU 8	CÂU 9
11	Nam	Nhân viên	Ban tổ chức huyện ủy bầu bằng	1	1	2	3	3	3
12	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Thành ủy Dĩ An	2	2	4	2	4	3
13	Nữ	Trưởng Ban KT-XÃ HỘI	Hội đồng Nhân dân Huyện Dầu Tiếng	3	2	4	4	4	2
14	Nữ	Cán bộ đề án 03	Ban tổ chức Thành ủy Dĩ An	2	2	3	1	4	1
15	Nữ	Cán bộ	Đảng ủy xã Long Nguyên	1	2	4	2	4	2
16	Nam	Phó trưởng ban	BTC TDM	1	2	3	1	5	2
17	Nữ	Cán bộ	Đảng ủy xã Lai Hưng	2	1	2	2	4	2
18	Nam	Cán bộ	Đảng ủy xã Trừ Văn Thố	2	1	2	2	4	2
19	Nam	Cán bộ	Đảng ủy xã Hưng Hòa	2	1	3	2	4	2
20	Nữ	chủ tịch Hội	Hội LHPN thành phố Dĩ An	3	1	4	2	4	2
21	Nam	Phó trưởng phòng	Ban Tổ chức	2	2	2	3	3	4

TT	PHẦN I			Phần II					
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CÂU 4	CÂU 5	CÂU 6	CÂU 7	CÂU 8	CÂU 9
22	Nam	Trưởng BTC thành ủy Tân Uyên	Ban tổ chức Thành ủy Tân Uyên	1	2	2	3	1	3
23	Nam	Phó trưởng ban	Ban tổ chức Huyện ủy Dầu Tiếng	1	2	2	2	3	3
24	Nam	Trưởng Ban Dân vận	Ban Dân vận TP Dĩ An	3	2	4	3	4	3
25	Nam	Cán bộ đề án 03	LĐLĐ Thành phố Dĩ An	2	3	4	1	4	1
26	Nam	Cán bộ	Đảng ủy xã Cây Trông II	2	2	2	2	4	2
27	Nam	Viên chức	Trung tâm Chính trị Dĩ An	2	3	3	1	3	3
28	Nữ	Trưởng ban	Ban tổ chức	1	1	2	3	3	3
29	Nam	Phó Trưởng BTC Thành ủy Dĩ An	BTC Thành ủy Dĩ An	1	2	2	3	3	3
30	Nam	Chủ tịch Hội	Hội CCB Thành phố Dĩ An	3	3	3	1	4	2
31	Nữ	Chuyên viên	Ban tổ chức Huyện ủy BTU	2	1	2	1	4	1

TT	PHẦN I			Phần II					
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CÂU 4	CÂU 5	CÂU 6	CÂU 7	CÂU 8	CÂU 9
32	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức TP TU	2	2	1	2	4	2
33	nữ	chuyên viên	Ban Tổ chức Huyện ủy BTU	2	2	1	2	4	2
34	Nam	Chuyên viên	Ban tổ chức Huyện ủy	1	2	1	1	4	1
35	Nam	Cán bộ Huyện Đoàn	Huyện Đoàn Bắc Tân Uyên	2	2	2	1	4	1
36	Nữ	Cán bộ đề án Huyện Đoàn	Huyện Đoàn	2	2	2	1	4	1
37	nữ	HCHĐ TN	Tân Định	1	3	3	1	4	1
38	Nam	Cán bộ đề án 03 LĐLĐ Tp Dĩ An	LĐLĐ thành phố Dĩ An	2	2	2	1	4	2
39	Nữ	Cán bộ công chức	Đảng ủy khối DN tỉnh	2	2	2	2	4	2

**BẢNG 2. TỔNG HỢP PHÒNG VẤN SÂU  
VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN, RÀO CẢN KHI XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG  
TRONG DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG**

TT	PHẦN I			PHẦN II	
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	NHỮNG KHÓ KHĂN, RÀO CẢN	YẾU TỐ TÁC ĐỘNG
1	Nữ	Trưởng Phòng	Ban Đảng	Thời gian sinh hoạt	ngoại giao
2	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức Huyện uỷ	Tạo được sự đồng thuận từ phía doanh nghiệp	Sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương
3	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức Huyện uỷ	Hoạt động đoàn thể chưa hiệu quả	Hoạt động phong trào của đoàn thể trong DN
4	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức	Sự đồng thuận của DN	Sự lãnh đạo của cấp uỷ, công tác tư tưởng tuyên truyền trong người lao động
5	Nữ	Phó ban	Ban tổ chức Huyện uỷ Bàu Bàng	Sinh hoạt	Quan tâm, động viên
6	Nữ	Bí thư	Đoàn thanh niên	Sự đồng thuận của DN	Hỗ trợ của Dn, sự đồng thuận của CN
7	Nữ	Phó trưởng ban	Ban tổ chức Huyện uỷ	Công tác tuyên truyền trong DN	Hoạt động của đoàn thể
8	Nam	Phó Đài	Đài truyền thanh thành phố Dĩ An	Sự đồng thuận của chủ DN tình hình sản xuất kinh doanh	Ảnh hưởng suy thoái kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp, từ đó tác động đến chất lượng TCD trong DN ngoài KVNN
9	Nam	Chuyên viên	Ban tổ chức Huyện uỷ Bàu Bàng	Khó tiếp cận	Đồng tình
10	Nữ	Phó trưởng ban	Ban Tổ chức Huyện uỷ Bàu Bàng	Sự đồng thuận của DN	Sự lãnh đạo của cấp uỷ, hoạt động của đoàn thể

TT	PHẦN I			PHẦN II	
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	NHỮNG KHÓ KHĂN, RÀO CẢN	YẾU TỐ TÁC ĐỘNG
11	Nam	Nhân viên	Ban tổ chức huyện ủy bầu bàng	Khó tiếp cận	Tiếp cận
12	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Thành ủy Dĩ An	DN chưa nhận thấy hiệu quả, kết quả trong việc có TCD ở DN mình.	Sự quan tâm của chủ DN sự quan tâm của cấp ủy chính quyền nơi sản xuất kinh doanh.
13	Nữ	Trưởng Ban KT-XÃ HỘI	Hội đồng nhân dân Huyện Dầu Tiếng	Khó tiếp cận doanh nghiệp	Thời gian
14	Nữ	Cán bộ đề án 03	Ban tổ chức thành ủy dĩ an	Không	Rất tốt
15	Nữ	Cán bộ	Đảng ủy xã Long Nguyên	Quyết tâm	Chính sách
16	Nam	Phó trưởng ban	BTC TDM	Sự đồng thuận của chủ DN.	Công tác sinh hoạt chi bộ.
17	Nữ	Cán bộ	Đảng ủy xã Lai Hưng	Khó khăn tiếp cận	Sâu sát
18	Nam	Cán bộ	Đảng ủy xã Trừ Văn Thố	Khó tiếp cận	Sâu sát
19	Nam	Cán bộ	Đảng ủy xã Hưng Hòa	Khó tiếp cận	Các nguồn lực

TT	PHẦN I			PHẦN II	
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	NHỮNG KHÓ KHĂN, RÀO CẢN	YẾU TỐ TÁC ĐỘNG
20	Nữ	chủ tịch Hội	Hội LHPN thành phố Dĩ An	Việc triển khai xây dựng quy chế phối hợp còn nhiều khó khăn, nhất là đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước Ngoài.	Mặc dù các cấp ủy đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch để chỉ đạo phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị KTTN; gặp gỡ, tiếp xúc, tổ chức đối thoại, làm việc với các DNTN nhằm tạo sự đồng thuận của chủ DN về việc phát triển TCD, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên cũng còn có DN mới chỉ coi trọng nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận, doanh thu chưa nhận thức đúng mức vị trí, vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp.
21	Nam	Phó trưởng phòng	Ban tổ chức	Ý thức. Tinh thần trách nhiệm, hệ thống vaqñ bản quy phạm Pháp luật	Vai trò các cấp ủy, tổ chức đảng, cả hệ thống chính trị
22	Nam	Trưởng BTC thành ủy Tân Uyên	Ban tổ chức thành ủy Tân Uyên	- Đảng viên thường xuyên tăng ca, thay đổi giờ làm việc, có khi nghỉ việc chuyển sang làm việc địa phương khác. - Chưa có hướng dẫn nội dung, hình thức, quy chế sinh hoạt chi bộ.	-Sự đồng thuận, tạo điều kiện của chủ DN. -Sự nhận thức, trách nhiệm của Đảng viên.
23	Nam	Phó trưởng ban	Ban tổ chức Huyện ủy Dầu Tiếng	Sự không ủng hộ của chủ DN. Số lượng người lao động trong các DN không ổn định	Sự vào cuộc của các cấp ủy; ý thức của người lao động; tạo điều kiện của các chủ DN
24	Nam	Trưởng Ban Dân vận	Ban Dân vận TP Dĩ An	Thiếu sự quan tâm chủ DN	Sự quan tâm của chủ DN và vai trò cấp ủy

TT	PHẦN I			PHẦN II	
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	NHỮNG KHÓ KHĂN, RÀO CẢN	YẾU TỐ TÁC ĐỘNG
25	Nam	Cán bộ đề án 03	LĐLĐ thành phố Dĩ An	Không ý kiến	Không ý kiến
26	Nam	Cán bộ	Đảng ủy xã cây trường II	Sâu sát	Quan tâm
27	Nam	Viên chức	Trung tâm Chính trị Dĩ An	Nguồn phát triển đảng đôi lúc không đảm bảo	Việc sắp xếp thời gian tổ chức họp chi bộ gặp nhiều khó khăn do vị trí việc làm theo ca
28	Nữ	Trưởng ban	Ban tổ chức	Sự hợp tác của chủ doanh nghiệp	Kinh tế
29	Nam	Phó Trưởng BTC Thành ủy Dĩ An	BTC Thành ủy Dĩ An	Công ty, chủ doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm, đồng thuận cao, nhất là công ty, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tình hình kinh tế thế giới và khu vực, thiên tai,... sự phát triển của doanh nghiệp
30	Nam	Chủ tịch Hội	Hội CCB Thành phố Dĩ An	Hệ thống tổ chức Đảng của Doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa thật chặt chẽ, chưa được quan tâm.	Sự quan tâm của các tổ chức DN đối với các hoạt động của những người đứng đầu, những người lãnh đạo công ty, xí nghiệp.
31	Nữ	Chuyên viên	Ban tổ chức Huyện ủy BTU	Công tác tuyên truyền vận động các chủ doanh nghiệp để thành lập các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức đảng trong doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn	Xây dựng đội ngũ cấp ủy viên chi bộ
32	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức TP TU	Việc kết nạp người lao động vào Đảng kết quả chưa cao, công tác triển khai học tập Chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đảng viên, đoàn viên công đoàn, công nhân lao động gặp nhiều khó khăn vì do điều kiện sản xuất kinh doanh. Đoàn viên, công nhân lao động	Xây dựng đội ngũ cấp ủy viên

TT	PHẦN I			PHẦN II	
	GIỚI TÍNH	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	NHỮNG KHÓ KHĂN, RÀO CẢN	YẾU TỐ TÁC ĐỘNG
				ưu tú, có nguyện vọng và sau khi được tổ chức công đoàn giới thiệu học lớp nhận thức về Đảng cũng gặp trở ngại rất lớn do thời gian làm việc xuyên suốt, không bố trí được thời gian đi học.	
33	nữ	chuyên viên	Ban Tổ chức Huyện ủy BTU	Đa phần đảng viên là công nhân lao động nên chưa có sự đồng thuận cao giữa Ban GD	Không
34	Nam	Chuyên viên	Ban tổ chức Huyện ủy	Chưa tạo sự đồng thuận giữ doanh nghiệp và cấp ủy và các tổ chức chính trị xã hội	Cấp ủy chi bộ
35	Nam	Cán bộ Huyện Đoàn	Huyện Đoàn Bắc Tân Uyên	Lực lượng công nhân có trình độ chưa cao -> khó kết nạp vào Đảng	Lực lượng công nhân có trình độ chưa cao, khó kết nạp vào Đảng
36	Nữ	Cán bộ đề án Huyện Đoàn	Huyện Đoàn	không ý kiến	không ý kiến
37	nữ	HCHĐTN	Tân Định	Không ý kiến	Không ý kiến
38	Nam	Cán bộ đề án 03 LĐLĐ Tp Dĩ An	LĐLĐ thành phố Dĩ An	Chưa có sự quan tâm ủng hộ của Ban giám đốc công ty.	Không có ý kiến
39	Nữ	Cán bộ công chức	Đảng ủy khối DN tỉnh	Vì tập trung phát triển DN. Chưa dành nhiều thời gian đầu tư cho công tác đảng nên còn nhiều hạn chế	KTTT là yếu tố tác động lớn đến việc nâng cao chất lượng xây dựng tổ chức Đảng trong DN

**BẢNG 3. TỔNG HỢP PHÒNG VẤN SÂU**  
**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ CỦA CÁC CHUYÊN GIA**

**1. Khó khăn, rào cản lớn nhất trong công tác phát triển Đảng ở các DN khu vực ngoài nhà nước hiện nay là:**

***1.1. Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, trả lời:***

- Số lượng công nhân trong các DN thiếu tính ổn định nơi công tác do điều kiện kinh tế khó khăn, đang phục hồi dần sau đại dịch Covid-19. Số lượng TCD, đảng viên trong DN còn rất ít; chưa thể hiện được vai trò, vị trí trong DN, hoạt động còn mờ nhạt. Việc sinh hoạt chi bộ còn khó khăn, khó đảm bảo theo quy định.

- Nhận thức của công nhân lao động, đa phần họ cho rằng vào Đảng không được hưởng lợi ích gì, mất thời gian làm việc do đi họp, sinh hoạt, đóng đảng phí... Thực tế nhiều người lao động còn thiếu định hướng về mục tiêu, lý tưởng cách mạng. Nhận thức của người sử dụng lao động, phần lớn họ tập trung phát triển sản xuất, ít có chủ DN thiện chí hỗ trợ công tác giới thiệu, phát triển đảng vì cho rằng khi công nhân lao động tham gia các hoạt động đảng sẽ ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của DN. Nhiều đảng viên trong DN vì ngại ảnh hưởng đến việc làm nên không báo cáo với chi bộ hoặc công đoàn cơ sở việc họ là đảng viên, vẫn sinh hoạt đảng tại nơi cư trú.

- Phần khác là nhận thức về đảng của cán bộ công đoàn cơ sở còn nhiều hạn chế, lúng túng trong việc tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên, công nhân lao động cho Đảng xem xét kết nạp nên hiệu quả chưa cao.

***1.2. Đài Truyền Thanh Thành phố Dĩ An Bình Dương:***

Ảnh hưởng suy thoái kinh tế hiện nay tác động lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Từ đó, tác động đến chất lượng TCD trong DNNKVNN. Cần có cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, thủ tục cho các DN có TCD, nên có quy định riêng hướng dẫn sinh hoạt chi bộ trong DNNKVNN, giảm bớt thủ tục trong công tác Đảng, cần ứng dụng công nghệ thông tin - app về công tác Đảng.

## **2. Đề xuất gì để nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh/thành hiện nay**

### **2.1. Trưởng Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện Dầu Tiếng, kiến nghị:**

Tạo điều kiện để DN thấy được sự cần thiết phải xây dựng TCD trong DN, tạo sự thông thoáng nhưng vẫn phải đảm bảo quy định.

### **2.2. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Dĩ An, kiến nghị:**

Việc triển khai xây dựng quy chế phối hợp còn nhiều khó khăn, nhất là đối với các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Mặc dù tỉnh ủy, các cấp ủy cấp xã và đảng ủy khối DN tỉnh đã xây dựng chương trình hành động, kế hoạch để chỉ đạo phát triển TCD, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong đơn vị KTTN, gặp gỡ, tiếp xúc, tổ chức đối thoại, làm việc với các DNTN nhằm tạo đồng thuận của chủ DN về việc phát triển TCD, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, cũng còn có DN mới chỉ coi trọng nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận, doanh thu chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của TCD, đoàn thể trong DN. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, sớm quan tâm xem xét, kết nạp học sinh, sinh viên các trường dạy nghề để sẵn sàng bổ sung đảng viên trẻ cho các chi bộ tại DN hoặc gây dựng nền móng thành lập TCD sau này.

### **2.3. Ban Tổ chức Thành ủy Tân Uyên, Bình Dương, kiến nghị:**

Nhìn chung, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các xã - phường đã phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tuyên truyền vận động các chủ DN trong việc đồng thuận thành lập các TCD, đoàn thể trong các DN. Tuy nhiên, phần lớn chủ DN chưa đồng thuận, ủng hộ. Do đó, cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho công nhân về lý tưởng cách mạng, từ đó giúp cho công nhân xác định động cơ đúng đắn để phấn đấu, rèn luyện đứng vào hàng ngũ của Đảng. Nên cần có hướng dẫn riêng đối với thủ tục thành lập TCD trong các DNNKVNN; quy định bắt buộc công nhân là đảng viên phải khai báo nơi công tác hoặc nơi cư trú; hướng dẫn nội dung, quy chế sinh hoạt, phân loại đánh giá kiểm điểm cuối năm đối với loại hình đặc thù này.

**2.4. Ban Tổ chức Huyện ủy Dầu Tiếng, Bình Dương, kiến nghị:**

Các cấp ủy cần đi sâu, đi sát nắm tình hình hoạt động của DN để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong DN. Cần quy định theo hướng mở để các TCD trong DN sinh hoạt đảng được thuận lợi. Quy định về viết lý lịch đảng trong công nhân, có thể bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động.

**2.5. Đảng ủy khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Bình Dương, chia sẻ kinh nghiệm:**

Công tác xây dựng TCD, phát triển đảng viên trong công nhân là việc làm có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, hiện nay công tác này gặp nhiều khó khăn, Đảng ủy có vài kinh nghiệm trong việc thành lập TCD trong DN có vốn nước ngoài, cụ thể như tranh thủ sự hài lòng của chủ doanh nghiệp; minh chứng vài điểm để chủ doanh nghiệp thấy lợi ích việc thành lập tổ chức Đảng tại DN của họ; sự thỏa hiệp giữa 3 bên nhà DN - cấp ủy - Liên đoàn lao động các cấp trên địa bàn.

Đối với công nhân xem xét vào Đảng cần hướng dẫn tận tâm, phân công cấp ủy viên hoặc bí thư chi bộ điện tử hóa hỗ trợ viết lý lịch, sau khi góp ý của chi bộ thì giúp họ viết lại bản gốc và hoàn thiện hồ sơ.

**2.6. Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Dĩ An, Bình Dương, chia sẻ kinh nghiệm:**

Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động chủ DN và công nhân nắm bắt được những mặt tích cực khi có TCD.

Doanh nghiệp sẽ có nhiều nguồn thông tin về đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng đối với DN, nhận thức được quyền và lợi của DN.

**2.7. Hội cựu Chiến binh Dĩ An, Bình Dương, chia sẻ kinh nghiệm:**

Cần củng cố các TCD trong các DNNKVNN đi vào hoạt động có hiệu quả, thực chất hơn. Nhất là đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu; tiếp tục củng cố, nâng cao hệ thống TCD trong các DNNKVNN.

**2.8. Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, chia sẻ kinh nghiệm:**

Công đoàn, chi đoàn thanh niên các DN là cầu nối, chủ động phối hợp với chủ DN trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên tham gia vào các

hoạt động để tạo nguồn phát triển đảng viên. Cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt văn bản chỉ đạo của cấp trên, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ngành, cấp ủy cấp trên với chủ doanh nghiệp cũng như ban chấp hành công đoàn công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, vận động đoàn viên thanh niên là công nhân tại công ty nâng cao tinh thần cảnh giác và trách nhiệm phát triển Đảng, tích cực góp phần trong công tác xây dựng Đảng tại công ty ngày càng trong sạch, vững mạnh.

***2.9. Văn phòng Thành ủy Dĩ An tỉnh Bình Dương, chia sẻ kinh nghiệm:***

Cần rút gọn thủ tục và bỏ xác minh vấn đề cá nhân đối với chủ DN. Doanh nghiệp chưa nhận thấy hiệu quả, kết quả trong việc có TCD ở DN mình. Sự quan tâm đối với chủ DN của chính quyền nơi sản xuất kinh doanh mạnh mẽ hơn nữa (linh động trong vấn đề quản lý Nhà nước đối với DN như hỗ trợ về thuế, đất đai, môi trường). Doanh nghiệp phải thật sự tâm huyết khi thành lập TCD, tránh tình trạng bệnh thành tích, lập xong rồi lại giải tán.